

trung sỹ

Hà Nội,

Mũ rơm
và Tem phiếu



Sóng



NHÀ XUẤT BẢN
LÀO ĐỘNG

Hà Nội,

**Mũ rơm
và Tem phiếu**

HÀ NỘI, MÙ RƠM VÀ TEM PHIẾU

Bản quyền © Trung Sỹ, 2019

Minh họa bìa và ruột © họa sĩ Lê Trí Dũng

Duyệt bản thảo: Hương Nguyễn

Biên tập viên Sóng: Ngô Tuyết Nga

Cố vấn Mỹ thuật: Kim Duẩn

Sách được xuất bản và phát hành theo hợp đồng hợp tác xuất bản độc quyền
ký kết giữa tác giả và Công ty Cổ phần Văn hóa Truyền thông Sóng.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành
dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước
bằng văn bản của Công ty Cổ phần Văn hóa Truyền thông Sóng.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@iamsong.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông: hoptac@iamsong.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@iamsong.vn

Biên soạn & biên tập bản thảo của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung Sỹ

Hà Nội, mùa rơm và tem phiếu / Trung Sỹ - H. : Lao động - Công ty Văn hoá Truyền
thông Sóng, 2019. - 266 tr. - 23cm

Tên thật tác giả: Xuân Tùng

ISBN 9786049324345

1. Văn học hiện đại 2. Hồi ức 3. Việt Nam

895.9228403 - dc23

LDM0205p-CIP

trung sỹ
Hà Nội,

Mũ rơm
và Tem phiếu



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Hợp tác xuất bản



Trạm Đọc

<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdoc.vn/>



Nền tảng công nghệ hỗ trợ, kết nối xuất bản

Website: <http://ipub.vn/>

Facebook: <https://facebook.com/ipubvietnam/>

Email: ipub.vn.2018@gmail.com

I.

Quê tổ ngoại tôi ở làng An Định, Thụy Anh, Thái Bình. Làng này còn gọi tên dân gian là làng Dành, đất khai khẩn lần biến của cụ Nguyễn Công Trứ xưa kia. Cụ Nguyễn Công Trứ theo như dã sử giang hồ đồn đại thì lắm thê nhiều thiếp, đồng đảo nàng hầu... Đã có lần từng bị một cô đào bắt đền: “Giang sơn một gánh giữa đồng – Thuyền quyền ứ hự anh hùng nhớ chăng?”. Cả làng gần như đều là họ Nguyễn Công. Ông ngoại tôi sinh năm 1905 tuổi con ngựa, cũng họ Nguyễn Công và như thế, tất nhiên là cũng hai vợ chính. Còn có đâu thêm thì không biết.

Thời đó, hầu hết nhân dân ta, nhất là nông dân trên khắp mọi miền đất nước đều hút thuốc Lào. Vua hút, quan hút, dân chúng nam nữ cũng hút. Chỉ có một số ít công chức làm việc cho bọn đế quốc sài lang hút thuốc lá. Đặc biệt ở quê hương các cụ nhà tôi lại là đất thuốc Lào. Có nhiều chân ruộng như vùng Sáu Đối, là khu vực vườn bánh được mệnh danh là thuốc tiến vua. Người ta hay nói đến thuốc Lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo (Hải Phòng) nhưng thực ra đó là dòng thuốc Nam. Còn thuốc Lào quê tôi thuộc dòng thuốc Đông.

Không phải quê tổ cái gì cũng hay, nhưng theo các cụ thuốc Tiên Lãng, Vĩnh Bảo thời đó sợi đen, hồ nhiều nước cháo nên khi xé bánh thuốc không có độ tơi xốp. Mả thuốc không gợi nhiều cảm hứng cho người hút như dòng thuốc Đông, mặc dù chất lượng gần như tương đương. Thuốc Lào Thụy Anh thái sợi

lớn hơn, có màu vàng đến vàng sẫm, chắc khổi và có độ say êm ả, không nóng hoặc xóc.

Hẳn ai cũng nhớ câu chuyện *Ném bút chì* của cụ Nguyễn Tuân, kể về ông trùm Cai Xanh có cái hộp thuốc Lào bằng vỏ quýt già khô, chạm mặt hổ phù. Ông Cai Xanh quả sành điệu bậc nhất thiên hạ. Thuốc Lào sợi có ướp mùi vỏ quýt hút phê thượng thặng.

Việc chăm bón và canh tác cây thuốc Lào ở quê ngoại đã trở thành một tập quán canh tác chuyên sâu khó có nơi nào sánh kịp. Ví như việc làm đất, đánh luống sao cho không bị ứ đọng nước và hướng luống phải đón được gió Nam khi sắp thu hoạch. Việc bón phân, phải là phân chuồng mục trộn với đất tường vách, có vị thơm khổi và vị vôi ngấm rơm ngấu trát vách. Thuốc chăm bón kịp thời vụ, bẻ nhánh, chỉ giữ lại mỗi cây khoảng trên chục lá, sao cho lá dày. Hằng ngày phải bắt sâu, đánh mùng, chải lá giữ cho cây sạch không mắc bệnh. Đến vụ thu hoạch phải nhìn cây, nhìn màu sắc lá, chọn thời tiết mới được hái thuốc.

Cây thuốc Lào ưa đất thịt, có phốt vị chua phèn của những vùng ven biển như Thụy Anh, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo. Là cây thân thảo, lá to bản, thường được trồng vào cuối mùa đông, lúc giáp Tết Nguyên đán. Lúc này trời hanh heo, phải tưới nước nhiều. Khi lá đã to, cây đã lớn, lại rất cần gió Đông để cây hút được nhiều hơi ẩm. Cây thuốc Lào khi lá đã già, chuyển sang màu vàng là đến vụ hái thuốc. Khi ấy lại rất cần gió Nam. Người trồng thuốc khi thấy gió Nam to nổi lên, chờ thêm chớp bể mưa nguồn xuất hiện, đợi lúc buổi chiều mặt trời sắp lặn, rủ nhau ra đồng hái thuốc. Đủ các điều kiện thời tiết lý tưởng hợp thành như thế, gọi là thuốc “được giấc”. Thêm điều kiện vị trí, được trồng ở chân ruộng tốt nữa là thuốc hạng vô đối trên đời.

Đến vụ hái thuốc, không khí lao động trong làng tắt bật. Nào chuẩn bị phen phơi. Nào mời các thợ giỏi đến hái thuốc... Thuốc hái đến đâu, đem cho vào ang, giậm đập cho mềm. Sau đó các chị em phụ nữ khéo tay vào thuốc, lên phen đem phơi. Khi thuốc đã khô, tiếp tục dùng các bầu thuốc phun hồ nước cháo, phun nước vỏ sò hoặc nước củ nâu sao cho thuốc lên xuân sắc. Thuốc được phơi ban ngày, ban đêm dãi thả sương gió để hấp thụ được hương vị của thiên nhiên và thái bất vị hăng.

Khi thuốc đã phơi khô thâu đáo được vài ba ngày, người ta lấy dao sắc rạch lá thuốc làm bốn phần, bao đóng sợi thuốc thành từng bánh. Mỗi bánh chừng hai lạng, nén chặt thành hình chữ nhật. Sau đó lấy lá go, lá chuối đã phơi khô gói xung quanh, lấy lạt buộc lại, trông giống như một chiếc gối nhỏ. Xong xuôi đem đóng vào vại, bịt kín bằng mo không để tránh không khí lọt vào gây ẩm mốc. Nhà nào nhiều có hai trăm bánh, nhà ít nhất cũng có từ dăm chục bánh trở lên.

Đến mùa hái thuốc, anh cả của ông ngoại tôi, chủ hãng thuốc lão Giang Ký, từ Hà Nội về quê. Cụ bỏ tiền mua chức Chánh tổng nên người làng thường gọi cụ Chánh. Thế mới biết đời trước cũng mua quan bán tước. Nhưng chức này chỉ để lấy danh thôi, để ngồi chiếu trên hàng tổng, đánh chén trong các kỳ hội hè đình đám chứ không được quyền tham gia nghị sự.

Về đến quê, cụ báo tin cho bà con xóm mạc, nhà nào có thuốc lão thì ghi tên vào bánh thuốc để đưa đến làm bánh thuốc chiếu hàng. Tối đến, cụ cho mời bốn cụ sành hút thuốc, biết thưởng thức vị thơm ngon của thuốc lão đến dùng thử. Sau đó mỗi vị cho điểm ghi vào bánh thuốc chiếu. Khi các bánh thuốc chiếu đã có đầy đủ điểm phê của các vị, cuối cùng đến lượt cụ Chánh cho điểm.

Cụ không biết hút thuốc, nhưng cụ nhìn mã sợi, ngửi mùi thuốc và lấy tay vờ chừng vừa một điếu. Về xong mở ra xem điếu thuốc nở hay chặt. Qua những cảm nhận này, cụ đánh giá bằng cách cộng số điếu của bánh thuốc đã được bốn người phê, chia lấy điếu bình quân rồi thêm điếu nếu đúng thuốc ngon, hoặc bớt điếu nếu thuốc có mùi khét. Từ đó, theo giá cả thị trường mà quyết định giá tiền một cân. Không biết hút thuốc mà lại biết đánh giá thuốc, kể cũng tài.

Khi đã định giá xong, cụ Chánh thông báo cho các nhà mang thuốc vào đến cân, có gia đình được dăm chục cân, một tạ, hai tạ... Nhà nào có năng suất cao và trồng được nhiều, cụ thưởng cho hai đồng bạc Đông Dương. Các gia đình nhận tiền xong còn được biếu ba lạng thịt lợn sống và một gói xôi về liên hoan.

Thuốc đã thu mua xong, cụ mượn người đan sọt để đóng thuốc vào. Lấy lá go, lá chuối khô lót kỹ vào trong sọt và bọc ni-lông, bốc lên xe chuyển về Hà Nội. Nhờ có sự tiêu thụ, động viên và thu mua giá cả hợp lý của cụ cả mà nghề thuốc lá ở làng An Định và một số làng bên ngày càng phát triển. Nhân hiệu trình tòa thuốc lá Giang Kỳ từng xuất đi khắp Đông Dương.

Em ruột cụ Chánh là ông ngoại tôi, do hoạt động Cộng sản bị đế quốc sài lang bắt được tại Kiến An, Hải Phòng. Sau khi thành án khổ sai chung thân, bị đày đi Sơn La năm mới 18 tuổi, rồi bị đày tiếp đi Côn Đảo, cùng khám với ông Phạm Văn Đồng. Ông tôi thường được các đồng chí gọi là Tư Nghi.

Cụ Chánh thương em trai, vội vàng đi vận động chạy án. Vốn là người có ân nghĩa lớn với gia đình bên vợ ông Phạm Quỳnh, cụ nhờ Phạm Quỳnh viết thư cho Louis Marty, là giám đốc chính trị tổng sự tại phủ Toàn quyền Đông Dương, cũng là bạn cũ đồng sáng lập tạp chí *Nam Phong*, nhờ Louis Marty can

thiệp giảm án. Tư liệu này tôi được đọc do sau khi Louis Marty chết, bà vợ thấy có bút tích của Phạm Quỳnh, đã gửi lại cho bà Phạm Thị Ngoạn, con gái ông và cũng là tiến sĩ Sorbonne, Paris, tác giả luận văn *Tìm hiểu Tạp chí Nam Phong* (Introduction Au Nam Phong).

Ông Phạm Quỳnh đã cố hết sức dùng tình cảm riêng thân mật lâu năm với Louis Marty để xin xử nhẹ tay với người cộng sản trẻ tuổi. Việc này không ăn thua. Bọn quan tòa đế quốc sai lang dă man chê tiền. Mãi đến năm 1936, Mặt trận Bình dân Pháp cầm quyền thì ông tôi mới được tha.

Về đến Hà Nội, ông được cụ Chánh giao cho việc buôn bán chấn hưng nhãn hiệu thuốc Lào Giang Ký. Hiệu thuốc Lào ở số 8 phố Đồng Xuân, có thông thược thợ với một nhà nữa là nhà số 23 phố Hàng Khoai. Ngôi nhà này tôi đã sống suốt thời đi học. Ông tôi vừa kinh doanh, vừa đứng tên mua cái biệt thự số 5 phố Thiển Quang, cho thuê lấy quỹ hoạt động cho Đảng Cộng sản.

Chẳng được bao lâu, thực dân Pháp gây hấn và chiến cuộc lại bùng nổ ngay tại đất kinh kỳ. Thăng Long phi chiến địa nay đã trở thành chiến địa đẫm máu. Những người đầu tiên đứng lên chống quân xâm lăng trong đêm ngày 19 tháng Tuyết, không ai khác, lại là chính những người Hà Nội. Tôi dùng chữ “tháng Tuyết” là để tưởng nhớ đến ông cậu họa sĩ của tôi, vốn mê mẩn với Cách mạng Tư sản Pháp. Đục tường nhà nổi mọi đời riêng, những người Thủ đô lên chiến lũy, với những vũ khí tự trang bị trong mô tả của Xuân Quỳnh:

“Anh giáo tư nhút nhát

Đưa bàn tay trắng treo nhận thanh gươm

*Anh sinh viên trường Thuộc ngang tàng
Mang đến con dao giải phẫu
Anh kéo đàn tiệm rượu
Bác phở rong mủ dạ
Ông thợ già bẻ ghi.”*

Lúc nước sôi lửa bỏng, chẳng ai so đo soi xét thành phần giai cấp. Tôi cho rằng thực sự những câu thơ yêu mến nhất, tài hoa nhất, là bởi chính những con người mang chất trí thức tiểu tư sản Thủ đô viết nên. Họ không đủ giàu có để tính toán thiệt hơn, họ cũng không vô sản bản cùng để bất chấp tất cả, nhưng họ có một trái tim mẫn cảm và nhiệt thành. Bỏ lại “*những mặt hồ sương muối, những sân trường lá rụng áo bay*”, lớp người Hà Nội lên đường hẹn ngày trở lại.

Chiến dịch Biên giới năm 1950 đánh thông biên giới với Trung Quốc thắng lợi, cùng với vũ khí đạn dược, trọng pháo, cao xạ... được chuyển sang Việt Nam, gói viện trợ đi kèm theo là các cổ vấn quân sự cùng quan điểm “Chính quyền đẻ ra từ nòng súng”, “Lấy nông thôn bao vây thành thị”... Giai cấp công nông, đặc biệt là bản cổ nông, được gọi là giai cấp triệt để cách mạng, lên ngôi cao và được ưu tiên đặc biệt.

Từ đây bắt đầu xuất hiện phân biệt giai cấp. Trí thức, văn nghệ sĩ, tiểu tư sản thành thị thất sủng ra rìa. Những người mẫn cảm với thay đổi, thiếu kiên trì chịu đựng “dinh tề” trở về Hà Nội như họa sĩ Tạ Tỵ, nhạc sĩ Phạm Duy... Những kẻ dũng cảm kiêu hãnh trên chiến lũy ngày nào, ở lại cúi đầu trước những phê phán riết róng nặng lời từ những người vốn trước chia nhau từng mo cơm hay bao đạn. Cũng từ đây, họ bị gán cái đuôi “tạch tạch sè” (TTS – Tiểu tư sản, viết tắt).

Sơ bộ hoàn cảnh xã hội và gia đình trước khi tôi ra đời là như vậy. Những thông tin này được tham khảo qua sách báo nhiều nguồn, qua lời kể hay ghi chép của các thành viên trong gia đình, họ hàng. Và bây giờ bắt đầu những câu chuyện vụn vặt của tôi, một thằng bé được sinh ra trên đất Hà thành, kể từ khi nó biết ghi nhận những chuyện xung quanh và ghi vào trong ký ức đầu còn non nớt.

II.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève đưa những người con của Hà Nội trở về Thủ đô. *“Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về, như đài hoa đón ngày mở năm cánh đào, cháy dòng sương sớm long lanh”*. Sau những buồn tủi, mừng vui hạnh phúc ngày hội ngộ, Hà Nội bắt đầu công cuộc đổi mới, *“từ một thành phố tiêu thụ sang thành phố sản xuất”*, cùng với nông thôn đang kỳ rầm rộ tiến hành cải cách ruộng đất.

*“Những người lao động quang vinh
Chúng ta làm chủ đời mình từ đây.”¹*

Người Hà Nội trong giai đoạn này theo tôi, chia làm hai khối: Khối quân nhân và khối xã hội. Khối quân nhân, bao gồm các sĩ quan binh lính cùng gia đình hay đơn vị của họ, về tiếp quản và bảo vệ thủ đô. Họ sống tập trung trong doanh trại, chủ yếu là trong các khu quân sự cũ của người Pháp, trong Thành cổ Hà Nội. Các khu tập thể gia binh độc lập và tách biệt

1. Trích bài thơ *30 năm đời ta có Đảng* (Tố Hữu).

cũng được thành lập mà sau này bọn trẻ con chúng tôi gọi là các “quân khu”.

Nhiều quân khu lắm: Quân khu Nam Đồng của các sĩ quan trung cấp, thậm chí đã lên văn đàn, trong một cuốn best seller. Quân khu 28 Điện Biên, Quân khu Lý Nam Đế, Quân khu K.95 ngoài bãi Phúc Xá. Quân khu 1A Hoàng Văn Thụ... Hẳn các chính ủy muốn thế để dễ tập hợp đơn vị khi có biến, hoặc cách ly sợ các quân nhân ăn phải bả ánh sáng kinh thành khi *Đứng gác dưới ánh đèn nê ông*¹. Khỏi này tôi không biết nhiều, ngoài việc nhận xét là tụi trẻ con cùng lứa trong các khu đó có vẻ ngang ngược kiểu anh chị, rất đoàn kết và đánh nhau lý thời rồi.

Khởi xã hội như tôi muốn nói, bao gồm những người Hà Nội cũ như gia đình tôi cùng những người mới dọn đến. Bà tôi đi học tập cải tạo Tư sản tư doanh về, đồng ý hợp doanh với nhà nước, đồng ý hiến đất cùng một ngôi chùa dưới Bạch Mai mà sau đó Ban Vận tải C sử dụng, đồng ý chia căn nhà số 8 phố Đồng Xuân, vốn là cửa hàng kinh doanh cũ, cho Sở Thương Nghiệp Hà Nội. Trước đó, khi tiếp quản Hà Nội, ông bà tôi cũng đã giao căn biệt thự số 5 phố Thiền Quang lại cho chính quyền mới.

Ngôi nhà số 8 phố Đồng Xuân này nhà nước niêm phong tầng một nên các cán bộ thương nghiệp được phân công về ở phải đi nhờ qua lối nhà tôi ở số 23 phố Hàng Khoai. Cũng do họ đi nhờ qua nhà mà ông bà tôi dù muốn yên ổn độc lập, nhưng cũng phải giao tiếp dân sự thường nhật cho phải phép.

Bên nhà số 8 phố Đồng Xuân có vợ chồng chú Nghĩa cán bộ sở Thương nghiệp, vợ là cô Nga rất hiền lành ít nói. Hai vợ chồng không có con cái gì. Chỉ khi xóm ấy chửi nhau móc má,

1. Tên một bộ phim thời đó.

nhà tôi mới biết cô Nga xưa hát cô đầu. Tôi thấy cô Nga vẫn im lặng chịu đựng mọi lời rủa rới, thậm chí còn không ăn diện như cô mậu dịch viên cửa hàng ăn uống phổ Huế quê Thanh Hóa, người hay chửi cô Nga nhất.

Cô mậu dịch viên hừng hực hai con này có chồng là một đại úy quân đội đóng quân mát mùa ở bên Lào. Cô thường phục vụ về khuya muộn, lại hay có bác Lộc cũng là cán bộ thương nghiệp, đưa về và ở lại luôn. Bà tôi luôn phải mở cổng đêm cho cặp đôi này. Bác Lộc đi qua nhà không hỏi không chào ai bao giờ, cái đầu chải sáp cứng nếp bóng nhoáng. Ông cậu họa sĩ mê Cách mạng Dân chủ Tư sản Pháp của tôi vỗ mông, điên lên chửi đổng “cán bộ gì mà lằm lằm như chó ăn vụng bột”. Bác Lộc không thèm đếm xỉa đến ý kiến của phái cách mạng tư sản, vẫn phớt đều.

Gian ngoài trên gác sáng sủa nhất, nhà nước xếp cho ông Đoàn Ba, một cán bộ chắc cũng có cỡ, người Quảng Nam. Bác Ba vui tính nhưng bị suyễn kinh niên. Chính mắt tôi trông thấy bác Ba vỗ được một con thạch sùng bự tổ chàng. Bác há miệng to ngậm con bò sát kinh khủng, bấm đuôi cho nó chạy thẳng vào trong họng. Bác bảo đó là một bài thuốc chữa hen đặc trị. Sau này bác nhường phòng cho con trai bác, một phi công bên sân bay Gia Lâm tên là Khanh.

Anh Khanh mới lấy chị Hòa xinh đẹp, là tiếp viên hàng không cùng công tác trong sân bay. Chị Hòa cũng mới được tuyển về, chuyên phơi si-líp ra ngoài ô trám ban công đối diện chợ Đồng Xuân. Lão bán mũ dạ bên nhà số 6, bị si-líp hồng hàng xóm treo trên đầu biển hàng nhà mình, cúi kính sang mách bà tôi.

Nhà bên đó đã hiến cho nhà nước rồi, nhưng bà tôi vẫn phải chịu trách nhiệm “chính trị”. Bà lại lảng lạng sang thể thọt nhắc nhở chị. Khốn khổ cho bà cụ tư sản yếm sống váy đũi cổ hủ, vừa mới giác ngộ xong đường lối kinh tế sau kỳ học tập cải tạo, nay được giác ngộ thêm về màu sắc biểu trưng thời trang đầy sức sống của nữ công dân Hà Nội mới.

*

Gian ngoài nhà số 23 phố Hàng Khoai, ông bà tôi cho gia đình bác Ninh, Phạm Lê Ninh, đội trưởng đội cận vệ bảo vệ cụ Hồ ở nhờ. Người giới thiệu, vận động ông bà tôi giúp cho việc này là bà Thanh, một cán bộ phụ nữ chuyên lo những việc nội chính cho gia đình các lãnh đạo cấp trung ương.

Bà Thanh người to béo, sống độc thân không con cái gì, ở một căn phòng trong khu biệt thự trên đường Phan Đình Phùng. Mỗi lần lên Hàng Khoai chơi, bà thường bảo bà tôi: “Chị ơi em thêm bát bún thang quá”. Thế là mẹ tôi hoặc các dì lập tức phải xách盎-gô cặp lồng, chạy gấp ra ngõ chợ Đồng Xuân mua về.

Gia đình bác Ninh thật hiền lành dễ mến. Bác trai không bao giờ ở nhà, chỉ thỉnh thoảng đi xe com-măng-ca về thăm chốc lát. Trong những dịp lễ, bác trai về với bộ quân phục ka ki, mũ kê pi trắng rất oách, còn đôi lần cho tôi leo xe chơi. Bác Ninh gái có lẽ một đời áo đũi thâm nâu, lúc nào cũng một nửa cái khăn mu-soa buộc chéo che bên mắt đau mắt tính. Thỉnh thoảng, bác lại lấy đuôi khăn chấm mắt khi nói chuyện với bà tôi.

Bác gái ở nhà quê lâu sống thuần, nay đổi cảnh phải theo chồng lên Hà Nội, chắc nghĩ không muốn làm phiền những

người cho nhà mình tá túc nên không hay chuyện. Nhưng tội trẻ con, là anh em tôi với chị Thạch, chị Bích con bác Ninh thì không có khoảng cách. Chị Thạch lớn hơn chúng tôi vài tuổi, nhưng đã phải đỡ đần bác gái bao việc trong nhà. Chúng tôi chơi đùa với nhau như những đứa trẻ sinh ra từ một mái nhà, có cái kẹo bột cháy cũng để phần nhau.

Hà Nội năm đó vắng lắm. Một ngày mùa đông giá lạnh, tôi chơi với Xuân Diệp, là em gái tôi ở trước cổng nhà. Một cô áo bông hoa chấm xanh đi qua với một gói kẹo lớn cầm tay. Cô ấy nhìn con Diệp bụ bẫm một lát, chìa gói kẹo ra bảo: “Cháu đi theo cô, cô cho kẹo”. Con bé tham lam này nó đi theo luôn.

Tôi không được kẹo đã tức, lại thấy em bị lôi đi, sợ mất, vội kêu toáng lên. May lúc đó chị Thạch chạy ra, hỏi: “Cô kia đưa em cháu đi đâu, cô định làm gì?”. Chị Thạch giằng tay con Diệp lôi lại, làm ầm lên. Con mẹ mìn kia biết không xuôi, đi như chạy về phía chợ Đồng Xuân. Khi người lớn chạy từ trong nhà ra đã không thấy mụ đâu nữa.

Tối hôm đó, cả hai nhà quây quần dưới bóng đèn nung, kể những chuyện thêu dệt về đề tài những con mẹ mìn, những ông ba bị chín tai mười hai con mắt chuyên đi bắt trẻ con. Có chuyện bọn buôn lậu mổ moi bụng trẻ con, nhồi thuốc phiện vào quần tả như em bé đang ngủ, bế lên tàu hỏa vận chuyển qua mặt công an... Toàn những chuyện ghê rợn còn hơn cổ tích Charles Perrault, cho đến bây giờ tôi cũng không sao quên được.

Sau chuyện mẹ mìn này một thời gian, ban Nội chính trung ương thu xếp được chỗ ở mới cho gia đình bác Ninh, cũng ngay trong nội thành Hà Nội. Chúng tôi chia tay nhau và từ đó đến nay chưa bao giờ gặp lại, mặc dù chắc hẳn vẫn ở cùng một thành phố.



*

Ông ngoại bà ngoại, ngày bé tôi gọi là ông ta, bà ta, để phân biệt với ông bà bên nội. Sau cải tạo Công tư hợp doanh, sở Thương nghiệp gọi bà đi làm. Cơ quan của bà tôi là cửa hàng Mậu dịch Quốc doanh số 53 phố Hàng Ngang, với công việc là dán phiếu. Từ một chủ hãng buôn, nay bà tôi đã vinh dự trở thành một cán bộ công nhân viên nhà nước. Về việc này, ông tôi có hẳn một bài thơ đầy tự hào mà tôi nhớ nhất hai câu:

*“Ông ta công tác bảo tàng
Bà ta dán phiếu cửa hàng Hàng Ngang.”*

Dán phiếu là một công việc buồn tẻ. Để tôi giải thích rõ về công việc đó nó là thế này. Cán bộ, công nhân viên và nhân dân thành thị, kể cả trẻ em, được nhà nước cấp phát tem phiếu mua hàng theo quý. Mỗi loại tem phiếu ứng với một loại hàng chất đốt, thực phẩm hay nhu yếu phẩm nhất định. Các cô mậu dịch viên bán hàng cầm kéo nhoay nhoáy cắt xoẹt, thu lại các ô phiếu tiêu chuẩn mà người dân vừa mua, xếp vào những chiếc hộp. Nó cũng giống như cảnh sát giao thông đục lỗ bằng lái xe bây giờ vậy.

Họ đưa các hộp tem phiếu đã cắt rời lên tầng hai, là chỗ công tác của bà ngoại tôi. Các nhân viên dán phiếu quét hồ dính lên những tấm bìa giấy xi măng khổ 0.8 x 1.0 m, dán những ô phiếu cùng loại lên đó theo hàng lối, kiên nhẫn như người thợ thêu tranh. Cán bộ kế toán sở Thương nghiệp tổng hợp thống kê được lượng bách hóa bán ra nhờ đối chiếu với những tấm bìa phiếu dán này.

Cùng dán phiếu với Giang Kỳ bà tôi, là các bà chủ nhà buôn khác: bà Phúc Tường, bà Vạn Lợi, bà Huân Kỳ... Các bà vẫn cười đùa, gọi nhau theo tên đăng ký môn bài cũ, không gọi

tên thật bao giờ. Không khí lao động rất phấn khởi, rất vui tươi theo tinh thần công tư hợp doanh vì nhân dân phục vụ. Khác hẳn với mấy cô mậu dịch viên cau có tầng dưới do khách đông chen lấn.

Khi tôi đến cơ quan mậu dịch, lên tầng hai chơi với các bà, bao giờ cũng được một vài cái bánh chả thơm phức lá chanh, hoặc ít ra là khúc sắn vàng dẻo quánh. Nhưng ấn tượng nhất ở đây là một thứ mùi đặc biệt, là tổng hợp của các thứ mùi. Mùi hồ chua chua từ các súc vải ẩm, mùi men kẹo giấy cháy, mùi mốc các thùng gỗ cũ, mùi hăng hắc từ các con cá chép nhựa mới nhập... Lĩnh xương trên tất cả loại mùi, có lẽ là mùi khen khét, ngầy ngầy của xà phòng cục 72% Liên Xô. Tổng phổ mùi đó cho đến bây giờ tôi vẫn không thể quên được, nó ám vào đầu óc rồi, và tôi tạm đặt tên là “mùi mậu dịch”.

Bà tôi đi làm về, thông thả đi bộ giữa hàng phố lụa thưa người bộ hành trong một ngày lạnh. Bà tôi tóc đen, vắn trần khăn nhiễu đen, áo nhung tuyết đen trần trám, với chùm chìa khóa đồng leng keng reo trong gió đông. Rằng bà tôi nhuộm đen nhức hạt na, như rằng bác trưởng Yên, vốn cũng chủ một hiệu buôn nhưng không chịu vào hợp doanh với nhà nước. Bác trưởng Yên gọi bà tôi là cô ruột, bán chanh ớt chợ Hàng Bè, tá túc tại nhà tôi để hằng ngày đi chợ cho gần.

Tối tan chợ về, thế nào bác cũng có quà cho con em út tôi, năm đó mới bi bô học nói. Những hôm không có quà, con bé dối, chê rằng bác đen sì sì như hòn than. Bác trưởng cười bảo rằng bà ngoại cũng đen. Nó gân cổ cãi không phải, rằng bà ngoại trắng tinh như tờ giấy. Con bé có năng khiếu này, giờ cũng làm cán bộ nhà báo, với chức danh nhớ nhờ ở một cơ quan truyền thông tầm quốc gia.

*

Bà tôi sinh được sáu người con. Do bận kinh doanh hoặc do thiếu sữa thể nào đó, nên từ mẹ tôi cho đến mỗi cô, cậu, đều có một u nuôi cho bú mớm. Tôi thấy các cô cậu gọi các bà là “u”, xưng “em”. Còn mọi người trong nhà gọi các bà theo tên cô, cậu mà các bà cho bú: bà Hải, bà Hòa, bà Hợp, bà Nhân, bà Nhu...

Hà Nội bấy giờ sống trong chế độ mới Dân chủ Cộng hòa. Mẹ tôi cùng các cô, cậu cũng đã trưởng thành. Khi công cuộc cải tạo tư sản tư doanh được tiến hành, một số người làm là con cháu họ hàng trong nhà hoảng sợ, chạy cả lên miền ngược để tránh tiếng và lập nghiệp, song các u vẫn đi lại thăm nom thường xuyên. Thậm chí các bác các cô con ruột của các u ra Hà Nội là đến nhà, ăn ngủ tự nhiên như người nhà.

Các u không đếm xỉa đến cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra quyết liệt triệt để. Chẳng có lý do gì để hoảng sợ những đứa trẻ vẫn gọi mình là u, bú mớm và lớn lên từ dòng sữa của mình. Cũng chẳng việc gì phải đấu tố hay né tránh những người cư xử, ăn ở với mình như ruột thịt. Có lẽ trong lòng các u chỉ biết yêu thương trong bản năng hồn hậu tình người.

Trong đám các cô, cậu u săn sóc, bỏ nhất là cậu Nhân tôi. Cậu tôi mê sách, mê nghệ thuật hội họa nhưng lười và bần như hủi. Cậu tôi học xong lớp sáu thì bỏ ngang, hớn hờ chạy theo thần tượng Pavel Corsaghin với lý tưởng thanh niên xây dựng thủ đô mới, xin làm công nhân nhà máy Trung quy mô. Thấy cậu có năng khiếu vẽ, lãnh đạo nhà máy xếp cho một chân chuyên làm pa-nô áp phích cổ động sản xuất.

U Nhân nhà ở phố Lò Sũ, Chủ nhật nào u cũng đến nhà kiểm tra ông con nuôi. Sau khi cho tôi cái kẹo lạc, u vào buồng

dựng cậu Nhân tôi dậy, lôi cậu đi tắm. U chắt đầy một chậu quần áo dính màu vẽ lẫn dầu mỡ cả tuần ra giặt thật lực. Những ngày mùa xuân trời ẩm mù, con phố dài xộc xệch, méo đi trong mưa bụi. Cậu tôi không đi đâu được, ở nhà vẽ hoa hoét hay cá vàng trang trí lên guốc sơn cho gái, hoặc ngồi làm thơ. Được câu nào đắc ý, lại chồm dậy chạy xuống sân khoe: “U ơi u, em vừa xong câu này hay lắm:

*“Khe khẽ chứ không cánh bướm bay mất
Qua dịu dàng ẩm ướt của mùa xuân.”*

U Nhân đang giặt, vừa giặt vừa lầu bầu ca cẩm chửi thới bữa bãi bề bộn của cậu, nghe xong câu thơ bỗng im thin thít. Với u, cậu Nhân là cả một tài năng.

Công cuộc công hữu hóa tư sản hoàn thành. Các hiệu buôn lớn phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Đồng Xuân... cửa khép im im. Buôn bán nhỏ vẫn được duy trì để gắng thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu của người thành thị. Dăm lọ tăm tre, đôi vại dưa cà, mấy lọ ô mai gừng, ô mai sáu trên phố Hàng Đường. Những met bóng bay cho trẻ con, tận dụng chế tạo từ các bao cao su cũ có rắc bột tan cho khỏi dính trên phố Đồng Xuân. Xâu xúc xắc hay còi huyết sắt tây cuốn hàn thiếc, nhuộm kim loại màu đỏ hoét, thối đỏ choét môi lèo tèo treo phố Hàng Thiếc...

Bà tôi đóng cửa hiệu buôn. Từ đây cảnh nhà sa sút. “*Những bữa cơm chiều ở dưới đèn*” ngon lành đợi chờ thành bé đi học về đói bụng, đang băng qua vườn Lục Xâm Bảo của Anatole France xưa, bây giờ chỉ còn món chuối bung. Sau những ngày trắng mặt với niềm hứng khởi đầy chất lý tưởng ban đầu, cậu Nhân tôi dường như đã thất vọng. Khi lâm cảnh thiếu thốn, chiến tranh thường bùng nổ và diễn ra tại căn cứ địa dạ dày. Một định nghĩa về thịt cậu tôi nhái theo sách giáo khoa *Sinh vật* lớp sáu, trong

bài ông Leeuwenhoek tìm ra vi khuẩn dưới kính hiển vi: *“Thịt là món ăn thường có trong bữa ăn hằng ngày của nhân dân, mà bằng mắt thường ta không thể nào nhìn thấy được”*.

Món chuối xanh bung cậu tôi gọi là món “chối”. Món bí đỏ cậu tôi gọi là “bí ử”. Khoai sọ ăn liên tục, cậu gọi là khoai “sọ”... Ông tôi nghe thế, mắng cậu tôi khốn khổ, chửi cậu là lữ chậm tiến không biết hy sinh. Suốt bữa, ông chỉ lo Liên Xô mất mùa, phải đi vay bột mì của Mỹ mà vẫn phải viện trợ cho ta. Bà tôi im lặng, chịu đựng những xung đột ấy, chịu đựng luôn cả các cán bộ Sở Thương nghiệp mà nhà nước phái đến ở nhờ trong nhà. Bà tôi trở thành người mở cửa mỗi khi họ đi công tác hay đi chơi về khuya. Gian ngoài tôi ngủ chung với bà. Tiếng guốc gỗ cùng tiếng líp râu tôm xe đạp Phượng Hoàng Trung Quốc tanh tách vang động những đêm đông, khi họ dắt xe qua đầu giường bà cháu tôi để lên nhà.

Các nhà lý luận vô sản có lẽ đã đúng khi chỉ ra rằng giai cấp tiểu tư sản vốn hay dao động. Tôi chép lại bài thơ của cậu ghi trong sổ, không biết cậu làm hay copy của ai. Bài thơ này nếu cậu in hay phổ biến trong giai đoạn đó hẳn sẽ biến cậu thành một nhà buôn mũ vì bị quy chụp.

*“Bởi thiếu màu tươi trên giá vẽ
Nên không họa nổi cảnh huy hoàng
Những ngày tươi đẹp trời trong sáng
Bức họa đời ta bỏ dở dang.
Ta thiếu màu son tươi mầu trẻ
Và màu vàng thắm nước non nhà
Màu xanh hy vọng ta không có
Màu tím chung tình chưa kịp pha.*

*Pallet pha màu ta chỉ thấy
Màu xám vô duyên của quá thi
Màu nâu cát bụi trên đường thắm
Của buồn, và của tháng ngày đi
Màu đỏ hung tàn pha máu địch
Màu tím bỏ quân của oán thù
Màu xanh nhạt những đêm không ngủ
Màu vàng già cõi điểm tàn thu.
Ta thương nhớ môi màu trinh trắng
Của những ngày xưa tuổi ấu thơ
Tâm hồn non dại và tươi trẻ
Nhưng hoang phí hết tự bao giờ.”*

Cậu Nhân tôi không được gọi đi bộ đội, không phải do quan điểm phân biệt giai cấp. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản lẫn trí thức vẫn chiến đấu hy sinh được tốt. Cậu tôi mắc một thứ bệnh hiếm gặp, bệnh u sợi thần kinh (Neurofibromatosis). Chàng họa sĩ bỏ giai và lãng tử ngày nào, hình hài vụt biến, trở nên giống như anh kéo chuông Quasimodo của Nhà thờ Đức Bà Paris. Cậu càng chán nản và có phần bất mãn. Thường ngày cậu đưa một hào, sai tôi ra bưu điện Đồng Xuân mua tờ báo *Quân đội Nhân dân* năm xu, năm xu thừa lại cho tôi. Dân phố thị thích đọc báo *Quân đội* hơn, vì trong đó có nhiều tin chiến trường nóng sốt, không có xã luận dông dài lắm chữ khó hiểu. Báo *Nhân dân* thường ế. Thấy vậy, cô bưu điện khó tính này ra sáng kiến, bắt người mua báo *Quân đội* phải mua kèm báo *Nhân dân*.

Việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập năm xu chính đáng của tôi. Tôi dứt khoát không mua kèm, chạy về

mách cậu. Cậu tôi dùng dùng dất tôi ra bưu điện thắc mắc. Cô bưu điện cúi kính, bảo: “Thế anh không đọc báo Đảng à?”. Cậu tôi vặn lại: “Tôi hỏi chị thế báo *Quân đội Nhân dân* là của đảng nào?”. Những người đang xếp hàng mua báo cười ồ. Từ đó, dân khu phố Đồng Xuân thoát nạn mua kèm, và thu nhập của tôi lại ổn định như trước.

*

Không quân Mỹ ném bom kho xăng Đức Giang vào một ngày hè nóng nực. Cả nhà chúi vào cái hầm cầu thang xây gạch cuốn. Bom rung đất và cao xạ rền trời. Tiếng nổ đầu nòng pháo cao xạ 100 ly căng như tiếng sét, dúi đầu người ta xuống địa ngục. Mảnh đạn phòng không rơi xoang xoảng trên mái tôn bếp, làm vỡ ngói gác hai.

Cậu tôi như bị kích động bởi tiếng nổ, chạy ra ngoài đường nhìn lên bầu trời. Chiến tranh, cách mạng, xung đột giai cấp hay thất tình dường như gây hiệu ứng mạnh với những xúc cảm nghệ sĩ, mạnh hơn những người bình thường thì phải. Từ đó chúng ta mới có bản giao hưởng *Anh hùng* hay bức tranh *Guernica* chẳng? Tiếng phản lực cơ cường kích rít lộng trên đầu. Cậu tôi chạy vào thông báo máy bay Mỹ đang đánh mạn cầu Long Biên với nhà máy điện Yên Phụ. Tôi ngồi nhắm mắt, bịt tai há mồm để chống sức ép hơi nổ như người lớn dạy, vừa sợ vừa lo đám chuồn chuồn ngô vẫn đậu chống dít trên những cọc rào mắt cáo gác sân bị chết bom. Còi thành phố báo yên. Tôi vội chạy tót lên sân thượng kiểm tra, yên tâm thấy lũ chuồn chuồn ngô vẫn đậu yên đấy, lác lác cái đầu. Vậy là lọ kẹp mới ngâm xăng thẳng Long cho vẫn còn có cơ dùng.

Chiều tối, lũ ve sầu vô công rồi nghề lại đồng thanh rít lên lần nữa, làm cả nhà hoảng sợ giật mình tưởng còi báo động. Hà

Nội những năm đó còn nhiều cây xanh, và tiếng ve sầu dữ dội luôn là âm hưởng chủ đạo của dân vĩ cầm giao hưởng mùa hè. Giống ve sầu Hà Nội vốn cũng tính cảnh giả, chỉ đồng loạt kêu đúng ba đợt trong ngày, vào buổi sáng sớm, buổi trưa và buổi chiều gần tối.

Cậu tôi nhắc tôi lên đứng trên tường hoa, nhìn màn khói đen bốc lên cuộn cuộn, sẫm một góc trời mé cầu Long Biên. Ban đêm, đám cháy hắt ánh sáng hồng lên nền trời mây, soi rõ từng quả ốt trong cái chậu hoa bà tôi trồng trên đó. Chiến tranh làm “ông cậu đô la”, như cha tôi vẫn gọi đùa, hết buồn chán và linh hoạt hơn hẳn. Cơ hội cách mạng đã đến. Vài hôm sau, cậu sung vào đội tự vệ nhà máy, sao vuông cài lệch mũ lưỡi trai mềm. Tranh vẽ của cậu khi đó thấy đầy hồ tăng sẽ tránh bom cùng các cô gái đeo súng trường dài ngoẵng, thông dong đạp xe trên hè phố Phái.

Trong tranh thì vẽ nhiều cô thế, nhưng trong tổ tự vệ của cậu thực ra chỉ có hai cô thôi. Những buổi nghỉ trực chiến, các cô đến nhà chơi. Cô Duyên góa chồng, nhà bán len ở phố Đinh Liệt. Cô Thoa không rõ ở đâu, nhưng có điệu cười rất hào sảng âm lượng. Bà tôi có vẻ không thích điệu cười vô tư của cô Thoa, nhưng không nói gì.

Các cô chào bà tôi nhỏ nhẹ, rồi tuột vào phòng xem cậu vẽ. Sáng tác hội họa cổ động quần chúng vẫn bay bổng trong phòng kín, dưới sự giám sát của hai người đàn bà mang súng trường, kẻ cũng tài. Các cô cậu hoàn toàn không biết đến một sự giám sát khác, từ một thằng bé con là tôi, do được bà thuê cái kẹo lạc. Bà bảo: “Thỉnh thoảng con ngó vào, xem chúng nó làm gì?”.

Cô Duyên vừa xem vừa đan áo len cho cậu. Kiểu đan cút-ăng-lê là lối đan khó, rất phức tạp nhưng đang thời thượng bấy

giờ. Cô Thoa cũng đan, nhưng là đan túi lưới bằng các sợi ni lông màu đỏ. Cô cũng khéo đan những con cá thần tiên, hoặc con tôm trong trong rất đẹp, bằng các đoạn dây huyết thanh đã dùng. Những con tôm con cá đó làm móc treo vào chìa khóa xe đạp Phượng Hoàng rất tuyệt. Trong phòng thỉnh thoảng lại vang tiếng cười ré lên như bị ai cù của cô Thoa, trên nền sáo huyết của ông cậu đô la lãng tử: *"Ngắm những đường phố, mà thấy sao tha thiết. Ôi thủ đô! Thịt da máu xương ta..."*.

III.

Để tránh những cuộc oanh tạc của không quân Mỹ, Hà Nội bắt đầu sơ tán những công dân không có nhiệm vụ và trẻ con ra khỏi thủ đô. Cha đón tôi về Bệnh viện 1 – Bộ Giao thông vận tải đóng tại thị trấn ngoại thành Văn Điển, nơi ông là bác sĩ bệnh viện trưởng. Ở đó có những chiếc xe hồng thập tự, hồng học chạy dọc con đường trồng cây phi lao vào viện.

Khi nghe còi báo động, chúng tôi tự chạy ra dãy hầm gạch lỗng bồng nước ngập. Có khi chưa dứt hồi còi đã dậy lên tiếng bom rền. Vách hầm trát vữa xi măng nhẵn, dội âm tiếng nổ rất vang. Ở đó bám đầy những con ốc sên và nhái bén. Mỗi khi bom nổ, lũ nhái bén nhảy hoảng qua mặt người, rơi tòm tòm xuống nước. Còn bọn ốc sên vội vàng co tụt những cái râu trên đầu.

Ốc sên ăn tàn phá hại vườn chuối tăng gia của viện. Các bệnh nhân thời chiến buồn tình, giết thì giờ bằng cách đi bắt về hàng xô. Không biết học cách chế biến từ đâu, ốc sên xào cay giòn là món tủ của cô Cẩm, cô Phương, các dược sĩ bác sĩ nhà trong phố cổ nội thành. Các cô bảo: *"Đây là món ăn ngon của*

người Pháp, con gắng thử ăn xem nào”.

Tôi không thích loài ốc sên nhớt nhều. Những cái ao nhỏ đầy cá săn sắt, cá lòng tong ăn nổi lượn quanh những vầng lá trang thu hút tôi hơn. Có buổi trưa nắng, người ta vớt dưới ao lên một thùng bé bụng đầy nước to như cái trống. Mọi người vác ngược chân nó trên vai, chạy dốc cho nước ộc ra. Các bác sĩ hô hấp nhân tạo, ép tim đủ cách nhưng không cứu được. Từ đó, tôi bị cấm ra bờ ao chơi.

Thị trấn Văn Điển với các nhà máy phân lân, nhà máy pin, ga tàu hỏa... bắt đầu trở thành mục tiêu oanh tạc của không quân Mỹ. Anh em tôi lại được gửi về làng Đức Thượng, huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây. Đây là quê nhà của u Nhu, người đã nuôi mẹ tôi và cậu Nhu tôi bằng bầu sữa của mình. Khi cho mẹ tôi bú mớm, cả nhà gọi là u Hải, đến khi nuôi cậu Nhu lại đổi, gọi là u Nhu. Và đến bây giờ bà lại nuôi anh em chúng tôi.

Mẹ tôi là cô giáo dạy văn chương. Không biết khi phân tích giảng dạy cho học trò bài thơ *Vú em*, một bài thơ đầy éo le thương cảm của nhà thơ Tố Hữu trong giáo trình, dành cho người mẹ trẻ phải bỏ lại con mình, đi nuôi con người khác, thì mẹ tôi có nhớ gì đến u Nhu không? Có đắng cay căm thù giai cấp bóc lột hay không, khi ngân nga trên bục giảng những câu thơ tha thiết thế này:

*“Nàng gửi con về nương xóm cũ
Nghẹn ngào trở lại đầy xe nôi
Rồi từ hôm ấy ôm con chủ
Trong cánh tay êm luống ngậm ngùi.”*

Nhưng u Nhu tiếc thay, lại không thuộc những câu thơ khơi dậy cảm thông trắc ẩn ấy. Có lẽ sự cảm thông, trắc ẩn tình người

đã có sẵn trong tấm lòng nhân hậu của u rồi, nên không cần khơi gợi. Nỗi niềm trắc ẩn nó trầm lắng trong kín đáo, sâu thẳm trong nhân văn. Chỉ có văn chương chạy theo ngợi ca nó chứ nó không biết xưng tụng rề tiền để tự ca ngợi bản thân mình.

Ngày Ngân hàng Nhà nước kiểm sổ vàng tư sản kê khai đóng góp, bà tôi không biết hụt đầu mất một ít. “Giai cấp bóc lột “bảo mẹ tôi chạy về Hoài Đức, và rằng: “U mày còn mang lên bù vào cho mợ”. Mụ vú nuôi học tốc giắt mấy đồng cân vàng trong bao thắt lưng hoa lý, bắt xe buýt Phùng - Kim Mã lên đóng thế, vừa đi vừa quét nước mắt vì sợ “giai cấp bóc lột” nhà mình bị người ta bỏ tù.

U Nhu có ba người con: bác Tường, chú Trường và cô Sáu. Chú Trường thứ hai, đi bộ đội, vào một đơn vị pháo phòng không chiến đấu cùng với chú Long, rể út của ông bà tôi. Chú Long là cháu ngoại cụ Vi Văn Định, Tuấn phủ Hưng Yên, Tổng đốc Thái Bình, đã về với cuộc kháng chiến chống thực dân. Sự thay đổi chiến tuyến địch ta thời đó của các nhân vật chính yếu, được lưu truyền trong dân gian bằng những văn thơ bình dân hóm hỉnh.

“Hoan hô anh Tạ Đình Đề

Trước là gián điệp nay về với ta

Hoan hô anh Lê Quảng Ba

Trước là thổ phi nay ra hàng mình

Hoan hô chị Nguyễn Thị Bình

Được mời ngồi với ông Chinh ông Đồng

Hoan hô anh Võ Chí Công

Cho làm khoán hộ ruộng đồng tốt tươi...”

Bây giờ, chiến tranh lại run rui đẩy hai số phận vào cùng

một chỗ. Trong Đại đội 6, Trung đoàn 220 Pháo cao xạ 100 ly bảo vệ thủ đô ấy, trải qua hàng trăm trận đánh ác liệt với không lực Hoa Kỳ, lăn lộn suốt từ Hà Nội, Quảng Bình đến Khăm Muộn xa xôi xứ Lào, hai người luôn giữ được tình anh em đồng đội, đẹp cho đến tận bây giờ.

*

Khi anh em tôi về sơ tán, u Nhu già rồi mà chúng tôi cũng đâu còn bú tí. U già bé nhỏ nhưng tinh tường, cai quản anh em tôi riết róng. Gần nhà có cái ao, tên là ao Vòng. U cấm chúng tôi ra bờ ao chơi, dọa ở dưới ao có con ma nam tóc dài, đêm hay lòi chân kéo người xuống chìm. Cái ao lớn nở đặc bèo sen nước trong leo lẻo, viền quanh bởi con đường làng vĩa gạch nghiêng bên hàng rào cúc tần.

Cạnh cầu ao gạch có một bụi cây sòi lớn, u Nhu bảo cây sòi là nhà con ma nam. Cô Sáu lội cầu ao gạch, dùng rổ sào hốt bèo ủ nấu cám lợn. Hết bèo quanh cầu ao, cô dùng cây sào gạt lùa những đám bèo xa kéo vào. Sào bèo hát lên, trong đám rể lẫn cả những con tôm nhỏ trong vắt búng tanh tách, vài con bọ bèo vàng lép bụng ngác ngơ. Đám niềng niềng trơn tuột màu xanh lục, quài đôi chân chèo sau qua đám rể bèo, tuột xuống nước lặn chạy thực mạng.

Tôi đi theo, chỉ cho cô nhà con ma nam trú ngụ. Cô buông sào bèo, ngẩng lên cười giòn tan, bảo: “Bà dọa em đấy, làm gì có ma mãnh nào ở trên đời”. Tôi yên tâm, nghịch bút thả xuống ao những chiếc lá sòi hình trái tim. Cuống lá ứa ra một đốm nhựa trắng tinh, đốm máu của trái tim xinh xắn mang màu xanh thắm.

Những đêm sương tháng Ba, mặt ao bèo được thấp sáng bừng, lấp lánh màu vàng chanh bởi hàng nghìn con đom đóm. Đom đóm bay cả vào trong sân nhà. Lũ trẻ con đuổi theo lấy tay đập rụng, bắt nhốt vào lọ làm đèn. Lại có những con đom đóm lớn màu xanh lét, không rộn ràng nhấp nháy như lũ đom đóm vàng. Vệt xanh lạng lẽ huyền bí lướt qua trời đêm. U Nhu dõi theo, thì thào kể có những con đom đóm lớn, sáng xanh như quả trứng gà. Đó là hồn người chết từ bãi tha ma về đón người trong họ, khi nó đậu nhà ai thì nhà đó sẽ sắp sửa có tang.

Cô Sáu thấp đèn dầu ngồi chơi với chú Khả đến tìm hiểu ở gian giữa, quay ra thêm gắt lên: “U đừng có dọa trẻ con những chuyện vớ vẩn”. Như mọi lần, u Nhu thở dài, bảo: “Các anh các chị đừng có cậy cái chức Đoàn viên, các anh các chị cứ sống đi rồi sẽ biết”.

Tôi tin và sợ những chuyện của u Nhu, nhưng chỉ sợ vào buổi đêm thôi. Đêm khép lại tấm màn đen, khiến ta chỉ có thể nhận biết xung quanh bằng cảm giác. Ban ngày cái sợ biến đi đâu hết, tôi lại nghịch ngợm khám phá thế giới làng quê. Nhà có cái cổng tre mái lợp, đôi cánh cổng đan giống cật, mở ra khép vào kêu cọt két rất vui tai. Hai anh em mỗi đứa một cánh cổng, thì nhau đẩy cho cánh cổng kêu, xem đứa nào cọt két to hơn. Phần một mái cổng rơi xuống là tả.

U Nhu cấp thúng đi chợ về, trông thấy hốt hoảng kêu lên: “Trời ơi có thôi ngay không thì bảo! Thỏm lỏm nó ăn cụt tai bây giờ!”. Tôi không biết thỏm lỏm ăn tai nó là cái gì, đoán chắc nó là một loại ma giống con ma nam, con đom đóm đưa hồn người chết trong các chuyện của u. Nghe tên thỏm lỏm thấy buồn cười, tôi cười lên khanh khách không nhịn được. U Nhu vội bịt miệng tôi gắt khế: “Cấm cười! Thỏm lỏm nó nghe thấy bây giờ”.





Giọng cười vô lễ như được quả báo ngay lập tức. Chừng một lát sau, vành tai tôi ngứa ngáy đến phát điên, càng gãi càng ngứa, cơn ngứa kéo dứ cả mí mắt. Một vết sưng đỏ bắt đầu viền quanh kẽ vành tai, chảy nước vàng vừa đau vừa ngứa. Vết loét ngày càng sâu, như muốn ăn rụng đôi tai tôi thật, trong khi con Diệp em tôi cùng nghịch chơi nhưng không cười thì không việc gì.

U Nhu nướng cháy trái bồ kết khô, tán bột rắc quanh vành tai tôi, kèm theo đắp giã thứ lá gì đó. Lại thắp mấy nén hương đen ngoài cổng lăm rằm khấn. Cơn ngứa tai dịu dần. Vành tai khô đóng vẩy, mấy hôm sau mới khỏi. Giờ nghĩ lại thấy may, vì lúc u khấn cô Sáu đi làm phân xanh chưa về. Nếu cô về lại gắt hay cười cợt u Nhu, chắc giờ tôi đã cụt cả đôi tai mất rồi.

*

Ờ quê cái gì với chúng tôi cũng lạ, lạ từ tên gọi các anh các chị trong làng trở đi. Bên nhà bác Cải chủ nhiệm Hợp tác xã, có các chị bác đặt tên là chị Trâu, chị Bờ. Cạnh nhà u Nhu là một căn nhà ngói rất đẹp, có sân gạch, cổng xây đắp cá chép cần mảnh sứ của ông Trê, được đội cải cách ruộng đất chia cho sau khi tịch thu của địa chủ.

Ông Trê sáng sớm đạp xe xích lô vào Hà Nội kiếm sống, chiều tối lại đạp về. Nhà ở đã lên đời nhờ cách mạng, thân thể đã quang vinh bởi làm ông chủ đời mình, nhưng công việc của ông vẫn cần lao như cũ. Để cảm ơn trời định ban cho số đối đời như ứng vào căn nhà có cổng đắp cá chép đang hóa rồng, các chị con ông Trê đều được đặt tên theo các loài cá: Chị Trôi, chị Trắm, chị Chép, chị Mè. Mỗi sớm tinh sương, nghe tiếng mở cốt két của cánh cổng gỗ nặng, kèm theo một tiếng chuông lanh canh rung ngắn khi xe xích lô nhảy qua ngưỡng đá, là tôi biết ông đã đi làm.

Mẹ tôi về dạy trường Sơn Đồng. Để tiện việc chăm sóc, mẹ xin u Nhu đón anh em tôi về ở nhờ nhà cụ Đạo xã Yên Bệ cho gần trường. Cụ Đạo tuổi đã tám mươi, viêm phế quản mãn tính, lúc nào cũng ho sù sụ. Tôi sợ nhất là cái ống bơ gi đựng đờm của bà cụ, sợ thứ nhì là cái sập gỗ cụ được đội cái cách chia. Cái sập bị một đục ruỗng gần hết, khuôn hình vẫn vuông dày kích thước nhưng mặt và sườn lỗ chỗ lỗ thủng to nhỏ, trông như bề mặt núi lửa mặt trăng trên họa báo Liên Xô.

Ở nhờ cụ Đạo cùng với nhà tôi là chú Vũ Hoàng Tuấn, con trai nhà văn Vũ Bằng, tác giả những cuốn *Thương nhớ mười hai*, *Miếng ngon Hà Nội*... Chú Tuấn cùng tổ dạy Văn với mẹ tôi, nhà ở phố Hàng Da. Buổi chiều tan trường, mẹ tôi với chú Tuấn thường ra vườn hái rau lang để luộc hay xào tỏi, cụ Đạo lại rên rẩm: “Khổ quá giờ ơi, anh giáo chị giáo sao lại đi ăn rau lợn thế này?”.

Rau lang ngày đó có vị hơi chát, ít người ăn và ngon lạ miệng với dân thành thị chứ không nhàn nhạt và phổ biến như rau lang bây giờ. Sợ mẹ tôi không có gì đun bếp, phải phiền cụ Đạo, mỗi tuần, u Nhu gánh một gánh rơm cắt từ nhà cách đó hơn hai cây số sang, chất ngay ngắn thành từng giạ cho mẹ tôi dùng.

Chủ nhật, các anh chị học trò của mẹ vác tre đến, làm cho anh em tôi một căn hầm tránh bom. Vách hầm ken bằng các thân tre tươi, giá chống vào nhau, neo thành hình chữ A, bên ngoài đắp đất dày. Sau cùng, các chị ra nghĩa trang làng, dùng cuốc đánh những vầng cỏ xanh hình tròn, gánh về xếp áp lên mái hầm. Cỏ mái hầm dần bén rễ lên xanh và mấy bữa sau, từ các thân tre tươi vách hầm đâm ra tua tủa những ngọn măng non.



Tôi thích căn nhà màu xanh bé nhỏ này, chui vào trong đó rất mát. Ngồi lặng yên dưới hầm, nghe mùi đất mới ngai ngái, nghe âm âm tiếng vọng đọc bài theo nhịp thước của các anh chị trong lán học đắp lũy gần đó:

“Hà Tây là một tỉnh thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, có các con sông Đáy, sông Đà, sông Hồng, sông Tích Giang...”.

Trường sở ngày sơ tán không tập trung một chỗ mà chia lẻ ra các lán học ở các thôn làng khác nhau. Mỗi lán học đều có hầm hào và đắp lũy đất dày xung quanh. Do các lớp phân tán nên những ngày có tiết cuối, mẹ tôi hay về muộn. Những buổi chiều gần tối, anh em tôi dắt nhau ra đầu làng ngóng mẹ, cố tránh đàn trâu to lớn thở phì phì, nghênh ngang gõ móng bồm bộp về qua ngõ dưới. Mùi cám chua ủ bèo dậy lên trong tiếng lợn réo thống thiết.

Hai đứa bé chui vào cái điểm canh dưới gốc bồ đề, dòi mắt mong tìm một bóng nhỏ đạp xe băng qua cánh đồng. Đơn vị bộ đội đóng trong các lều bạt tại nghĩa trang Yên Vĩnh đã bắt đầu thả khinh khí cầu phòng không ban đêm. Những quả bóng khổng lồ, lừng lững vượt dần lên đỉnh trời mây xám. Trên chiếc lá sen, con ếch cồm ngồi chầu hấu như thầy cúng, phập phồng cổ họng gọi mưa. Rồi mưa đến thật, mưa lác thác lặn qua tàu lá sen như những giọt thủy ngân. Mẹ vẫn chưa về. Chim tìm vẹt đậu trên cột dây trời mắc loa ga-len nhà ai cuối xóm, buồn thảm kêu vít vít vít mãi không thôi.

*

Trung thu đầu tiên nơi làng quê thật đáng nhớ. Huyện ủy Hoài Đức tổ chức liên hoan nhỏ cho các cháu, là con cái các

thầy cô giáo sơ tán về dạy huyện nhà. Chúng tôi được phát kẹo trứng chim, thêm một phần bánh nướng bánh dẻo. Ánh điện quen thuộc xa lâu, giờ nhìn những bóng đèn tỏa sáng thấy vui như sắp được về Hà Nội. Gân hai chục đứa bé con lên sân khấu xếp hai hàng, hát cảm ơn các cô các chú Huyện ủy bài hát quen thuộc:

“Bé bé bằng bông
Hai má hồng hồng
Bé đi sơ tán
Bé em đi cùng.
Mẹ mua xe gỗ
Cho bé ngồi trong
Bao giờ chiến thắng
Cho bé về phố đông.”

Lần đầu tôi hát trơn tru cùng đội. Đến lần thứ hai, trời xui đất khiến gọi cái thú phá cách tự do, ẩn trong bản tính bất tuân của thằng bé con thành thị trời dạy. Tôi gào lên vô tư giữa đồng ca, bằng cái lời chế học được từ lũ trẻ con đường phố:

“Bé bé bằng bông
Hai má bằng đồng
Hai chân bằng sắt
Hai tay bằng chì
Mẹ mua cây chuối
Cho bé tập bơi
Bao giờ chết đuối
Cho bé vào áo quan.”

Mấy đứa đứng xung quanh vừa hát vừa quay sang nhìn tôi. Một số đứa bị lẫn, hát theo lời chế bởi lời này chúng nó cũng thuộc lâu. Tuy có hơi lộn xộn nhưng không vì thế mà tiết mục không thành công. Các cô các chú ngồi dưới vừa cười vừa hoan hô nhiệt liệt. Mỗi đứa lại được thêm mấy cái kẹo nữa. Tưởng được hưởng ứng, tôi lại gào tướng lên một bài hát đường phố khác, hòng kiếm thêm mấy chiếc kẹo.

...

“Thằng chết đi đằng trước

Thằng sống đi đằng sau.

Một lũ lau nhau

vừa khóc vừa mếu...”

Không có chiếc kẹo nào hết. Cô Tám già, cô giáo khai tâm dạy vỡ lòng của tôi, vội vàng chạy lên sân khấu lời tuột tôi xuống.

Mẹ đèo anh em tôi từ cơ quan Huyện ủy về lúc trời gần tối. Mười rằm trăng náu. Mặt trăng xuất hiện bên kia cánh đồng, lặng lẽ dường như không ai biết. Thấy bóng rặng điện thanh lô xô, ngả nghiêng in mờ trên con đường ven mương buổi nhá nhem, tôi ngoái lại giật mình thảng thốt. Một mặt trăng khổng lồ và nhợt nhạt đang im lặng theo dõi mẹ con tôi. Về đến đầu xóm, trăng đã lửng lững chờ sẵn, treo ngang cành cây gạo cầu đá chợ Chiều, đầy đặn như một chiếc mâm vàng.

Trong các ngả lối xóm, những mâm cỗ thấp đèn được khiêng rước ra sân đình. Đi phía sau, các anh chị thiếu niên cầm thanh đuốc tự tạo, bằng một đoạn tre buộc kẹp ống bơ chứa giẻ tẩm dầu. Đoàn thiếu nhi như một con rắn lửa trườn khắp nẻo đường làng, giơ hạ thanh đuốc hô theo tiếng cầm trịch của người đi đầu:

- Đả đảo đế quốc Mỹ xâm lược!

- Đả đảo, đả đảo, đả đảo!

*

Chó con không sợ hổ, và trẻ con dường như không biết sợ chiến tranh như người lớn bởi khái niệm còn chưa đủ. Bảng chữ cái thần tiên ẽ a vang theo nhịp thước thầy, dưới bầu trời mùa hạ đầy vệt khói tên lửa và điểm nổ cao xạ. Tuổi vờ lòng bình thản trôi như nước chảy qua chân cầu đá chợ Chiều, theo mơng về với dòng sông Đáy.

“Chữ O tròn như quả khí cầu phòng không.

Chữ A nhọn như mái hầm tránh bom.

Chữ B phồng như ngực cô Nhâm dạy bên lớp mẫu giáo.

Chữ H giống như dẫn dây trời xe radar bộ đội.

Chữ R giống ông thằng Báu, vừa đi vừa chọc gậy...”

Tôi gán mỗi chữ cho một thứ tương tự linh tinh thế, nhưng thực ra nhờ vậy mà nhớ mặt chữ rất mau. Chẳng mấy chốc hết tập một, qua đến tập hai ghép vần trong câu văn hoàn chỉnh.

“Eo – Mèo. Êu – Kêu.

Con mèo kêu meo meo.

Con dê kêu be be.

Sếu bay – Kéo dây.”



Những bài học tuổi thơ nối đuôi nhau, như một đoạn phim có minh họa, có con “Cò đỗ trên ngọn tre” ngấm theo “Chú Kim đưa xe đạp” vòng quanh “Phở phở, phở có nhà to”. Ôi phở Phở! Hà Nội chẳng có phở nào tên là phở Phở, nhưng phở phở luôn là nỗi nhớ thủ đô trong lòng con trẻ. Có những buổi chiều đầu đèn nhập nhoạng dơi bay, tôi mở sách dừng lại ở bài này lâu nhất. Khuôn hình minh họa vẽ một góc phố nhỏ, phố có vỉa hè hằn hoi, có ngôi nhà hai tầng chấp chới sau một tán bàng. Tiếng chùm chìa khóa đồng bà ngoại tôi vọng reo ling king đầu đó. Ngôi nhà hằn bán phở nên mới gọi là Phở Phở.

Tôi nhắm mắt, như nhìn thấy tảng thịt bò chín ngậy, mùi hành hoa điểm vị nồng của lát gừng cay đập dập trong trang sách. Nhớ phở, nhớ phở quá! Nếu bây giờ được về Hà Nội, tôi sẽ dứt khoát đòi bà ngoại bằng được một bát phở dù không ốm.

Chương trình vỡ lòng kết thúc bằng bài thơ cuối cùng:

*“Bố Tý làm công nhân
Ở bến tàu khuôn vác
Vừa làm lại vừa hát
Trong buổi sáng mùa xuân.”*

Khoảng những năm 90, khi nhận hợp đồng thi công dự án cho một đơn vị, trong bữa tiệc liên hoan nghiệm thu tại một nhà hàng có hát karaoke, anh cán bộ chủ đầu tư say liêng biêng, ôm vai bảo tôi rằng: “Học nhiều chỉ tổ thần kinh rồi có khi tẩu hỏa nhập ma. Theo tớ chỉ cần thuộc đúng ba bài tuổi đái dầm là đánh đâu thắng đó. Một là học theo chị em Lan trong bài đi xem chiếu bóng, phải đi sớm để có chỗ ngồi tốt. Hai là học theo gương con quạ khát nước, muốn uống trước tiên phải thả sỏi vào trong

bình đã, nước mới dâng lên, quạ tha hồ uống. Ba là phải học bổ thàng cu Tý, vừa làm lại vừa hát, trong buổi sáng mùa xuân, như tớ với các cậu cùng các em út xinh tươi thế này, thì mới phấn khởi tăng năng suất lao động, hoàn thành nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó...”.

Tôi chưa kịp nhập tâm chân lý tối giản đó, một em váy siêu ngắn đã ôm cứng lấy đàn anh khả kính, dịu về chỗ ngồi trong tiếng hát tán thưởng đồng thanh hết cỡ volume của các cô nàng: *“Phút chốc vai kề vai, phút chốc tay cầm tay. Tình yêu như thế cứ đến như đã hẹn bao giờ...”*.

*

Trở lại câu chuyện tuổi thơ. Học hết bài cuối cùng, chúng tôi trở về Hà Nội chờ xe đưa lên địa điểm sơ tán nơi cha tôi công tác. Để “hợp lý hóa gia đình” (cụm từ thường dùng thời ấy), ông đã xin cho mẹ tôi dạy ở một trường gần đó. Bệnh viện của ông phải di chuyển vì lúc đó không quân Mỹ oanh tạc tan hoang thị trấn Văn Điển.

Chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt. Khi cả nhà rời khỏi Hoài Đức vài hôm, máy bay Mỹ oanh tạc trúng hai làng Yên Bệ và Yên Vĩnh, nơi chúng tôi ở trước. U Nhu hốt hải chạy ngược về Hà Nội, kể ở Đức Thượng nhìn về Yên Vĩnh, thấy bom quật tung cả những bụi tre lớn lên trời. Không biết đơn vị bộ đội phòng không ở đó có thiệt hại gì không nhưng dân làng chết nhiều lắm. Ở đây có tội bạn học vỡ lòng của tôi: những thàng Báu mồm méo, thàng Bảo trọc, thàng Minh bỗng, thàng Cường híp... bao lần cùng tôi chơi đánh trận giả dưới con hào giao thông nổi những căn hầm. Thàng Năng hay nhổ cho tôi những bụi rong riềng, dưới gốc đeo nặng quây củ dền thơm. Cây rong riềng lá tía, có những đọt hoa tím đỏ chứa đầy mật

ngọt. Không biết những đứa bạn làng quê của tôi có thoát được trận bom đó không?

Ngày qua ngày, đã gần một năm về ở với u Nhu. Đến phút chia tay, những đứa trẻ con Hà Nội lớn lên vẫn nhớ sự bao bọc của đất đai và tình người nơi thôn dã. Dẫu đã trưởng thành nhưng hồn cốt xứ Đoài vẫn xanh thắm trong hoài niệm tuổi ấu thơ tôi, như bụi sỏi bờ ao trong gió thu reo, vẫy tay lá nhỏ đón bước chân người trở lại.

Tôi đã trở lại, sự trở lại trong một cuộc tiễn đưa buồn.

Sau ngày hòa bình, vào năm tôi đang học lớp chín, bác Tường ra gọi mẹ tôi về, bảo u Nhu ôm nặng sợ không qua khỏi. Mẹ tôi tức tốc đạp xe về hôm trước, hôm sau tôi dắt bà ngoại, đón xe buýt tuyến Kim Mã - Phùng về làng. U Nhu đã mất hồi đầu hôm, bé nhỏ nằm trên cánh phản. Trông u có gì đó lạ lùng, bởi tôi quen nhìn tóc u khăn vấn. Mái tóc đã cắt, buông xuôi xếp cạnh cái khăn vấn bên người. Chiều hôm qua u kêu nóng, nằng nặc đòi mẹ tôi cắt tóc. Có lẽ u biết sắp đến lúc ra đi nên muốn buông bỏ tóc trần cho nhẹ.

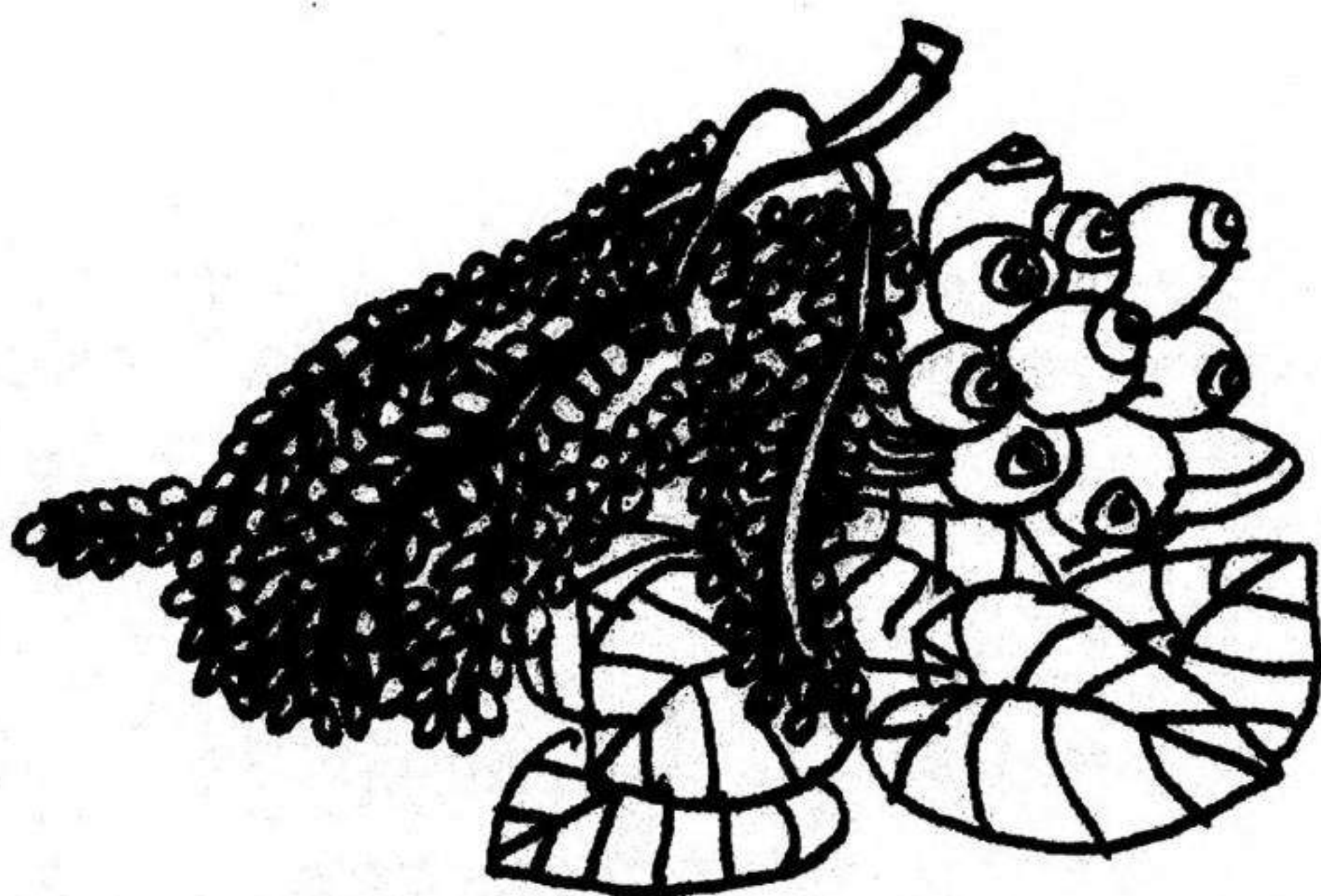
Ngày trước, khi ông Tường mất (ở làng gọi tên ông theo tên con trưởng), lại đến thằng Thục con bác Tường ngã trâu bị uốn ván chết, u đã muốn phát nguyện xuống tóc nhưng chưa đến duyên. Những ngày Sóc, Vọng, u hay lên chùa Phú Đa, ngôi chùa chị dâu ông ngoại tôi (ông Giang Ký) phát tâm xây dựng và cúng toàn bộ chuông, tượng. Khi bà tạ thế, người làng tưởng nhớ, thuê người tạc tượng bà, thờ ở trong gian hậu ngôi chùa.

Cũng nhờ việc xây cúng ngôi chùa Phú Đa này mà mẹ tôi mới có nhân duyên gặp người mẹ thứ hai, là u Nhu. U tôi mất, tôi

xót thương, một tình thương con trẻ tự nhiên không cần biện giải. Đứa bé con giàu cảm tính thương u, nước mắt ngấn nước mắt dài giàn giụa...

Tôi nhìn lên ban thờ gian giữa, nơi người ta đang chuẩn bị kê dọn cho nhà đám phát tang, vẫn thấy đôi mâm bồng gỗ tiện tróc sơn thuở xưa. Trên đó u hay để phần tôi cái oản xôi nếp đóng khi đi chùa về. Cái oản nếp lót đáy cất tròn lá mít xanh thẫm, vỏ oản ngoài các hạt xôi đã khô quánh, nhỏ nhẹ miệng nhai thấy ướp quện cả vị hơi hắc của hương trầm, hương bài.

Bác Tường quấn lên đầu tôi vòng khăn tang trắng. Mọi người theo chiếc linh xa, chậm chậm đưa u Nhu ra đồng. Tôi vừa đi, vừa ngẩn ngơ nhớ lời dặn của u ngày xưa, rằng: “Hể đi qua đám ma, con phải ngắt cái lá bưởi giắt bụng để ma khỏi nhập”. Hôm đó trên đường không thấy cây bưởi nào, chỉ có những bụi sòi lá nhỏ hình trái tim xanh ngắt.



IV.

Mùa hè năm 1967, cha nhờ xe bệnh viện đón chúng tôi lên chỗ sơ tán mới. Cầu Long Biên trúng rocket hỏng mấy nhịp, mới khắc phục tạm. Những nhịp cầu như vẫn còn bốc khói. Xe qua cầu chỉ đi được một chiều, phải phân luồng. Dằng dặc con đường xuyên qua đồng bằng xanh lúa, giữa hai hàng xà cừ quét vôi trắng gốc. Người ta quét vôi trắng làm cọc tiêu cho lái xe căn đường những đêm chạy không đèn.

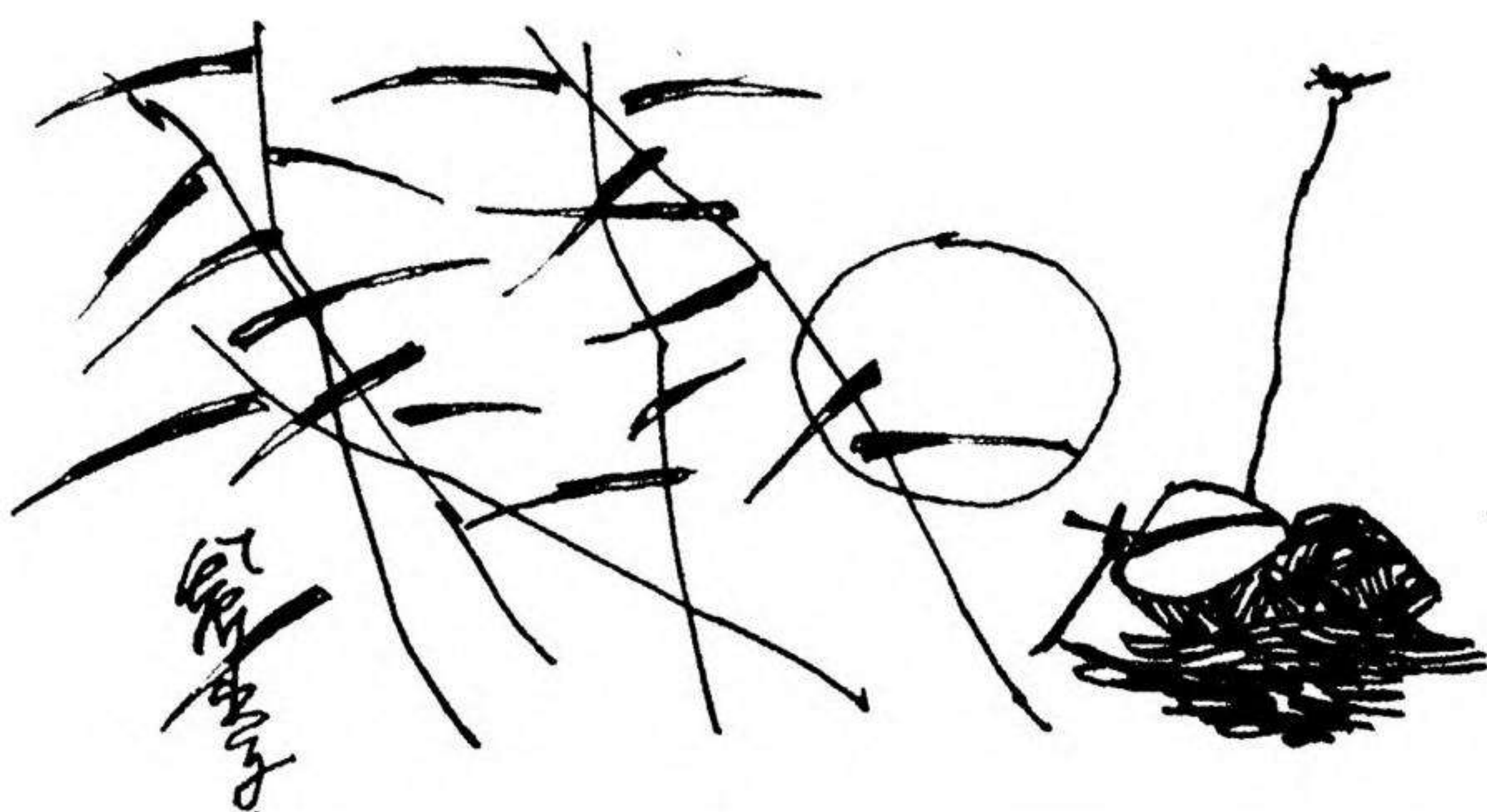
Nơi sơ tán bệnh viện toàn bộ nhà tranh vách đất, nằm kề xóm trại xã Bá Hiến huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Xóm mạc chen lẫn rừng thưa dưới chân Tam Đảo, thêm thiếp ngủ trong buổi trưa trung du im gió. Khởi nguồn từ những con suối trong núi, sông Tranh bé nhỏ viễn qua khu trại một nét lụa mềm. Bên kia sông nối tiếp nhau những khoảng đồng hẹp, ngăn bởi hàng bạch đàn lá rủ bạc phéch dưới nắng.

Đỉnh Tam Đảo trốn giữa biển mây, ẩn trong đám hơi nước mịt mờ bốc lên từ các thung lũng, bất ngờ hiện ra sừng sững sau cơn mưa chiều. Núi thành thoi bệ vệ, choãi chân ngự trị trên một dải đồng vàng. Khối thạch sơn màu lam thẫm như tấm phong hùng vĩ, làm nền cho những nét lô xô xanh thẫm tre bụi làng xa. Nóc nhọn gác chuông nhà thờ xứ đạo Thống Nhất nhô lên thẫm đỏ, lấp lánh trong vệt nắng cuối ngày.

Tôi làm quen rất nhanh với tụi trẻ con trong viện đi sơ tán và tụi trẻ con trong làng. Địa hình bán sơn địa giáp rừng với bao điều mới lạ, lôi cuốn chúng tôi vào các cuộc thám hiểm không tiền khoáng hậu. Máy bay phản lực Mỹ thường bay dọc theo sườn núi Tam Đảo, còn lũ cào cào châu chấu bay dàn dặt trên nội cỏ bên bờ sông Tranh. Đồng đất trung du ruộng bờ cao thấp, chia ô bởi những khóm dứa dại. Nơi đây là vương quốc của loài châu chấu dứa cánh nâu nền nã. Châu chấu dứa hay núp trong các nách lá dứa khô, con nào con nấy như ngón tay người lớn.

Rặng keo dậu dọc đường mòn ven xóm trại là nơi ở của bọn châu chấu voi, vua của các loài châu chấu. Có những con khổng lồ dài bằng cả gang tay. Mỗi lần rình vồ được con châu chấu voi đều phải trả giá bằng máu. Đôi khoeo càng đầy gai vuốt nhọn hoắt của con châu chấu đập ngược lên, cắm xuyên thấu thịt bàn tay bé nhỏ. Miệng nó nhả ra đám nhựa đen sì trông rất hung hãn đe dọa. Buốt chảy nước mắt nhưng tôi nghiêng rặng quyết không buông tha, lừa thế vật nghiêng đôi càng mập. Mất đôi càng lợi hại, con châu chấu voi trở thành chú ngựa xanh ngoan ngoãn, nhẫn nại kéo cỗ xe xếp bằng lá dứa.

Lũ cào cào đầu nhọn râu dẹt hiền lành hơn đám giặc châu chấu khổng lồ kia. Trời cao mây bóng, mùa thu thẳng Tám nắng râm trái bông. Ánh nắng lệch dần phương Nam, không bị tán xạ bởi hơi nước ẩm, tuy nhẹ nhưng gay gắt, hun sém những lá cỏ may già thấp mé gò Chùa. Buổi trưa khô nỏ, càng nỏ hơn trong tiếng vỗ gòn tanh tách dưới cánh cào cào.



Chỉ cào cào đục mới bật cánh tanh tách, để dẫn dụ tán tỉnh lũ cào cào cái. Cào cào đục nhỏ thó nhưng nhanh nhẹn, gầy guộc sau những trận giao hoan với lũ bạn tình lớn hơn nó gấp cả chục lần trong suốt mùa hè. Đôi cánh cứng phong trần bọc ngoài nhuộm màu xanh bạc, kéo thêm những nét xơ vàng, cũ kỹ hết như một chiếc lá cỏ may già. Khi nó đậu im trong vùng cỏ ấy, bất cứ ai dù thật tinh mắt cũng không thể nhận ra. Bên trong lớp cánh giòn, xếp đến lớp cánh lụa mỏng tang che nếp sọc lưng thẫm đỏ.

“Cào cào giả gạo cho nhanh, tao may áo đỏ áo xanh cho cào.”

Thằng bé đi câu bêu nắng đen như củ tam thất, hết mỗi nhử cá rô lên xua bãi cỏ. Lũ cào cào vụt lên chớp cánh tung bay tá lả. Buổi trưa mùa thu giòn tan, vỡ vụn trong tiếng nứt cánh cào cào.

*

Hết mùa hè bận rộn với cào cào châu chấu, chúng tôi bắt đầu đi học lớp một.

*“Chú bé mang xắc
Lúc lác bên hông
Nay ngày thứ nhất
Đến trường phổ thông.
Bước bên cạnh bố
Em thấy bồi hồi
Xắc như nói nhỏ
Lên bảy tuổi rồi
Đi học đi thôi.”*

Học sinh sơ tán về học chung với các bạn làng quê xứ đạo Thống Nhất. Lớp học trước là cái lều vệt thấp lè tè rìa làng đạo, nay đắp thêm lũy đất và đào hào bao quanh. Gió mùa thu thổi phồng cái áo ca rô hiệu Đức Hạnh phổ Hàng Trống mẹ mới mua hồi trong hè. Nhìn quanh, thấy tụi trẻ con sơ tán cũng xúng xính trong những bộ đồ mới, phần lớn rộng quá khổ để phòng lớn. Lũ bạn nông thôn trái lại, thuần một màu nâu những bộ áo quần tự cắt khâu lấy đơn giản, lấm chiếc áo đã vá và không có cổ.

Áo mới áo cũ chỉ lạ nhau một thoáng, tiếng thước thầy Bình đã cốp cốp ba tiếng giòn trên bảng. Chúng tôi ủa vào lớp, mở trang đầu “Chủ Điểm Nhà Trường”. Vang vang tiếng đọc bài theo nhịp thước thầy.

“Con chích chòe đậu xuống cành bưởi cạnh cửa sổ. Nó hót một hồi dài như muốn đánh thức Tâm dậy. Nhưng chích chòe nhầm rồi. Hôm nay là ngày khai trường, Tâm dậy sớm hơn cả chích chòe...”

Đến giờ viết chính tả thì con chích chòe làm khổ tôi. Chiếc quản bút bằng gỗ tiện, có khe cắm ngòi của ông ngoại tôi cho, được chế tạo từ nền hành chính Pháp - Việt. Nó to nần nần, quá khổ với các ngón tay bé nhỏ của thằng bé, lúc nào cũng như muốn quắp lại vì chuột rút khi nghiền răng tô chữ. Ngòi bút lá mạ cứng mới dùng, viết trên vở tối nhiều xơ nên cần giấy. Sau một hồi vật vã với dòng chữ đầu tiên, “con chích chòe” đã đậu được xuống cành bưởi, cùng lúc một giọt mực to tướng cũng kịp đậu lên trang vở. Con chim chích chòe của bài Tập đọc lớp Một đầu tiên, con chim chích chòe rây đầy mực tím, từ ký ức cho đến bây giờ vẫn trong trẻo hót: “T’rich... t’rich... t’rich...”.

*

Chiến dịch Sấm Rền của không quân Mỹ ngày càng ác liệt. Từ dưới giao thông hào lớp học, lũ trẻ có thể thấy nhiều tốp phản lực F.105 đầu nhọn hoắt, lừng lững phụt khói bay về hướng Hà Nội. Tiếng động cơ rền rĩ nặng nề dội xuống cánh đồng gí đề mọi vật, khiến những bông lúa mỏng manh đang kỳ sậm hột cũng tưởng chừng run rẩy. Đôi khi một chiếc F.4 trườn ra từ trần mây thấp, giương đôi cánh xám sẫm to tựa chiếc thuyền buồm lướt qua sườn núi Tam Đảo. Bóng phi cơ lấp loáng vụt qua cùng tiếng rít động cơ như xé vải đến liền sau đó, làm mấy con bò ngơ ngác buộc dưới rặng xoan bứt sọc vùng lên chạy tán loạn.

Thằng Hình ngẩn cổ, thấy bò nhà nó đang lồng chạy về hướng xóm xa Trại Dị. Quên cả nguy hiểm, nó vụt nhảy lên khỏi hầm đuổi theo, hú gọi thất thanh:

“Ơ... Mò... Ơ... Mò... ơi... !”.

Cả lớp thảng thốt nhìn theo bóng nó xa dần, khuất trong cánh đồng lúa chín. Tiếng gọi bò lạc giọng, chìm lìm trong tiếng máy bay. Lại một tốp phản lực nữa rít qua trên đầu. Đôi chim chiến chiến xáo xác bốc lên từ trong đám cỏ gần, vụt bay sát mặt. Tôi lo cho thằng Hình, tự nhiên méo máo từ lúc nào. Con Lành, bạn làng đạo, tưởng tôi sợ máy bay, an ủi rằng: “Yên tâm, lớp mình gần nhà thờ, Mỹ nó không dám ném bom xuống ngôi nhà của Chúa đâu”.

Hình như máy bay Mỹ nó cũng sợ Chúa thật, bay qua vùng trời chỗ chúng tôi nhiều nhưng không thấy ném xuống quả bom nào ngoài mấy thùng dầu phụ. Chiến tranh phá hoại bấy giờ tập trung tại vùng cán xoong miền Trung Việt Nam. Các đoàn xe vận tải tiếp tế cho chiến trường đến khu 4 bị thiệt hại nhiều. Bộ Giao thông Vận tải thành lập một đoàn y tế lưu động, sẵn sàng

trực trên tuyến làm công tác cấp cứu dã ngoại, chỉ đích danh cha tôi làm trưởng đoàn dù lúc đó ông đang trong cương vị bác sĩ bệnh viện trưởng. Sau này ông bảo tính ông ngang ngạnh, không biết nịnh lại nóng tính, hay đốp thẳng mặt các vị lãnh đạo cấp trên yếu chuyên môn nhưng luôn làm vẻ quan trọng nên bị họ ghét, điều đi vào tuyến lửa.

Ở đâu có thương bệnh binh, ở đó có thầy thuốc, kể cả là địa ngục. Tuần thủ lời thề Hippocrates, cha tôi chuẩn bị lên đường. Buổi sáng hôm chia tay ông kiểm đầu được một chiếc mũ sắt, chụp lên đầu khoanh tay đứng cạnh chiếc xe hồng thập tự đã được sơn lại màu ô liu quân đội, chụp một tấm hình với các cô chú trong bệnh viện ra tiễn. Người cho tôi cuốn *Chinh phụ ngâm*, bảo biết đọc rồi thì hãy cố gắng đọc hết đi, chỗ nào không hiểu hỏi mẹ.

Cửa xe bỗng đóng sầm. Chiếc xe hồng thập tự chú Diễm lái bất ngờ rú lên hỏi còi cấp cứu chào tạm biệt, vụt lao ra khỏi xóm trại trung du cuốn tung bụi đỏ. Thấy mẹ ứa nước mắt, tôi cúi xuống mở cuốn sách mỏng, bắt gặp ngay những câu đầu:

*“Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in”*

Ai nào biết cuộc đời chảy trôi, như ngòi đầu cầu nước trong như lọc thuở ấy, nhưng những câu thơ chiến trận chia ly dường như còn ám cả vào sổ phận của tôi trên khắp nẻo chiến trường Campuchia sau này.

*

Cha đi vắng, ba mẹ con ở lại với các cô chú nhân viên trong bệnh viện sơ tán. Thằng bé bảy tuổi bây giờ trở thành đàn ông duy nhất trong nhà. Ngoài lúc đi học, tôi cũng biết đỡ đàn

mẹ một số việc đơn giản. Nhìn cây Khuôn Mảnh đầy những cành ngang, tôi biết cây nào nhiều cành khô làm củi. Tôi trèo lên, lựa sức đập những nhánh khô rơi xuống. Hai anh em tha thẩn nhặt về, xếp gọn thành những bó củi xinh xinh trong bếp.

Chúng tôi còn theo các anh chị lớn cấp rổ đi hái rau tập tàng. Trên vách hào giao thông quanh phòng mổ mọc đầy giống rau dền cơm, rau sam, bông mã đề, đặc biệt là rau mảnh cọng, một thứ rau nấu mát ngọt như cho mì chính. Mẹ tôi dạy cách chụm lửa nhóm bếp nấu cơm, đo lượng nước ngập gạo chừng hai đốt ngón tay tôi be bé, cơm sôi bớt lửa, cơm cạn cời than quanh nôi... Chỉ đôi lần tôi đã biết nấu sẵn nôi cơm chờ mẹ đi dạy học về.

Hàng xóm của mẹ con tôi có vợ chồng cô Mài chú Phương, ở gian chái bên kia đầu hội trường lớn, nhà tôi ở chái đầu bên này. Cô Mài là cấp dưỡng bếp ăn tập thể của bệnh viện, mát tay chăn nuôi. Lúc nào nhà cô cũng có một hai đàn gà nở. Mỗi khi cho gà ăn, đàn gà dạn người quần quanh chân cô, có thể lựa bắt nâng ực từng con một rất thích.

Miền đất trung du gần núi nên lắm rắn. Rắn vùng đất khô toàn rắn to loại cực độc. Một lần nghe tiếng cô Mài kêu ré thất thanh, tôi chạy sang thấy chú Phương đang dùng gậy chọc chọc vào chuồng gà. Khoanh lù lù trong chuồng là một con rắn hổ mang lớn, bụng phồng lên một cách dị kỳ. Nó đã mổ chết con gà mẹ đang ấp và nuốt trọn hết cả ổ trứng. Chú Phương chọc mãi, nó kêu phì phì, rướn cổ mổ vào đầu gậy đe dọa nhưng không trườn đi được vì ăn tham quá.

Tôi chạy ra đồng củi rút một thanh có cành ngạnh đưa cho chú. Chú Phương móc ngạnh cây vào khúc giữa con rắn, lựa lựa lôi nó ra gần cửa chuồng rồi giật mạnh. Con mắng xà văng ra

nền sân, hứng trọn trận mưa gậy của hai chú cháu. Bụng nó vồ toác, lòng trắng lòng đỏ trứng gà văng chày tung tóe. Bài học thực hành tôi được dạy đầu tiên với lũ bò sát nguy hiểm này, là đánh rắn phải đánh đập đầu. Con hổ mang bành này có chiều dài gấp đôi chiều cao thẳng bé lớp một là tôi.

Kể từ đó rắn chẳng còn gì đáng sợ nữa. Tôi tham gia cùng lũ trẻ lớn trong viện, lùng sục hạ sát vô khối rắn, trong đó có một con hổ mang lớn quấn ngang nhánh ổi thấp gần chuồng gà. Chú Phương ra xem, bảo đó là con rắn vợ. Diệt thêm một cặp cặp nia khúc vàng khúc đen tổ chăng nữa lần giữa khe các phuy xăng rỗng trong kho lán đội xe. Còn các loại liu diu tép riu lật vật khác không đáng kể. Cũng kể từ đó, tôi cùng cây gậy ổi có ngạnh với chiếc đèn pin, trở thành người hộ vệ của mẹ mỗi khi có việc đi đâu đó trong xóm hay ra giếng nước ban đêm.

Các cô chú cũng giúp đỡ mẹ con tôi nhiều. Chú Nghiệp là bác sĩ nha khoa của viện. Vốn khéo tay, chú chế tạo cho nhà tôi một chiếc bếp đun bằng dầu hỏa. Cái bếp có bầu chứa dầu bằng một ngăn cặp lồng, các ống muông dẫn bắc gò sắt tây, chụp bếp đốt lỗ hoa tiếp khí buồng đốt đều tăm tắp. Riêng cặp chốt dàn nâng điều chỉnh mức cháy to nhỏ, chú lấy chất dẻo nguyên là vật liệu làm khuôn lợi cho răng giả, vê thành hai cục màu hồng bao ngoài để cách nhiệt. Chiếc bếp dầu thật tiện lợi, và có thể đây là chiếc bếp đun dầu đầu tiên được chế tạo bởi một bác sĩ. Mãi sau này, cả Hà Nội mới chuyển sang đun dầu bằng các loại bếp hiệu Thăng Long vỏ tráng men sạch sẽ.

Cũng chính chú Nghiệp là người đã nhổ những cái răng sữa cho tôi tại khu sơ tán. Ông bác sĩ nha khoa hóa lại là một người

mê tín giống như u Nhu. Khi tôi rời chiếc ghế bành chuyên dụng êm ái, trong miệng còn cắn miếng bông tẩm cồn, chú đưa cho tôi chiếc răng vừa nhổ, bảo: “Răng hàm dưới, cháu vớt lên mái nhà cho răng chóng mọc”.

Chẳng có ông chuột tốt bụng nào sẵn chờ trên mái nhà hay dưới gầm giường để tha hộ răng trẻ con đi thay thế, nhưng những người lớn, kể cả những người giỏi nhất, vẫn hy vọng vào những điều gì tuổi thơ bé đã từng hy vọng, có chăng khác nhau chỉ ở mức độ mà thôi. Không hiểu cô Sáu khi biết chuyện này, có chế giễu chú Nghiệp như đã chế giễu u Nhu hay không?

*

Những ngày Chủ nhật, ngày sung sướng nhất mà tôi chờ đợi hàng tuần. Người lớn mang chần chiếu ra bên sông Tranh giặt giũ, và bọn trẻ con đi theo được phép tắm sông. Chúng tôi nhảy xuống dòng nước trong xanh lặn ngụp, quấy tung bọt nước ùm ùm.

Đàn cá mương bầu đến đông đặc, lao vào rĩa nhón nhột khắp người. Thành Bảo con chú Vạn tiếp phẩm bị ghề, tắm nước lá xoan mãi chưa khỏi. Chú bế nó xuống sông, lội dìm nó đến tận cổ. Ngay lập tức lũ cá lưng xanh nhiệt tình xông vào rĩa rới, vệ sinh tự nguyện toàn thân khiến nó giãy giụa ré lên từng hồi. Sau một liệu trình điều trị đặc biệt của đám vệ sinh viên miệng nhọn, các nốt ghề trên người nó sạch bong.

Cá mương xanh cũng là những người bạn tốt của lũ trâu xóm trại. Những con trâu mọng trông to lớn thế nhưng đã quen nhau thì rất hiền. Thành Lương, thành Đăng chăn trâu về qua sông Tranh bao giờ cũng họ trâu lại, bứt một nắm cỏ xước vo thành nắm lớn kỳ cọ cho người bạn đồng diễn. Bầy trâu mọng

trầm mình ngập nước, chỉ hở mỗi cái mõm ngoếch lên thở phì phì mặc cho cá rìu.

Những con ve con bét ký sinh hút máu loài guốc chẵn, lũ sáo đen sáo nâu đậu lưng trâu chưa nhạt hết, giờ đến lượt đàn cá mương nhạt nốt. Thỉnh thoảng khoái trá, lũ trâu lại lắc đầu, văng sừng đập xuống mặt nước tung tóe. Chúng tôi bơi đến, trèo lên đứng sắp hàng trên lưng trâu chơi trò nhảy dù. Thằng Đăng hiên ngang vung tay hét, cầm nhịp cho một bài đồng dao tụi trẻ con chúng tôi mới học được.

Cả bọn nhảy dù theo hiệu lệnh, từ lưng trâu lao mình xuống sông. Để mặc bầy trâu tắm mát tiêu khiển, chúng tôi đi dọc bờ sông, chui rúc bụi bờ kiếm tìm cây quả dại. Ở đây có những loài cây dại ăn được trái chỉ lũ trẻ con mới biết. Bụi rừng tạp ven bờ sông Tranh là một thế giới khác, là cả một vườn địa đàng trên thiên đường, mở ra bao điều mới lạ với đứa trẻ thành thị.

Cây bồ quân gai nhọn, trĩu trĩu cành đeo trái ngọt như chuỗi ngọc tím đỏ. Cây khuôn mảnh cành ngang lá mỏng ráp, tuôn những chùm trái chín hình bầu dục xinh xinh, vị chua ngọt nhuộm tím đen hết lưỡi. Bụi rung rúc mọc nơi bờ thấp ven sông trái chùm bé tí nhiều màu sắc, nây nẩy tròn trịa như chùm bóng bay tí hon ngày Tết, có vị chua hơn nhớt. Những trái ngô rang, trái vú bò, trái sim ương chất nhiều hơn ngọt...

Hoa trái loài cây quả dại nhưng hấp dẫn hơn hẳn những loại mẹ đi chợ mua về. Dường như những thành quả do mình vất vả tìm kiếm hay gian khổ đấu tranh mới có được nó luôn quý nhất, cần phải được ưu tiên công nhận dù ngọt thơm ít, mà cay đắng chua chát phần nhiều.



Những buổi trưa gắt nắng hanh, nghe tiếng huýt sáo báo hiệu của thằng Khánh, tôi lại trốn ngủ, rón rén trèo qua cửa sổ như tù vượt ngục, cùng nó ra bờ sông mãi mê kiếm tìm những loài quả dại này. Không biết các nhà cách tân tư tưởng có đủ minh triết để dũng cảm tuyên bố rằng trái sung ngọt hơn trái mít hay không, nhưng sau này khi đọc truyện ngắn *Khóm phúc bồn tử* của T'Sekhov, tôi tự nhiên thấy thương tay điền chủ keo kiệt nhịn cả đời không dám tiêu pha, mua bằng được cái trang trại khổ để trồng mỗi một khóm cây dại chua loét.

*

Bá Hiến vào vụ gặt mùa, rạ rơm phơi vàng những con đường xóm trại. Những đồng rơm lớn thơm phức bao quanh rặng rào găng nhà thằng Đăng, thằng Lương, mấy đứa bạn làng quê. Lũ trâu bò được nghỉ ngơi sau nửa năm cày cày vất vả, khuyu chân nhàn tản nằm cạnh đồng rơm, phẩy tai sều bọt nhai lại. Các cô chú trong viện sang các nhà dân xóm, xin rơm rạ về gội lại mái lán trại khu sơ tán.

Rạ là những bẹ lá lúa bao ngoài cọng rơm ruột, là những búi lúa già héo quắt nghẹn chứa ra bông, hoặc là phần chân khóm lúa người ta bỏ lại trên ruộng gặt tháng Mười. Rạ nhiều hơn rơm, nên mới có câu chết như rạ, không kể xiết. Rơm rạ thường lẫn lộn đánh thành đồng để đun, để nuôi trâu bò, để đánh rạ che phen lợp mái... trừ khi người ta muốn tách riêng để lấy rơm.

Rơm là cuống lõi của cây lúa, là cọng chính để nâng bông lúa khi càng nặng tích lũy càng cúi xuống. Một khóm lúa chỉ có ba bốn cọng rơm vàng óng, nhỏ mà dai. Chiều lạnh đồng hanh, nằm bên bờ lúa ngậm cọng rơm như cọng vàng rờn lấp lánh trong nắng quái chiều thu, xa xăm ngó lên bầy chim di cư là một



scene lãng mạn cổ điển mà điện ảnh Xô viết ưa xài đến quen mắt. Nhưng nếu khi có dịp, không ai lại không tận hưởng phút yên bình thư thái ấy.

Với đặc tính dai, nhẹ và bền, người ta chế tác những vật phẩm sử dụng từ rơm chứ không phải rạ: Chổi rơm quét sân, bù nhìn rơm đuổi chim. Một ổ rơm hỗn nhiên hoan lạc giữa đồng gió của đôi tình nhân bản cổ, có khi còn nồng nhiệt mê đắm hơn cặp nhân ngãi lắm chữ nhưng té nhạt dưới trần toóc xi vôi rơm cách nhiệt ẩm áp chốn Hã thành.

Nhưng bây giờ là khoảng cuối năm 1967, dưới một trời bom đạn, những đứa trẻ thời chiến tranh chúng tôi lại được sử dụng một vật phẩm đặc biệt khác làm từ rơm, đó là chiếc mũ rơm. Chiếc mũ rơm đội lên đầu khi có báo động không quân oanh tạc, để chống mảnh bom, mảnh đạn cao xạ. Chiếc mũ rơm trong một bài hát thời đó:

*“Chiếc mũ rơm khoác trên vai để em chống Mỹ
Chiếc mũ rơm khoác trên vai vẫn đi học đều”*

Để đan một chiếc mũ rơm, người đan phải lựa chọn những sợi rơm nếp, bởi rơm nếp dài và dai. Đầu tiên sắp những sợi rơm sát nhau, đan xoắn lại như đánh một lỏi rơm con cúi, nhỏ cỡ nhưng dài. Sau đó quấn bện quanh lỏi bằng những sợi rơm khác thật chặt. Khi sợi dây rơm bện chặt đã dài vừa đủ, sẽ quấn đồng tâm dây rơm bện này theo khuôn vừa với khổ đầu người đội. Vừa cuốn vừa neo kết các vòng trong vòng ngoài với nhau cho thật chặt.

Chiếc mũ rơm chú Phương đan cho tôi vừa hoàn thành, nặng trĩch chụp lên đầu thẳng bé con lớp Một, khiến nó trông lùn gí xuống như một chiếc nắm vàng.



Tôi nhận được quà của cậu Nhân gửi theo xe viện lên khu sơ tán, là những cuốn sách thật ấn tượng: *Đảo giấu vàng*, *Vichia Maleev ở nhà và ở trường*, *Marusxia đi học*, *Trường học dưng cảm*, *Số phận chú bé đánh trống*, *Chuyện Lưu Hồ Lan*, mấy tờ họa báo Liên Xô... Hình ảnh họa báo và minh họa trong các cuốn sách về những lớp học khang trang cửa kính bảng đen, các em bé gái đi học váy bông tết nơ, bé trai quần áo đẹp đẽ, khiến tôi nhớ hễ phố, nhớ ánh điện thủ đô. Tôi mơ một ngày các bạn mực tím áo nâu lớp Một của tôi, trong cái lều vệt khốn khổ này cũng được giống như thế.

Cuốn *Trường học dưng cảm* lại khiến tôi muốn được chiến đấu anh hùng mã thượng như Su-búc, một học sinh 15 tuổi, xách súng trèo lên mái ngôi trường mình, nã đạn về phía quân phát-xít để bảo vệ thầy cô giáo. Tuyệt nhiên tôi không hề có ước mơ giàu có, kiếm được hàng đồng của như thằng bé Jim trong truyện *Đảo giấu vàng*. Mơ ước của trẻ con dường như hào phóng bay bổng hơn ước mơ của người lớn, để rồi càng lớn lên, ước mơ càng chặt chội lại, như phần đệm vocal cho bài hát *Con đẻ vô tư* của anh Trần Tiến: "*Người lớn nghèo lắm chẳng có gì. Người lớn chỉ có tiền với tuổi già thôi...*".

Ước mơ chỉ là mơ ước, thường chỉ xuất hiện trong những trang sách. Sáng mai đến lớp, vẫn mái rạ thấp lè tè ấy, vẫn những đứa bạn xóm đạo áo nâu, hiền lành như một đàn sê đồng ấy. Tôi kể với chúng nó về những ngôi trường xây ngói đỏ, những cái bánh mì vàng rộm bày cạnh đĩa trứng rán, đĩa cà chua đỏ, chùm nho tím ruột trong vắt, khúc giảm bông để bên cạnh cốc sữa tươi trắng tinh, đầy đến mức không thể đầy hơn. Tất cả bày trên tám khăn ăn thêu phủ mặt bàn tròn, dưới ánh đèn chụp màu vàng dịu như một bức tranh tĩnh vật trong tờ họa báo hôm qua.

Lũ sẻ đồng ngót điều thêm thưởng há mở ra nghe. Sau một thoáng trấn tĩnh, con Lành an ủi: “Đừng lo gì, rồi Chúa lòng lành sẽ cho ta tất cả những thứ đó”. Chính nó đã an ủi tôi đừng sợ hôm thằng Hinh vọt lên khỏi giao thông hào, đuổi gọi con bò lạc dưới một trời mây bay phản lực đang găm rú. Tôi nhìn nó, ngạc nhiên vì cách lý giải không giống như cha tôi dạy. Cha tôi bảo không có Chúa Trời, không có đức Phật, thậm chí Trái đất chỉ là một mảnh của Mặt trời văng ra, như miếng vụn vỏ ngoài rụng rơi khi ta mạnh tay bẻ chiếc bánh mì giòn.

Tôi không biết đức Chúa cha có giống nó không? Gương mặt trái xoan dưới mái tóc chấm vai không bao giờ tết đuôi sam. Đôi mắt nâu với ánh nhìn u ẩn khiêm nhượng, như không phải của một đứa trẻ con. Đôi chân xinh xinh lấm đất, vì nó luôn đi đất. Các bài thơ học thuộc lòng qua giọng đọc thanh thanh của nó, ngân nga lên bổng xuống trầm như một bài hát nguyện.

“Mỗi ngày sau bữa cơm chiều

Dưới đèn một cánh thương yêu quây quần.”

Những bữa khoai chiều thì đúng hơn, bởi ngay tại học sinh sơ tán chúng tôi cũng đói. Song những bữa cơm chiều dưới đèn của Anatole France cũng chỉ ấm cúng thân mật đến thế là cùng. Con Lành đọc bài thơ tình cảm thương yêu gia đình, đôi mắt nâu ngược lên xa xăm như đọc một đoạn kinh cầu. Với một niềm kính tin dường ấy, tôi nghĩ có khi chính nó là đức Chúa con cũng nên. Đức Chúa con của tôi, trong hình hài một con sẻ đồng chân nâu lấm đất, ngày ngày băng qua những rẻo ruộng cao trồng cây thuốc lá để đến lớp học.

*

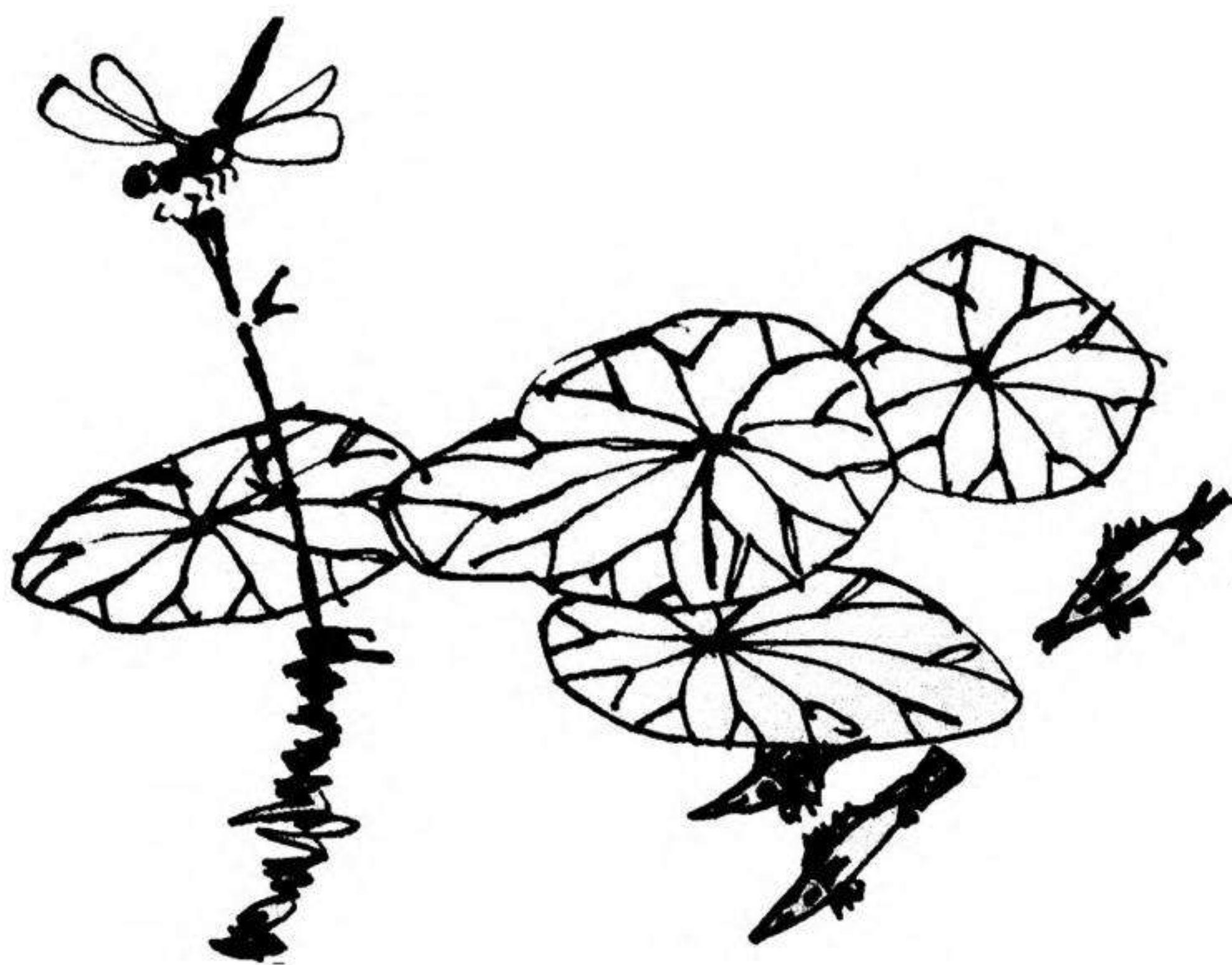


Thầy Bình cho chúng tôi về khi buổi trưa đã muộn. Buổi học hôm đó bị gián đoạn do phải xuống hầm chạy máy bay nhiều lần. Heo may xạc xào thổi bông mái rạ lều vệt. Đường về qua đồng khô gắt, ong ong trong nắng cuối thu. Mặt trời xối nắng không thương tiếc xuống đứa con đẻ rơi của mình. Ruộng dưa chuột hợp tác xã bên đường thu hoạch xong đã lâu, quắt queo dưới nắng, chỉ còn những dây lá úa vàng xác xơ, trùm lên luống giàn leo ngả nghiêng xiên xẹo.

Tôi khát khô cổ nhìn ruộng dưa, ước thầm giá bây giờ có trái dưa chuột tươi nhai rau rầu. Lại nghĩ đến con Lành, không biết nó về lỏi ấy có khát như tôi không, có cầu đức Chúa của nó ban cho cốc sữa tươi mát lạnh như trong tờ họa báo không? Liệu Chúa nhân từ sẽ ban cho tất cả như nó vẫn tin không? *Giê su ma lay Chúa tôi!* Tôi vô tình bật ra câu nguyện của con Lành, nhìn quanh rồi hăng hái bổ sung tiếp: Nếu có thật, xin Người ban cho con một trái dưa chuột thật to, càng to càng tốt.

Lượn qua trước mặt tôi một con chuồn chuồn ớt đỏ chói. Nó xè xè rung đôi cánh bay đứng tại chỗ như máy bay lên thẳng một thoáng rồi vụt đi. Được vài chục bước chân, đã lại thấy nó lờn vờn trước mặt. Liệng một vòng ngắn, con chuồn chuồn ớt đậu ngay trên nhánh rong tre giàn dưa sát đường như trên người.

Bắt chuồn chuồn ớt giữa buổi trưa nắng là một điều không thể, thằng bé con giàu kinh nghiệm săn giồng côn trùng đẹp đẽ tinh ma biết rõ điều này. Con chuồn chuồn đậu đó, lấp lánh đôi cánh trong suốt dưới nắng. Lần này cứ thử vận may xem sao. Tôi bỏ mũ rơm túi sách xuống bờ cỏ, nheo mắt cho khỏi chói, từ từ tiến lại gần, gần lắm rồi.



Chớp cánh trong một phần trăm giây, con chuồn chuồn ớt vụt bay kéo theo vệt ảo ảnh dài như dây lụa đỏ, bỏ lại cành rong khô cạnh chiếc lá dưa già bạc phếch. Dưới tấm lá thùng loang lổ, một vật gì đó lạ lùng ánh lên màu vàng cốm. Trời ơi! Một trái dưa chuột, một trái dưa chuột cực lớn tỏa ánh vàng giữa nắng ban trưa. Trái dưa già người ta bỏ sót, lóng lánh như một cục vàng mười.

Tôi sung sướng hái trái dưa vội đưa lên miệng khát. Chợt nhớ lời cầu nguyện tham lam lúc nãy nên dừng lại, thẳng thốt nhìn quanh xấu hổ. Chúa không có ở đây, con chuồn chuồn ớt cũng mất tăm tích, chỉ có mặt trời mùa thu đang bình thản rơi xuống một thằng bé con đội mũ rơm, bé như một dấu chấm trên cánh đồng vắng tênh lộng lộng heo may.

*

Thầy Duyệt thay thầy Bình, về lều vịt dạy lớp chúng tôi. Thầy Duyệt người bé nhỏ nhanh nhẹn, và cũng hắc xì dầu như nước da của thầy. Tiếng thước gõ bảng của thầy cũng khác thầy Bình, dứt khoát và sát phạt. Tuy nhiên đó chỉ là trong lúc học, giờ ra chơi hay lúc hết giờ, thầy lại là một người vui tính, nhất là sau khi kéo xong một điều thuốc Lào.

Lớp đầu cấp một chúng tôi không chia tiết học, chỉ có 15 phút ra chơi giữa buổi hoặc tan trường theo tiếng kèn hiệu bên lán học các anh chị lớp Ba, lớp Bốn gần đó. Tôi thường làm tính nhẩm nhanh, không như con Lành vẫn phải dùng bộ que tính thêm một bớt hai. Xong bài tập sớm, tôi ngó ngoáy nhìn quanh. Mái lớp thùng nhiều chỗ, thả bóng nắng trứng vịt lỏ đỏ trên vách đất cạnh tấm bảng. Nghĩ ra một trò, tôi nhấp nhóm sốt ruột, mong đợi đến lúc nghỉ giữa giờ.

Tiếng keng báo hiệu giờ ra chơi vọng đến từ ven làng. Cả lớp nhảy qua hào, ùa ra ngoài như bầy sẻ đồng. Thầy Duyệt buông thước, xách chiếc cày ngồi tựa cò thành hằm khoải trá rít sòng sọc. Tôi vội chạy lên bảng, lấy phấn vạch ngang một bóng nắng in trên vách. Đến lúc có keng tan trường, tôi cũng lên vạch một vạch tương tự, trên một bóng nắng khác.

Buổi học hôm sau, tôi hồi hộp đợi chờ. Khi bóng nắng trứng vịt sắp ăn ngang vạch phần thứ nhất, tôi hích tay con Lành bảo cất vở đi, chuẩn bị ra chơi. Vừa dứt câu, keng hiệu ra chơi vang lên giống giả. Lúc tan trường cũng vậy, khi bóng nắng ăn ngang chuẩn giữa vạch phần thứ hai.

Thấy tụi con Lành ngạc nhiên, tôi đắc ý chỉ cho chúng nó xem cái đồng hồ của Chúa trên vách lớp. Thực ra trò này tôi học một lão thuyền trưởng can đảm trong truyện *Đảo giấu vàng* cậu Nhân vừa gửi lên cho. Ông ấy đóng một cái cọc giữa sân trại phòng thủ, làm đồng hồ mặt trời để đo thời gian khi bị bọn thủy thủ nổi loạn bao vây.

Từ đó sắp đến giờ ra chơi hay tan trường, lũ trẻ con chúng tôi chọn rộn thu sách vở ào ào, mười lần như một rất chính xác. Lắm đứa lười không tập trung học, chỉ chăm chăm nhìn lên vách lớp đợi chờ lúc vạch phần ăn ngang bóng trứng nắng. Một vạch thì ra chơi, hai vạch thì tan trường.

Thầy Duyệt thấy vậy cáu lắm, tra hỏi cả lớp, cuối cùng lời ra nguyên nhân do chiếc đồng hồ của tôi. Kết quả người thợ chế tác đồng hồ lành nghề trở thành tội đồ, bị xoắn tai đến tím tái trên bảng trong ánh mắt xót thương của con Lành. Đúng là sách truyện của bọn tư bản bóc lột chẳng mang lại lợi ích gì mà chỉ gây họa. Mấy hôm sau, thầy huy động Đoàn thanh niên xã đến gọi lại mái lớp.

Từ đó, cái đồng hồ mặt trời của tôi ngừng chạy.

*

Hơi nước nóng ẩm chiều hôm trước đã kết đọng thành những giọt mưa thưa, lắt rắt bay trong một đêm trở trời không ai biết. Sáng mai đi học, thấy từng vết mũi gió lượn đi trên mặt sông Tranh. Con gió khô lạnh xao xác trên nếp dài dòng chảy, tạo thành những cơn sóng khác lẫn tăn lướt trên lớp sóng nền. Mặt sông nhú lại, gờn gợn nhàn từng mảng theo lối gió về.

Rặng diên thanh ngã lá vàng, xôn xao trong cơn bắc. Hàng cây trấu trụi lá khẳng khiu nằm cạnh mấy lò sấy thuốc lá bỏ không. Tháp sấy nhô ra đoạn ống khói, sù sụ tựa cái nỗ tẩu, những chiếc tẩu mùa đông im lìm đã lâu thôi không còn tỏa khói. Mờ mờ sương bạc phủ lên dăm chân ruộng cao thuốc lá mới trồng, lên con đường qua đồng khô đang phơi ải. Không gian tịch lặng, chỉ nghe tiếng máy nổ ình ịch trong sương, vọng về từ phía trạm bơm nước ven sông.

Đồng đất đang kỳ nghỉ ngơi. Các chị xã viên Hợp tác xã dùng câu liêm giặt hái những lá trấu, lá xoan còn sót lại, đi chặt diên thanh, chặt cây cứt lợn, vớt bèo hoa dâu làm phân xanh cho vụ đông tới. Lực lượng chủ yếu là các chị, bởi các anh đã đi bộ đội chiến trường hết. Xóm trại còn lại mấy anh còm nhòm như con nhện nước, khặt khưỡng cặm cang chiếc xe cải tiến chất nặng bó diên thanh tươi.

Cong lưng đẩy xe, các chị diện kín áo bằng chiếc khăn mu-soa xanh buộc trên lông cổ tay tròn, cười đùa rinh rích. Thỉnh thoảng lại the the bắt dừng lại nghỉ, ra đứng trước mặt các anh cặm cang, vươn người đưa cổ tay buộc mu-soa thấm lau mồ hôi trán. Phong trào làm phân xanh này hình như do Đại

tướng Nguyễn Chí Thanh khởi xướng. Ông Bút Tre, nhà thơ Vĩnh Phú tỉnh nhà đã viết thơ cổ động:

*“Hoan hô anh Nguyễn Chí Thanh
Anh về phân bắc phân xanh đầy đồng.”*

Họ đào những cái hồ nông tròn, trái lá chuối khô xuống dưới rồi dấp chặt lá diền thanh, lá muồng, bèo hoa dâu, thân lá cây cứt lợn... kèm mấy lượt phân chuồng rắc vôi bột. Lèn chặt xong phủ rơm bên ngoài, trét bùn kín rồi xoa nhẵn. Mấy hôm sau các đồng phân lên men nóng rùng rục, tỏa mùi nửa ngai ngái nửa hăng nồng suốt dọc con đường đến trường.

*“Em theo cha về đây,
không cửa chớp nhà xây
Lớp học ngôi đình cũ
Gió đồng thoảng hương bay”*

Đây là bài thơ đi học thời sơ tán hẳn ai cũng thuộc. Mùi hương đồng lúa đương thì con gái, thì làm đồng ngát in suốt một đời người. Nhưng tôi ấn tượng đặc biệt với mùi hăng phân xanh đang lên men này. Mùi hăng phân xanh chỉ dịu đi khi đồng phân ủ đã khô bùn, nanh nứt vỏ ngoài nguội dần từng ngày. Bấy giờ những lúc học về đoi ngấu, ngồi núp gió đông sau đồng phân tỏa nhiệt ẩm áp, chia củ khoai bùi nghen ứ cổ chị Luyện để phân cho là sung sướng nhất.

Khổ thân chị Luyện. Chị đã hứa hẹn, thư từ cho anh Sang đi bộ đội rồi, nhưng lại hay đẩy xe cải tiến cho anh Đản ngăn. Một lần tụi trẻ con chúng tôi xách đèn chai đi học nhóm về muộn, bắt gặp anh chị đang mê mải bên đồng rơm cạnh bờ ao tối để làm phân xanh, như anh Đản giải thích.



Miệng trẻ vô tư, làm chị bị xã đoàn kỷ luật, dù nhà anh Sang chưa hề vắn danh dạm ngõ. Cả làng không ai hỏi cưới chị nữa, dù mấy năm sau các anh lục tục về dân.

Ngày ấy tôi cùng tụi nhĩ đồng thời tai gặp chị ở đâu cũng ề ề chị. Giờ lớn lên mới biết xót thương thì cuộc đời đã rẽ sang một nẻo khác. Chị bị hắt hủi, sống lủi thủi cô đơn, gặp ai cũng cúi mặt hay tránh đi ngõ khác. Một thời gian lâu sau không chịu được sự ghê lạnh, chị bỏ nhà lên Hà Nội làm. May sao có người ở phổ hỏi chị, cưới xin đàng hoàng.

Chị Luyện đi lấy chồng, như một giải thoát cho đời chị, cho cả những ân hận của thằng bé con đại đột, chứ không củ khoai bùi xưa sẽ còn nghẹn mãi trong ký ức. Cây xanh lá xanh lên men ủ phân làm giàu thêm cho đất, cũng như nỗi đắng cay số phận dần qua sẽ bồi tụ lòng người thêm nhân hậu. Tôi vẫn nhớ một bài học thuộc lòng của các anh chị lớp trên ngày đó:

*“Cây không hề biết đi
Chưa bao giờ cây nói
Cây chỉ biết thắm thì
Khi trăng lên gió thổi.
Lá cây là lá phổi
Cũng hít vào thở ra
Cành cây thường vẫy gọi
Như tay người chúng ta.
Khi vui cây nở hoa
Khi buồn cây héo lá
Ai bẻ cành vật hoa
Nhựa tuôn như máu ứa.*

*Xanh cây làm bức tranh
Cho vườn ta thêm xinh
Già cây làm chiếc ghế
Chúng ta ngồi học hành
Còn bao điều thú vị
Cây giúp đời chúng mình
Loài cây cũng suy nghĩ
Loài cây cũng có tình.”*

Đời cây đời người cũng chẳng khác gì nhau, lúc tốt tươi khi héo úa. Mùa đông, cây xoan cũng rụng lá trụi trần như cây trấu. Tại chỗ cành xoan phân nhánh, lúc lâu treo từng chùm trái già tím tái, những trái xoan già rơi rụng nhẵn nhéo. Cành xoan đơn độc lẻ loi, xuyên qua bầu tổ của lũ kiến đen in trên nền trời đông mây xám. Loại kiến đen lớn dẹt bầu, chuyên làm tổ bằng phân trâu khô xốp, và chỉ thích làm trên cành cây xoan.

*

Thằng Đôn chui ra từ một bụi găng gai cạnh phòng xét nghiệm, mặt đỏ rạn vì nẻ rét, nhớn nhác hỏi:

“Chúng mày có nghe thấy tiếng gì không?”

“Tiếng gì?” – Tôi nghi ngờ hỏi lại.

“Để yên nghe!” – Nó ra hiệu im lặng, vè nhớn nhác bốn chồn, nghiêng nghe đôi tai mỏng vênh như tai khỉ.

Gió đông xạc xào. Rặng tre lá xác xơ khô tướp ngả nghiêng, vượn mình cọ vào nhau kèn kẹt. Loang trong hòa thanh tiếng gió, có một âm cao chênh phô rất chói, vượt lên chấp chới lúc thấy lúc không.

“*Tiếng hú còi xe hồng thập tự. Bố tao đang về.*” – Nó đỏ bừng mặt khẳng định, vụt chạy ra ngoài cổng xóm.

Chú Diễm lái xe bỏ nó về, đương nhiên cha tôi, chú Thường gây mê, cô Cư bác sĩ ngoại khoa cũng về. Họ vẫn sống, đang trở về từ tuyến lửa. Bọn trẻ con chúng tôi chạy ngược ra rìa xóm đón, mồm tranh nhau hú lên, họa theo tiếng còi chiếc xe cấp cứu đang cuốn bụi đỏ trên đường.

Tôi không có khái niệm tuyến lửa khu bốn, mười xe vào còn năm xe như những người lớn nói chuyện với nhau, chỉ thấy cha tôi cùng các cô chú xuống xe cười trắng lóa, người gầy tọp và đen sất lại. Ông đã viết một truyện ngắn mô tả chuyến công tác này, truyện *Một chặng đường* đăng trên báo *Văn Nghệ*. Nhuận bút được 10 đồng, bằng 1/10 mức lương của ông khi đó và khao cả nhà một con gà.

Trong đó cha nói về những quả bom xòe cánh tự động bay chậm ngược chiều nắng, xoay tít như những quả chò đang rụng, về căn hầm cấp cứu dã ngoại nguy trang bằng đồng xác xe ô tô cháy, về những đêm trắng trời pháo sáng, những thầy người đứt đoạn... Ông mắng mỏ cánh lái xe buồng binh trong tuyến lửa ra nằm viện, không tuân y lệnh là đám giặc lái bắt trị nhà trời, khiến họ khoái nhiều hơn giận. Cái mũ sắt đã mất sau một lần chạy bom nhưng cái chắt ngang ngạnh bắt cần thì còn nguyên không mất.

Ông bác sĩ tay dao tay bút trở về, không quên kiểm tra tôi bài học thuộc lòng đã giao trước khi lên đường. Tôi đọc lâu lâu hết đoạn chàng nàng tiễn đưa nhau trong cuốn *Chinh phụ ngâm*, đọc tiếp thêm dằng dặc gần nửa cuốn thơ sầu đời chia phôi chiến trận. Cha tôi hài lòng, nhưng có vẻ trầm ngâm ẩn giấu sau chuyển đi. Tôi chưa đủ hiểu rằng con người, đối tượng

cứu chữa của ông hẳn không chỉ là tổ hợp ghép lại của xương, mô, tạng... mà còn có tình cảm, có trái tim và số phận.

Nhớ mãi một lần, khi tôi vô tình mở chiếc lồng bàn úp trên chiếc bàn ngoài phòng mổ, thấy một trái tim lớn đựng trong chiếc đĩa sắt tráng men trắng. Tôi sờ vào quả tim lạnh ngắt, tưởng tim lợn chú Vạn tiếp phẩm mua cho thằng Bảo. Cha tôi bước ra, nhẹ nhàng bảo tim người đó con.

Trái tim người, bệnh phẩm mẫu của cha tôi cùng kíp mổ đã đông máu. Và tôi đã thấy sau này một trái tim khác, trái tim thằng Khoát bạn tôi văng ra khỏi lồng ngực, lăn trên mặt ruộng Phum Th'mey vẫn còn thoi thóp đập, dù nó đã lìa đời bởi một trái còi 60 ly của lính Pôn Pốt rơi nổ giữa đỉnh đầu.

Những trái tim trụi trần sờ thấy được, hoàn toàn không giống trái tim thất tình lăn trên đường mòn của Trịnh Công Sơn, lại càng không giống *Trái tim chó* của kịch gia Bulgacov đập trong lồng ngực tay vô sản lưu manh Sarikov, để chống lại loài người với tất cả những gì xấu xa nhất, đố kỵ nhất và vô lương nhất.

*

Mưa phùn mùa đông đã về. Tiết này nếu chịu khó mang cái rổ ra đồng theo các chị, đến chỗ những chân ruộng chưa cày, cúi xuống tìm quanh giữa những gốc rạ cũ thể nào cũng thấy loài rau khúc. Lá tầm khúc dính bụi mưa trên lớp lông mịn, bằng bạc xanh nên rất dễ tìm. Thoảng trong hơi mưa nhạt có mùi hương hắc dụ của loài cây họ Cúc, mùi hương quen như muốn hện với buổi chiều ngọt bụng một nồi bánh thơm nóng, bùi đậu xanh và ngậy béo khẩu mỡ gáy giòn.

Chiều đông chóng đói nên lòng dạ con trẻ nghĩ chỉ mơ ăn. Đào đâu ra đậu xanh mỡ gáy? Khẩu phần gạo nhà nước cung cấp

bắt đầu bị cắt giảm, thay thế bằng bột mì Liên Xô viện trợ. Bây giờ có chiếc bánh bột mì rán cầm bông tay đã là xa xỉ lắm rồi.

Chợt nhớ ra một việc chưa làm, thằng bé lấy dao lúi ra chòm ổi dại ven sông. Chòm ổi hoang này mọc từ những bãi phân chim lâu đời, rất rậm và lắm sâu róm. Tôi luôn tìm nhánh chạc ổi đào rất cân đã cẩn thận vít lá giấu kỹ, định chờ nhánh lớn đủ cỡ sẽ chặt làm chạc ná (giàn thun). Than ôi! Nhánh ổi có cái chạc ná đã biến mất, nham nhở vết chặt còn rất mới. Có thằng nào đó đã hót tay trên.

Chung hứng và buồn bã. Mọi thứ để chuẩn bị chế tạo một chiếc ná cao su để đời đã chuẩn bị sẵn sàng. Đôi chun đỏ cắt lựa khéo từ chiếc săm (ruột) xe đạp Sao Vàng hồng, thùng vá liên tục của mẹ, miếng ốp da kẹp đạn cất trộm từ quai túi xách-cốt cũ của cha tôi. Ngay cả đến cái “mỏ” đất sét trắng bí mật ở bờ sông tôi chung với thằng Hòa con bác Nhượng, cũng đợi ngày được về thành những viên đạn tròn khô rắn.

Tất cả chỉ chờ mỗi chiếc chạc ổi lý tưởng mà tôi dự định sẽ chuốt nhẵn mảnh chai, đánh bóng thêm bằng lá đuối rồi treo lòng thòng trên cổ như một vũ khí bất ly thân. Chào mào sáo sậu lẫn những con rắn ráo to lớn dài ngoằng ngoằng hay nằm ngang cạnh bừa, cạnh bờ quân rình phục những con chim tham ăn lơ đãng sắp đến ngày tận số.

Vũ khí bí mật đã bị đánh cắp, giờ thì phải chờ cho đến khi lùng ra một chiếc chạc ná mới.

Thất vọng, thằng bé xách dao thất thểu đi về. Mưa phùn ẩm lạnh, giăng trên mặt sông đang bốc khói trắng như một dòng sữa đục. Mái nhón nhà thờ Thống Nhất lẫn núi Tam Đảo cũng biến đâu mất. Đến Chúa quyền năng của con Lành chắc cũng chẳng giúp gì được cho tôi lúc này.

Mưa thấm ướt vỏ ngoài chiếc áo bông chéo lâu không giặt, càng làm cho hôi hơn. Con đường đất vắng tanh, trơn bóng như mỡ đầy vết bánh xe cải tiến. Dăm con quạ trên mấy cành trấu khẳng khiu bên đường quàng quạc như giễu cợt. Ông mà có cái ná cao su thì chúng mày dám đậu đó trên ông. Tôi tức tối nhại lại lũ quạ lắm lời:

*“Quạ quạ quạ!
Bỏ mày chết đồng rạ
Mẹ mày chết đồng rơm
Ai thổi cơm cho mày
Mày chết nót!”*

Về đến nhà, mẹ tôi cho xem lá thư mới nhận được của dì Hợp. Trong lá thư có tấm hình một đứa bé con mới sinh, đầu trọc lóc như quả bưởi. Tôi hỏi: “Thằng này nó tên là gì hả mẹ?”. Mẹ tôi bảo: “Em là con gái, tên là Lệ Hằng. Lệ không phải là khóc, là nước mắt mà là điểm lệ. Lệ Hằng là một vầng trăng đẹp”.

Nghe thì biết thế nhưng tôi đoán con bé này đầu trọc thế kia có khi nó không biết khóc như con Diệp em tôi. Cũng trong tấm hình, tôi thấy dì lạ hẳn vì tóc đã phi-dê như mẹ chứ không để suông như trước. Tôi không thích tóc phi-dê, bởi tụi trẻ con hàng phố trước lúc sơ tán hay hát trên tôi khi thấy mái tóc phi-dê của mẹ. Chúng nó gào lên, hát nhái theo giai điệu bài hát *Vì nhân dân quên mình*:

“Đầu phi-dê trông cao bồi. Đầu phi-dê trông xấu ghê. Anh em ơi đầu phi-dê trông cao bồi.

Thà cạo tóc đánh môi son, còn đẹp hơn phi-dê. Đầu phi-dê, đầu phi-dê trông cao bồi...”

Cao bồi cái tiên sư nhà chúng mày! Tôi từng lăn vào tấn nhau với thằng Nội, gọi theo tên Việt là thằng Lợi, con bà Thái Lan mới di cư về nước ở cùng phố mỗi khi nó hát thể. Lúc đó tôi nghĩ con bé trọc này đi học tụi nó hát treu chắc không biết đánh nhau đâu, vì nó là con gái. Tôi sẽ đánh nhau với tụi nó để bênh em mình, bênh mái tóc phi-dê của dì.

Lá thư có tấm hình đến trước Tết Mậu Thân, đến cùng những niềm vui may mắn. Tiếng máy nổ chạy thành phạch, điện thấp sáng trưng lán xe phía xa sau màn mưa bụi. Có điều gì đó đặc biệt vừa xảy ra. Tôi chạy sang phòng xét nghiệm, thấy mọi người vui sướng hân hoan bàn tán tin tổng thống Mỹ L. Johnson vừa tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Trời ơi sung sướng làm sao! Giờ thì chẳng còn tiếc gì đến cái ná cao su nữa. Báo Tết mới nhận đã đăng thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cả nhà nao nức suốt buổi tối bên nồi sán luộc, đợi ngày trở về thủ đô sau gần hai năm xa cách.

*“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.”*

V.

Gia đình ly tán tứ phương dần dần trở về. Phố vẫn phố, cây vẫn cây, trải qua bao ngày xa cách, giờ gặp lại mến yêu thân thuộc làm sao. Phùn mưa xứ Bắc, màn mưa riêu riêu của Vũ Bằng như tấm rèm thưa lạnh trùm lên toàn bộ không gian, khiến

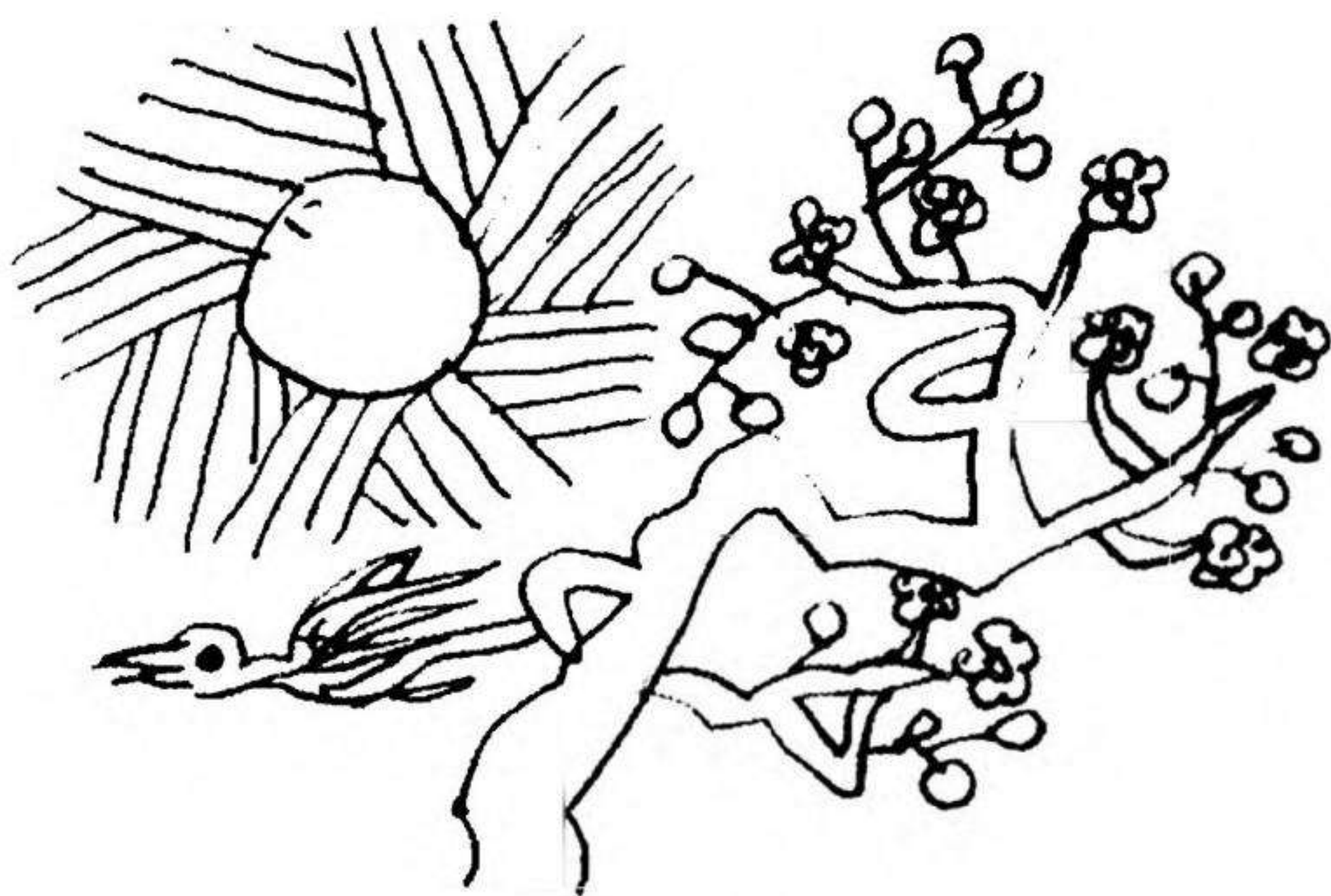
con phố nhỏ như tôi và chật hơn. Lướt chen qua cửa vết ướt đỏ mờ của bó hồng quế gánh hàng hoa cúng, là biết mai rằm. Rằm tháng Chạp coi như cái Tết đã cận kề.

Phố Hàng Khoai trên nơi nhà tôi ở, cùng với Cổng Chéo – Hàng Lược, một phần phố Hàng Mã giáp chợ Đồng Xuân, là khu vực chợ hoa Tết cũ của đất kinh thành. Dòng người đi sơ tán đã trở về, nhộn nhịp trải sắm cái Tết yên bình đầu tiên sau mấy năm bom đạn.

Mới 20 tháng Chạp, Thương nghiệp thành phố đã dựng gian hàng tạm bằng tre tươi và cốt ỏ đầu Hàng Lược, chỗ cầu tàu hỏa Hàng Cót để bán lá dong gói bánh chưng. Lá dong phân phối tiêu chuẩn Tết thường được cất bằng các ô phiếu phụ bì mua chất đốt. Vị trí này cũng là nơi các xe tải chở củi gộc về thành, tập kết bán cho dân để luộc bánh.

Đoạn phố này của Hàng Lược cũng là nơi bán hoa đào. Người trồng hoa ngoại thành chở hoa đào vào phố, buộc gọn cành dựa dọc suốt dọc tường “chùa Tây Đen”, tên gọi nôm na của một thánh đường Hồi giáo duy nhất ở Hà Nội, tọa lạc trên phố. Người bán chọn những cành mẫu nhiều nụ lộc hoa, cầm trên tay mời gọi người mua.

Thời chiến tranh hay thời bao cấp, các cành đào cũng đồng dạng bình đẳng như nhau trong nhất thể chế kiểu dáng bu gà. Tháng hoặc lăm mới thấy vài thể đào phai năm cánh kiểu bạc vươn cành sương kính. Phố hoa đào ngày chợ đông, đứng trên ban công gác hai nhà thẳng Cường nhìn xuống, trông như một con sông nhỏ màu hồng chảy trong mưa bụi. Chỗ này không hấp dẫn bọn trẻ con chúng tôi. Chỉ có các ông già, mấy bác trung niên đi đi lại lại, xem ngắm bình phẩm cả buổi mà có khi chẳng mua cho con người ta cành nào.



Phía Hàng Lược trên là nơi bán các loại cây cảnh nhỏ, các giống hoa trồng trong chậu: cúc bách nhật, cúc móng rồng, cúc đại đóa, cúc vạn thọ, cúc trà mi... Có đến cả chục loại cúc khác nhau. Hàng hoa đá, hoa panse, hoa macgorit... bày cạnh chậu rong la hán, rong kim hàng cá cảnh.

Tôi mê mãi ngắm các hòn non bộ xinh xinh rêu bám xanh rì, giẫm chân trong chậu xi măng ngập nước thả bèo tấm. Tôi thích những mái chùa đất nung cũ kỹ, những cây cầu cong bé xíu nép dưới bóng trúc chỉ hay gốc sanh, si lua tua rễ phụ cây trên non bộ. Những hòn non bộ khéo làm luôn gợi cảm giác thanh thản yên bình. Lão ngư phủ râu dài cô đơn đội nón buông câu, ngồi tịnh trên hòn rêu thắm, mặc xác thiên hạ đang kéo qua rầm rập, hốt hải đuổi theo phút giây đêm trừ tịch sắp cận kề.

Via hè góc giao trên phố Hàng Lược giáp Hàng Mã, người ta cũng dựng một gian hàng tạm bày bán tranh Tết và câu đối Tết. Đây là chỗ khoái thú của ông ngoại tôi. Các câu đối viết, in bằng chữ quốc ngữ, bo theo khuôn hình ô van hoặc tròn trên nền đỏ cho có vẻ theo lối mẫu tự cổ điển tượng hình. Ông tôi mua mấy câu đối về dán lên đỏ tường. Nội dung đại loại một câu như tôi còn nhớ:

“Vui Tết thi đua xường máy ba ca lò đỏ lửa

Mừng Xuân thắng lợi cánh đồng năm tấn lúa vàng bông”

Ông giảng giải cho tôi về niêm luật câu đối, phải đối ý đối lời, đối màu sắc, đối số lượng, đối âm bằng trắc... thậm chí đối cả điển cổ trong những câu đối bắt hủ để đời. Có những câu đối hiên ngang trước hoàng triều kẻ địch thù, khiến bậc tiết tháo vong thân báo quốc. Ông cao hứng, ngâm nga:

“Đồng trụ chí kim đài dĩ lục

Đằng giang tự cổ huyết do hồng... ư... ư...”

“Ông Giang Văn Minh đây! Thế mới gọi là đối nhau chan chát. Hiểu chưa?”. Ông tôi vỗ đùi đánh đét, khoái trá giảng tiếp: “Tỷ dụ như câu đối trên tường kia nhé! *Vui đối với Mừng, Xuân đối với Tết, Thi đua đối với Thắng lợi* thì quá chinh, không có gì phải bàn. *Xưởng máy đối với Cánh đồng* thiết tưởng chẳng còn gì hay hơn, phải không? Nó là *Công nghiệp đối với Nông nghiệp*, là hình tượng hóa hình ảnh búa đỏ đối với liềm vàng luôn sát cánh. *Ba ca họa với Năm tấn, Đỏ lửa sánh với Vàng bông*. Một chủ nghĩa xã hội giàu màu sắc đang hiển hiện diệu kỳ trên một câu đối có công nghiệp, có nông nghiệp, có cụ thể thời gian công hiến, có thành quả gặt hái của lao động. Trời ơi hay quá, tuyệt cú quá! Hiểu chưa?”.

Bà ngoại tôi đang ngồi rọc tước lá dong, bỗng gắt lên với ông: “Thành quả cái gì! Nhà hết mì sợi rồi, định ăn bánh chưng vả qua Tết à? Ông có đi xếp hàng mua ngay cho tôi không?”.

Ông tôi ngừng giảng, giữ giữ cái bao tải vá, lẳng lặng lấy sổ gạo ra cửa hàng lương thực phố Hàng Đồng. Tiếng guốc mộc của ông khua rộn vang hè phố một ngày lạnh cuối đông.

Ông ngoại tôi thích câu đối, nhưng tôi thích pháo hơn. Những ngày áp Tết đang ở phương trời nào, chợt nghe tiếng pháo lẻ đi đẹt, nghe mùi thơm khói pháo thoảng trong gió đông hây hẩy là chỉ muốn mau trở về nhà với gia đình đầm ấm. Tiếng pháo lẻ nghe trên đường xa hắt khiến lòng người lớn sốt ruột, nhưng luôn gây háo hức với tụi trẻ con đang mong chờ kỳ nghỉ Tết. Bao nhiêu tiền bà hay mẹ cho ăn quà, tôi đều để dành mua pháo đốt.

*“Đi đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Om sòm trên vách bức tranh gà.”*

Pháo chuột hay pháo tép, là loại pháo nhỏ nhất chỉ dành cho trẻ con đốt chơi, giá tám hào một bánh. Bánh pháo tép có

120 quả, tết thành phong từ những quả pháo ngắn chừng 3cm, thân nhỏ như nén hương trầm và có nhiều màu sắc khác nhau. Năm quả màu lục, tiếp năm quả màu vàng, đến năm quả màu đỏ suốt chiều dài bánh pháo. Hai bên dây ngòi cũng phải tết đối màu nhau... Cứ thế, cả phong pháo là một dải màu hết sức vui mắt. Tuy nhỏ nhưng tiếng pháo tép nổ khá đánh vì ruột pháo sử dụng thuốc nổ lưu huỳnh vàng.

Pháo cầu tám thủ công Bình Đà là loại phổ thông nhất, giá đồng hai một bánh 180 quả. Vía hè dài phố Đồng Xuân từ nhà số 1 sát phố Cầu Đông đến nhà số 29 cạnh phố Hàng Chiếu chuyên bán loại pháo này. Khu nhà số 9 vốn là một cái chùa cũ, sau tiếp quản Hà Nội dần dần vào ở, trở thành một khu chung cư nhiều hộ. Đây là một “công xưởng” sản xuất bao bì cho các bánh pháo gia công. Vỏ pháo hồng thấm giấy bản mấy lượt phủ bên ngoài, bên trong ruột vẫn quấn giấy báo. Thuốc pháo diêm sinh đen, sau này người ta trộn thêm bột nhôm mịn để khi nổ có ánh chớp sáng lòa, gọi là pháo điện quang.

Là pháo gia công nhưng pháo Bình Đà nổ khá giòn, nhất là khi chống ẩm tốt. Nhược điểm của loại pháo này là ngòi ngắn và cháy rất nhanh, có khi nổ ngay trên tay vì chưa kịp ném đi. Gần đến giao thừa, cậu tôi hay để bánh pháo lên vung thùng bánh chưng đang luộc để sấy, hy vọng tràng pháo khai xuân nổ giòn giã, mang lại nhiều điều may mắn.

Pháo Trúc Bạch là loại pháo chất lượng nhất, do nhà nước làm và chỉ bán theo tiêu chuẩn mỗi gia đình một phong trong túi hàng Tết, giá đồng rưỡi. Phong pháo Trúc Bạch 180 quả, kích cỡ lớn hơn pháo gia công một chút. Mỗi phong kèm thêm năm quả pháo đùng ngòi kép để mắc vào bánh pháo khi đốt. Ngòi pháo dài, cháy chậm rất an toàn.

Vỏ pháo Trúc Bạch toàn bộ từ trong ra ngoài quần giấy bản màu hồng nhạt. Bánh pháo treo trên tầng hai chớp nổ giòn giã, thỉnh thoảng điểm tiếng trầm lớn đỉnh đặc của pháo đùng. Dọc phố giao thừa rền rền tiếng nổ. Pháo tan, xác pháo hồng bay lỏa tóa như một trận mưa cánh hoa đào.

*

Sau kỳ nghỉ Tết, tôi học tiếp học kỳ cuối lớp hai trường Thanh Quan trên phố Hàng Cót. Trường cách nhà tôi chưa đầy 200m. Thầy trò luôn phải đi cổng phụ trong phố hẹp Hàng Chai, vì cổng chính dưới dòng tên lớn *École Brieux* khắc chìm không hiểu sao hiếm khi nào mở.

Ngôi trường đổi tên liên tục theo biến động chính trị xã hội từng thời kỳ của Hà Nội. Thời tiền chiến, nó có tên là trường nữ học Brieux. Dưới nền cộng hòa ngắn ngủi năm 1945 – 1946, được đổi tên thành trường Lê Chân, một nữ tướng của Hai bà Trưng. Chiến tranh bùng nổ, Pháp chiếm Hà Nội, nó lại trở về cái tên *École Brieux* như cũ. Sau này được gọi là trường Bà huyện Thanh Quan, hay trường Thanh Quan cho đến tận bây giờ. Giáo dục luôn là một bộ phận đi kèm của chính trị, cho dù chỉ là một cái tên gọi thuần túy hình thức.

Thanh Quan là một ngôi trường nhỏ nhưng kiến trúc đẹp, có thể nói đẹp nhất trong những trường học ở Hà Nội. Ba dãy nhà học hai tầng hình chữ U ôm lấy sân trường. Cuối sân là một dãy nhà một tầng để xe, để tập trung những hôm trời mưa. Bờ nóc đầu hồi, các bờ chày mái ngói uốn cong mềm mại. Diềm các viên ngói ống trang trí bằng sành đúc hoa chìm chữ Thọ. Đầu đao các góc mái đắp họa tiết mô phỏng mây cuốn, đầu nghê, hoa văn triện chiếu rất tinh xảo.



Phía trên cổng chính nhà trường mé phố Hàng Cót có đôi rồng đắp nổi, vảy cần mảnh sứ trắng men. Đôi rồng mềm mại uốn lượn châu mặt nguyệt cách điệu, là một chiếc đồng hồ tròn lớn chữ số La Mã. Sau này người ta đã tháo cái đồng hồ đó đi, để lại một lỗ trống trơn như con mắt chợt vô duyên.

Toàn bộ sàn lớp học, lan can tay vịn cầu thang cũng như bàn ghế trong nhà trường đều được làm bằng gỗ lim già lên nước sừng đen bóng. Những chiếc bàn lim mặt nghiêng có khoét lỗ tròn để bình mực, có rãnh bào soi để bút không lăn, có học bàn rộng để cặp sách...

Chao ôi! Gần hai năm trời, thằng bé con từ thuở khai tâm học hành nơi thôn dã, dưới mái rạ cái lều vệt đắp lũy đất, nay được học trong một ngôi trường lộng lẫy như thế hỏi sao không hưng phấn. Ngay ngày đầu tiên, tôi trèo lên lan can tay vịn dốc cầu thang trượt xuống. Thanh tay vịn gỗ lim trơn bóng, tốc độ trượt vù vù. Không thể làm chủ tốc độ, đến đoạn ngoặt đổi hướng, tôi tuột tay ngã ngửa trên chiếu nghỉ, máu đầu chảy lênh láng. Mọi người bế thằng bé con nghịch dại vào phòng giám hiệu rửa vết thương, bôi thuốc đỏ băng lại rồi đưa về nhà. Trường này đúng là trường nữ sinh, không phù hợp với những thằng con trai nghịch ngợm.

Dạy lớp chúng tôi là thầy Quý, nhà ở ngay số 2 phố Hàng Chai sát trường học. Không rõ thầy là một giáo chức lưu dụng của chế độ cũ hay một công chức chuyển nghề, nhưng năm đó thầy đã già lắm, già gần như ông ngoại tôi, mái tóc bạc trắng cả. Tụi nhóc con vất mũi chưa sạch lớp 2B, đáng tuổi cháu chắt vẫn gọi thầy xưng em như thông lệ nhà trường trong nền giáo dục mới Xã hội Chủ nghĩa. Sau năm 1975, các nhà trường miền Bắc bắt đầu điều chỉnh lối xưng hô, gọi thầy xưng con như các nhà

trường miền Nam, như thời Hà Nội chưa được nhà nước Công nông tiếp quản.

Thầy giáo già không bận tâm đến lỗi xưng hô bình đẳng thô thiển và bất tiện này, vẫn phong thái nhã nhặn đến hiền lành dù lũ trẻ con nghịch như quỷ sứ. Chưa thấy thầy phạt đứa nào dù đôi khi lớp ồn như một cái chợ. Chúng tôi kéo đến nhà thầy chơi. Ngôi nhà một tầng mái ngói đầu phổ thầy ở là một thư viện thứ thiệt. Ở đó có hàng dãy các pho sách dày cộp, nếu rơi xuống từ trên giá ắt có đứa vỡ đầu.

Thầy kể những chuyện xưa xưa bên Tàu theo lối giọng riêng dễ hiểu đời thường, khiến tụi trẻ con há hốc mồm nghe. Các nhân vật nữ trong chuyện của thầy toàn loại rạch giời rơi xuống cả. Chắc vì thế nên thầy sống độc thân. Tôn Nhị nương nhé! Nom nó đẹp thế, mồm nó khéo thế, nhưng cứ đêm đêm lại cùng thằng chồng thịt vài lữ khách lỡ độ đường, làm bánh bao nhân thịt người chén. Phàn Lê Huê hả? Sắc nước hương trời thiên hạ khó ai bì. Ấy thế nhưng nó tuyên bố chỉ thích Tiết Đinh Sơn. Của ngon dâng đến tận mồm rồi nhưng Tiết Đinh Sơn nó chê, từ chối bỏ chạy. Đời thế mới éo le. Cô nàng nổi cơn điên đuổi theo tóm sống thằng cha ba lần, hết dìm nước lại treo lên cây cho kiến cắn, chỉ để ườn ẹo đi xung quanh hỏi có mỗi câu: *Chàng có định lấy thiếp không thì bảo?*

Một ngày đẹp trời, thầy gọi tôi lên bảng kiểm tra đọc thuộc lòng bài thơ gì đó gọi pháo là voi. “Voi à voi ơi, voi đi đánh nhé, voi gặm voi xé...”. Tôi không học vì bài thơ trúc trắc, lằng nhằng khó thuộc. Thơ gì lắm voi quá! Trong vườn Bách thảo khi đó chỉ có một con voi già, được thưởng huân chương Kháng chiến hân hoi. Còn trong bộ tam cúc của bà tôi có bốn con tịnh thôi. Áp úng được vài câu, tụi bên dưới nhắc ào ào không ăn thua. Thầy giương mục kính hỏi, có ý gỡ cho thằng bé con:

“Thế bây giờ em thuộc bài nào?”

“Dạ...! Bài làm tướng ạ!”. Tôi trả lời vô tư.

Bài *Phép làm tướng* mà Gia Cát Lượng mắng làm Tào Chân uất lần ra chết trong cuốn *Tam Quốc tập* 7. Cuốn sách này mẹ tôi thu của một anh học sinh đọc trộm trong giờ học, mang về nhà, tôi đã đọc nó nghiền ngấu. Bài thơ mắng địch này không hiểu sao tôi lại thuộc lâu.

“Làm tướng hả? Ai chà! Vậy đọc đi!”

“Ôi, phép làm tướng

Phải biết mềm cứng

Biết lo biết lường

Biết lui biết tới

Biết nhược biết cường”

Tụi bạn bên dưới ngạc nhiên, bắt đầu nhón nháo, có đứa bịt mồm cười khúc khích. Thầy lữ mắt dọ cho chúng nó yên lặng, lại phẩy tay khuyến khích tôi đọc tiếp.

“Vững vàng như núi đá

Biến hóa như âm dương

To lớn như trời đất

Đầy đủ như kho tàng

Rộng mênh mang như bốn bể

Sáng vằng vặc như tam quang,

Biết thiên văn khi mưa khi nắng

Thuộc địa lý chỗ hiểm chỗ thường...”

“Thôi thôi, đủ rồi! Dừng lại!” – Thầy giáo già khoái trá ha hả cười lớn, bật ra một câu tiếng Pháp:

“Merci beaucoup! Mười điểm về chỗ!”

Đời thật vô thường, cũng như thơ phú, chẳng biết đâu mà lần. Cùng một bài thơ mà kẻ lẫn ra học máu mồm, kẻ được điểm thưởng tối đa. Ăn nhau chắc là do thời thế mà thôi!

*

“Chẳng có ai té nhật ở trên đời”, một anh học trò nhỏ, một cái ngỗ con con, một gốc sấu già, thậm chí một đồ vật cũ kỹ cũng có những câu chuyện số phận riêng mang dấu ấn của thời đại, nếu nó biết nói ra.

Nhưng đây là một vật biết nói hân hoan, dù chỉ nói những lời người ta muốn cho nó nói. Nó là cái radio hiệu Marconi vỏ gỗ chạy đèn điện tử năm băng tần, có một kênh PU ampli cắm nối với máy quay đĩa nghe nhạc do Italia sản xuất. Thời cải tạo tư sản tư doanh, bà tôi cho con rể là cha tôi để khỏi phải kê khai.

Những năm sơ tán, cha tôi gửi nó cho bà nội, một nhân viên thủ kho mậu dịch quốc doanh. Kho hàng của bà nằm trong ngõ Mai Hương gần chợ Mơ, đã hai lần bị bom Mỹ oanh tạc. Một chùm viên bi văng từ trái bom mẹ, xuyên lỗ chỗ trên tường nhưng không viên nào dính chiếc radio. Mỹ ngừng ném bom, chiếc đài lại trở về, phủ tấm khăn viền đăng ten trắng ngời chính chệch trên bàn. Những ngày Chủ nhật, bên cạnh nó có thêm một bình hoa hồng.

Khoảng những năm 50, 60 của thế kỷ trước, đó không phải là một chiếc radio mà là một gia sản, đòi hỏi phải có giấy phép sử dụng. Riêng với tôi nó là một kỳ quan. Hồi còn bé tí, tôi đã cố nhòm vào bên trong, xem có thằng bé tí hon nào đang hát ở bên trong nó không. Xoay chiết áp âm lượng kêu giòn cái tách, đèn hiệu vàng ảm bật sáng, nhưng nó chưa hát hay nói ngay

được. Phải chờ một chút, khi các bóng đèn điện tử bên trong nóng lên, radio mới hoạt động.

Trên bảng mặt tiền bằng mica, người ta kẻ tên đánh dấu vị trí dài tần số các đài phát thanh trên thế giới: London, Paris, Roma, Berlin, Vienna, Warszawa... Chiếc kim chỉ thị đỏ, trượt qua tên những thủ đô xa xôi luôn gọi nổi niềm háo hức, mơ ước một lần được đặt chân qua trong lòng đứa trẻ mơ mộng đọc nhiều. Khi xoay đúng tần số của một đài nào đó, cái mắt thần độc nhãn tròn mở ra, sáng xanh màu lá mạ.

Đài Tiếng nói Việt Nam phát trên sóng trung tôi thuộc nhạc hiệu từng buổi phát thanh. Đúng sáu giờ sáng, khi đài bắt đầu *“Diệt phát xít, giết bảy chó đê hèn của chúng”*, tiếp tin thời sự trong giọng đọc Trần Phương, Tuyết Mai là phải dậy chuẩn bị ăn sáng đi học. Tiếng đàn bầu da diết buổi tối *Tiếng thơ*. Tiếng tỳ bà, thập lục quện nhau thánh thót chương trình *Đọc truyện đêm khuya* trong giọng đọc Kim Cúc... Thú nhất là tiếng nhạc rộn rã, có cây *contrabass* trầm canh nhịp trong chương trình *Người Sư tử kể chuyện* sáng Chủ nhật. Buổi phát thanh này sinh động lời cuốn tôi hơn cả.

Ngoài Đài Tiếng nói Việt Nam, cha tôi còn mở băng sóng ngắn, nghe thêm chương trình Việt ngữ đài BBC phát lúc sáu rưỡi chiều hằng ngày. Tôi quanh quẩn trong phòng, tò mò cảm nhận có một cái gì đó khác lạ về ngôn ngữ từ các tin bài do Đỗ Văn, Hữu Đại dịch thuật:

“Tin Ai lao. Cộng quân đã tràn ngập Sê Pôn và Bán Đông, dưới sự yểm trợ của chiến xa và pháo nặng. Quân lực Việt Nam Cộng hòa đang buộc phải triệt thoái. Hỏa tiễn đối không SAM – 2 đã được đưa vào sát Khe Sanh...”

Đến bữa cơm, cha tôi khen đài này nó nhanh tin và khách

quan. Ông tôi không bằng lòng, bảo: “Này anh bác sĩ, đừng có đi nghe đài địch”. Cậu Nhân cùng phe với cha tôi, hớn hờ kể rằng bên Trung Quốc anh em, người ta đã làm ra những cái radio không có chức năng dò sóng, mở ra chỉ toàn tự động phát mỗi đài phát thanh Bắc Kinh thôi. Bà tôi nghi ngờ nhìn cậu, bảo đồ thâm nho như Tàu.

Thằng bé chưa hiểu gì, chỉ nghĩ cái kim đồ thần tiên kia nếu chết im một chỗ, chẳng còn lướt bay trên các thành phố xa xôi, các miền đất mơ ước có tên trong các câu chuyện nó đọc thì thật đáng buồn.

*

Đầu tháng Ba, những búp lửa đỏ thắm tua tủa như giá nến, thấp trên cành ngang cây bàng trước cửa nhà. Những phố cũ Hà Nội, hầu như phố nào ít cũng có một hai cây bàng.

“Mùa đông áo đỏ, mùa hạ áo xanh.

Cây bàng khi mở hội là chim đến vây quanh.

Nhớ cây bàng trước ngõ giờ bom giặc đập gãy lá cành...”

Cây bàng trước cửa nhà tôi không bị bom đạn đập gãy, nhưng khi đi sơ tán tôi đã rất nhớ nó. Ngày mới trở về, tôi đã chạy ra ngắm phố, đi vòng quanh cây bàng, âu yếm sờ sờ vào thân nó thay cho lời chào gặp mặt.

Ông tôi khẳng định gỗ “bàng già bằng bà lim”, kể chuyện hồi ông đi tù đế quốc ở Côn Đảo, có những cây bàng cổ thụ trăm năm, gốc to bằng nguyên tám phần. Không biết có đúng không nhưng trong nhà chẳng thấy đồ nào dùng gỗ bàng bao giờ. Bàng là loại cây quen thuộc, lớn lên và gắn bó với hình hài phố cũ. Tháng Năm, khi cây bàng hai bên đường khép tán, phố

sẽ rợp bóng đan mát rượi mùa hè.

Vòi hoa trắng li ti đã rụng và cây bàng ra những trái con bé xiu. Tôi cắm bốn que tăm, gắn bốn trái bàng bé đó vào cạnh một trái bàng lớn hơn, gắn thêm một trái bé nữa trên đầu cuống. Thế là đã có một con rùa xanh, giống y như những con rùa hồ Hoàn Kiếm. Đôi khi mãi chơi, buồn tè chạy vào nhà, lúc ra, đàn rùa xanh của tôi đã tan nát dưới gót chân những khách bộ hành vô thức, chẳng đoái thương gì đến chuyện vua Lê.

Sau trận mưa rào sầm trời tối đất cuối hạ, tụi trẻ con hàng phố xô ra tranh nhau những quả bàng chín vàng bị rụng. Chén hết lớp thịt ngọt, nhai nải cắn nửa hòn gạch ghè cho vỡ hạt, lại thêm được cái nhân bùi hình bầu dục.

Mùa đông, bàng rụng hết lá, mở ra một thứ ánh sáng âm đạm cho những ô cửa xanh ngái ngủ. Chiều một ngày gió bắc, phùn mưa bay chéo xiên, như muốn đẩy những lò xo ngồi cũ trôi xuống lòng phố hẹp. Cành bàng trụi gân guốc hoành vươ, dáng hiên ngang dịu dờ những mái cổ trầm nâu. Có thể nói đó là một tương đồng kiến trúc về bố cục, về màu sắc, mang trĩu nặng tâm tình của lớp người hoài cổ.

Đem bàng trồng cạnh một cái biệt thự tây sáng láng màu sơn, cân bằng niêm luật e chẳng hợp, bởi cành bàng luôn phóng túng đến bất cần. Ngày tháng Chạp mù sương, ngấm gốc bàng già u uẩn, cuộn phát hay vung bay những nét tranh thủy mặc trên nền xám của bầu trời thiếp, thấy lạnh lùng hơn một chút cô đơn, một chút ngang tàng.

Có hai cây bàng già nghiêng gốc, đứng canh cửa nhà hộ sinh số 1 Hàng Rươi của bà Vinh, đoạn cổng chéo Hàng Lược, nơi tôi được sinh ra. Dưới hai gốc bàng già luôn thường trực hai xe đẩy bán táo dầm, nhót dầm mùa nào thức ấy của ông Quyền

và ông Bảo. Trẻ con mua táo dầm, nhót dầm được kèm thêm cho xem truyện Tàu có tranh quốc họa. Những cuốn truyện tranh bìa quần cũ rách, nét vẽ tuyệt vời sinh động, để cạnh chiếc cống lớn đựng táo dầm, như một chiêu luân hồi khuyến mại.

Chỉ với hai hào mua táo, người ta có thể chiêm ngưỡng nhan sắc Nhị Kiều Đồng Tước, hay vẻ thướt tha kiều mị Điều Thuyền. Những trang sách mở nhanh dưới bóng bàn che tán lá. Vinh nhục cuộc đời Khương Duy, Tào Tháo lẫn các hưng phế vương triều trăm năm trôi vèo qua chỉ trong chớp mắt, trong một buổi trưa nồng với vị ngọt sất của đường hóa học, vị cay của ớt bột quá thìa.

Bà Vinh chủ nhà hộ sinh, giàu kinh nghiệm từ thời Pháp, là chị ruột bác Lộc, bạn đồng môn Đại học Y khoa cùng với cha tôi. Khi tôi lọt lòng, đang nhót nhèo oe oe khóc trong tay bà, hai cây bàng cổ thụ đang vào mùa ra trái. Đến khi mặt nhàu anh lính trận, là thằng tôi may mắn trở về thăm cây phở cũ, đôi gốc bàng già cũng chẳng thể nghiêng hơn.

Đời cây đời người vất vả, trôi qua hết cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác, chẳng lúc nào được yên nhưng vẫn còn ham sống. Đất nước thống nhất hòa bình, nhà hộ sinh được trưng dụng làm trạm y tế, làm trung tâm văn hóa rồi xây trụ sở Ủy ban Nhân dân phường Hàng Mã, hai cây bàng xưa tự bật gốc lìa đời.

*

Sinh nhật con Diệp em tôi, bà ngoại mua cho nó một con búp bê, niềm ước ao của nó đã ấp ủ từ lâu. Đây là con búp bê đầu tiên ra mắt trên kệ hàng mậu dịch, mà bà ngoại tôi là nhân viên dán phiếu cửa hàng mới sớm mua được.

Con búp bê váy chấm, đôi mắt to vẽ sơn đen láy, cái mũi hếch trên gương mặt xinh xinh hồng hào, chiếc mũ viền trôm kín đầu, lộ ra những búp tóc bum-bê duyên dáng. Con búp bê đầu tiên của tuổi thơ khiến nó háo hức đến mất ngủ, vì sợ nằm đè vào “em bé”. Nó lấy giẻ hoa vụn cũ, cắt may váy cho búp bê những bộ đồ để thay đổi. Tôi không khoái thứ đồ chơi con gái, tôi thích bộ xếp hình vạn năng bằng các tấm gỗ hơn, chẳng buồn quan tâm đến cô nàng đom dáng mới xuất hiện.

Đến khi em tôi tháo váy cho nó để thay, tôi mới biết hóa ra thân hình con búp bê được làm bằng vải nhồi mùn cưa bên trong. Nửa đầu búp bê và các bàn tay, bàn chân được đúc bằng đất sét phủ sơn. Gương mặt đất sét đang trước sơn vẽ cẩn thận, được dán keo khéo léo với phần đầu nhồi mùn cưa phía sau thô kệch. Một sự tương phản đến đáng kinh ngạc, gây ấn tượng mạnh cho một thằng bé con vốn giàu mơ mộng. Khi tất cả được phơi bày, sự thật dường như bao giờ cũng khó chấp nhận. Người lớn lại nói đúng, những tấm huân chương cũng có hai mặt, nói gì một con búp bê trẻ con.

Trái với sự thất vọng của tôi, con Diệp vẫn nựng cái cục vải nhồi thô kệch đến thảm hại đang nằm trên chiếc gối xinh: “*Em nằm ngoan nhé! Để chị thay đồ cho em nhé!*”. Nó cẩn thận chăm chút đội mũ, mặc váy, đi tất dài... và cục vải nhồi sau dăm phút lại trở thành con búp bê xinh xắn. Diệp yêu quý con búp bê này lắm! Nó đã trở thành một nhân vật quan trọng trong trò chơi đồ hàng tẻ nhạt của lũ bé gái bạn con Diệp.

Một thời gian sau, mặt con búp bê xinh xắn bị sút sẹo, tróc sơn nhiều chỗ. Đường may bên thân bị bục chỉ, mùn cưa lòi cả ra ngoài khiến nó gầy hao đi và mềm oặt, dù mẹ tôi đã phải khâu nhồi sửa chữa lại mấy lần. Có lẽ phụ nữ dễ chấp nhận, dễ bằng lòng với những ước lệ và vị tha hơn đàn ông ngay từ nhỏ nên

dù con búp bê đã gần nát, túi cái Diệp, cái Hoa, cái Hồng... vẫn chăm chút cung phụng nó như một cô công chúa.

Kể cả là công chúa thì cũng đến lúc lìa đời. Cô búp bê bị bỏ quên trên gác sân sau một lần chơi đồ hàng. Qua trận mưa đêm, mặt cô bị ngấm nước, vỡ tách một bên má. Bọn con gái chung hững, cãi cọ đổ lỗi cho nhau. Tôi được đề nghị đóng giả lính phát xít Đức, xử giáo nữ anh hùng du kích Liên Xô, chị Zôia dũng cảm mà cả bọn vừa mới xem trong truyện.

Thằng bé vào vai, chụp chiếc mũ phớt tàu, ngậm pip thuốc của ông lệch mồm, làm bộ hung ác treo cái thân hình éo uột trùm tấm váy rũ của con búp bê lên cây thuốc dầu bà trống trong bốn cảnh. Có tiếng thút thít của lũ con gái đáng thương. Với túi con gái ưa tưởng tượng, búp bê nhồi mùn چرا lúc chết cũng phải được chết như anh hùng. Còn tôi, mỗi lần nhớ đến con búp bê ấy lại chỉ nhớ đến một cục vải nhồi có khuôn mặt đẹp đẽ, với lòng thương cảm một món đồ chơi nghèo nhưng giàu kỷ niệm với người bà nhân hậu của tôi.

Những năm cuối của thập kỷ 90, tôi thi công cải tạo một khách sạn gần quán cà phê Nhân, phố Hàng Hành. Mỗi khi đi qua Hồ Gươm góc Bảo Khánh, tôi lại gặp những cô búp bê đơn giản tự làm bằng xốp cách nhiệt, trông tựa các hình nhân vụng về trên kệ bán hàng của một bà cụ cô đơn. Số phận run rủi bất tôi luôn phải nhìn thấy những con búp bê xấu xí thì phải. Đời đã có những con búp bê lộng lẫy hơn, tinh xảo hơn, thậm chí biết giả vờ yêu và biết làm tình. Các cô búp bê của bà chỉ có giá trị khẳng định rằng bà đang lao động, bà không phải kẻ ăn xin.

Tôi đi qua không dừng xe mua giúp bà cụ cô búp bê nào. Có lẽ vì thế nên đã trót mua phải một niềm trắc ẩn trong lòng, để đến giờ vẫn luôn nhớ đến chúng.

*

Sáng Chủ nhật, tôi cùng thằng Long nhà bên cạnh lên Cầu lạc bộ Thiếu nhi. Mẹ cho hai hào để đi tàu điện và ăn kem. Vé tàu điện Đồng Xuân – Bồ Hồ năm xu một lượt, vị chi khứ hồi tất tặt là một hào. Kem cốm cứng 1 hào nữa là hết ngân sách. Nhưng đời nào chịu mất tiền vé tàu điện. Tôi toàn lên tàu xin: “Chú ơi cho cháu đi nhờ”. Ngày Chủ nhật vẫn đeo khăn quàng đỏ như quy định của cầu lạc bộ, và để nhắc nhở chú phụ vé rằng ai lại nỡ lấy tiền thiếu nhi ngoan? Hôm nào gặp tay “sơ vơ” hắc xì dầu đổi ca thì hiện nguyên hình đu bậu. Bị đuổi gắt thì bỏ xuống phốc lên toa sau. Trên tuyến Hàng Ngang, Hàng Đào tàu chạy chậm. Khăn quàng đỏ đu tàu, phơi phơi trên cổ bay dọc phố vui.

Tôi học lớp Ký xướng âm do anh Lê Bùi dạy. Lớp này nằm đầu tiên trong tòa nhà hai tầng cũ, ngay đầu bên tay trái cổng vào. Hồi đó Cầu lạc bộ Thiếu nhi là một kiến trúc đẹp và xinh xắn, chưa có cái dáng dấp vuông to bề thế kiểu Xô Viết như về sau người ta cải tạo xây lại. Bài hát mùa hè đầu tiên bay bổng tha thiết làm sao. *“Mi mi mi, đồ đồ. Mi mi mi, đồ đồ...Ve ve ve, hè về. Vui vui vui, hè về...”*. Ngay từ lúc đó, dù chưa hề biết đến một cuộc chia tay mùa hạ nào, nhưng trong lòng đứa bé con đã cảm một ca khúc với âm giai rộng, giàu cộng hưởng và có một chút buồn buồn, không hề vui vui vui như nó mô tả. Ai không tin cứ thử nhắm mắt lại, tưởng tượng ngân lên đủ ba bè trong khúc hát vừa rồi sẽ thấy.

Cạnh lớp ký xướng âm, phòng kế bên phía Lê Lai là một “bảo tàng” tự nhiên thu nhỏ. Trong đó tôi nhớ nhất có một tiêu bản con cá thần kỳ dài hai mét. Họ ghi chú trên biển giới thiệu là cá ngựa, nhưng tôi thấy nó giống hệt những con cá mập vẽ trong sách. Lần nào đến tôi cũng phải vào đó ngắm bằng được con cá.

Câu lạc bộ Thiếu nhi của tôi nhưng ông bà tôi vẫn hay quên tên mới, gọi là Ấu trĩ viên, nghe rất buồn cười. Ở đó tụi trẻ con được đăng ký học các lớp năng khiếu mà mình thích và hoàn toàn không phải đóng tiền. Lớp Nghi thức Đội nhể nhại giậm chân tại chỗ giữa trời nắng trong tiếng trống ếch cà rùng còn được tiền bồi dưỡng.

Các bạn hát hay trong nhóm Sơn ca, Hoạ mi của thành phố đến dạy chúng tôi bài hát *“Anh Dương Văn Nội mười lăm xuân xanh, mà từng chiến đấu xông pha tung hoành”*. Bài Lý và Sáo, với thằng *“Lý làm lý giống tính ông Lâm Lý”* nữa. Đến đoạn đó, ca sĩ thiếu nhi hướng dẫn giả bộ ho khục khục văng cả kính cận, bắt chước ông Lâm Lý rất giống làm lũ chúng tôi cười chết sặc.

Ngay cả xem phim tại câu lạc bộ cũng không mất tiền. Phòng chiếu phim nằm trên tầng hai. Tôi đã xem đi xem lại cuốn phim về loại máy bay TU.144 mũi quặp như con chim, rồi về cái máy bay đó và được khen hẳn hoi. Còn cả phim *Chế ngự lửa* nữa, nói về ông tổng công trình sư tên lửa vũ trụ nổi tiếng lắm. Trời ơi! Đất nước Liên Xô Xã hội Chủ nghĩa với những đồng hoa, những rừng dương trong phim đẹp như tranh vẽ, đẹp đến thốn thức.

Một bài hát hay được dạy tại đây:

“Vàng đen trắng, nước da không chia tám lòng.

Biên giới sâu, không ngăn mỗi dây thân tình.

*Loài giặc kia, không ngăn tình yêu chứa chan,
của đoàn thiếu nhi*

hàng mong yên vui thái bình.

Vui liên hoan thiếu nhi thế giới...”

Một tình cảm yêu mến những đất nước, con người xa xôi, yêu mến Trái đất được hình thành từ đó. Chỉ có điều khi ra về

thấy hơi tui tui vì thiếu nhi thể giới chưa liên hoan xong, cái que kem bé bỏng đã tan quá nhanh dưới nắng bỏng mùa hè. Chiếc que dẹt còn cầm trên tay nhưng hương sữa cốm kem đã biến mất như ảo ảnh, lẫn trong nhịp còi xe hổi hả một ngày Hà Nội oi nồng.

*

Đã sáu giờ sáng, trời vẫn tối mờ dưới tán lá xà cừ phố Hàng Chiếu, nhưng lũ học trò lớp 4H đã tập trung xếp hàng, tuần tự đội ngũ đến trường Kim Đồng trong ngõ nhỏ Thanh Hà.

Chúng tôi đến sớm, ngồi trong sân để truy bài. Vài đứa ngồi gom với nhau, truy hỏi nhau các câu hỏi bài học hôm trước, kiểm tra vở nhau xem đứa nào không làm bài tập về nhà. Những công việc đó gọi là truy bài, trong khi đội trực tuần băng đỏ trên tay, đi lại sẫm soi kiểm tra xem ai quên đeo khăn quàng đỏ, ai đeo khăn không đúng quy định.

Chiếc khăn quàng đỏ trên vai đứa trẻ 10 tuổi được gán vào đó một ý nghĩa chính trị vô cùng lớn lao. Khăn quàng đúng nghi thức đội viên Đội Thiếu niên tiền phong thắt bên trái ngắn bằng hai phần ba bên phải, giữa múi khăn thắt phải cân đối vuông vức. Bên trái ngắn, tượng trưng cho tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong. Bên phải dài hơn, tượng trưng cho Đoàn Thanh niên. Chính giữa, nơi vuông vức nút khăn tượng trưng cho Đảng Cộng Sản, khi đó có tên là Đảng Lao Động quang vinh và Bác Hồ vĩ đại. Anh Liên đội trưởng trường giảng giải cho chúng tôi là ra như thế.

Không hiểu sao những điều đó có gì như giống các nghi thức thần bí mang màu tôn giáo. Nó ăn sâu vào đầu óc non nớt của tôi, cũng như các bài học vô bổ thời đó có những bài tôi vẫn thuộc lòng. *"Cày 51 lưỡi to bán hơn cày chìa vôi nên luống cày*

rộng. Dưới lưỡi có để làm cho rãnh cày ăn đều, không có chỗ nông chỗ sâu. Diệp cày cao nên lật đất úp cỏ tốt...”. Như bài kỹ thuật nông nghiệp vô bổ này chẳng hạn.

Chủ nhiệm lớp 4H của tôi năm đó là cô Vinh, nhà ở Ngõ Huyện. Cô xinh xắn trong mái tóc bom bê, là con gái Hà Nội gốc nhưng lên lớp luôn mặc bộ đồ thanh niên xung phong màu cỏ ữa, như một thời đại bấy giờ. Tôi vẫn quàng chiếc khăn bằng lụa mỏng của cậu Nhu để lại, cô Vinh bảo không đúng quy định, bắt mua chiếc khăn khác vải cotton dày hơn, giá năm hào. Chiếc khăn quàng thiếu nhi lại có một thay đổi hình thức nữa vào khoảng năm 1970. Khăn quàng đỏ trường tôi năm đó được viền mép màu vàng.

Không biết ý nghĩa chính trị chất chứa vào đó có lớn lao thêm không, nhưng chiếc khăn viền mép trở nên nặng đòn hơn khi tụi trẻ con chúng tôi tháo khăn chơi đấu võ. Tay phải cầm một đầu khăn duỗi tung về hướng mặt thẳng Long lớp trưởng, đến tầm giạt vút thật mạnh. Đầu khăn kia cuộn đuôi võ khí kêu một tiếng “pách” giòn tan. Gò má thẳng Long dính đuôi khăn tât, không biết bên Đới hay bên Đoàn nhưng bông rất đỏ lừ. Nước mắt nó giàn giụa. Nó đi mách cô và tôi bị treo khăn ba ngày.

Lễ khai giảng những năm học cấp I, chúng tôi thường phải duyệt nghi thức đội viên. Duyệt đội là một hoạt động tối quan trọng, cả lớp xếp hàng ngay ngắn, đi một hai một như quân đội theo nhịp hành khúc trống ếch, diễu qua lễ đài về vị trí lớp mình trong tiếng loa nén vang vang.

Có những em bé mới vào lớp Một, nghe tiếng loa tiếng trống thúc rập roành, hoảng sợ tuôn mũi dãi nước mắt nhòe nhoẹt, túm chặt gấu áo mẹ, áo chị đưa đi khai giảng. Có đứa hoảng quá đá cả ra quần: “Buông áo mẹ ra, chùi mũi đi! Nào nào...”

*“Cùng nhau ta đi lên theo bước Đoàn thanh niên đi lên...
Quyết chí giữ vững dân chủ hòa bình...”*

“Học sinh! Trật tự! Học sinh! Trật tự! Học sinh! Trật tự!”

Ba lần hô thể, các lớp lớn bé đã đầu vào đó.

Cô Dẫn hiệu trưởng lên đọc diễn văn khai giảng. Đến đoạn:
*“Tiếng trống vang lên giữa mùa thu cách mạng, tiếng trống vang
lên đón các em vào năm học mới, tiếng trống vang lên, vang lên...”*

Tôi hích thằng Long, thì thầm bảo: “Khóc này, khóc này”. Y
như rằng, giọng cô đọc đang truyền cảm như đài bồng nấc lên
nghe ngào trong tiếng trống trường vang lên phụ họa.

Cô khóc, làm một số cô giáo bị cuốn theo xúc cảm cũng
khóc theo. Cô cúi xuống rút mu-soa lau kính trong tiếng trống
trường chậm rãi lan tỏa. Tôi có kinh nghiệm về chuyện này, bởi
khi tôi vào trường từ những năm lớp bé, đã mấy lần tôi thấy cô
khóc khi đọc đến đoạn *“tiếng trống vang lên...”* trong bài diễn
văn khai giảng năm nào cũng giống năm nào.

*

Đối với một thằng bé tóc dày rẽ tre, trên đời khổ nhục
nhất là đến lúc phải đi cắt tóc. Thì đây, Hợp tác xã Cắt tóc số
2 Đồng Xuân, một cái địa ngục thứ thiệt, luôn chờ đợi tôi vào
những ngày cuối tháng.

Không biết do ai đứng ra thành lập, nhưng cái Hợp tác xã
Cắt tóc này chủ yếu là những tay tông đơ nữ, trong đó có một
cô béo với cái tạp dề màu cháo lòng, luôn là hung thần chờ đợi
tôi với nụ cười giả dối chết chóc mỗi khi mẹ đẩy tôi vào chiếc
ghế tra tấn.

“*Ngoan nào! Ngồi yên nào!*” – Tiếng nói the thé đầy vẻ đe dọa vọng bên tai kèm theo một hơi gió phất. Chỉ một thoáng, tấm vải choàng ngay mũi nhờn sấp tóc, đồng màu cháo lòng với chiếc tạp dề của cô đã thít chặt lấy cổ thành bé.

Chiếc lược nhôm răng mau đã bắt đầu công việc, với một lực kéo đáng lẽ phải dùng cho chiếc răng bừa trên đồng ruộng thâm canh. Chiếc bừa nhôm rầm rứt cào trên tóc tôi những đường chải khúc mắc. Nó càn qua những chỗ tóc rít với một sự chuyên chính bạo liệt không thương tiếc.

Loách xoách tiếng nhai thử của chiếc tông đơ cùn. Tôi nhắm mắt chờ đợi hàm răng lạnh ngắt của nó chạm vào sau gáy. Lưỡi hái tử thần bắt đầu của một vòng đầu tiên. Theo kinh nghiệm của tôi, vòng này không có chuyện xảy ra, khá an toàn. Tai họa bao giờ cũng đến từ vòng thứ hai. Ý như rằng, vừa qua đến mang tai, hàm răng thép vấp dúm, dừng lại nhai trầu kệt luôn tại chỗ. Tôi đau điếng nhăn mặt.

“*Ngoan nào! Ngồi yên nào!*”. Chiếc tông đơ nhảy thêm vài cú tại chỗ, thoát ra khỏi đám tóc kệt. Tôi hồi hận, bởi nhiều lần chạy chơi qua đây buổi trưa vắng khách, thấy cô há mồm gác chân lên ghế ngủ ngon mà tôi không lên vào, thó cái tông đơ khốn kiếp này vứt mẹ xuống cống cái cho rồi. *Loách xoách... loách xoách...* công cuộc hành xác lại tiếp tục theo chu kỳ một suôn một nhai...

Gió hè nóng bức, phập phồng miếng vải che cửa. Tiếng chuông tàu điện báo khởi hành trên bến chợ, leng keng như hồi chuông lệnh hành quyết. Tóc ngắn rể tre rơi xuống cổ, dính mồ hôi bám chặt. Mỗi khi cô tóm đầu tôi xoay đi xoay lại sửa thể ngồi, những sợi tóc đó lại đâm vào cổ nhọn như gai độc kim châm.

Hai kiếp nạn chải và cắt rồi cũng đã qua, giờ đến kiếp nạn thứ ba. Cô hàng cắt tóc mở con dao cạo, quẹt quẹt trên tấm da căng dọc một thanh gỗ. Tấm da bóng nhờn xanh màu gỉ đồng, lòng nhùng theo từng nhát liếc dao. Chiếc chổi quẹt xà bông múa tròn trong lòng hộp, sảu lên một thứ bột xám dính lẫn những sợi tóc rơi.

“*Ngoan nào! Ngồi yên nào!*”. Lưỡi dao sạt da gây rất rạt, lưỡi dao lách vấp qua mang tai, chém ngang đường tóc mai. “*Cố gắng lên nào! Sắp xong rồi!...*” “*Hỡi bà Kosdemienskaia, càng gần đến chiến thắng, sự hy sinh càng đau xót*”. Tôi đau khổ nhớ một câu trong bức thư báo tử từ mặt trận, gửi cho mẹ đại úy xe tăng Hồng quân Sura. Cuốn Zôia và Sura trong tủ sách, tôi đã đọc đi đọc lại đến cả chục lần.

Chiến thắng luôn đi kèm với đau xót thật, kể cả trong những lần cắt tóc. Nhịp phẩy của chiếc chổi phủi tóc dừng lại sau gây, cùng lúc nút khăn choàng bung ra, trả lại tự do cho chiếc cổ dầm mồ hôi. Mồ hôi thái dương, mồ hôi cổ chảy đến đâu tôi thấy xót xa đến đấy, đến từ những đường dao cạo vụng vấp trên da. Người ta đã phân công nhầm người. Đáng lẽ cô thợ cạo này nên công tác tại lò giết mổ gia súc.

“*Xong rồi! Đẹp trai rồi!*”. Tôi đứng dậy, nhìn qua tấm gương trắng thủy ngân thủ công mặt cán không phẳng: Một cái mặt dài thuần như mặt Gia Cát Cẩn. Thương thay “*Gia Cát chi lư*”.

•

Nhà tôi, số 23 phố Hàng Khoai trên, đoạn giáp cổng chéo Hàng Lược. Phố Hàng Khoai dưới là sườn phía Bắc chợ Đồng Xuân – Bắc Qua, từ đó ăn ra đến bờ đê sông Hồng, ngay lối lên cầu Long Biên. Từ nhà, đi vài chục mét đến đầu phố, băng qua đường tàu điện là đến chợ.

Khởi kiến trúc năm gian hai mái với khẩu độ vượt rộng mênh mông xây từ thời Pháp, là nơi thu hút tập trung bọn trẻ con hàng phố nhất, nơi chúng tôi quen thuộc đến từng quầy hàng, từng xó xinh góc chợ, nơi lấp lánh sắc màu những con cá cảnh thần tiên, nơi thơm phức mùi nước dùng đặc trưng những tô phở bò nằm hào mậu dịch... Tóm lại, đây là cả một thế giới sinh động thượng vàng hạ cám, luôn trôi qua gương mặt cả ngàn con người lạ quen, chỉ mỗi tiếng loa khê nong thông báo đã đến giờ đóng cửa chợ lúc tám giờ tối, đề nghị đồng bào ra về là không bao giờ thay đổi.

Gian đầu tiên giáp sườn với phố Hàng Khoai, là gian bán thịt lợn theo tiêu chuẩn tem phiếu. Một khu quầy vuông vức được ốp gạch men, làm trần và quầy kín bằng các ô lưới kim loại để chống ruồi nhặng côn trùng. Tại đây treo biển đăng ký thi đua “Quầy Hàng Kiểu Mẫu” của ngành thương nghiệp. Vào những ngày đẹp trời hay ngày lễ nào đó, quầy thịt đôi khi bắt ngờ có thêm những tảng thịt quay giòn bì thấm đỏ, vài chậu nhôm lớn đựng thịt chân giò om nghệ độn chuối xanh.

Nhiều lần ra xếp hàng mua thịt cho mẹ, tôi mê mẩn đọc đến thuộc lòng cả tấm bảng sơn, ghi giá các loại thịt: dọi – mông – vai – thăn – sườn, mỡ lá, mỡ phần, mỡ nước, chân giò trước, chân giò sau, thủ cả xương, thủ không xương... Trời ơi, nó vần điệu ngân nga như một bài thơ có tính hiệu triệu, kêu gọi nước miếng tứa ra.

Đọc đến mục giò lụa, giò xào, giò nây, thịt quay... thành bé cúi xuống nhìn cái cà-mèn móp méo mang theo đựng mỡ, gắng kiềm chế không dám đọc nữa. Nhưng những giò lụa giò xào, những thẻo pa-tê gan bùi béo cửa hàng Nguyên Sinh phố Thuốc Bắc bọc mỏng miếng giấy dầu thấm mỡ ngày bé, bây giờ hiển hiện rõ ràng hơn bao giờ hết.

Ngay trước quầy thịt, người ta dựng một tấm pa-nô lớn lồng trong khung kính, có vây quanh hàng cọc rào neo xích sắt. Tấm pa-nô kỷ niệm vẽ rất đẹp, mô tả trận chiến anh dũng bảo vệ chợ Đồng Xuân của trung đoàn Thủ đô Hà Nội mùa đông năm 1946.

Bức tranh toàn cảnh cho ta thấy cả cầu Long Biên, nơi xuất phát của các đại đội lính Pháp, thấy tiểu đoàn lê-dương đang xung phong chiếm chợ dưới sự yểm trợ của năm chiếc xe tăng. Ba trong năm chiếc xe đó đang cháy ngùn ngụt do bị dính bom ba càng, chai xăng kếp. Đặc biệt nhất, gây ấn tượng nhất là cảnh cảm tử quân nấp sau những phản thịt tại chính gian này. Họ chờ đợi xe tăng đi qua, rút dao phớ, dao phóng lợn vọt nhảy ra giáp lá cà, ăn thua đủ với tụi lính lê-dương đi sau.

Máu ta máu địch thấm đẫm loang lổ trên từng góc chợ quầy hàng. Xem tranh mà sồn gai ốc. Trong thứ tiếng ù ào đều đều hữu thanh vô sắc ngày ngày dưới mái chợ, không biết có tiếng thét vọng xung phong năm xưa không, nhưng từ đó tôi hiểu chợ nó cũng có hồn của chợ, nhất là khi nó gắn với hồn người.

Trong lúc xếp hàng, thằng bé nhìn tấm pa-nô máu, lại nhìn sang chiếc cân bàn Ba Lan mặt kính tam giác trắng tinh chễm chệ trên tấm phản thịt. Cái kim chỉ thị màu đỏ, linh động lắc lư mỗi khi cô mậu dịch viên mặt lạnh như tiền ném lên bàn cân thêm mẩu thịt cân thiếu, bé bằng một nửa quân cờ.

Gian chợ thứ hai là nơi bán các thực phẩm khác: rau củ quả, nước mắm, cá bẻ, đậu phụ... Mùa hè, gian rau chắt đầy thứ rau muống nước mà người ta gọi là rau muống mậu dịch. Rau muống mậu dịch hai hào một bó vĩ đại, cọng rau lớn, màu đỏ tím lẫn xanh và thường bao giờ cũng dính đặc bèo tấm. Thứ muống này để chẻ rau sống ngâm nước muối nhạt sẽ rất giòn, khi xào hay luộc cũng rất bở.



Không biết sở Thương nghiệp thâm canh loại rau muống này ở đâu, nhưng mỗi lần được cha đèo về quê Khương Hạ, qua lối rẽ Cầu Mới tôi thấy bạt ngàn những bè rau muống nước nổi trên mặt sông Tô Lịch.

Những ngày rau muống về nhiều, các cô mậu dịch viên chất rau trên những chiếc xe đẩy ba bánh, hàn khung ca-rô thép dẹt về phục vụ tại đầu phố với giá không đổi hai hào. Loài rau ổn định và vĩnh cửu của mùa hè bao cấp, đến nỗi có câu chuyện dân gian kể rằng: Một bà mẹ đi chợ mua một lúc năm bó rau. Khi có người thắc mắc sao mua nhiều thế, bà lần lượt chỉ rành rẽ vào từng mớ, hát nhái một đoạn của *Bài ca xây dựng* để giải thích cho kẻ chậm hiểu: “*Cho ngày nay, cho ngày mai, cho hai ngày sau...*”.

Mùa đông, quầy rau phong phú hơn. Bí ngô từ miền núi về những quả vàng hươm, múi vồng to như chiếc lốp xe con. Những chiếc bắp cải cũng lớn gần như thế, trên mỗi nách lá già bao ngoài lại đeo một chiếc bắp cải con con bé xíu. Su hào bánh xe Trung Quốc dẹt, to củ nhưng nhạt vị hơn su hào giống nội. Trái bí đao vỏ ngoài mốc phắn, bán khoanh từng phần rẻ như cho. Muốn ăn những loại rau cao cấp, rau gia vị, rau sống như xà lách, mùi, húng Láng, cần tây, ngó sen, cải mơn... phải quá chân đi xuyên qua lòng chợ, xuống tận chợ Bắc Qua. Những thứ rau hàng la-ghim này tiểu thương tư nhân mới bán.

Tin cá bể tươi về xôn xao hàng phố. Ra nhanh kéo hết! Các bà nội trợ nhón nhác cấp rồ đi như chạy ra gian chợ, vừa rảo chân vừa thông báo với nhau mậu dịch hôm nay cắt ô số 14 – 15 phiếu ND, mỗi phiếu nửa cân. Những người đi chợ bao giờ trên tay cũng cầm một tập phiếu, bởi chẳng ai hay hôm đó mậu dịch có bán những thứ gì, cắt ô phiếu nào, nên tốt nhất là mang đủ.

Tôi chạy ra đến nơi hàng đã xếp một dãy dài. Phía cuối hàng lổng chổng mấy nửa hòn gạch hay chiếc rá sắt cạp, xếp

sẵn để đại diện cho một người mua hàng nào đó đang tranh thủ mua rau quả bên cạnh. Thỉnh thoảng không thấy ai để ý, thằng bé con lại đá nửa viên gạch hay cái rá thùng mạp mờ vô thừa nhận trước mặt mình bắn ra khỏi hàng, trong sự đồng tình của những người xếp phía sau lưng. Những kẻ chạy show quay về quầy cá, thấy mất “văn phòng đại diện” tức tối hầm hè, bắt lực chửi đồng.

Hôm nay không xuất hiện cá nục, loài cá cực phẩm nhân dân hàng mong chờ, chỉ có đồng cá tạp lẫn những con mực ống. Tôi hau háu nhìn những con mực râu tua, như chiêm ngưỡng những kỳ quan thế giới. Miếng mực trắng giòn xào cần tôi đã lâu lắm tưởng chừng như quên mất. Túi mực vỡ ruột đen ngòm tanh nhớt, lây nhây phủ lên đồng cá bể, chủ yếu là cá ớt tua tua xương vẩy, điểm thêm vài con cá phèn lửa, cá lượng kỳ đồ hắt bé tí tẹo.

Cá ớt đồng hạng to cỡ đồng xèng cán ra từ nắp chai bia, và cũng mỏng dính như thế. Loài cá này xương nhiều hơn thịt, người dân Hà Nội quen gọi là cá “đồng tiền” vì nó tròn, “cá bướm” vì nó mỏng. Có người kể ở chợ Cẩm Phả, Quảng Ninh, loại cá tạp này chỉ có giáo viên, những công chức ít tiền mới mua nên gọi là “cá giáo viên”. Số khác thì đặt cho nó cái tên hình ảnh và hài hước hơn do đặc điểm nhiều xương của nó, là “cá long hội”, nghĩa là “lôi hợng”.

Mùi ngất ngây từ nguồn protein có xuất xứ hải dương hấp dẫn đang bao vây khổng lồ không gian một khoảng chợ, nhắc nhở niềm hạnh phúc bổ béo tanh tào đã lâu không đến. Hôm nào may mắn mậu dịch có bán cá nục, cá mối là cả khu phố sẽ nhớ mãi cái ngày hôm đó, hơn cả nhớ gì như nhớ người yêu. Chim – thu – nhụ – đế... những loài cá quý đặc sản không bao giờ xuất hiện ở đây. Chúng chỉ xuất hiện ở các quầy ưu tiên bán

cho cán bộ cấp bìa C trở lên, hoặc trong những áng thơ văn hiện thực Xã hội Chủ nghĩa:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chèo
Đêm thơ sao lùa nước Hạ Long.”*

(Huy Cận)

Sự vắng mặt đáng tiếc này được giải thích là để chúng ta xuất khẩu, đổi lấy máy móc về dựng xây đất nước. Có hề gì đâu? Cứt cá còn hơn lá rau. Dứt khoát hôm nay thằng bé lấu cá giúp mẹ xếp hàng sẽ có một bữa chả mực độn cá thơm phức. Mẹ sẽ băm, giã thật kỹ cho anh em chúng tôi khỏi hóc, rồi thêm bột mì, hành hoa, thìa là, ớt bột... quết nhuyễn thành một thứ hỗn hợp dậy mùi. Hai anh em sốt ruột loanh quanh trong bếp, giúp mẹ lau bếp dầu. Hạnh phúc đựng trong một cà-mèn bẹp. Một đĩa chả chiên phủ bóng xuống tâm hồn là giấc mơ có thật trong bữa trưa lâu đến.

Nhưng có một không gian khác, không gian thần tiên tuổi thơ với các loài cá vẫn đang sống, đủ màu sắc bơi trong bể kính. Đó là quãng cuối gian chợ thứ nhất, nổi chợ Đồng Xuân với chợ Bắc Qua. Ở đây chuyên kinh doanh cá cảnh và chim cảnh, mấy lồng chuột bạch, chuột lang kể bên lồng mèo tam thể. Đôi khi có thêm mấy con khỉ thu lu trong cũi, nhìn đám trẻ con tò mò bằng đôi mắt lóng lánh buồn rầu. Đây là chỗ chúng tôi hay trốn ngủ trưa, ra ngắm một thế giới tự nhiên thu nhỏ giữa lòng đô thị.



Trong các loài cá bán ở đây rẻ nhất là cá khổng tước, một hào một đôi. Con cá đục lòe loẹt, vảy thân pha vàng đỏ xanh đen đủ màu. Nó luôn xòe chiếc đuôi rộng, xun xoe bên con cái xấu xí nhưng to hơn nó gấp nhiều lần và bụng lúc nào cũng đen mọng trứng. Dường như Chúa cũng ban cho giống đục các loài chim thú trong tự nhiên những mã ngoài diêm dúa, như giống cá khổng tước này vậy. Chỉ có điều loài người thì ngược lại. Vốn cũng xuất thân từ gã trai khờ, Ngài ưu tiên cái đẹp cho phụ nữ. Các bà các cô còn cùng cổ, khuếch trương thêm sự ưu ái ấy bằng cả một hệ thống phức tạp độc quyền: váy ten dài bèo, son phấn nước hoa, dép giày cao gót... mặc dù không thể đẻ liên tục được như loài cá này. Phí của!

Những loại cá cảnh phổ biến cao cấp hơn có cá kiếm mắt đỏ và cá kiếm mắt đen. Thùy đuôi dưới con cá kiếm đục trường thành bao giờ cũng thướt tha một dải kiếm dài. Cá mún dày mình hơn cá kiếm, thân lấm tấm vảy đen vảy bạc khác màu. Cá hắc mô ni đen nhánh, cá vụn long xanh da trời, cá ngựa vằn sọc thân đuổi nhau nhắng nhít...

Tôi mê mẩn ngắm lũ cá cảnh trong bể, dù chúng làm thâm hụt đi những gói quà sáng. Tôi muốn dành tiền để mua cái bể lớn hơn cho đàn cá cưng vẫy vùng thoải mái. Cậu Nhân tôi cười nhạt, bảo vẫy vùng ngược xuôi thì vẫn trong cái bể ấy cả, phí tiền vô ích. Giống cá ngu nó không có cảm giác về chiều kích không gian sống, chỉ cần đủ dưỡng khí và ăn no đầy bụng. Như mọi lần, bà tôi lại nghi ngờ nhìn mỗi khi cậu nói những câu khó hiểu.

Tôi không tin cậu, vì đã nhiều lần tôi thấy những con rô mề vọt mình nháy ra khỏi các thùng sơn chật chội nhốt chúng ở khu bán cá đồng, cá tươi nước ngọt. Khu hàng cá này nằm giáp con ngõ hẹp, là lối đi tắt từ hông chợ Đồng Xuân sang phố Hàng Chiếu, ngay sát rạp Long Biên. Ngõ chợ xưa bây giờ ràn rạt bày

cả dãy hàng bún ốc, vây quanh bởi một đám cỏ khoét nghiêng mùi dấm bỗng vẫn thường tung hô ca ngợi.

Hôm đó thằng Nội con bà Thái Lan bắt được con rô mề rách dưới cống gần ngõ. Nó giấu trong túi quần, lên thả vào bể cá chọi. Sau một thoáng quen với nước mới, con rô mề đói lâu, quần tung lên đớp những con cá chọi đang ương mới nhìn hơn hạt bưởi. Vây dài tha thướt chọi hồng, chọi tím than rách tả tơi tung tóe, vẫn cuộn lên trong bể làm bọn trẻ con reo hò khoái trá. Bà hàng cá phát hiện, mang vợt chụp được con rô mề thì có đến nửa bể cảnh cá chọi đã thành cá trụi. Bà điên tiết vác cây vợt dài ra đuổi chúng tơi, mồm tru tréo méo giật như sắp khán kiệt đến mấy chục gia tài.

*

Bác trai, bác dậu tôi bán gác hai căn nhà 24 Hàng Bồ, đưa các anh chị về quê nội, xóm Chàm làng Khương Hạ ở. Tiếng là quê nhưng thực ra chỉ cách khu trung tâm Hồ Gươm khoảng 7 cây số.

Bây giờ làng quê Khương Hạ đã biến mất, thay vào đó là các nhà tầng, ngõ phố, thậm chí người ta dựng cả những building cao ốc với đủ loại siêu thị. Nhưng hồi đó quê vẫn là làng quê trong trí nhớ, có đồng ruộng, có lũy tre, có đường gạch vữa nghiêng viền quanh các hàng ruối, bờ ao. Ngày giỗ ông nội nhảm rầm tháng Một âm lịch, cha mẹ đèo anh em tôi về quê ăn giỗ, đến Ngã Tư Sở coi như đã gặp quê rồi.

Đất bà nội và bác tôi ở, theo một thầy phong thủy nói là nơi đất dữ, nguyên là từ đường của dòng họ. Toàn quốc kháng chiến bùng nổ năm 1946, khi cần nông ra để mở rộng khu vực sân bay Bạch Mai, quân Pháp đã đốt phá mất ngôi từ đường này. Bác tôi dựng tạm ngôi nhà cũ trên tám nền viên đá xanh để ở. Những

nắm bom đạn, bác đào một căn hầm tránh bom lớn dưới gốc cây hồng bì, xếp những tấm đá còn lại làm vách rất kiên cố.

Mỗi lần về quê chơi, chúng tôi như cá gặp nước rộng, theo các anh chị ra vườn trước trèo ổi, ra vườn sau hái thị. Sau nhà có một cây thị cổ thụ rất khó trèo, khi hái phải dùng cái lồng quả bác trai tôi đan, lừa trái thị vào trong rồi giật nhẹ. Sào lồng trĩu nặng những trái thị thơm ngọt, thơm như phết mứt lên vỏ. Nhất là những quả chín cây dít vẹo thì đặc biệt thơm và ít hột. Các chị tôi còn đi xin len sợi vụn, đan những cái giỏ thị thưa mắt tua dài.

Hồi còn bé tí tôi không dám ăn thị, vì bà tôi bảo ăn thị bị thối mồm, nhưng thực ra do tôi sợ nhai phải cô Tấm ở bên trong. Đến khi biết trong quả thị không có cô Tấm nào hết, lại biết thêm chuyện cây thị sau nhà có ma do bác dậu tôi kể. Tuy cũng từng là du kích văn công tham gia kháng chiến, nhưng với bác tôi, bất cứ xó xỉnh nào trong làng cũng gắn với một con ma nào đó. Sau bữa cơm chiều mùa hè, lũ trẻ con gần chục đứa, nằm ngồi bâu quanh bác trên cái chõng tre như lợn con chầu mẹ, há mồm nghe chuyện.

“Chúng mày biết không? Hồi mới về làm dâu nhà này, tao hay gọi đầu cạnh cây hồng bì kia. Chỗ đó hồi xưa là cái bể nước mưa lớn. Hôm đó trăng cũng sáng vàng vạc như đêm nay. Sáng lắm! Đến mức cúi nhìn mặt trăng trời trong chậu nước gọi đầu cũng thấy chói cả mắt. Đang chải tóc, thấy đánh cạch một tiếng. Một mảnh sành từ vườn sau chỗ mé cây thị lia đến sát chân. Nghĩ ông Bàn trêu, tao nhặt mảnh sành ấy lên ném lại về phía đó.

Lại “cạch” cái nữa, lạ lùng, lại đúng mảnh sành đó văng đến chân. Trong nhà ông Bàn đang châm đèn tọạ đăng. Không phải ông Bàn rồi! Tao mới ra cái bình vôi, lấy vôi bôi vào cái mảnh sành để đánh dấu rồi ném lại. Chưa được một phút, sau tiếng “cạch”, cái mảnh sành đã đánh dấu vôi rành rành lia đúng chân đau điếng”.



“Con Ngân con Châu ngồi lui ra, ôm lấy mẹ mày để chết nực à?” – Bác dâu tôi đẩy lũ lợn con đang có xu hướng xích gần lại ra xa một khoảng, hắng giọng kể tiếp:

“Ma đất dữ đấy chứ đâu. Người thường làm sao lại đùa dai mà tinh mắt nhặt sành đến thế được. Nhưng ma nó sợ tôi với sợ mùi nước giải. Định trêu bà à? Tao ra cái nôi hồng, nhúng mảnh sành đó vào trong nước giải rồi ném lại. Quả nhiên lần này không thấy nó ném lại nữa”.

Trăng sáng vàng vạc. Bóng cây thị sau nhà đổ tối một khoảng sân rộng, ăn dần đến mép chiếc chõng. Bác ngừng lại, gấp cây quạt giấy, vụt tứ tung vào đám trẻ con cho giãn rộng ra.

“Cái ao nhà Ký Phương chứ đâu, chỗ cạnh miếu bia con rùa là sâu lắm đấy, nhưng gần hơn giếng làng và nước trong vắt. Xóm này vẫn dùng nước ao ấy. Có đêm nực trời, tao ra đó gánh nước về tắm, thấy đứa con gái với đôi thùng đầy nước ngồi sẵn đấy. Tóc nó dài, mượt lắm nhé! Thấy lạ mặt nhưng tao không hỏi, nghĩ là con dâu ông đồ mới cưới bên xóm Cò. Khỏa nước mức xong đôi thùng định về, thấy nó gạ: “Chị ơi ngồi lại đây một tí, em bắt chấy cho”.

Cái ngã ba gần sân kho có một cái miếu bia rùa đội bốn mái. Từ đó đi thẳng là ra bãi tha ma, rẽ phải là về qua nhà cô Quý Lai, rồi đến nhà bác tôi. Ngay ban ngày giữa buổi trưa, chúng tôi ra đó hái trái ruối vàng cũng thấy hơi chồn chợn.

“Đầu tao lúc đó tự nhiên ngứa điên, như có cả trăm con chấy kênh cùng cắn một lúc. Tao ngồi xuống ngay. Nó bôi tóc tao, bắt chấy tài lắm nhé! Bắt xong con nào, đưa lên miệng cắn con đó. Chấy kênh nở máu cứ là côm cốp giữa răng nó. Được lúc, nó bảo đầu chị vẩn chấy rồi, giờ bắt cho em với!”.

Bóng cây thị đã trùm tối qua nửa chiếc chõng. Bờ tre rậm ngoài cổng nghiêng răng kèn kẹt trong trận gió nồm nam. Lá tre xạc xào như phụ họa cho câu chuyện đêm khuya. Chiếc ghế tôi ngồi ngoài, có vẻ càng lúc càng xa với cái chõng túm tùm những người kia.

“Tao bôi tóc nó ra. Tóc nó đen mượt còn hơn cả đêm và có mùi tanh tanh. Lúc đó mới chột dạ, nghĩ thầm đêm tối thế này mình có nhìn thấy con chấy của nợ nào đâu? Ai lại bảo nhau đi bắt chấy ban đêm, mà nó bắt sao tài thế?”.

Tôi cố gắng nghĩ chuyện ma là nhảm nhí. Mình là con trai, là đội viên Thiếu niên Tiền phong, ai lại sợ ma như các chị còn ra thể thống gì? Nào: *“Đi ta đi lên nối tiếp bao anh hùng. Như quân tiên phong bước trên đường giải phóng...”*. Tôi lẩm nhẩm bài hành khúc đội viên để tự trấn an mình, nhưng tai vẫn lắng nghe câu chuyện.

“Càng rờ rẫm, đầu nó càng mềm, rồi nhũn ra như quả thị chín chúng bây bóp nẫu để mút hạt ấy! Lúc ấy nó mới ngoảnh lại, bảo chị ơi, chị bôi tóc làm em nhột quá! Một mùi tanh nồng phả ra từ mái tóc đang từ từ dựng đứng lên như tóc đàn bà chết trôi. Nó bỗng cười lên khanh khách, mắt nó trợn lên, đỏ đòng đòng dưới hàng mi tối. Trời ơi...! Đúng con ma nam đảm Hồng đêm nay về ao này chơi rồi...!”.

Đám trẻ con bu quanh nghe chuyện xoắn xít sát vào hơn nữa. Anh Toàn tôi tỉnh quái, đứng nấp sau cánh cổng tối bỗng rú lên giả tiếng ma cười khanh khách một tràng. Chúng tôi rợn da gà. Các Thiếu niên Tiền phong đang tiến lên Đoàn viên thắng thoát hét lên, chõng đồng lăn lông lốc vào nhau, làm chó trong xóm đồng loạt sủa lên ong ọc.

Đêm trăng hôm ấy không biết có đứa nào mơ thấy con ma nam đảm Hồng không, nhưng những câu chuyện hư thực ma mãnh của bác dậu tôi vẫn còn nhớ đến bây giờ.

*

Lên cấp hai, học sinh chúng tôi mới bắt đầu được viết bút máy, mà thường chỉ là các loại bút rẻ tiền như Trường Sơn, Tân Dân đồng rưỡi một chiếc. Các loại bút Trung Quốc đắt tiền như Kim Tinh, Anh Hùng (Hero) là mơ ước của mọi người, con nhà khá giả mới có.

Có nhiều chị sợ xước cây bút quý, móc cho nó một cái túi đựng bằng len xinh xinh, khi dùng rút Anh Hùng ra, đút Anh Hùng vào, cẩn trọng nâng niu nó như một vật trang sức, mặc dù những thứ nó viết ra toàn sai đáp số hay chính tả. Lại lắm anh chẳng viết gì, đi tán gái, cũng giắt túi ngực cây bút Kim Tinh, có khắc cây dừa soi bóng hồ Gươm bên cạnh tháp Rùa, kèm chữ *Kỷ Niệm* nghiêng nghiêng thật bay bướm. Chiếc bút xanh thẫm nắp vàng, in trên nền hồng tờ “Cụ Mọt” 10 đồng tiền ngân hàng, mờ mờ trong túi áo ngực chiếc sơ mi vải pô-pơ-lin pha ni-lông là một thời thượng, từng bóp nghẹt biết bao trái tim thiếu nữ tình lẻ trót bước chân lên tàu điện.

Trong lớp có đứa nào đó kêu mất bút máy là khôn khổ khôn nạn, là xếp hàng khám cặp, là sao đỏ kiểm đồ, là nước mắt ngấn nước mắt dài trôi đi cùng rất nhiều danh dự đội viên. Với người lớn, chiếc bút là vật dùng nâng tầm tri thức, vật kỷ niệm đời người. Cây bút quý là quà tặng của đám học trò mến yêu cô giáo hiền, của chị thanh nữ tặng người yêu đi lính, nhắc anh chăm viết những lá thư tình và thầm mong ở trong đó có nhiều cái hòm. Ai cũng muốn ghi dấu ấn riêng lên vật chứng tình yêu. Thông say, quái nhân khắc bút bên hồ Gươm xuất hiện, thỏa mãn điều này.

Có thể có nhiều danh thủ khắc bút khác kiếm sống ven hồ Gươm, nhưng tôi nhớ nhất Thông say. Người phở cũ không thể gọi là ngài, là ông, bác hay chú... đối với một kẻ luôn ngật ngưỡng vỉa hè những buổi chiều tà, song cũng không ai nỡ gọi Thông say bằng thằng cả. Một gương mặt vuông điển trai, một vầng trán cao bằng, một đôi mắt xa vắng không nhìn vào đâu dưới một góc đa Bà Kiệu mấy trăm năm tuổi. Thông say từng vung tay chỉ sang Tháp Bút, ngạo ngược tuyên bố: “*Người Tả Thanh Thiên, tao tả bút mày*”.

Dưới tay Thông say, những dòng chữ, tên người hoa lá mềm mại đột ngột hiện ra sau khi mảnh phấn sáp miết vào được lau đi. Mỗi chữ một hào luôn luôn giữ giá. *Kỷ Niệm* hai chữ đáng giá hai hào. *Nguyệt Thu* hai hào, *Thúy Nga* hai hào. *Kháng Chiến* dù chữ dài hơn cũng hai hào bình đẳng không hơn gì *Mộng Tỷ*. Vậy nên *Kháng Chiến* – *Mộng Tỷ* có giá là bốn hào, khuyến mại cái gạch ngang. Còn khách lại muốn thêm đôi chim câu ngậm mỏ nhau thì xin chi ra hào nữa tổng cộng năm hào.

Quá nửa chiều lưng lửng kiếm đủ hay có kẻ mền tài rủ rê thân mật, Thông say dứt cái bút khắc kiếm côm vào trong túi quần, trang trọng như người ta đóng cửa một gallery hội họa, lên đường ra quán bia vườn hoa Bát Đàn. Bia ngon phải có bạn hiền, như Chí Phèo phải có Tự Lãng, Bá Nha cần có Tử Kỳ... Tại đây, Nguyên tềng Hàng Rươi với cây guitar cũ mèm đã chờ Thông say nơi phở chéo xé sỏ Nhà Đồn, như chờ từ kiếp trước.

Tiếng đời chao chất. Gió hè đẩy đưa tiếng còi tàu hỏa cầu đá Phùng Hưng tràn trên phố nóng. Bia tức bâng quang, đẩy đưa nước tiểu hăng nồng dân bợm, tưới đẫm gốc hàng cây hoa sữa chứa đến mùa đầu độc. Thông say loáng choáng đứng lên, vạch quần sang vỉa hè đối diện, vừa ngật ngưỡng bước, vừa làm thơ như Tào Thục tái sinh:

*“Ở Cổng Đục nhưng lòng ta không đục
Vừa đi vừa đá vẽ nên rồng.”*

Tụi trẻ con bám theo xông vào ê ê đái bậy... Thông say quay lại lè nhè, chỉ vào tận mặt từng đứa:

*“Kiếp sau xin chó làm người
Làm Thông say đứng giữa trời mà say.”*

Dàn đồng ca ve sầu rít lên suốt hát cuối ngày, tiễn đưa bóng chiều đang hấp hối trên những tàn cây cao. Nguyên tềng lúc này cũng đến hồi say lắm, ngược con mắt mọng mọng lên hậm hực, nạt nộ lủ ve quấy rầy, đoạn quay sang Thông say bảo: “Giờ anh đàn chú nháy, được chưa? La Paloma nhé! Tăng gô Ác-giăng-tin nhé! Nào... !”.

“Em ơi... Đời anh như điệu thuốc Trường Sơn sắp tàn... Tương lai... sáng bừng lên điệu Craven’ A huy hoàng...”

Tiếng hát khàn khàn, tiếng hợp âm chạm phím rề rề. Bùm bum... bùm bum... Vũ công lướt trên vĩa hè, mắt xa vắng nhìn hàng cây góc phố trùm lên quán nhậu như nhìn chỗ không người. Bùm bum... bùm bum... càng về đoạn cuối càng bốc.

*“Đừng hôn đừng hôn em. Đừng hôn đừng hôn!
Đừng hôn đừng hôn em. Đừng hôn đừng hôn...”*

Nguyên tềng cầm mặt xuống cây guitar vung tay loạn nhịp. Vũ công la đà, chân xoắn quấy theo tiết tấu không kịp, dừng lại nhìn nhạc công nghi ngờ. Nguyên tềng không bằng lòng, bỏ đàn đứng dậy thị phạm cho Thông say bước te kết thúc bản Tango. “*Đừng hôn đừng hôn nó phải như thế này này...!*”.

Dẫm chân vào chuyên môn của người khác là việc chẳng nên làm. Thông say vươn người cầm cây đàn, giang thẳng cánh đập toang vào cột đèn. Nguyên tềng thần thờ nhìn cây đàn vỡ, bảo: *“Mai lấy cút ra mà nháy”*.

Hai cái bóng một cao một thấp, dật dứ nhau đi về lối rẽ Hàng Mã trong bóng chiều chập choạng, giữa sự hò reo hộ tống của đám trẻ phố phường.

*

Cuối tháng Tám năm 1971. Trời Hà Nội oi nồng. Vía hè, hàng phố mệt thiu nằm dưới nắng hun. Chiếc nắp chai bia đặt trên đường ray, chờ chuyển tàu điện uể oải chạy qua cán phẳng thành những đồng xềng, nhật lên nóng bỏng trên tay như bị lửa nung. Tán lá cây bàng rũ rượi ngã cành, say la đà giữa buổi trưa phố phường đang om cơn sốt nhiệt.

Bà tôi luôn tay phẩy chiếc quạt nan, ca cảm trời đang tích gió, lại sắp mưa bão to dập lúa ra đồng, lại đói dài đây. Nhân bão như thần bão, ngay chiều hôm sau mưa đến thật, đến ào ạt không khách khí. Mưa dạt dào sầm trời tối đất từ chiều đến đêm. Gió thoát xống, lùa mưa chạy dài trên đường phố thành những vệt nước in lượn dưới ánh đèn đường. Gió cuốn theo mùi nồng nồng ngai ngái của bê tông, gạch ngói bị hấp hơi nung nóng. Chuyến xe điện cuối ngày qua cổng chợ Đồng Xuân, méo xệch sau màn mưa xiên dày đặc. Nước chảy như suối ngoài rãnh phố, sủi bọt cuộn xoáy ở những miệng cống cái.

Mưa dai dẳng suốt mấy ngày liền. Một buổi sớm tỉnh dậy, tôi hoảng hốt thấy đàn kiến cánh khổng lồ đậu đen đặc trên chiếc sào màn. Bà tôi lo lắng, giục ông ra cửa hàng lương thực đóng hết số tiêu chuẩn còn lại trong tháng. Ông vừa trùm áo

mưa ra khỏi cửa đã thấy cô Hà, cô giáo dạy cùng trường với mẹ tôi, tay xách nách mang bế theo con bé Giang mới đầy một tuổi đến xin tá túc. Nhà cô ở khu tập thể giáo viên ngoài bãi Phúc Xá. Nước sông Hồng lên nhanh quá, cô chỉ kịp vợ ít quần áo, bao lương thực rồi bế con bé lội nước qua đê lên phố chạy lủ. Các cửa khẩu xuống bãi An Dương, Phúc Xá, Phúc Tân, Phà Đen... đang được khẩn trương lấp kín.

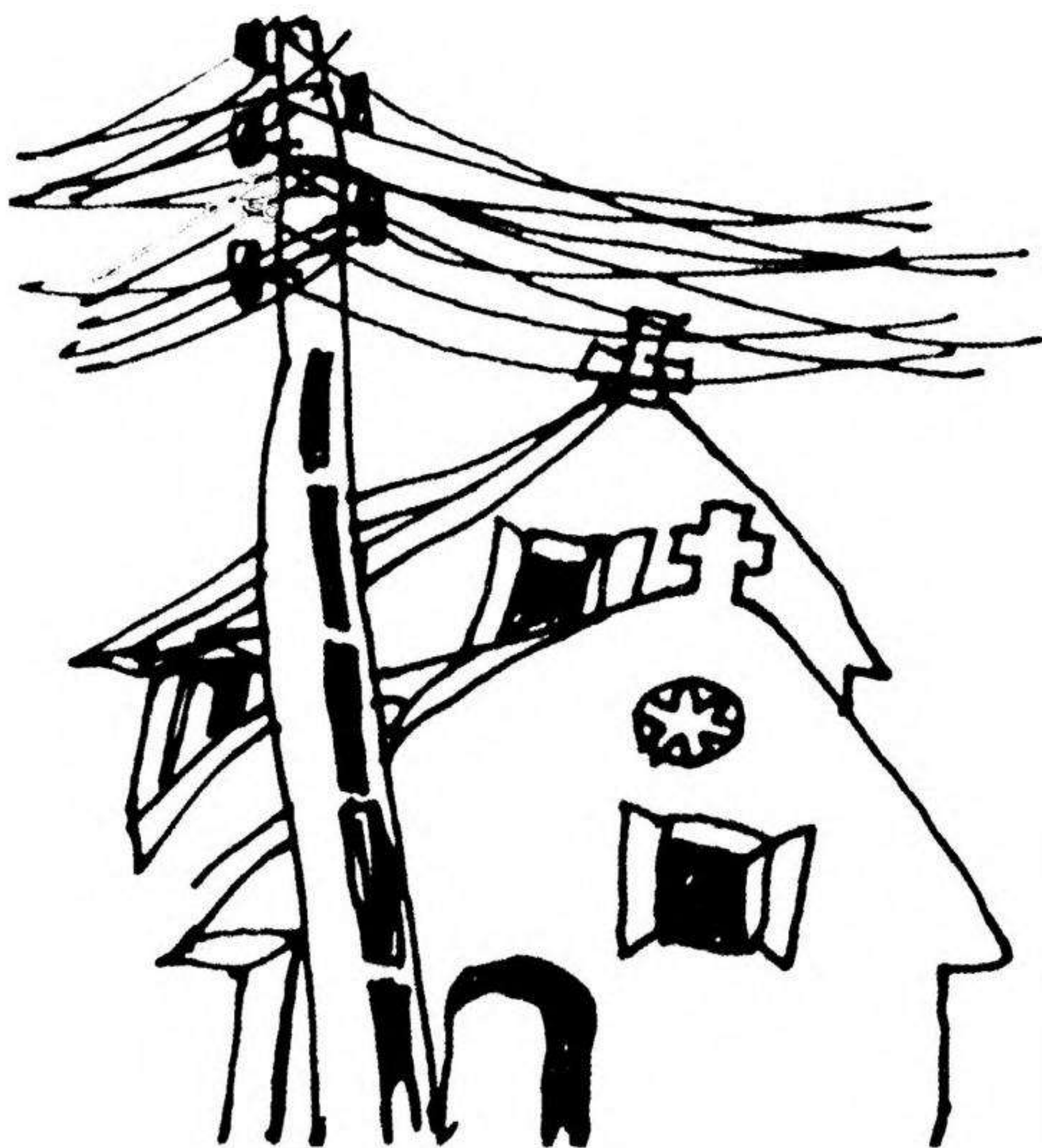
Không ai nói ra, nhưng mọi người đều cảm thấy bồn chồn trước một điều gì bất an đang đến, nhất là từ khi đàn kiến cánh xuất hiện. Ngoài đường tím tím xôn xao tin vớ đê chỗ nọ chỗ kia mà báo chí không kịp thông báo. Buổi chiều tạnh một chút, nhưng phố phường vẫn xám xịt dưới trần mây thấp. Gió lùa qua cửa, mang theo cái gai lạnh của hơi nước mưa nguồn phương xa. Trong gió thoảng thấy nhạt hăng mùi rừng thẳm đại ngàn. Xe tuần tra hộ đê lấp loa chạy tới chạy lui. Những con chuột cống trong nhà như hiểu được tiếng loa, trèo tụt cả lên trên toa khói gác bếp mặc dù phố xá nội thành vẫn khô ráo. Bầy chuột thản nhiên nhìn con mèo tam thể nhà bà Đăng đi qua đi lại trên gác sân, tỏ ra không sợ hãi gì.

Hai cậu cháu rủ nhau ra đầu phố Hàng Khoai, lên đê xem nước. Nước mấp mé mặt đê, cuộn cuộn tạo thành những xoáy hút di động cuốn theo dòng chảy. Xác những con lợn đen căng tròn, xoay vòng hút lọt thỏm trong những hồ nước ấy. Nước dâng sát đáy gặm cầu Long Biên. Người ta phải điều cả một đoàn tàu hỏa chở đầy đá chạy lên cầu đổ lại, để dần thêm tải trọng phòng nước cuốn trôi cầu. Mái ngói đỏ nhà thể thao sân vận động Long Biên chỉ còn nhô lên cái chóp, thoi thóp trong dòng nước lủ mênh mông.

Nguyên một khung mái nhà gianh lớn nhỏ trên mặt nước, từ thượng du lữ lữ trôi về trông như tháp tàu ngầm. Qua gầm cầu Long Biên, nó mắc lại tại một nhịp thành cầu, tập hợp thêm các bồi rác trôi, tụ thành một gò nổi lớn. Đội tự vệ xung kích hộ đê hò hét, dùng búa, cưa, rìu rựa, câu liêm... lặn vào móc dỡ. Hòn đảo nổi tan ra, lìm dần lìm dần, bị hút tọt xuống lòng cơn lũ, kêu ọt ọt rồi trôi sủi dưới gầm cầu. Mọi người reo lên à à... Qua mạn cầu bên kia, một con trâu trướng phồng chột bật trôi lên trên đám lá cọ mọc. Bốn vó của nó thẳng đơ, quơ lộn mấy vòng trên mặt nước như gửi lời chúc bình an cho cây cầu già gần trăm tuổi.

Những tiếng lao xao truyền qua từ đám người đang cố gắng vượt cầu sang từ phía Gia Lâm. Tin tức không rõ cụ thể từ đâu nhưng loang đi rất nhanh qua dây lều tạm dựng vơi ven vỉa hè đường Yên Phụ của dân chạy lụt, như thể tiếng vọng đến từ trên trời cao: “Vỡ đê Mai Hiền, vỡ đê Yên Viên rồi... Trời ơi...!”. Một chiếc trực thăng bốc lên bay thấp, quạt cánh phành phạch lướt qua sát đỉnh cầu bay về phía Hưng Yên. Cậu tôi ngẩn ra nhìn rồi giật mạnh tay tôi. Hai cậu cháu lao xuống đê, chạy thực mạng về nhà.

Thật may năm đó Hà Nội an toàn, không bị cơn đại hồng thủy nhấn chìm nhưng đê Cống Thôn, Yên Viên sông Đuống đã bị vỡ. Theo các tài liệu khí tượng thủy văn sau này, miền Bắc năm đó vỡ đê sông Lô, sông Thao mạn Cao Xá, Việt Trì, Vĩnh Lại, Vĩnh Tường... làm chết đến 100.000 người. Một nguồn tin vỉa hè chưa được xác tín, nói rằng đoạn đê sông Đuống qua Yên Viên không phải vỡ mà do phải chủ động phá để phân lũ cứu lấy thủ đô, trái tim của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.



Sau trận lũ kinh hồn, đồng bào Nam Đường phải nhường cơm sẻ áo cho đồng bào Bắc Đường, như một bài thơ của Huyền Kiều in trong Thi tuyển:

*“Bà mẹ bên Bắc Đường
Ôm tấm áo bờ Nam
Ôm cả người cho áo
Miệng nói, mắt lệ ràn:
- Áo con, nhưng lòng mẹ
Ơn bà chị cho em
Cũng xin cho chúng nó
Đời đời làm anh em!”.*

*

Ngày Chủ nhật 16/4/1972, những cây gạo cổ thụ trước cổng đền Ngọc Sơn, vườn hoa Bác Cổ hay trong Bách Thảo đang ra hoa đỏ trời. Lũ học trò lớp năm chúng tôi đang ôn thi học kỳ hai, lòng khắp khởi chuẩn bị cho một kỳ nghỉ hè sôi động.

Ngày nghỉ nên anh em tôi dậy muộn. Cầm gói xôi đậu đen trên tay chưa kịp ăn, tiếng còi báo động phòng không bắt Hàng Đậu đột ngột rú lên cùng lúc tiếng nổ đầu nòng pháo cao xạ tầm thấp tầm cao chát chúa. Chẳng còn xa lạ gì cái tiếng còi ai oán chết chóc này, chúng tôi đã đủ ý thức để biết những hiểm họa đang chờ phía trước. Trong gắm cầu thang, bà ngoại ôm chúng tôi than thở: *“Hết thiên tai rồi đến địch họa. Không biết bao giờ các con mới hết khổ đây?”.*

Tiếng bom rền rền rung nhà, vọng về từ phía Gia Lâm. Cậu tôi đoán chắc nó lại đánh Đức Giang. Thêm mấy tiếng nổ rất

gần, hơi nổ tạt rơi vữa lá tả trên vòm trần thang cuốn. Đợt này chắc dính cầu Long Biên ngay đầu phố. Trận không kích dữ dội kéo dài. Mọi người trong nhà im lặng chịu trận, không còn bị kích động như những trận bom của thời kỳ trước. Không khí cuối xuân ẩm ướt, ươn nồng trong mùi khét hơi bom sau mấy năm yên bình.

“Đồng bào chú ý! Máy bay địch đã bay xa!”. Tiếng còi báo yên hú lên. Ai biết nó sẽ lại báo động khi nào. Hối còi như tiếng dài thở than, nhắc nhở đã đến ngày lại phải xa phố phường Hà Nội, xa ánh đèn điện thủ đô cùng những người thân yêu nhất. Buổi chiều đến cùng một tin đồn khủng khiếp lan nhanh: Đêm nay pháo đài bay B.52 sẽ rải thảm nội thành Hà Nội. Loa truyền thanh thông báo trẻ em và những người không có trách nhiệm phải rời khỏi thành phố ngay. Tất cả các nhà trường kết thúc năm học sớm dù chưa hết chương trình.

Tiếng loa pin kêu gọi thúc giục dân chúng đi sơ tán đã vang vang ngoài phố. Tôi thất vọng và chán nản. Chỉ một hồi còi là cuộc sống mặc nhiên chuyển trạng thái, nhanh như trở bàn tay. Lại bắt đầu những đêm học bài dưới ngọn đèn dầu đầy khói muội, những ngày mưa dầm gió bắc buồn thảm, nghe rặng tre nghiêng rặng kéo kẹt, những sớm mù sương buốt giá, trầy trật đi học trên con đường trơn như mỡ đổ qua đồng.

Cha tôi đi công tác vắng. Cậu tôi và mẹ chỉ chuẩn bị ít quần áo, mấy vật dụng thiết yếu và túi gạo nhỏ, chạy tạm anh em tôi về quê nội Khương Hạ huyện Thanh Trì, chờ chuyển lên Vĩnh Phúc. Tôi nhìn chiếc then cửa lim đen, những ô cửa kính dán hoa văn giấy cắt phòng không, núm công tắc sứ trắng mờ bên chiếc radio phủ khăn trắng... Những vật dụng vô tri chẳng ai để ý ngày thường, trong giờ phút chia ly bỗng trở nên thân

thương đến lạ. Tôi dụi đầu ôm ông bà ngoại, như chẳng biết bao giờ gặp lại. Áo bà ấm và thơm mùi quết trầu.

Toàn thành phố mất điện. Dòng người di tản chạy bom hồi hả tóa ra những cửa ô bằng đủ mọi phương tiện. Trên hai chiếc xe đạp với đủ thứ gạo nổi lênh kình, chúng tôi lằm lụi ra đi giữa cuộc diễu hành câm lặng trong đêm tối của người Hà Nội. Đầu Ô Chợ Dừa lừng lờ treo đỏ đồng đọc một mảnh trăng liềm.

*

Cha tôi về Khương Hạ, đón anh em tôi lên Phúc Yên chỗ viện ông công tác. Mẹ tôi xin về dạy trường cấp II xã Đạo Đức huyện Bình Xuyên gần đó. Lương thực thực phẩm thời chiến tranh rất khó khăn. Mỗi lần đến kỳ đóng gạo, người lóc cóc dậy từ năm giờ sáng, đạp xe hơn 30 cây số qua phà Chèm về Hà Nội đóng gạo, rồi lại tất tả thỏ lên trong ngày. Có khi đến tận nửa đêm, gạo thỏ mới về đến nơi.

Chẳng có gì đáng để buồn lâu. Lại một kỳ nghỉ dài nơi thôn dã đợi chờ lũ trẻ con hiếu động. Anh em tôi đi sơ tán lần thứ hai, đã quá quen với những trận oanh tạc, những ngày báo động phòng không. Tiếng kêu con chim tu hú báo mùa vải chín, tiếng cá quẫy đêm sao lẫn trong tiếng rú của máy bay cường kích trải suốt mùa hè nóng nhiệt. Bầu trời trung du xanh cao và rộng mở. Những tốp phi cơ lọt thỏm giữa bức phông nền vĩ đại lớp lớp trần mây, như những chiếc vi ruỗi bé nhỏ chẳng còn gì đáng sợ.

Phía giáp tường hậu của bệnh viện sơ tán là một trạm bơm nhỏ bỏ không. Trạm bơm này bơm nước từ sông Cà Lồ vào con mương khi đến mùa cấy. Ở đây có một cây sữa lớn ngả ra bờ sông, tụi trẻ con đặt tên là “Vọng gác số Ba”. Đó là một thế giới riêng không có người lớn. Chúng tôi trèo lên những

cảnh ngang, quan sát từng tốp F.4 phụt khói đen bay về hướng sân bay Đa Phúc. Từ đó vọng lại tiếng bom, tiếng cao xạ rền rền. Lại có buổi chiều tối nhìn thấy vài chiếc trực thăng móc cáp dưới bụng, lặc lè tha cẩu những chiếc tiêm kích Mig bay thấp qua đầu, mang đi giấu đâu đó. Máy bay ta cũng phải đi sơ tán, đến những sân bay đã chiến lãn khuất ngụy trang để phục kích không quân Mỹ.

Cha về Hà Nội họp, mua cho chúng tôi tập thơ của Trần Đăng Khoa, Hoàng Hiếu Nhân, Cẩm Thơ, Chu Hồng Quý... xuất bản trong thời gian này. Trèo lên cái cây vọng gác ngã ba sông đọc thơ thật thú. Khung cảnh làng quê trải ra trên trang sách, và cũng đang thực trải ra gấm vóc trong buổi trưa hè chói chang dưới tầm nhìn từ cây sữa.

*“Một bên là núi uy nghiêm
Một bên là cánh đồng liền chân mây
Xóm làng xanh biếc bóng cây
Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời.”*

Cha bảo các bạn ấy chỉ hơn con đôi tuổi thôi mà viết được như thế đấy! Tôi đọc thấy thích, vì nó đặc biệt giống với hoàn cảnh lũ trẻ con đi sơ tán chúng tôi, và quan trọng hơn, là có cả đề mèn.

*“Chúng tôi đến lớp ngày ngày
Mũ rơm tôi đội, túi đầy thuốc men
Ao trường vẫn nở hoa sen
Bờ tre vẫn chú dế mèn vuốt râu”*

Bài thơ kể chuyện đi đánh giặc tôi thích nhất, vì tôi mê đi câu và biết cách câu khá nhiều loài cá.

*“Thằng dối nhớ ai
mà khóc mãi
mắt đỏ ngầu như lửa?
Nhưng lão trê
nhảy võ ở đâu
mà ngã bẹp đầu?”*

Rất hay! Rất thích! Nhưng đến đoạn bắt được bao nhiêu cá trong giỏ bạn ấy đổ hết xuống ao vì lũ cá này đã ăn phải dầu chân thằng phi công Mỹ, thì tôi tiếc cá quá! Mỗi lần tôi câu được một con cá trê to là một chiến công không dễ gì quên được. Những con trê vàng bóng nhảy mắc câu kéo cước oằn cấn, kêu ẹt ẹt dưới cụm rau dừa dập dềnh mới khoái thú mê mẩn làm sao!

Tôi thắc mắc, hỏi cha tôi sao lại phí cá thế? Cha tôi bảo là vì các bạn ấy căm thù quá, ghét quá. Người ta ví ghét như đào đất đổ đi là như thế đấy con à! Tôi lẩn quẩn với ý nghĩ, nếu mình tóm được giỏ cá đó chắc mình không đổ nó đi. Cùng lắm rửa cho thật sạch rồi đem kho tuốt.

Bài thơ về cô tự vệ thành phố Sài Gòn của Cẩm Thơ, tôi cũng có ấn tượng nên giờ vẫn còn nhớ mấy câu:

*“Mỗi khi thấy bóng bóng đỏ
lại nhớ cô tự vệ Sài Gòn
Một mình một súng
đánh cả tiểu đoàn
Khi bị thương gãy chân
cô treo mình lên cửa sổ
đứng vững vàng giết nó...”*

Cô tự vệ thật kiên cường và bạn Cẩm Thơ mới 11 tuổi mà giỏi quá! Bây giờ mẹ tôi vẫn cười, chế nhạo tôi chuyện hồi đó, chuyện sau khi đọc bài thơ này, tôi hùng hồn tuyên bố lớn lên con không đi bộ đội đâu, vì “con sợ chết lắm!”. Hóa ra những đứa trẻ nhất chết lại hay mơ về những hành động anh hùng. Nào ai đã biết anh hùng cái thế hay lính trận vô danh cũng đều được tạo nên do số phận thế thời. Chắc hẳn các nhà thơ cũng được tạo bởi số phận như vậy, vì chẳng ai định học bắn súng dùng súng hay miên man gieo vần từ bé. Tôi tin thế!

“Vọng gác số Ba” ngoài vị trí là nơi trốn người lớn để quan sát máy bay Mỹ, là thư viện lý tưởng buổi trưa để đọc sách, nơi đánh trận giả buổi chiều... còn là đấu trường diễn ra những trận tỉ thí cò gà.

Bò ngang sát mặt đất thành một tấm thảm xanh nhạt, đám cò gà đang ra mỏng chiu chít. Đầu ngọn cỏ phồng lên một cái u tựa như đầu gà, viền bọc bởi các lớp gân lá đối xứng. Cọng cỏ tròn, hơi dẹp và láng bóng. Chọn được những nhánh cò gà có cọng lớn là nắm chắc phần thắng trong cuộc thi “chọi” với cái Lan, con bé khoáng tính, chủ nhân của những đám cỏ dày bí mật chỉ mỗi mình nó biết. Càng chắc thắng hơn nữa nếu biết hong sơ qua lửa đoạn cuống gần mỏng gà cho tái trước khi vào cuộc tỉ thí. Khi đó, cuống cỏ sẽ rất dai. Có những hồ oanh liệt, một con gà tái xơ xác của tôi xơi tái hơn chục con gà tươi làm cái Lan tức suýt phát khóc.

Sau cuộc chiến gay go, đầu gà rơi lá tả. Bây giờ nhặt lên, dùng móng tay cẩn thận bóc tách đầu mỏng cỏ, sẽ thấy nằm trong tâm là một con sâu bé tí nhỏ cỡ đầu tăm. Trăm ngọn như một, mỏng ngọn cỏ gà nào cũng có. Tôi nhớ Hà Nội, nhớ ông ngoại tôi thường ngâm nga đọc hai câu thơ của Vương An Thạch:

*“Minh nguyệt sơn đầu khiêu
Hoàng khuyến ngọa hoa tâm”*

Ông lại giảng giải, kể chuyện Tô Đông Pha nghe câu thơ, vuốt râu chề An Thạch dốt. Thơ thần gì mà trắng sáng kêu đầu núi, chó vàng nằm giữa đóa hoa? Thậm vô lý!

Khi xuống miền nam nhậm chức, Đông Pha mới biết đến một loại chim có tên minh nguyệt chuyên kêu hồn lạc đêm trăng, và biết thêm con chó vàng ngọa hoa tâm, chính là con sâu bé tí có tên hoàng khuyến, đang nằm giữa bông hoa cỏ gà mùa thu say ngủ quên đời.

Tiếng keng báo đi lấy cơm giống giả từ phía bếp ăn tập thể. Chúng tôi học tốc chạy vội về nhà. Những thủ cấp loài kê thảo sau cuộc chiến tranh bỏ lại, vẫn lằn lóc héo dần dưới chân vọng gác. Thời xưa thời nay lẫn thơ cũ thơ mới không thôi thúc bằng tiếng keng báo cơm, khi những cái dạ dày thiếu niên đang tuổi lớn sôi réo. Về sau tôi nghiệm ra cứ thời nào có chiến tranh thì đều có nhiều thơ cả, kể cả các bài thơ về các trận chiến cỏ gà.

*

Để cải thiện thực phẩm gia đình những năm đói kém, tôi theo bọn trẻ con trong làng đi móc cua ngoài ruộng, đi giậm trai trên sông Cà Lồ, đi câu cá... Dần dần tôi cũng trở thành một tay sát cá. Da tôi phơi nắng, dần đen cháy như củ tam thất, tóc hoe hoe như lông bò. Tuổi nhỏ bắt cá bé, với nhiều cách câu khác nhau cho từng loại cá khác nhau. Cá mương, cá chày ăn nổi dùng mồi động như mồi châu châu, mồi gián đất. Cá rô nhử bằng mồi ấu trùng ong muỗi (ong tay áo) rất nhạy.

Cuối xuân chớm hè, đã có thể bắt đầu nhìn thấy những chú rô ron hạt bưởi, luẩn quẩn dưới những cọng rác trôi ngay con mương nhỏ đầu nhà. Chỉ mấy hôm không để ý, đã thấy các chú đớp móng lách chách ra dáng dưới bụi cỏ lồng vục đang ngoi nước. Nước mới nhiều mồi, lũ rô ron rất chóng lớn. Ngồi bờ

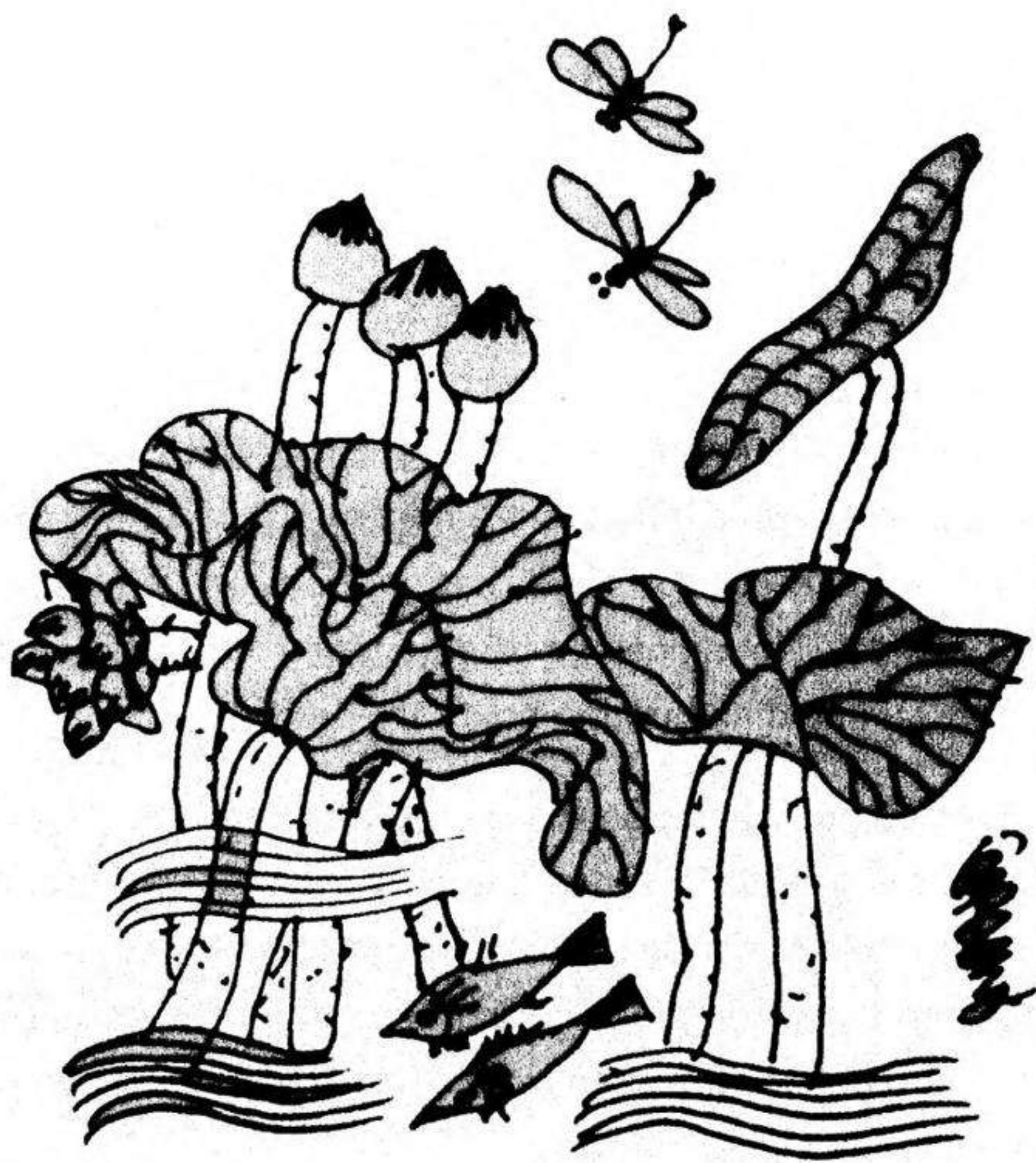
mương nghe rô ron ăn móng là đã có thể mơ về một đĩa rán giòn rắc lá chanh thái chỉ, và người lớn hẳn sẽ mơ thêm về những chai lờ lờ nước hén nút lá chuối thơm phức rượu ngang.

Cá rô đập móng để lấy không khí vào cái mang phụ ẩn sau ngạnh. Những loài cá có mang phụ có thể sống rất lâu ở trên cạn. Như loài cá trê, mang phụ của nó là đôi “hoa khế” nằm trong ngách đầu. Khi làm món cá trê kho nghệ hay nấu canh dưa, nếu vụng không biết bỏ cái hoa khế đi, thế nào cũng bị nghe mẹ tôi cần nhần.

Những trận mưa rào đầu hè đổ xuống dữ dội, đàn rô cụ, rô mẽ của những năm trước thoát khỏi bùn lầy ao cũ, rạch mang vượt lên cạn đi tìm không gian sống mới. Chúng cứ ngược nước mà đi. Đôi khi hành trình mạo hiểm kiếm tìm tự do này lại dẫn đến một bãi cỏ, một vườn chuối, hay có thể cuối cùng là một cái lu nhốt nào đấy. Nhưng nào có hề gì? Chim trời cá nước quy luật muôn đời, ai nào định hướng cho được cơn cỏ thiên di.

Đến cỡ cuối tháng Bảy, heo may dựng mùa hây hẩy, đồng lúa thoát đồng ra bông. Phấn bao hoa lúa lấm tấm rụng trắng mặt ruộng, bày ra đại tiệc. Đàn rô mẽ ruộng sâu, quần lên lộn xuống theo từng trận gió lay động. Khi ngọn thu phong rũ lớp bao hoa lúa rụng lớp lớp, trên mặt ruộng lại cồn rộ lên tiếng đập và những vòng khuyên cá quẫy.

Cơn heo may lạ lùng kỳ quái, thoáng nhẹ nhàng như một nụ hôn phớt nhưng lay gọi lòng kẻ đa sầu phấp phỏng thấp thỏm, dù cuộc đời đôi khi chẳng có gì để nhớ. Thi nhân Hữu Loan viết câu “*Khi gió sớm thu về gợn gợn nước sông*” quả đúng thần bút! Gió thu lướt qua chớm lạnh, mặt nước cau nhẹ, như một thoáng nhũn mảy trong tiếng đồng lúa xạc xào.



Đầu tháng Mười, lúa đã sậm hạt. Ngay đến những hạt cỏ may gở ra từ gấu quần trong một ngày đi câu cũng đã đóng hạt chắc. Tôi ngồi trên cái nền chùa đổ ngó ra khoảng đầm lầy bên tay trái con đường đê. Bóng chiều đỏ ối. Những bông lúa uốn câu trên đầm nước đã tối đen lại vì ngược sáng. Trong khoảng hắt mờ bóng nước, vẫn thấy rõ những con cá rô tung mình lên đớp những bông lúa chín còng còng. Tiếng cá đớp lồm tồm tan trong gió lạnh ào ào. Thăm đông hồng tây lại dựng may thế này không gặt nhanh, bão muện về thì lại dài.

Nhưng khoái nhất là đi câu cá diếc!

Đầu tiên chọn một cái ao rộng lâu chưa tát, mức nước sâu vừa phải. Làm mấy cái khung nửa hình vuông, kích thước khoảng mét hai, mét tư là vừa. Chọn một bờ vắng có bóng cây, ít người dòm ngó. Lợi xuống dọn đáy ao chỗ câu cho sạch, rồi ghim cái khung nửa vừa chuẩn bị, cố định vị trí chắc chắn nằm trên mặt nước để ngăn bèo.

Giờ đến khâu chuẩn bị thính và mồi. Vào xóm xin một đấu cám mỗi giã, rang cho đến gần cháy, thật thơm. Nướng đôi cánh hoa hồi, tán nhuyễn trộn đều vào đó cho tăng phần quyến rũ. Đừng quên nướng thêm một củ ráy già nhỏ trộn vào thính. Củ ráy rất ngứa, giống cá xoi phải sẽ bị ngứa mồm nên càng cần tợn. Suy cho cùng những kẻ hay bị ngứa mồm đều là những thằng đại cá.

Mồi cá diếc rất mỏng nên cần câu trúc phải thật mềm mại, dịu đầu. Cái đầu vút cần thô kệch cứng quèo khi giật thường làm cho cá sứt mồi, chỉ có vút đi. Cần đã dịu thì lưỡi câu cũng phải nhuyễn. Chọn loại lưỡi bé nhất, bé hơn cả lưỡi câu cá rô. Viên chì nhỏ cuốn như đầu tăm cách lưỡi câu hai phân, vừa đủ kéo cái phao nửa nổi nửa chìm trên mặt nước và mồi vừa chạm đáy.

Cá diếc ăn mỗi gì? Xin thưa là mỗi giun quế đỏ! Loại giun này là sơn hào hải vị của những đàn cá diếc. Muốn có giun đỏ phải tưới nước gạo thường xuyên vào kẽ những viên gạch xếp cạnh vại nước. Giun đỏ tụ đến ăn nước gạo. Khi nào đi câu, lật những viên gạch đó lên để lấy giun cho vào ống bơ, kèm theo ít đất mùn ẩm giữ cho giun mãi luôn được tươi sống.

Chớm thu, khi heo may sớm đang rờn rợn mặt ao là thời tiết lý tưởng để đi câu cá diếc. Cụ Tam nguyên Yên Đổ xưa cũng chọn thời tiết này đi câu. Thở than “tựa gối ôm cần lâu chẳng được” chứng tỏ cụ đi câu chỉ để tạo dáng, ngâm nga rình rập thời cuộc, dờ hơn là cụ không biết câu, hoặc tệ nhất là cái ao của cụ không có cá. Bởi lúc này, sau mùa hè ngập nước chắc chắn hồ ao đầy cá. Mọi giống cá đang phè phỡn thức ăn, bóng vẩy béo tròn, tích mỡ để chuẩn bị chúi bùn ngủ đông.

Nghĩ đến cụ Tam nguyên thế thôi, còn bây giờ là việc của thằng bé con đi câu chẳng chịu về không. Đến địa điểm đã chuẩn bị, trộn thính đều với cục bùn quánh, nhào chính giữa cái hình vuông khung nửa quăng thật chính xác: “Tôm!”. Sang tiếp khung nửa tại vị trí dự phòng quăng tiếp cục thính khác: “Tôm!”. Vẽ cục đất nhuyễn tóe vào lưỡi câu để chính phao chính xác theo độ nông sâu đáy ao là công đoạn chuẩn bị cuối cùng.

Giờ chỉ việc nghỉ ngơi một chút chờ cá đến. Mặt ao mùa thu xanh thắm, đôi khi in bóng những phi đội Mig. 21 hoặc F.4 bay ào ào qua bầu trời đỉnh sân bay Đa Phúc. Đôi khi cũng được chứng kiến những trận không chiến chớp nhoáng nhanh đến không ngờ, giữa những đụn khói cao xạ đen xám lục bụi vây quanh.

Tại chỗ câu đã thấy mấy cái tằm bằng cái khuy áo nhỏ nổi lên, kèm theo mấy vẩy thính cám. Đúng tằm cá diếc, cá đã ủa

thính rồi! Móc giun vào lưỡi câu cho khéo ôm tròn. Phần thừa con giun đỏ vẫn ngoe nguẩy đầu lưỡi. Ướm cần thả câu thật chuẩn vào giữa đám thính. Có khi thả chính xác giữa cục thính làm cái phao nổi lên, phải lắc tay một chút cho mỗi câu tuột xuống, vừa đủ chạm đất.

Cái phao nhỏ nhay nháy, lập bập nhè nhẹ rồi nổi bênh lên. Đích thị là cá diếc! Cá diếc ăn nhẹ nhàng duyên dáng lắm, nó không cướp mỗi phàm phu tục tử kiểu cá mương, cá rô. Phao bênh tức là nó đã ngậm mồi. Vây đầu cần thật nhẹ nhàng. Kéo lên nào! Cái đầu cần dịu oằn lại dưới sức nặng con cá rướn chạy. Con cá diếc lượn thêm mấy vòng nhỏ nữa rồi chịu phép, cong mình rời khỏi mặt nước. Mút vây đuôi, vây lưng vàng hươm xoè ra dẫn đờ dưới nắng. Cặp mắt viền đỏ hay háy. Hàng vây tròn bóng ngời trơn nhẩy, bung lên vạt xuống trong chiếc giỏ tre thưa, trông rất ưa nhìn.

Gặp ngày cá ăn, cứ thả mồi là nhắc cần lên luôn, được liên tục. Thính thoảng cũng được lẫn vài con cá mài mài, loài cá mẩn đẻ tanh ngòm, bụng lúc nào cũng phồng xanh đầy trứng. Cá rô mề, cá chép đôi khi cũng sục vào phá đám. Nhìn thấy vệt cày của tấm cá chép sủi lên xông vào ổ thính, nếu cước non lưỡi bé phải nhắc cần lên ngay. Thứ nhất vì hợp tác xã cấm câu cá chép thả. Thứ nữa mà tham, cá lớn nó giật đứt lưỡi với dây ngay. Cá thừa cần mồi lại thu xếp chuyển sang ổ thính khác.

Bây giờ tôi vẫn nhớ những cái lá tre, gió heo may thổi phi vèo vèo như thuyền chiến trên mặt ao đầy khói sóng. Nhớ cái nổi đất kho tương cá diếc với khế chua ngày chớm lạnh sang đông. Nhớ hai anh em tôi dắt nhau đi học, lù lù trên đầu là hai cái mũ rơm trông như hai cái nấm. Nhớ con đường qua đồng, gió bắc lùa hun hút trên những cành xoan khẳng khiu...



Tháng Mười Hai, trời hanh hao lạnh. Cường độ oanh tạc của không quân Mỹ tại nơi tôi sơ tán giảm đột ngột, đến mức dường như đang trong thời bình. Tôi đã thi xong các môn học kỳ I lớp Sáu tại trường cấp II xã Đạo Đức với kết quả tốt.

Buổi trưa ngày 18 tháng 12, tiếng động cơ xèo xèo lạ lùng của một chiếc máy bay không người lái nhỏ ra khỏi đầu làng Nhân Vực. Chiếc phi cơ bé nhỏ kéo thẳng một vệt dài qua đỉnh đầu về hướng Phù Lỗ. Theo sau nó một quãng, chiếc Mig.21 bay bám đuổi nhưng chưa thấy phụt tên lửa đối không. Cả hai khuất sau rặng tre đầu xóm. Chiếc máy bay trinh thám xuất hiện, như báo trước một điều gì đó tồi tệ đang đến.

Mùa đông, trời tối sớm. Nhà mới ăn cơm xong một lúc đã nghe trận địa pháo cao xạ 37 ly gần ga Hương Canh giạt mình khùng khục. Tiếng bom dậy trời hướng Phúc Yên, Phù Lỗ. Từng loạt tiếng nổ lớn kéo đến thật gần. Màn đêm hồng rực mé chân mây mỗi khi tên lửa phòng không được phóng lên. Những trái hỏa tiễn đối không rời mặt đất, sáng trưng như chiếc đèn trời, càng bay lên cao càng nhỏ, biến mất hút trong trần mây tháng Chạp. Có tiếng rít ào ào, tiếng rơi “ùm xèo” từ một cột nước dựng ngay sát bờ sông. Tôi nhắm mắt thụt đầu nhưng không thấy tiếng nổ. Giọng cha tôi vọng ngoài cửa hầm, thông báo đó là tăng đuổi một quả tên lửa vừa rơi xuống.

Đêm hôm ấy, cả bệnh viện sơ tán không ngủ vì báo động liên tục. Có khi yên yên vừa chợp mắt, kéo lại giấc ngủ chưa được nửa tiếng đã lại phải chạy ra hầm. Lần báo động cuối, mới chạy ra đến hiên, tôi cảm thấy có gì đó vừa thoáng qua rất khác thường. Cảm giác hồi hộp vụt đến, như ta bỗng rơi tụt vào một vùng có áp suất âm. Tiếp đến ngay sau là tiếng rít xèn xẹt lộng óc của một loại máy bay lạ bay cực thấp. Vài bệnh nhân ngửa mặt xôn xao, quả quyết với cha tôi rằng chúng em vừa thấy

bóng nó lướt qua đây, cánh xòe to bằng cả ngôi nhà xét nghiệm. Châm đèn bụng nó chạm cả vào ngọn dừa.

Con hắc điều siêu thanh bay đêm chết chóc vụt qua một giây, tiếng động cơ mới đến đằng sau kéo theo hơi gió rít. Sau này tôi mới biết đó là loại máy bay F.111A “cánh cụp cánh xòe”. Hắc điều bay đêm lướt sạt đầu chúng tôi để tránh ra đa, đến ném bom đường băng sân bay Đa Phúc. Nó bay theo đúng vệt bay của chiếc không người lái ban trưa.

Tin B.52 chính thức ném bom Hà Nội trên đài phát thanh sáng hôm sau khiến cả nhà sốt ruột ngóng tin. Không biết ông bà ngoại và cậu tôi có bình an không, phổ cũ tôi vẫn còn hay đã tan nát sau trận bom đêm. Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam cũng bị đánh bom. Giọng danh thiếp cô Tuyết Mai tố cáo tội ác hủy diệt của không quân Mỹ trong các buổi phát thanh nghe chập chờn, xa xôi với chất lượng giảm hẳn. Chập tôi, cha tôi dán tai nghe thêm tin tức từ các buổi phát thanh đài BBC Việt ngữ.

Những ngày tháng Chạp hồi hả sôi sục. Mọi nhà ăn cơm chiều sớm, thấp thòm chờ đợi những trận oanh tạc khi lặn mặt trời. Cuộc sống trở nên thất thường tạm bợ, và mọi người như trở thành một con người khác, âu lo vội vàng hơn. Những lần chạy ra hầm ban đêm nhiều quá, đến nỗi chân cẳng anh em tôi chẳng buồn rửa, hết báo động lại ba xoa hai đập rúc vào chăn ngủ tiếp. Sinh hoạt đảo lộn, mỗi một trong tiếng bom rền. Thương nghiệp bung kho thực phẩm dự trữ, nên chúng tôi được chén những hộp thịt bò xay 150gram ngon lành, những hộp xúp viên bò khô Hungary nấu mì thơm phức.

Lễ Giáng sinh lạnh lẽo trôi qua trong yên tĩnh. Bầu trời mùa đông không có tuyết rơi, nhưng được không quân Mỹ trang

điểm bằng lớp lớp sợi nhiễu kim loại lấp lánh bay trắng cánh đồng. Gió dồn những sợi nhiễu quện thành từng búi mắc trên ngọn tre, trái dài bờ ruộng.

Hai hôm sau, ông ngoại tôi xuất hiện ở cổng cơ quan sơ tán, trong bộ dạng gầy còm của Tuyết Sơn La Hán. Ông tôi đi bộ mấy cây số từ bến xe vào, bơ phờ thông báo B.52 ném bom rải thảm phố Khâm Thiên đêm qua, cả nhà vẫn an toàn. Cha mẹ tôi thở phào, chạy được người nào hay người đó. La Hán xuất hiện cùng lúc với trận gió mùa đông bắc bổ sung, kéo theo mưa phùn. Gió cuồng mưa khấu suốt buổi chiều âm đạm, rũ lá vườn chuối xác xơ từng cơn phành phạch.

Đêm ngày 28 tháng 12, tiếng động cơ rền rĩ như cối xay lúa của pháo đài bay Mỹ B.52 xuất hiện ngay trên đỉnh đầu. Trùm trong tiếng gió, cao vút lên tiếng rít dài thê thảm như một dàn vĩ cầm siêu thanh lần đầu tiên tôi nghe thấy trong đời. Đó là tiếng hú ghê rợn do ma sát với không khí của hàng trăm trái bom đang lao xuống từ trên không trung.

Lần này chắc không thoát được. Chúng tôi nhắm mắt đợi chờ số phận. Chớp bom loe lóe đến trước, giằng giạt mé Phù Lỗ, Đa Phúc. Một lát sau hơi bom phản phật mới tạt đến cửa hầm. Mặt đất rùng rùng rung chuyển. Tôi ngồi ôm đầu ngó ra, hàm răng đánh cảm cập, chẳng hiểu do trời lạnh giá hay do hơi bom.

Trời đêm bỗng hừng sáng dần lên. Trên trần mây đục, một đám lửa nhỏ đang trương nở ra một cách mau chóng. Đồng lửa nhà trời bỗng bùng lên thành một đồng rơm to sáng rực, vỡ òa ra chia làm mấy đám khổng lồ, lá tả rơi như chụp xuống đúng đỉnh đầu. Bóng hàng dừa đổ nghiêng dần, in trên mặt sông vàng vạc. Đàn vạc sành ăn đêm bên ao hoa súng xốn xác vụt bay.



Tiếng reo của người lớn vọng vào từ xóm ngoài: “B.52 rơi rồi, rơi rồi...!”. Chiếc B.52 đó rơi ngay ngoại vi thị trấn Phúc Yên, cách chỗ tôi ở chưa đầy ba cây số. Hôm sau người lớn rủ nhau băng đồng đi xem, vật các đi ốt, bóng bán dẫn... về kể chuyện thấy một cái xác phi công tóc vàng hoe bị thiêu cùng với cỗ quan tài bay này.

Tiếp hai hôm sau, vào hôm 30 tháng 12, tin tổng thống Nixon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom được thông báo. Chiếc đài bán dẫn VEF 206 Liên Xô, được mệnh danh là con sói nhai pin của bệnh viện trang bị cho cha tôi, lại có cơ hội ngốn pin hết công suất. Cái ống nứa tự tạo chứa pin quần chun bên ngoài phải ghép đến cả gần chục cục pin Con Thỏ. Sói nhai thỏ, và từ đó phát ra những bản tin chiến thắng ròn rảng.

Tin Hà Nội bắn rơi 34 pháo đài bay B.52 Mỹ, chôn vùi uy danh không lực Hoa Kỳ xuống bùn đen, khiến lòng người phơi phới.

Tin ông bà thủ tướng Thụy Điển Olof Palme xuống đường tuần hành ủng hộ Việt Nam, gọi cuộc ném bom Hà Nội là tội ác lịch sử.

Bài tùy bút *Hà Nội, Thủ đô của phẩm giá con người* do Thép Mới viết, hùng hồn đến mức làm một đứa trẻ con 12 tuổi như tôi cũng thấy xúc động tự hào.

Đài BBC khẳng định, bị bắn hạ với cái đà này, tháng sau Hoa Kỳ sẽ hết sạch B.52.

Bài ca “*Việt Nam... trên đường chúng ta đi. Nghe gió thổi đồng xanh quê ta đó. Nghe sóng biển ầm vang xa tận tới chân trời...*” bay cao giọng Kim Oanh, vang vang trên đài suốt kỳ nghỉ Tết dương lịch.

Năm mới 1973 đến với biết bao niềm vui, và vui nhất là sắp được trở về Hà Nội với bà ngoại ăn Tết Nguyên đán. Chúng tôi theo tụi trẻ con trong làng ra bãi tha ma, đốt những mảnh vỏ tên lửa SAM 2 đập ra từ các tầng phóng rơi. Vỏ tên lửa nhẹ, có thể chứa ma-nê nên bắt cháy rất mạnh. Khi miếng hợp kim đã cháy trắng, lấy nước lạnh đổ vào rồi dùng gậy tre tươi dài đập. Miếng hợp kim tung tóe lửa hoa cà hoa cải kèm những tiếng nổ lớn ùng ùng, trầm như pháo cối.

Gió mùa đông bắc thổi, phát phơ những xác rắn lột vương mắc trên bờ dừa dại. Gió xạc xào lùa qua đồng rạ khô bạc phếch. Ngọn bắc cường trong ngày bình yên dường như không còn lạnh như trước nữa. Vài đồng lửa lớn từ những cây muồng, những chân rạ gom được nhóm lên. Mặt chúng tôi nẻ rạn, đỏ tấy quanh vòng nhiệt. Mùi khoai nướng thơm cháy lẫn trong khói sưởi tré trâu, mù mịt lan tỏa ra khắp cánh đồng.

*

Năm 1973, khi từ nơi sơ tán về, tôi lại học lớp 7 tại trường Thanh Quan. Ngôi trường mà tôi đã học mấy năm đầu cấp I. Lớp tôi do thầy Tuy dạy văn làm chủ nhiệm. Thầy không phải người Hà Nội, hình như được chuyển về từ tỉnh Yên Bái. Không có chỗ ở nên phòng giáo dục thu xếp cho gia đình thầy ở tạm một chái phòng bé tí, bên trái trên tầng ba trường Phan Đình Phùng.

Chúng tôi bắt đầu học các loại văn nghị luận: chứng minh, giải thích, bình luận... Một trong các đề văn chứng minh tiêu biểu mà tôi tin nhiều người còn nhớ, đã từng đặt bút viết hoặc tử tế, hoặc linh tinh trong thời đó:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi,

nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Anh (hay chị) hãy chứng minh nhận định trên.

Bài nghị luận chứng minh này không khó với sức học của tôi, song thầy Tuy vẫn bắt tôi cùng một số đứa khác, cả khá cả kém, lên nhà thầy để kèm cặp thêm. Thầy muốn đánh giá hiệu quả cách truyền đạt của thầy đối với từng loại đối tượng học sinh. Thời đó các thầy cổ giáo dạy thêm gọi là dạy “phụ đạo”, và tất nhiên không bao giờ lấy tiền.

Học trò phụ đạo leo cầu thang gỗ, lên cái “tổ chim” của thầy. Hai đứa bé gái mũi dài dính lẫn bóng ngò, đứa ba tuổi, đứa năm tuổi quấy nhều nhẹo. Chúng tôi phụ cô, một người đàn bà ít nói, dõ dằn xếp chúng nó lên cái giường bừa bãi những quần áo chưa gấp. Thầy quát: “Có im đi không!”. Lập tức tụi trẻ con im bật. Một buổi học văn bắt đầu trong tiếng sịt mũi của lũ trẻ con, tiếng nhặt rau muống tanh tách của người đàn bà. Những buổi học thêm như thế không dễ gì quên được.

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”. Để này không cần phải chép vì các em biết cả rồi. Các em viết đoạn mở bài cho thầy xem nhé!

Chúng tôi cắm cúi ngồi viết trên cái bàn gỗ lim học sinh vát mặt kiểu cũ, mặt úp vào tường. Tiếng ngòi bút lạt sạt lẫn tiếng sịt sịt mũi của các em bé con thầy. Lá xà cừ vẩy gió ngoài ô cửa chớp. Trong cái bàn gỗ phía sau, sức mùi khói khen khét bếp dầu đun nước vừa tắt.

“Nào xong mở bài chưa? Xong rồi à, tốt! Long đưa thầy xem nào. Ài chà... Từ đêm mờ xa xôi của lịch sử. Hay

quá!... Thắng đâu, đưa đây xem! Lại từ đêm mờ xa xôi của lịch sử phải không? Đúng rồi... ồ... ôi!...”.

Thầy vung tay, tập giấy nháp bay tung trong không gian chật hẹp, rơi lả tả... Thầy bắt đầu nổi điên, mắng như tát nước vào mặt.

“Tôi không nói các anh vứt bài mình đi, vứt cái bộ óc có suy nghĩ riêng của mình đi, mà hãy vứt cái quyển văn mẫu chết tiệt ấy đi. Vứt hết đi...! Nghe chưa...!”.

Sau tiếng rít “nghe chưa”, quyển văn mẫu của thằng Thắng bay ra ngoài hành lang.

Những năm 7x đó, bộ Giáo dục có tập hợp các bài được giải thi văn toàn miền Bắc, in thành một quyển cho học sinh tham khảo. Trong phần mở bài của một bài được giải, có một mệnh đề chỉ thời gian không xác định theo lối tu từ mơ hồ: “Từ đêm mờ xa xôi lịch sử”. Không hiểu sao nhiều thằng trong lũ học sinh trong trường mê mẩn nhóm từ này, đến nỗi bài nào cũng bệ nguyên vào. Nhiều “đêm mờ xa xôi lịch sử” quá, đâu cũng gặp làm thầy nổi cáu.

Khi lên lớp, thầy hay mặc cái áo sơ mi trắng và chúng tôi thường xuyên thấy cổ áo thầy bị “là cháy” đen kịt. Tóc thầy hiếm khi cắt gọt, thành một mớ lù xù trên gương mặt nâu đen. Chỉ có giọng nói là nhiệt thành, sang sảng như không bao giờ ngừng. Một lần trong tiết sinh hoạt, thầy đề nghị chúng tôi đăng ký tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Quốc tế Hiến chương các nhà giáo 20/11. Thầy cũng đề nghị nếu có chúc mừng hay tặng quà thì chúc tặng ngay trên lớp, không nên đến nhà thầy vì nhà chật.

Thằng Long cạnh nhà tôi xung phong đăng ký góp tiết mục kéo violon bài *Mùa hoa phượng nở*: “*Tu hú kêu... ve ve ve...*”.

hề về”. Nó chỉ biết chơi mỗi bài ấy vì mới học. Tôi nói leo, bảo: “*Thưa thầy thằng Long chỉ có mà chơi đàn Nguyệt*”. Thầy túm đầu tôi, xách tai lên mắng: “*Thằng bố lão!*”. Nguyệt là con bé phố Hàng Lược, ngồi cạnh thằng Long. Phải nói thầy đọc ngay ra những câu chọc ngoáy, những trò tinh quái của tụi học trò con dân buôn bán những phố hàng “Chai – Khoai – Lược”. Nói đến tụi học trò khu phố này, thầy cô nào cũng thấy ngán.

Tuy nhiên, tôi vẫn là học trò cưng của thầy dù hay bị mắng. Bài phân tích *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* tôi được 7 điểm, được đọc mẫu trước các lớp thầy đứng tiết làm tôi phổng cả mũi. Lỗi văn tế biến ngẫu đối xứng như ma nhập, tôi quen thuộc từ khi đọc *Tam Quốc chí* với những bình giảng quái kiệt của thầy Quý. Thành thử bài nghị luận phân tích này tôi viết bay và khoái hoạt. Cứ mỗi câu ứng, thầy khuyên một vòng tròn đỏ và phê: “*Tuyệt cú!*”. Cả bài có đến dăm cái tuyệt cú như thế là không phải chuyện đùa. Cuối bài, khi đã làm xong vẫn thừa thì giờ, tôi buồn tay vẽ một cái ô tô khách đang chạy lên dốc, dưới bóng hàng cây vào chỗ giấy còn trống. Thầy không những không trừ điểm mà còn hài hước thân nhiên phê: “*Thừa giấy làm chi chẳng vẽ voi!*”.

Chuyên môn thầy vững, cộng với tính tình khảng khái cương trực nên nhiều người không thích. Với tất cả những điều đặc biệt như vậy nên người ta gọi thầy là “Tụy hâm”. Không biết biệt hiệu này do ai đặt nhưng tụi học trò lão toét nghịch ngợm vẫn gọi kèm như thế.

Kiểm đầu được bộ in đá rô-nê-ô, thầy viết tay, tổng kết hệ thống nội dung, đặc điểm về các dòng văn học: cổ điển – hiện thực phê phán – cách mạng... theo lối biểu đồ tra ô rất súc tích, sau đó in ra thành tài liệu phát không cho chúng tôi, học rất dễ hiểu. Mẹ tôi cũng dạy văn cùng chương trình lớp bảy ở một

trường khác, sau khi đọc tài liệu tổng kết của thầy do tôi mang về, thì lấy luôn làm tài liệu hướng dẫn cho học sinh của mình.

Khi tôi lên cấp ba, học đúng trường Phan Đình Phùng. Lớp 8L của tôi ngay bên cạnh phòng thầy ở nhờ. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp thầy trên cầu thang phụ và vẫn chào hỏi lễ phép, nhưng thầy chỉ gật đầu qua quýt với học trò cứng rồi đi thẳng. Tôi nghĩ hay thầy giận, thầy buồn, tưởng tôi cũng có mặt trong đám học trò đại dốt, vẫn chạy dọc hành lang trường hét lên: “Tụy hăm! Tụy hăm...!”.

Nhưng hoàn toàn không phải thế. Tôi đâu có biết lúc đó thầy bị theo dõi hay quy kết điều gì đó. Rồi năm lên lớp chín, tôi không thấy gia đình thầy ở đó nữa. Nghe nói thầy Tụ bị đi tù vì chính bộ bàn in rô-nê-ô, từng in tài liệu cho chúng tôi học. Một người thầy như thế không thể in các tài liệu xấu. Người ta không muốn cá nhân sở hữu một phương tiện xuất bản, chắc chỉ vì có thế thôi!

Tháng Mười Một hằng năm về dự hội trường Phan Đình Phùng, lên lớp cũ ngồi, nhìn cái chái góc tầng ba bên tay trái ngôi trường cũ, như vẫn thấy bóng thầy giáo xưa cùng mùi khói bếp dầu khen khét đâu đây. Giờ chẳng biết thầy tôi còn sống để đọc những dòng này không.

*

Với khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến*”, “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, Hà Nội bắt đầu thời kỳ ăn độn, dành gạo cho mặt trận miền Nam từ những năm 60. Lương thực định mức hàng tháng cho thành phần bác sĩ, giáo viên như cha mẹ tôi mỗi người được 13 cân, trong đó sẽ có tám cân gạo, còn lại năm cân là các lương thực phụ trợ khác.

Thời kỳ đầu, Hà Nội ăn độn bột mì viện trợ từ Liên Xô. Loại lương thực này ban đầu gây nhiều hứng thú cho cách chế biến của các bà nội trợ đảm đang. Bột mì nhào kỹ ủ men, thêm chút đường rán bánh phồng, bánh chuối là những món cao cấp. Sau này mỡ dầu, men ủ cũng chẳng còn, mẹ tôi nặn bột thành những cục dẹt để luộc hay hấp vào nồi cơm ăn thêm chống đói. Đôi khi cũng có thể mua được những chiếc bánh bột mì dẹt rán dầu tấm đường dai ngoách ở các quầy hàng mậu dịch với giá một hào. Lũ học sinh chúng tôi gọi loại này là bánh bèo.

Để làm phong phú, đổi mới thêm nguồn lương thực cho dân, nhà nước xây dựng thêm Xí nghiệp Chế biến Bánh kẹo mì sợi Hải Châu mé dưới chợ Mơ. Những vắt mì sợi tươi, mì trứng Hải Châu là cảm hứng cho bữa ăn tươi ngày Chủ nhật. Vài xóc cua đồng, dầm quả cà chua, một quả dứa với thẻo mỡ bằng cái lưỡi mèo chưng ớt bỏng thành một nồi riêu màu mỡ. Nồi nước sôi lớn cho mì vào chần chín, đổ ra rá tươi qua nước lạnh. Sắp mì chần vào tô lớn, chan nước riêu cua nóng bỏng, ăn kèm rổ rau sống thập cẩm là hạnh phúc cuộc đời. Vừa húp mì súp soap, vừa nghe nhà báo thứ trưởng Phan Hiến trên radio nói chuyện Hà Nội ăn rau mà vẫn đánh Mỹ, thấy lòng thật tin tưởng tự hào.

Bác Tường con u Nhu ra chơi hay ra giúp bà tôi việc gì đó, việc đầu tiên là bác phải xuống bếp nấu một nồi mì lớn với cà chua ăn cật lực. Bà con nông thôn thích mì và “gạo mậu” (gạo mậu dịch – gọi tắt) hơn gạo mới, vì “gạo mậu” nấu cơm hay làm bún dôi hơn gạo quê. Ngày mùa, bác mang gạo mới ra, đổi toàn bộ lấy mì và “gạo mậu” nhà tôi mang về quê, nói là các cháu nó thích ăn mì vì đậm vị.

Công suất Xí nghiệp mì Hải Châu không cung cấp đủ mì sợi theo định lượng cho dân thành phố. Sở Lương thực bắt đầu khoán sản xuất cho các cơ sở gia công mì sợi. Cơ sở sản xuất

đến các kho lương thực lĩnh bột mì về cán, gia công thành phẩm xong, giao trực tiếp lại cho các cửa hàng lương thực.

Tôi sang nhà 35 Hàng Lược xem thằng Cường, anh Quỳnh nó phụ quay mì sợi sau những giờ học. Bột nhào cán mỏng từ các lô nhả bóng được chuyển sang máy cắt. Máy cắt cũng hai quả lô như máy cán, nhưng có xẻ rãnh theo kích cỡ sợi mì. Mì tươi cán xong cho vào thùng lớn tạ một, hấp chín trong 40 phút bằng hơi nước đun sôi. Mì hấp xong phải vắt thủ công thành các vắt mì rồi mới đem sấy khô, đóng bao.

Những năm đầu chưa có mô tơ điện nên các công đoạn nhọc nhằn như quay cán, quay cắt đều phải dùng sức người. Có lẽ dính thêm mồ hôi con người nên các sợi mì gia công có vẻ mịn hơn, dai hơn các sợi mì nhà nước. Ba cửa hàng lương thực phố Hàng Đồng, Hàng Chiếu, Phùng Hưng quanh khu phố tôi ở đều nhận mì gia công nhà nó để phân phối cho dân. Cứ 100 cân bột nhận thì giao 94 cân mì sợi. Một tháng, nhà thằng Cường giao 20 tấn mì, cũng cổ dạ dày cho toàn tiểu khu Hàng Mã yên tâm để vừa đánh Mỹ vừa xây dựng Chủ nghĩa Xã hội.

Ngoài mì sợi, nhà nước còn chế biến bột mì viện trợ thành bánh mì, cung cấp bằng cách thu đổi tem phiếu hoặc bán trừ vào định lượng lương thực gia đình trong sổ tháng. Tổ phục vụ “Cơm nổi – Nước sôi – Bánh cuốn” cạnh Hợp tác xã nhựa Hữu Nghị phố Hàng Lược được xây thêm một lò nướng bánh mì gia công.

Những cục bột thun đã ủ men, định suất xếp thành một hàng đều trên bàn rắc bột khô cho khỏi dính. Người nướng bánh rạch một đường dọc trên những nắm bột định hình, dùng một dụng cụ tựa cái bơi chèo bằng gỗ cán dài, hoàn toàn thoát đẩy bánh vào ngăn sên trên của chiếc lò than đang hừng hực rồi đóng nắp lò.

Đến chũng bánh chín đều, nắp ngăn trên được mở, cái “bơi chèo” của người thợ lành nghề thọc vào chính xác dưới bụng từng chiếc bánh phồng phao, đỡ chúng rút ra. Mẻ bánh nóng bỏng thơm phức, rần rạt rơi gọn gàng vào trong các sọt tre đan lót bao tải gai. Sáng sớm mùa đông rét mướt, gió lạnh lùa mùi bánh mì nóng dậy men thơm dọc phố. Cầm chiếc bánh mới ra lò rất bông trên tay, cắn một miếng giòn tan mới khoái thú làm sao.

Để công nghiệp hóa nền công nghiệp Lương thực – Thực phẩm kèm theo sổ bột mì viện trợ, Liên Xô cung cấp lắp đặt dây chuyền cho Hà Nội hai nhà máy sản xuất bánh mì Nghĩa Đô và bánh mì Chùa Bộc. Các loại bánh mì này thân khía vạch nở chéo, đầu bánh tròn chứ không khía dọc và đầu nhọn như bánh gia công. Bánh mì Nghĩa Đô, Chùa Bộc cũng đặc ruột hơn do không bị lạm dụng men nở nhằm ăn bớt lượng bột. Ruột bánh nở nhẹ, xốp đều, có vị hơi chua nếu là bánh cũ.

Chiếc xe tải Zil.130 vừa xét lại vừa hơi trán, với thùng cách nhiệt phía sau in chữ “Хлеб” (Bánh mì – Tiếng Nga) từ từ đỗ lại trước cửa hàng lương thực phổ Hàng Ngang. Phở cũ chọn rộn hân lên. Tụi trẻ con bao giờ cũng là những khách hàng nhanh chân nhất, chạy đến bầu quanh. Cửa thùng xe bật mở, nguồn hơi ấm thơm tho cùng suối bánh mì nóng giòn cháy soàn soạt từ trong thùng xe xuống dãy sọt lớn, nơi các cô mậu dịch viên hơn hớn hứng chờ sẵn bên dưới. Những đứa nhanh chân, mau mắn cầm quai sọt khiêng giúp bánh cho các cô vào trong cửa hàng sẽ được ưu tiên mua trước. Đám oắt con tham gia lao động tự nguyện nhiệt tình, chẳng mấy chốc bánh đã nhập xong.

Đã giao đủ định lượng, hai nhân viên giao hàng trong tấm áo blouse trắng toát đóng sập cửa. Cổ xe thiên thần màu vàng nhẹ nhàng chuyển bánh. Những chiếc áo blouse trên chiếc xe

mới tinh hiện đại xa dần, như là hiện thân vô trùng của Chủ nghĩa Xã hội giáng trần vừa lướt bay qua con phố nhỏ hẹp, qua những gương mặt âm đạm thiếu chất, nhưng lúc này đã chợt sáng lên khi nghe tiếng thét gọi từ các nàng tiên mậu dịch viên áo trắng:

“Nào! Xếp hàng!”.

*

Có những miếng thịt mặn hiêm hoi dưới đáy bát cơm độn, dè dặt cắn từng tí một, để thấm chân răng cái vị ngọt ngon chất đậm, để kéo dài thêm niềm hạnh phúc mà một tháng chỉ dăm ba lần xuất hiện, nhưng sách báo với tuổi thơ tôi không bao giờ thiếu.

Như mọi trẻ em Hà Nội, mỗi tuần vào thứ Bảy, tôi xin tiền mẹ ra Bưu điện Đồng Xuân mua báo *Thiếu niên Tiền phong*, xem những chuyện vui không bao giờ chung kết giữa Bóng nhựa với Bút thép, chuyện con voi xiếc Hoiti – Toiti mang bộ não người, chuyện bắt sống trần gió cứu bạn...

Nhưng tôi thích đọc báo của người lớn hơn. Cha tôi đặt tuần báo *Văn học* từ những năm cũ, đóng thành nhiều tập dày, bìa làm bằng giấy xi măng rất cẩn thận. Những tập báo này còn ghi dấu ấn trong đầu tôi cho đến tận bây giờ. Người lớn lắm chuyện hay và kỳ lạ trong cuộc đời thực chứ không ước lệ giản lược như báo cho trẻ con. Có lẽ tôi già trước tuổi. Ngày hè, tôi nằm sấp trên chiếc phản gỗ lát, lật từng trang báo cũ đọc đi đọc lại từng truyện in trong báo.

Một số truyện tôi còn nhớ được, như truyện *Dòng sữa* của Trần Thanh Giao kể về một anh lính giải phóng bị thương, kẹt lại trong vùng tạm chiếm trong túp nhà tranh của một bà mẹ sống

cùng cô con gái mới mất con. Trong đêm, cô gái vắt bầu sữa của mình ra chiếc chén nhỏ, mớm cho anh lính uống. Dòng sữa trắng đục như dải Ngân hà đêm hôm ấy.

Truyện *Đêm hòa bình* không nhớ rõ của ai, mô tả một đêm trở trời sau cuộc chiến 1954. Anh thương binh trở dậy trong đêm khuya, cùng cô vợ trẻ nựng, xuy tè cho đứa bé con mới sinh mấy tháng. Nghe chớp giạt, anh ra sân gọi người bạn lính láng giềng mới được chia ruộng sau cái cách, nhắc chạy ngô khoai quên trên sân phơi vì cơn mưa đang đến. Truyện này nhỏ nhưng đọc thấy đầm ấm hạnh phúc lắm! Sau này đi lính, nghe Duy Khánh hát bài *Giã từ vũ khí* là tôi lại nhớ ngay đến cái truyện này.

Truyện *Người thợ chữa đồng hồ trên đồi A1* của Hữu Mai, kể về một người lính nhớ nghề của đời thường tiền chiến, nhận chữa đồng hồ miễn phí cho lính trung đoàn dưới căn hầm, giữa cuộc chiến giành giật khốc liệt đang diễn ra hằng ngày. Anh lính sành nghề đến mức người đến nhờ sửa vừa giờ chiếc đồng hồ hỏng ra đã phán ngay: “Đồng hồ Wyler Thụy Sĩ, loại bán cân”. Tôi nhớ câu thoại trong truyện, bởi cha tôi cũng đeo chiếc đồng hồ Wyler loại này.

Còn nhiều truyện hay khác, như các đoạn trích truyện *Lũy hoa* của Nguyễn Huy Tưởng. Tôi thích cái không khí Tết trên chiến lũy Hà Nội kháng Pháp mùa đông năm 1946, thích nếp khăn san bay của các cô tiếp tế rượu bánh cho cảm tử quân. Hoa đào hoa dơn các cô mang đến, biến chiến lũy chống xâm lăng thành một *Lũy hoa* trên đường phố kinh thành. Tôi thích cả con hổ tên Hiền được nuôi bởi ông bà cụ sống ven rừng Ba Chẽ, trong truyện của Kim Lân. Con hổ về sau và chết thàng quan lang hung ác trả thù cho ông cụ thì phải... Nói chung kể ra truyện thích trong các tờ báo đó có mà đến hết ngày.

Những bài phê bình trong báo *Văn học* không hấp dẫn bằng truyện, nhưng lại gây tò mò lớn với một thằng bé vốn sẵn tính tò mò. Trong báo người ta phê phán tiểu thuyết *Vào đời* của Hà Minh Tuấn kinh khủng khiếp, rằng lời đui tư sản lỗi thời, bôi nhọ thực tế sinh động cách mạng, thù ác với công cuộc cải cách ruộng đất, phản động suy đồi giấu mặt sau vỏ bọc khách quan chủ nghĩa gì gì đó... Tại sao nhân vật chính tên là Sen? Trong chế độ mới con sen con ở cũng được đổi đời... Những ngôn ngữ chính luận hùng hồn thu hút tôi đặc biệt. Hóa ra người lớn cũng có nhiều chuyện khác ngược dòng mà tôi chưa được biết, và người lớn cũng biết cãi nhau.

Ngoài phê ta lại tiếp đến phê địch. Có đôi bài phê phán truyện *Mưa đêm cuối năm* của Võ Phiến miền Nam. Nào có ai được đọc truyện này ngoài Bắc thời đó đâu mà biết, nhưng báo *Văn học* thì biết. Qua báo, tôi hiểu bối cảnh truyện xảy ra, là một cán bộ hoạt động cách mạng trên núi xuống đồng bằng, để tuyên truyền và để “quan hệ sinh lý” với một cán bộ nữ khác mà anh không hề biết mặt, theo sự sắp xếp của tổ chức. Anh cán bộ bị bắt, và chớm nảy một dự cảm lành mang tính hồi hận, muốn về với đời thường trong một đêm mưa cuối năm ở miền Trung.

Do cái cụm từ “quan hệ sinh lý” này bí hiểm quá, hấp dẫn quá nên tôi mới đọc, mới biết đến *Mưa đêm cuối năm* và Võ Phiến. Chắc trong tôi ở tuổi lên mười mấy đó, đã bắt đầu chớm chớm thoát ần sự dục thì, nên tôi mới quan tâm đến cụm từ này. Tôi lục tủ chuyên môn của cha, đọc tiếp cả giáo trình *Sinh lý học* của GS. Nguyễn Tấn Gi Trọng để tìm hiểu thêm. Tiện thể đọc nốt cả *Thần kinh học* dày cộp của cha mới mua, để đến nỗi đôi khi hoảng sợ, thấy mình cũng giàu triệu chứng phân lập thần kinh thể hưng cảm, như giáo trình mô tả.

Sau này tôi có tìm đọc truyện *Mưa đêm cuối năm* trên mạng. Bỏ qua các quan điểm chính trị, tư tưởng mà tác giả lồng vào hơi thô cứng, chỉ bình xét trong phạm vi cách viết, cách quan sát, cảm nhận... thì truyện này đọc thấy có nhiều chi tiết tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm.

•

Những căn nhà phố cũ với những góc ngách tối thui, những ống thoát nước bằng sành từ gác sân, mái ngói đổ xuống, là xứ sở của những con chuột cống rất to. Những năm đói kém, chúng tranh ăn với người, lục lọi hắt cả vung nồi gang cơm nguội nếu không chặn kỹ. Lưới chiếc chạn gác-măng-giê cũng bị chúng cắn nát để chui vào nếu trong đó có đĩa thức ăn thừa chưa đầy.

Trong đám chuột đó có một con thủ lĩnh to tướng. Con chuột gớm ghiếc với chiếc đuôi cộc trụi thui lụi phủ lớp vảy to xếp lớp. Dưới gốc đuôi, biểu bì mọc sần lên trông rất quái gở. Đường từ nhà trên xuống bếp qua một hành lang hẹp, nó khẹt khẹt chặn ở đó là đám phụ nữ không dám đi. Đã có lần tôi nhìn thấy nó đánh nhau bất phân thắng bại với con mèo tam thể nhà bà Đăng trên gác sân ban đêm. Nó biết phân biệt, biết tránh đàn ông, còn với phụ nữ, những người sợ nó là nó bắt nạt.

Một buổi trưa, tôi đi xuống bếp qua khoảng sân. Nghe động bước chân, con chuột chúa đang sục sạo dưới gầm chạn miễn cưỡng chui vào trong ống thoát nước từ sân gác hai xuống. Nó khệnh khạng chạy chậm, vừa chạy vừa quay lại, như cái điều bảo: "Tao không sợ mày đâu". Giá trong tay có cái gậy chắc tôi phi cho nó một phát.

Sực nhớ đến trận Xích Bích, Khổng Minh dùng kế hỏa công diệt quân Tào, một ý nghĩ trong đầu lóe lên. *Ôi phép làm tướng!*

Chết con mẹ mày! Tôi đến miệng ống sành nó vừa chui vào, lấy đoạn lưới mắt cáo thép bịt chặt đầu dưới. Áp tai, nghe tiếng nó lục sục trong thành ống vẻ không bằng lòng. Tôi thăm vổ vổ nó, cứ nằm yên đấy con nhé!

Tôi mở bình phao bếp dầu hỏa, nhúng vào mấy miếng giẻ cho thật ẩm, ba chân bốn cẳng leo cầu thang chạy lên gác sân, nơi có đầu ống trên. Diêm xòe châm khởi đầu trận Xích Bích. Mấy miếng giẻ dầu cháy bùng bùng. Khổng Minh con khoái trá gẩy nó vào trong lòng ống. *Này thì khệnh với bố mày này!*

Giẻ dầu cháy rơi xuống đáy, lửa dầu réo trong lòng ống ù ù như gió đông thổi mạnh. Muôn việc đủ cả. Rõ cả tiếng chuột già quấy lộn lục sục trong lửa. Mùi lông, mùi thịt nướng bốc lên khét lẹt. Lát sau lửa cháy hết, xuống mở cái lưới mắt cáo ra. Trời ơi con chuột quái chết thui, khoanh tròn ép chặt trong lòng ống không rơi ra được. Phải lấy cái móc cời bếp cạy mãi nó mới tuột ra cái bịch, kèm theo hai con chuột nhỏ.

Lại một ý tưởng tinh quái nữa xuất hiện trong đầu. Mày là chuột chùa, chuột Tào, nên sẽ được du táng theo nghi lễ đặc biệt cho xứng tầm thừa tướng. Tôi gọi thằng Long nhà bên cạnh sang tính kế, phong ngay nó làm Chu Du. Khổng Minh với Chu Du vốn là bạn thân cùng lớp. Hai ông tướng con hì hụi lấy tờ báo đẹp gói ba con chuột cống thui cho vuông thành sắc cạnh, vừa gói buộc vừa cười khúc khích. Một gói bao bì thật đẹp, nặng trĩu, trông in hệt như gói quà hay gói thực phẩm đã hoàn thành chờ liên hoàn kế.

Chu Du chạy về lấy cái xe *Số lếch mù* của bố nó ra. Gọi là *Số lếch mù* vì nó vốn là cái xe đạp máy Solex nhưng động cơ treo bánh trước đã hỏng. Bố nó phải tháo ra, dùng đạp chân như xe đạp thường. Thằng Long lên xe, tôi kín đáo để hờ “gói quà” lên giá đèo hàng sau, đứng dẹp vào vỉa hè chờ đợi.

Chu Du bình tĩnh đạp xe lên đầu dốc chợ, rồi vòng xe xuống đoạn cống chéo Hàng Lược. Khi xe đang bon qua mặt tôi, nó nháy mắt, chao lắc ghi-đông, giả vờ đánh rơi gói thi hài du táng. Bà bún chả đang quạt than khói mù, vội đứng lên réo gọi: “Rơi đồ, rơi đồ kìa cháu ơi...!”. Chu Du tai điếc, phớt lờ đạp xe đi thẳng như không nghe thấy.

Khổng Minh hồi hộp ngồi bệt vỉa hè, im lặng quan sát sự thành công của kịch bản mai táng. Bà bún chả còn đang phân vân ngần ngừ, một bà béo đi đường đã xông ra, quả quyết nhặt gói giấy cho vào cái nón cấp nách rồi quày quả bỏ đi. Tôi đi theo, bí mật như trinh sát ngoại tuyến.

Bà béo lạch bạch này tưởng chậm, nhưng từ khi nhặt được gói quà thì lướt đi tựa cao thủ khinh công. Thế mới biết quà cáp hay những mối lợi trời ơi nó làm cho con người ta thay đổi hẳn. Đến một ngôi nhà giữa phố Hàng Chiếu, bà rẽ tọt vào, đóng sập cửa đánh rầm. Như một trinh sát tận tụy và trách nhiệm, tôi cố ghé mắt nhìn vào khe cửa, nghe ngóng mãi nhưng không thấy gì khác thường. Bên trong vẫn im lặng hoàn toàn. Đoán bà chưa định mở gói quà Gia Cát Lượng với Chu Công Cẩn tặng, tôi đành đi về.

Thôi, việc chúng tao đến đây là chu đáo. Vĩnh biệt mày, ngài chuột té tướng!

*

*“Hà Nội có tàu điện
Đi về cứ leng keng
Người xuống và người lên
Người nào trông cũng đẹp.”*

Trên là đoạn thơ mô tả tàu điện Hà Nội của thần đồng thơ thiếu nhi Trần Đăng Khoa, dưới góc nhìn của một em bé nông thôn ra chơi Hà Nội. Những điều tôi biết về tàu điện cũng như vậy, là do quan sát từ ngày bé cả. Lớn lên người ta không để ý đến những thứ leng keng ấy nữa, người ta chỉ để ý đến tiền.

Hà Nội có năm tuyến tàu điện chính chạy tỏa đi từ ga trung tâm Bồ Hồ, đó là các tuyến: Bồ Hồ – Hà Đông; Bồ Hồ – Yên Phụ; Bồ Hồ – Chợ Mơ; Bồ Hồ – Thụy Khuê; Bồ Hồ – Cầu Giấy. Một tuyến nổi không qua bến trung tâm Bồ Hồ là tuyến Yên Phụ – Ngã tư Vọng. Trụ sở của công ty xe điện xưa là cái nhà tròn quét vôi vàng, chỗ dưới tòa nhà “Hàm cá mập” bây giờ.

Tàu điện có đầu tàu và toa tàu. Đầu tàu chạy được cả hai chiều. Mỗi chiều có một tủ động cơ vỏ gang đúc, trên mặt tủ điều khiển có một chót trục vuông nhô lên với bốn số khởi động, chạy nhanh chạy chậm. Người lái tàu xách chiếc tay quay “gia truyền” bằng đồng, tra khớp vào chót trục xoay số cho tàu chạy.

Khi muốn chạy theo chiều ngược, người bán vé xuống tàu ghì dây chảo kéo thanh cản vệt khỏi dây điện, chạy một vòng xoay xuôi cản theo hướng đi rồi lắp lại. Công đoạn này khó với những tay phụ lái thiếu kinh nghiệm, bởi phải ngửa mặt lên, ướm đặt rãnh con lăn cản vệt ôm chuẩn giữa tuyến dây trần nằm tít trên cao. Nhiều khi đặt cản vệt trượt qua trượt lại, ánh hồ quang lẹt xẹt đánh lửa đêm xanh lét mặt phố đông. Người lái tháo tay ma-ni-ven đồng, trở ngược về phía tủ điều khiển đầu bên kia lắp lại để chạy tàu.

“Toa xe điện cũ trôi vào gió

Người sơ vơ già

ôm cặp vé lưu dung
Leng keng mùa ấy tàu đi chậm
Yên Phụ vàng thu,
đến Vọng đã sang đông.
Phổ bao cấp
mặt Lưu Bình hốc hác
Hũ cà thắm
héo hắt phận Châu Long”

Leng keng leng keng... Khuya sớm đi về một âm sắc thanh giòn, như nhắc với con phố dài ngói nâu ngái ngủ trong những sớm sương bay, rằng cuộc đời vẫn đang cháy trời. Có thể nói tiếng chuông tàu điện chính là tín hiệu sinh động nhất cho nhịp sống uể oải nơi đất cũ kinh kỳ.

Leng keng leng keng... Tiếng leng keng mà các thi sĩ, nhạc sĩ luôn tha thiết nhớ nhung ấy, phát ra từ bàn chân của anh lái tàu. Hôm nào phần khởi mới lĩnh lương hay bữa trước vợ chiều đĩa lòng non có thêm tí tửu, anh sẽ giậm chân thật lực vào chiếc núm đồng cổ lò xo đàn hồi trên sàn tàu. Tiếng leng keng sẽ rộn rã phát ra từ chiếc chuông dưới gầm, tỉ lệ thuận với mức độ hưng phấn cùng dự trữ năng lượng của người cầm lái vĩ đại.

Những năm tháng khốn khó, mỗi tháng phiếu tiêu chuẩn công nhân “Ba La Mã” (III) của anh có năm lạng thịt kèm 15 cân gạo độn. Đói móp bụng, lấy hơi sức đâu giậm chuông. Giá kể ngày ấy anh được chén thịt thả phanh thì bây giờ nỗi nhớ leng keng hẳn sẽ bội thực, chập cheng tràn ngập các không gian ca khúc.

Trên tàu điện quyền lực nhất là người bán vé, mà tụi trẻ con nháy tàu nhẩn mặt từng tuyến, quen gọi là “sơ vơ”. Quyền lực tất nhiên tự tìm đến khi người ta bỗng nhiên có trách nhiệm

sắp xếp, ban phát hay thu bỏ. Một cái mũ cát-két nhàu nhĩ, chụp xuống một khuôn mặt cũng nhàu nhĩ liên khúc từ hạ sang đông. Chiếc cặp da bò kẹp các tập vé sồn quăn mép, được trang bị từ hồi thuộc địa, đến thời Xã hội Chủ nghĩa vẫn còn dùng tốt. Vốn nó chỉ là vật dùng vô tri trung tính nên không bị thay thế. Chiếc cặp lưu dung kẹp những tập vé dày, vé nào cũng đồng hạng năm xu. Với năm xu, người ta có thể đi từ điểm đầu đến điểm cuối thành phố, thậm chí kể cả đi đến Nam Cực nếu chừng nào còn có đường ray và các quý khách còn chưa muốn xuống.

Không thấy có anh “sơ vơ” nào vật vã to con cả. Họ đều nhỏ thó và láu như ma. Trên các chuyến tàu Tết, người người chen đứng kìn kịt trong toa, đu bám ngoài bậc, nhưng người bán vé vẫn luồn lách đủ dọc chiều dài toa phụ. Một cái vỗ vai, một đồng năm xu nhôm càu kít mỗ hời mận, xót xa chui ra khỏi túi kim băng bà gánh hàng hoa Yên Phụ. Một cái nháy mắt hất hàm, cô sinh viên nội trú Sư phạm I Cầu Giấy hờ hững tóc mai vênh cằm ngoảnh lại, phát phơ cuống vé ẩm ướt dính trên cặp môi hồng.

Chú bé bán kem thì không cần đến vé, bởi những toa tàu chính là nhiệm sở, là công ty của chú. Chú len lỏi toa đầu toa cuối, tiếng rao lanh lảnh trong giai điệu điệp khúc của bài ca *Đoàn quân du kích*: “Kem đây... Kem đây... Kem một hào hai chiếc, một chiếc năm xu”. Người “sơ vơ” vui tính hát đế theo: “Này chú bán kem, có rao thì rao cho khéo. Đừng gào nheo nheo, điếc tai hành khách trên tàu...”.

Liền thoảng giọng anh bán lơ xanh lơ hồng thuốc tẩy răng hồ, liền thoảng tiếng rao người bán vĩ kim băng cặp tóc đi kèm dầu cao con hổ:

“Hổ đen hổ trắng hổ vàng

Sương đêm giá rét của nàng tặng anh.

Hổ đen hổ trắng hổ xanh

Sương đêm giá rét của anh tặng nàng

*Đây dầu cao con hổ một đồng ba hộp, ba hộp một đồng đấy!
Ai mua một đồng hai hộp em xin biếu tặng một hộp nào...!”*

Trên toa còn có nhiều loại hình dịch vụ mậu dịch và văn nghệ phong phú khác. Khi tàu đến bến, bác xẩm già mù rờ rẫm leo lên ngói bệt trên sàn, hét “*sáng giăng chia nửa vườn chè*” lại nức nở gào than “*Lý lang chàng ơi...*”. Sau một đoạn khẩu thanh nhái tiếng nguyệt cầm tăng tăng, người nghệ sĩ nhân dân nghèo túng lại xuyết xoa mấp máy, lăm bắm cảm ơn các ông các bà, dù lòng bát chỉ lạch cạch rơi xuống mấy đồng hai xu sứt sẹo.

Những tiếng rao tiếng xẩm trên tàu hẳn là cái gạch nối liền mạch giữa hai chế độ. Mọi chính quyền đều có thể thay đổi, song những kẻ tàn tật dưới đáy xã hội vẫn chỉ có mỗi kẻ sinh nhai như cũ. Dường như không xuất hiện một đặc ân nào ngoài việc nhấn nhủ rằng nhân loại vẫn cần đến những tấm lòng trắc ẩn, dù chỉ lướt qua trên những chuyến tàu đời.

Tàu đông là đất làm ăn của quân đạo chích, nhưng bao giờ chúng cũng chứa ra người bán vé, người hát xẩm già, anh lơ xanh lơ hồng hay anh dầu cao con hổ. Tất nhiên chú bé bán kem cũng không là ngoại lệ. Có vẻ như có một điều luật bất thành văn, là những đồng nghiệp cùng nhiệm sở không được phép lấy trộm của nhau. Những xấp tiền lẻ hay gói vài tiền xu thấm mồ hôi bản cùng nước mắt, dù chôn giấu trên túi áo ngực hay giắt kỹ hầu bao, cuối ngày cũng không suy suyển một hào.

Ánh chớp lóe lên trên căn vệt, xám xanh hiu hắt một khoảng mưa phùn trong tiếng rao ẩm ướt nào ai hạt dẻ ngô rang... Con tàu kỷ ức cứ thế, cứ thế, lừ đừ trôi trong tiếng rao lòng phố đêm mưa.

Những loài cây giữa lòng Hà Nội, vốn cùng sống, cùng lớn lên, cùng già đi với người. Dưới bóng cành vươn che mát, ngược xuôi dòng xe, dòng người trên phố. Cuộc sống chảy trôi tất tả, chẳng ai buồn ngược lên tán ô xanh thăm trên đầu xem đó là loại cây gì. Chỉ có lũ trẻ con là rành rẽ từng loại cây chúng trèo lên vật trái, thân nhiên đu cành nhìn xuống hạ giới đang tất bật đi về.

Đầu tiên là cây cơm nguội. "*Cây cơm nguội vàng*" trong ca khúc của họ Trịnh. Khoảng cỡ tháng Năm cây cơm nguội ra trái, cùng lúc học trò sắp được nghỉ hè. Lũ được xếp thứ ba sau hạng ma quỷ chúng tôi đến các xưởng thổi ống thủy tinh, xin các đoạn ống gãy làm ống xi đồng, sau đó lên đường Yên Phụ bẻ cành cơm nguội, tuốt trái ngậm đầy mồm thổi bắn nhau. Thổi cả lên cửa sổ các toa tàu điện lữ đừ chạy qua. Ống dài hơi khỏe có khi rất mệt bởi làn đạn liên thanh lẫn nước miếng phun phè phè của thằng bạn cùng phố.

Cây cơm nguội vàng và rụng hết lá vào mùa đông. Lúc đó chính là khi cây đẹp nhất. Dạng cây dáng cành đan dày, đầy vẻ phong trần sương kính, mốc xám phơi mình trong gió bắc. Đặc biệt các vết nứt vỏ đen, khắc ngang thân cành hàng cây có thụ trông rất gợi, nét như một bức sơn dầu phương Tây đặc tả. Những ngày giá lạnh, hàng cây sương u ẩn chìm sương, ẩn hiện một vẻ quý phái kiêu ngạo khó kiếm ở các loài cây nhiệt đới

Cứ gì phải hoa lá đầy cành mới đẹp. Rực rỡ thừa mưa toe toét quá nó đâm thành vô duyên. Cái đẹp trần trụi của thể cây dáng cành kín đáo gợi nhiều kỷ niệm ngấm ngấm xưa cũ. Những chiếc lá cuối cùng lẫn tẩn, reo thầm thì nho nhỏ, khiến người khách bộ hành mùa đông trung tuổi cúi xuống giấu một nụ

cười buồn. Nổi buồn thanh tao cũng có nét đẹp và thậm chí cần thiết, khiến người ta hiểu và nhận diện niềm vui hạnh phúc thêm sâu, thêm lắng hơn.

Cơm nguội và nhội là hai loài cây đặc hữu xứ Bắc. Cây cơm nguội trồng nhiều ở đầu phố Lý Thường Kiệt quãng gần trường Đại học Tổng hợp cũ, tập trung hàng lối trên đường Yên Phụ. Cây nhội trái lưa thưa đường Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng. Nhội lạc loài một số trên đường Phan Đình Phùng, chen kẻ lãnh địa của loài cây sấu.

Khác với cây cơm nguội, cây nhội có lá to bản và dày phiến hơn. Lá nhội non non bánh tẻ dùng cuốn nem Phùng, nem bì chạo có đậm chút vị chua nhẹ rất thú. Riêng vị bùi chát, lá nhội ngon gấp nhiều lần lá sung, đây là tiên đề không cần phải chứng minh. Lá nhội dùng ăn kèm gỏi cá nhệch cùng với các thứ lá lấu khác như đinh lăng, vọng cách, sắn thuyền. Chùm trái nhội chín rù dày một màu vàng nâu, rần rạt thông xuống dưới rèm nắng trưa tháng Sáu. Thấy những trái xanh chát xít lẫn rơi, nảy trên vỉa hè đường đi học, ngược nhìn lên vòm cây thể nào cũng gặp lũ chào mào ớt đỏ đang chờ choẹt tranh nhau đu trong các chùm nhội chín.

Ở vườn hoa Hàng Đậu, góc chỗ hiệu sách Quan Thánh ngay bên xe điện cũ có một cây nhội cổ thụ. Người ta treo lên cành ngang nó một cái loa chụp to như cái ô. Tiếng loa toàn dải nghe rất sâu và trầm ấm, nhưng thời chiến lại chỉ phát hành khúc với rú còi báo động khi máy bay Mỹ oanh tạc. Còi nhà hát Lớn rú trước, đến còi nhà máy điện Yên Phụ rồi đến còi từ cái loa này. Cây nhội này nay đã chết, chiếc loa kia cũng không còn, nhưng tiếng vọng trầm của nó vẫn lẫn khuất trong ký ức:

“Tôi đứng đây bên nhịp cầu Long Biên lộng gió. Dưới chân cầu Hồng Hà vẫn ngàn năm sóng vỗ..”

Tiếp đến loài cây thân thuộc nữa: Cây sấu. Hai con đường được trồng nhiều sấu nhất tại Hà Nội chính là đường Trần Phú và đường Phan Đình Phùng. Riêng đường Phan Đình Phùng, con đường tuổi học trò của tôi với mái trường cùng tên, sấu được trồng hẳn hai hàng trên vỉa hè rộng rãi. Khoảng cuối tháng Tư là mùa sấu rụng lá, nhất là sau những cơn mưa rào đầu mùa. Lá sấu trái vàng một tấm thảm trên vỉa hè. Nhiều nghệ sĩ nhiếp ảnh đưa hình lá sấu vàng bay rụng, kèm theo những câu thơ mơ màng cóp nhặt: *“Lá trút rơi nhiều đâu phải bởi mùa thu...”*.

Lá sấu đâu có rụng bởi mùa thu? Nói thế là không đúng và chẳng biết gì về cây sấu cả! Lúc đó, tiết trời đã sắp sang hè, và sấu bắt đầu ra hoa tầng tầng lớp lớp. Hoa sấu rụng li ti, bay qua những khoảng nắng vòm cây, báo hiệu mùa thi đang đến.

Tuổi học trò cuối cấp trót nhung nhớ ai nào, thấy hoa sấu bay xin hãy bày tỏ nhanh lên, không lữ con trai đi lính đánh nhau bắt tử. Ngày sau kể lại thì đã muộn, đời ai nào biết đến mối tình đầu. Những câu lưu bút sáo mòn không biết từ đời nào chép lại, đã bắt đầu lấp dần đầy cuốn sổ người ra trận.

*“Nhìn cánh cửa trường vừa khép lại
Hai hàng lệ nhỏ bỗng tuôn rơi
Tự nhiên cảm thấy sầu diệu vợi
Oán tiếng ve kêu tận cuối trời.”*

Lại có những câu thơ khác về cây sấu của nhà thơ với bút danh quen thuộc Tổ Hữu. Nhà thơ Tổ Hữu cũng ở ngay trên đường sấu Phan Đình Phùng này, cạnh ngã ba phố Đặng Tất. Trường chúng tôi đi sơ tán, né chiến tranh phá hoại của không quân Hoa Kỳ. Ông viết:

*“Đạn bom giặc Mỹ phá ngày đêm
Trường học rời xa phố vắng thêm
Đường sấu lâu rồi im tiếng guốc
Xuân về táo rụng nhớ đàn em.”*

Lại nói có một chuyện rất vui, là nhà thơ Tố Hữu ở đường Phan Đình Phùng, song đêm đêm ông vẫn lắng nghe và nghe thấy:

*“trên đường Trần Phú
tiếng chổi tre
xao xác
hàng me
tiếng chổi tre
đêm hè
quét rác.”*

Nhịp thơ chắc nhịp 2/2, như tiếng lia chổi đã đành dứt khoát, nhưng phải nói nhà thơ rất thính tai. Từ đường Phan Đình Phùng cách đó ba cây số nhưng vẫn nghe được tiếng chổi tre xao xác tận trên đường Trần Phú.

Đường Trần Phú cũng toàn trồng sấu, không có hàng me nào. Nhưng là thơ nên vắn vèo nó ép ra phải thế. Chứ đang vắn vắn, *chổi tre, đêm hè...* lại vận âm ra *hàng sấu*, nghe nó không vắn. Ngoài việc nghe được tiếng chổi tre, ông còn nghe được tiếng *“sinh sịch chạy dọc đường Nam Bộ”* nữa. Điều này tôi hiểu được, bởi ban đêm tiếng còi tàu vọng đi xa lắm.

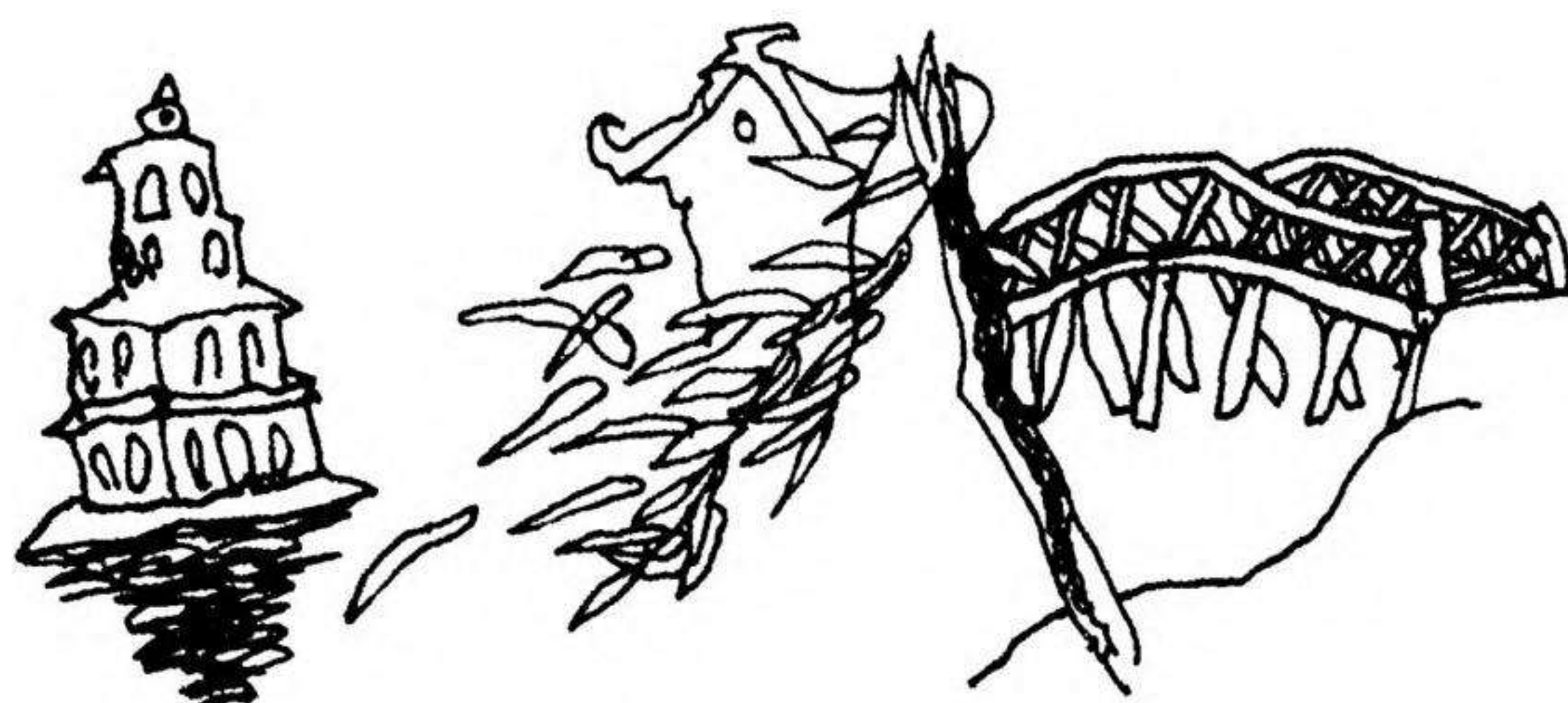
Cây cổ thụ linh thiêng Hà Nội đầu tiên phải kể đến giống đa. “Cây đa Hàng Trống” – một nhóm từ quen thuộc chỉ địa điểm của các cụ già xưa, nay nằm trong khuôn viên tòa báo *Nhân dân*.

Người ta nói cây đa này gần nghìn tuổi. Nói ước đoán phỏng chừng thế thôi, ai dám cưa lõi cây ra đếm số vòng gỗ sinh trưởng hằng năm. Dọa nhau, bắt nhau đi thề đền Hàng Trống là lời thề rất độc. Cây đa nhà Bò phở Lò Đúc, cây đa cô Quyền phở Hàng Gai, cây đa đền Bà Kiệu... cũng tuổi đời hàng thế kỷ, linh thiêng có tiếng không ai dám đụng vào.

Cây đa đền Ngọc Sơn phủ rợp một khoảng hồ xanh. Cây Đa này thì tôi sẽ viết hoa, bởi vì nó là bạn tôi, che chở tôi mỗi lần ra câu tôm hồ Hoàn Kiếm. Rễ phụ cây Đa tỏa cắm xuống nước, là nơi chúng tôi hồi bé vẫn thấy lũ rùa Hồ Gươm lặn quất.

Cây Đa đền Ngọc Sơn bỗng đổ rạp sau trận bão năm 1977, như một điểm báo gở, mặc dù đất nước mới vừa hòa bình thống nhất. Người ta phải dùng hệ cáp lờn kéo dựng lại cây, neo giằng lại chắc chắn. Năm đó chính là năm khởi đầu giặc giả, là cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam mười năm chống quân Kh'mer Đỏ. Tiếp theo là Trung Quốc xâm lược sáu tỉnh biên thùý phía Bắc. Rồi các nước cấm vận, rồi đói kém... Cây Đa hồi đó đến giờ đã hồi phục và xanh tốt, nhưng con rùa thân thuộc đã bỏ Đa mà ra đi mất rồi!

Mỗi cuộc đời riêng hẳn đều có một rừng cây để nhớ. Với tôi là cây đỗ xanh hai lá mầm mảnh mai trong lọ, tự mình gieo trong bài học thực hành "*Sự nảy mầm*" năm cấp I; là những vết rết tay bám cây trầu không của bà ngoại khô trên tường cuốn cầu thang nhà cũ; là rừng khộp mùa khô vàng cháy xứ người sau này đi lính. Rừng cây trong nỗi nhớ của mỗi số phận khác nhau, nhưng rừng cây đời người luôn gắn liền với nhau qua từng năm tháng mãi trôi, dẫu đôi khi lá vàng còn ở trên cây lá xanh đã rụng, như anh em lính trận của tôi mãi chẳng bao giờ về nữa.



Hà Nội bây giờ cũng có nhiều vị sinh trồng đa, thậm chí những gốc đa to của tụi ăn cắp thời gian, cửa chặt bằng bó di dời về, nịnh nọt mời quý vị trồng cho y phục sánh kỳ cổ thụ. Cây có hồn cây, người có hồn người. Cổ thụ dày bởi trăm năm tích lũy, quyền chức mỏng do nửa khóa bán bầu. Người ta sẽ chẳng bao giờ trồng nổi một loài cổ thụ, có tuổi rể còn hơn tuổi đời của bản thân mình. Nó vô luân bất kính và ngược lại quy luật thời gian. Xin hãy trồng một cái cây, nhỏ thôi cũng được, nhưng là cây tâm thiện lòng mình.

*

Tôi kết thúc năm học cấp II phổ thông với xếp loại “Tiên tiến” và kết quả thi tốt nghiệp loại “Khá”, thiếu một điểm nữa thì được vào thẳng cấp III. Ý vào sức học nên suốt mùa hè năm đó, tôi lên chỗ bệnh viện cha tôi câu cá, không thêm ngó gì đến bài vở. Đến sát kỳ thi vào lớp tám mới dừng đình về, và cái giá phải trả là thiếu 1.5 điểm.

Thời đó không có chuyện chạy chọt điểm số, dù mẹ tôi cũng là giáo viên. Mẹ đành lời tôi về học dự thính trường cấp hai Phúc Xá, nơi thầy Trịnh Lương, con cụ Trịnh Văn Bô, nhà tư sản đã hiến 5,000 lạng vàng cho Chính phủ kháng chiến trong “Tuần Lễ Vàng”, làm hiệu trưởng.

Nhà thầy Lương với nhà tôi là chỗ quen biết cũ vì cùng tham gia “Tuần Lễ Vàng” này. Cụ Minh Hổ thân mẫu thầy Lương, lúc đang sinh thời năm đó, cũng bảo bà ngoại tôi “chị xem thế nào đòi lại cái nhà với khu chùa ở Bạch Mai đi”, nhưng ông ngoại tôi không đồng ý. Ngôi trường ngoài đê của thầy có nhiều thầy cô giáo, nhiều nhân vật mà tôi vẫn nhớ đến bây giờ.

Ban Giám hiệu trong trường bấy giờ ngoài thầy Lương hiệu trưởng còn có cô Thanh hiệu phó. Tụi học trò ngỗ nghịch gọi là

cô Thanh “mốc”, vì da cô hơi ngăm ngăm, không trắng như da các cô giáo khác. Cô Thanh là phu nhân một sĩ quan trung cấp quân đội, nhà ở khu tập thể Số 1 Hoàng Văn Thụ.

Tôi cũng có học chung với con gái cô trong lớp học thêm luyện thi vào cấp ba do cô tổ chức tại nhà, nhưng chắc do bài tập giao nhiều quá nên tôi không nhớ mặt bạn ấy. Cô Thanh là hiệu phó nhưng nghiêm khắc còn hơn hiệu trưởng. Tụi học trò đồn cô được tổ chức đưa về để kèm thầy giáo con nhà tư sản Hà Nội, vốn không có ý thức triệt để đấu tranh giai cấp.

Thầy Lương gầy, ít nói, không thấy thầy hò hét trên loa trường mỗi khi chào cờ hay chấm điểm “Sao đỏ” vào ngày đầu tuần. Tôi không biết chế độ trực tuần hay đội Sao đỏ đến bây giờ đã bỏ đi chưa, nhưng hồi đó đến thứ Hai là rất căng. Trường ngoài bãi nhưng khá đông các thầy cô dạy các trường nội thành chuyển về. Cô Nga dạy Địa lý, nhà ở số 10 Hàng Bún, cùng nhà với cô Phương Thúy, nay đã thành bắt tử trên bức tranh “Em Thúy” của danh họa Trần Văn Cẩn.

Cô Nga có chồng là sĩ quan tên lửa và hai thằng con trạc tuổi tôi. Tôi cùng với Tuấn và thằng em nó cứ Chủ nhật hằng tuần đến sau trường Chu Văn An, bơi từ kè đá sang tận khách sạn Thăng Lợi lại bơi về. Quần áo, xe đạp để chồng trông trên bờ kè trong trường mà chẳng cần lo ai đó lấy mất. Mỗi trường học đường Thủ đô Hà Nội những năm chiến tranh tuy nghèo nhưng vẫn còn an toàn và lành mạnh.

Trong trường còn cô Mão dạy Địa lý, cô Thịnh dạy Văn là vợ chú Vĩnh, hiệu trưởng trường dân lập Nguyễn Siêu trứ danh bây giờ. Chú Vĩnh là người cùng tôi sang lại chiến trường Campuchia năm 1980.

Thầy Kỳ ở phố Nguyễn Trường Tộ dạy tôi toán, cũng xuất thân con nhà tư sản phải khai rò trong lý lịch, hơi mập, hiền và vui tính. Chúng tôi hay chế ghép thầy Kỳ với cô Ngọc dạy văn, nhà ở ngay ngã sáu Hàng Đậu. Ngôi nhà cũ hai tầng nổi tiếng này đã được chụp trong bức hình ngày tiếp quản Thủ đô. Dưới ban công nó là *“lớp lớp đoàn quân tiến về”*, như minh họa cho ca khúc *Tiến về Hà Nội* của nhạc sĩ Văn Cao.

Cô Ngọc xinh thật! Cô đang ly thân với chồng. Ai cũng thích học cô giáo xinh dạy Văn, còn ly hôn hay chưa thì không cần biết. Dạy văn chương mà không xinh, văn chương nó mất đi một nửa giá trị truyền tải mỹ học.

Lớp tôi học năm đó toàn con các nhà văn quân đội nổi tiếng. Thành Khoa “gật” con bác Nguyễn Khải, cái Thiều Hoa con bác Xuân Thiều ngồi ngay cạnh tôi. Cùng bàn còn thêm cái Thu Hà tóc tết đuôi sam nữa. Gọi là Khoa gật vì nó cao nghều và gầy. Mỗi bước đi, đầu nó lại cúi xuống gật một cái. Tên này do thành Đông, bạn cùng khu tập thể quân đội K.95 với nó đặt. Còn mấy đứa nữa trong khu K.95 tôi không nhớ tên. Chỉ nhớ mỗi tụi K.95 là bọn bạn học chăm chỉ nhưng ít đứa xuất sắc, có điều đánh nhau thì thôi rồi. Tuy nhiên tôi cũng chẳng phải nhờ tụi nó bênh tôi lần nào.

Thành Khoa có bố là nhà văn nhưng học văn cũng thường. Một lần cô Ngọc giao bài văn phân tích khó, nó về nhờ bác Nguyễn Khải làm hộ. Hôm sau chấm điểm nó bị ăn con ngỗng to tướng kèm theo lời phê: “Mùa lạc – lạc đề”. Bác Khải cáu, mang bài văn tự thân chấp bút đến trường cự nự với cô Ngọc, nhưng cô quyết không sửa điểm. Lạc đề dẫu thâm sâu minh triết thì biết sửa nổi gì?

Trường còn có một cô, hình như là con em người thân cán bộ nào đó từ miền núi của Sở Giáo dục được “hợp lý hóa” chuyển về thủ đô. Thầy Lương hỏi: “Cô dạy Tự nhiên được không?”. Cô nói: “Em không biết!”. Thầy lại bảo: “Hay cô dạy Xã hội nhé!”. Cô cũng bảo: “Em không biết”. Cuối cùng thầy Lương bàn với cô Thanh, bảo thôi đành để cô ấy làm hiệu phó cùng với chị vậy. Nhiệm vụ giao cho cô ấy là thông báo trống tiết cho các lớp những hôm có giáo viên nghỉ dạy, chấm công, thông báo họp hay có sinh hoạt công đoàn.

Năm Ất Mão 1975 dường như không có mùa xuân. Mưa phùn tháng Hai ráo nhanh trong khi những búp bàng đỏ đã kịp bùng lên như lửa. Thời tiết khô ẩm thống trị suốt tháng Ba, trong tiếng loa thông báo tin chiến thắng dồn dập bay khắp thành phố. Ai cũng có cảm tưởng ngày thống nhất đã đến thật gần khi nghe tin tỉnh nọ tỉnh kia được giải phóng, chỉ có điều chưa biết nó đến lúc nào mà thôi.

Tôi vẽ một tấm bản đồ hành chính Việt Nam, dán nó lên cánh cửa gỗ. Mỗi lần radio thông báo giải phóng tỉnh nào, tôi lại tô đỏ lên toàn bộ tỉnh đó. Hết Tây nguyên, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng đến Nam – Ngãi – Bình – Phú – Khánh Hòa trải khu Năm dằng dặc. Khi vùng tô đỏ đã tiến sát Sài Gòn, thầy lẫn trò cả trường chọn rón chẳng còn lòng dạ nào dạy với học nữa, mặc dù kỳ thi đang đến gần.

Ngày 30/4/1975, một ngày đặc biệt. Buổi sáng nắng, thứ nắng cuối xuân đầu hè, thấp thỏm tán xạ qua trần mây mỏng đục. Tới gần trưa trời như dịu lại. Chúng tôi tan tiết học cuối cùng lúc tiếng loa báo tin tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Gần như tức thời, bài ca *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* vang lên lần đầu tiên, “tung” hết cỡ volume trên các loa công cộng. Ca khúc ngắn, lời và giai điệu đơn giản, vang suốt dọc phố Hàng Than qua Hàng Giấy, trên con đường tôi đi như chạy về nhà.

Hàng phố xôn xao, người chạy ra kẻ chạy vào, bỏ ngõ nhìn xung quanh. Một đám đông tụ lại, xe đạp xếp thành một vòng cung, chăm chú nhìn vào cái loa trên ô văng cổng chợ Đồng Xuân đang nói, như đang chưa biết nên tin hay không tin. Lác đác trên phố có nhà tự treo cờ, rồi cờ lần lượt treo khắp phố.

Buổi chiều không nắng hắc, buổi chiều mây trời thăm thẳm kéo về khoảng u khoảng nắng, như đất trời cũng giàu cảm động trước một biến cố lớn lao. Người lớn cũng vậy, có nhiều gương mặt vui ngời sáng, cũng có những gương mặt ngẩn ngơ thăm thẳm tựa mây trời. Người người bỏ nhà ra phố, cứ đi mà có khi chẳng biết mình đang đi đâu.

“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng...”

Tôi cũng chạy ra đường, ở trong nhà lúc này thì không thể chịu đựng được. Lác đác có nhà đốt pháo, rồi pháo nổ ran ran suốt dọc con đường từ chợ Đồng Xuân đến phố Hàng Đào. Trên phố dường như có điều gì đó bí ẩn, lôi kéo người ta tụ lại với nhau, đi bên nhau mà chẳng ai nói với ai điều gì.

Trong nỗi hạnh phúc quá lớn bất ngờ ập đến có ẩn những ưu tư riêng số phận từng gia đình, chắc đang gồng nén lại nên chưa thể vỡ òa. Nhiều gương mặt thần thờ còn hoen đôi dòng nước mắt. Chỉ có tiếng loa tiếng nhạc vô tư là vẫn vang vang.

“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng...”

Vui nhất, nhiệt tình đình đám nhất là nhóm nhân viên đại sứ quán Cuba. Họ đứng trên thùng xe tải, xe com-măng-ca mui trần ngược chiều đường Tràng Thi ra Bồ Hồ. Họ đàn hát nhảy múa, gõ trống đập thùng, đập ca-pô xe đến mốp méo, gào lên: “*Viva Vietnam! Viva Vietnam!*”.

“*Guantanamera... guajira guan tanamera...²*”

Có những giọt lệ trăm tích đang im lặng tuần hành trên phố trong tiếng loa vang ăy. Tôi biết nào chỉ có niềm vui thống nhất trong lòng người, mà còn đầy những âu lo mất mát riêng. Anh Phát tôi đi lính, đánh nhau trong Nam biển biệt mấy năm chưa thấy thư về. Nếu có nhớ đến ai trong buổi chiều nay, hẳn hai bác tôi và phố Hàng Bỏ thân yêu sẽ nóng lòng nhớ đến anh ăy trước chứ không phải là ai khác.

Hồ Gươm, năm giờ chiều hôm ăy mờ mờ khói pháo, và trên bàn thờ gia tiên nhiều nhà trữu nặng mùi trăm hương khấn, cầu mong bình an cho những kẻ chưa về...

*

“Mùng 1 tháng 6
Tết của thiếu nhi
Mẹ em đưa đi
Sắm quà mậu dịch
Ô tô bình bịch
Có cá vệt bơi
Này các bạn ơi
Ta chơi chung nhé!”

1. Việt Nam muôn năm! Việt Nam muôn năm!

2. Lời bài hát *Guantanamera* nổi tiếng của Cu Ba

Một bài thơ lớp mẫu giáo điển hình thời trước, khích lệ trẻ con quên tính sở hữu, chơi chung các món đồ chơi mua bằng tiền túi riêng của mẹ. Bài thơ này lứa tuổi sinh 6x thế kỷ trước hẳn ai cũng thuộc. Trong bài có nhắc đến chiếc bình bịch trứ danh, tôi nhớ nó được làm bằng nhựa màu xanh. Mỗi khi thổi vào ống xả, chiếc bình bịch lại kêu lên toe toe, bởi cấu tạo thân nó là một cái còi.

Bình bịch là từ để gọi các loại mô tô hai bánh thời trước ở miền Bắc. Hình ảnh các chú công an phi như bay trên những chiếc bình bịch “Con Thỏ” (Voskhod) hay I-Zi đen bóng, rút súng lục bắn đùng đùng đuổi bắt gián điệp tung búng trên phim làm mê mẩn lũ trẻ con, làm điều đứng tâm hồn các thiếu nữ đeo huy hiệu Đoàn viên. Xuất xứ tên gọi phương tiện này, tôi cho rằng đầu tiên do từ tượng thanh, mô tả tiếng nổ máy bình bịch bình bịch... của nó.

Trong xã hội Xã hội Chủ nghĩa, chỉ có những ai đi các nước châu Âu dân chủ hoặc giàu có lắm mới có thể sở hữu những chiếc “bình bịch” Simson Star màu mận chín, Star Habicht màu vàng nhạt. Chiếc “bình bịch” Star là niềm kiêu hãnh của người này, là nỗi đau khổ của kẻ khác. Giá trị vật chất của nó tương đương với một ngôi nhà mặt phố. Ngoài ra, với giá trị phi vật chất, “bình bịch” Star nổ máy giòn tan, phóng thẳng vào văn học dân gian với bài thơ thất tình nổi tiếng chẳng bao giờ được in của người trai “Lính 5 đồng” khuyết danh. Một bài thơ buồn thời chiến tranh, xa xót không kém gì *Hai sắc hoa Ti-gôn* của TTK thời tiền chiến.

“Em bỏ tôi là phải lắm rồi!

Lính quên binh phục lại lời thôi

Gia tài vền vẹn ba lô cóc

Nó ở tây về hẳn hơn tôi.

Tôi biết thân tôi lính năm đồng
Làm gì mua nổi áo ni-lông
Làm chi có những chiều thứ Bảy
Để đến tặng em những đóa hoa hồng.
Nó ở tây về có máy khâu
Ra đường ăn mặc đúng mốt Âu
Chiều chiều Star bay rợp phố
Ai cũng nhìn theo bảo nó giàu.
Nó hẳn hơn tôi, bởi nó giàu
Nên em lấy nó có gì đâu?
Cho dù nó hơn em nhiều tuổi
Em vẫn cứ yêu, vẫn gặt đầu.
Nước ngoài tôi cũng đã từng đi
Campôt, Ai lao có lạ gì?
Thế mà em cứ như không biết
Bởi lẽ tôi về chẳng có chi.
Em có nhớ không buổi chia tay?
Lời thề hẹn ước vẫn nguyên đây
Anh đi, em sẽ chờ anh mãi
Mà giờ em đã vội quên ngay.
Ngày xưa hai đứa học chung trường
Tôi là cậu bé thật dễ thương
Em đã yêu tôi từ dạo ấy
Mơ ước rồi đây sẽ chung đường.
Ròng rã tôi theo mộng viễn chinh
Kể từ buổi ấy, lúc tan trường
Em vào đại học tôi đi lính

Hai đứa hai đường, phương mỗi phương.
Ngày xưa hai đứa khắc tên nhau
Bên cây liễu rủ góc bên cầu.
Bao giờ cổ dịp ngang qua đây
Xin xoá dùm tôi cái tên đầu.
Rồi mai trên tay bế con ai
Em được tin về một chàng trai
Ngày xưa yêu dấu, nay ngã xuống
Tôi biết rằng em sẽ thờ dài.
PS: Tôi tưởng em yêu tôi suốt đời
Nào ngờ đời lính cản đường tôi
Lính nghèo em bỏ theo người khác
Tình nặng nghĩa sâu đã hết rồi.”

Những anh lính nghèo không có “bình bịch” chẳng phải đợi lâu trong nỗi buồn thua kém. Năm đầu tiên đất nước hòa bình, những người có điều kiện trong sổ họ và các gia đình có người nhà ở Sài Gòn mang ra lắm thứ đáng ao ước. Nhà Thọ mang ra một chiếc xe máy Yamaha nam 50 màu xanh dương số tròn. Nhà Bình cáo có chiếc Honda dame màu đỏ. Bây giờ không ai gọi nó là “bình bịch” nữa, quê chết! Phải gọi là “xe gắn máy” theo tiếng Nam, hay theo lời Bắc lược đi một chữ, gọi là “xe máy”.

Mấy đứa con trai mới lớn lớp tôi thi nhau chạy thử chiếc xe nam. Cẩn khởi động đạp phát một ăn ngay, không phải đạp mỗi cho xăng xuống như dòng xe Star. Ông bố thành Thọ đứng xem mấy thằng tập xe, khoanh tay mãn nguyện tuyên bố: “Xe tao cái khăn mặt rơi xuống cần đề-ma-rơ là nổ!”. Động cơ nổ giòn già kêu “panh panh panh”... Chiếc ống pô vất với tấm lót tản nhiệt đục lỗ mạ sáng loáng, phụt ra một làn khói thơm nhẹ. Trên

đường phố Hà Nội bắt đầu gặp thêm nhiều những chiếc Honda 68, Honda 67, Honda PC, Suzuki, Bridgestone... vút qua. Dòng xe Nhật Bản đầy chủng loại, gọn nhẹ mà tin cậy dần trở nên thời thượng, đẩy những “bình bịch” oanh liệt một thời xuống hạng.

Chín giờ tối, đường quanh Hồ Gươm vắng tênh. Tôi tập chạy chiếc Honda dame màu đỏ nhà thằng Bình, lao vun vút mấy vòng rồi trở về. Tiếng động cơ bốn thì như tiếng đập từ trái tim cỗ xe huyền thoại, đầm đầm chắc nịch. Pha đèn sáng trưng và xi-nhan vàng nhấp nháy, chiếc xe như một tinh cầu đỏ lóng lánh trôi giữa lòng phố xám. Điều khiển ngon lành được một phương tiện tân kỳ, hãnh diện con người như lớn lao lên mấy bậc. Nó ngồi sau, bảo chạy cẩn thận, phải biết làm chủ tốc độ. Tôi nghe nhóm từ vựng “làm chủ tốc độ”, thấy khoái như được tiếp thu một khái niệm mới rất hiện đại. Không biết thằng này nó học mót đâu ra, bởi ở trường chúng tôi mới chỉ nghe nói phải làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ tập thể và làm chủ bản thân mình.

Gần về đến nhà nó, tôi nhỏ hết ga, giạt gót về số 1. Chiếc xe gù nhẹ rồi từ từ ghìm chậm lại. Xe chưa dừng hẳn, vẫn quen lối đi xe đạp, tôi chống chân xuống đường. Thằng Bình nhắc “đạp phanh, đạp phanh!” Tôi vội co chân dúi thẳng, khi đó chiếc xe đã kịp dúi đổ tám biển nhỏ ba chân “Cấm đi ngược chiều”, dựng trước cổng 17 công an Hàng Đậu. Anh công an trực mãi ngắm chiếc xe rớt mũ kê-pi, quên cả tám biển của cổng bị hất đổ mà thằng Bình đã xuống xe, vừa dựng lên vừa cười nịnh.

*

Quốc khánh, mừng 2 tháng Chín năm 1975, một cuộc duyệt binh, diễu hành lớn mừng thống nhất đất nước được tổ chức tại quảng trường Ba Đình.

Tiếng loa công cộng tường thuật vang vang chìm đi trong tiếng rít của các phi đội tiêm kích Mig.21, Mig.19, tiếng động cơ phành phạch của máy bay trực thăng bay thấp theo đội hình lướt qua mái phố.

“Đang điều qua lễ đài là bộ đội tên lửa phòng không anh hùng, với truyền thống ngàn năm thần tiễn Cổ loa thành ốc. Nay giữa Thăng Long hào hùng khí thế, rồng lửa bay lên, vít cổ pháo đài bay B.52, con át chủ bài của không quân chiến lược Mỹ xuống đầm.”

Người người từ các tỉnh về chen nhau trên tuyến phố Hàng Bông, Nguyễn Thái Học, Tràng Thi, Hàng Bài... nơi các đơn vị xe tăng, pháo binh, tên lửa phòng không... sẽ điều qua. Để có được vị trí quan sát tốt, họ đã phải nắm cơm mang theo, ngủ đêm trên vỉa hè đường phố. Một không khí chiến thắng, một niềm tự hào bùng bùng tràn ngập trong dân chúng.

“Đang điều qua lễ đài là các chiến sỹ pháo binh với truyền thống chân đồng vai sắt, đánh giỏi bắn trúng, luôn theo sát chi viện các sư đoàn bộ binh, dìm đầu giặc xuống trong bão lửa căm hờn...”

Đi trong đoàn diễu hành của học sinh thủ đô, được lựa chọn từ lứa học sinh giỏi của thành phố hôm đó có đứa con gái tên Hương, em một người bạn tôi. Nó mặc chiếc áo phin trắng mỏng không có cổ để quàng khăn đỏ như quy định. Anh cả nó đi lính vào Nam, vẫn bật tin tức chưa về. Nhà nó nghèo. Mẹ nó bán xôi sáng quanh bến tàu điện, chỉ đủ tiền dành may cho nó chiếc áo trắng này để đi dự lễ diễu hành.

Trận mưa nhẹ mà vô duyên lúc sáng sớm thấm ướt thân hình mới chớm thiếu nữ của nó. Cán bộ ban tổ chức đi kiểm tra khối dân chính tập kết ở Bách Thảo lần cuối cùng trước khi vào

quảng trường, hốt hoảng phát hiện ra sai sót này. Họ dứt khoát đòi loại nó ra khỏi đội ngũ. Cô giáo dẫn đoàn phải nói khó, xin xếp nó vào giữa khối và được chấp nhận. Nước mắt nó nhoe nhoẹt, thắm mận chiếc bánh mì bồi dưỡng đang còn nhai dở.

“Ngọc Hà em rực rỡ hoa tươi. Gánh hoa sớm nay còn rực rỡ hơn bao giờ hết, bởi được tưới nước hồ Hữu Tiệp, nơi con quái vật pháo đài bay lộn cổ trăm mình...”

Tụi con trai choai choai chúng tôi mãi chạy theo đoàn xe tăng hùng dũng xịt khói hay giàn trọng pháo vươn nòng. Một chiếc cổ áo chẳng có ý nghĩa gì với một ngày lễ trọng đại của dân tộc, nhưng đối với ký ức cá nhân giàu xúc động, nó như một vết tui buồn khó phai. Niềm vui lớn nào chẳng chứa một chút buồn riêng.

Chẳng hề gì. Chiếc áo phin không cổ này vẫn theo nó đi thi học sinh giỏi văn thành phố, vinh dự lên gặp thủ tướng báo cáo học sinh giỏi thủ đô. Với một niềm tin cổ tích đầy quyết đoán, nó bắt chước cô Tấm, đi nhặt những mảnh vỡ thủy tinh màu quanh hợp tác xã thủy tinh Dân Chủ, nơi chị nó làm việc, về chôn sâu trong nền bếp. Cô bé quả quyết sau khi chôn thật lâu dưới đất, thủy tinh vụn sẽ hóa thành những mảnh kim cương. Khi đó nó sẽ giàu, sẽ mua tặng đủ cho các bạn cả trường mỗi đứa một chiếc áo sơ mi pô-pơ-lin trắng tinh, tất nhiên là có cổ.

Những mảnh thủy tinh ngày xưa đã hóa kim cương chưa thì không biết, nhưng năm sau anh Lộc nó trở về từ đảo Thổ Chu, với những mảnh đạn găm trong đùi cùng hội chứng sang chấn thần kinh nặng sau một trận đánh khốc liệt. Anh không còn là anh Lộc của ngày xưa nữa, trở nên giống như một người xa lạ từ bấy đến nay.

*

Tôi ngạc nhiên trước những thứ mẹ mang về: Một cái chậu nhôm mỏng rập dày lỗ thủng, mà sau đó tôi mới biết là cái rá vo gạo, một chiếc rổ bằng nhựa đỏ. Đó là những món đồ lạ của miền Nam lần đầu tiên tôi được thấy sau hòa bình mà một cô giáo nghèo có thể mua về.

Hàng tiêu dùng gia dụng luôn tiên phong trong kinh tế hội nhập bởi nó thiết yếu hằng ngày, rẻ và ai cũng phải dùng. Kể đến là bộ đồ hoa, đồ bà ba nhiều màu của các bà các cô xung phong mãnh liệt, giải phóng dân những vải ta-tăng quần lụa, quần phíp láng đen đồng phục đang bao vây phong cách trang phục nữ thời chiến cổ hữu. Những bộ đồ hoa nhẹ nhàng thấp thoáng của nhà cho phổ sáng hơn, giàu màu sắc hơn, cho giao tiếp với giới tính khác phái cởi mở thân thiện hơn. Có thể nói trang phục đồ bộ sau năm 1975 xuất hiện, đã đánh thức nhu cầu mặc đẹp điệu đà vốn ngủ lâu đã quên trong lớp phụ nữ Hà thành, hết như áo dài của Le Mur Cát Tường dựng cuộc cách mạng tân thời vào năm 1937.

Ríu rít những tiếng nói, những từ lạ trong các câu chuyện buôn bán vỉa hè. Người miền Bắc không gọi một đồng cân vàng, một lạng vàng nữa. Người ta phải gọi là một chỉ vàng, một cây vàng... không thì nhà quê ra đê mà ở. Hết sảy! Thán từ: “Hết sảy” nghe cũng lạ, nghe có vẻ hay hay, thế rồi cả Hà Nội đâu đâu cũng “hết sảy”. Chen mua được bìa đậu xấu, cân thịt phiếu cũng “hết sảy”! Nghe Chế Linh tình bơ vợ chưa? Chưa à, hay “hết sảy”! Thậm chí đang nhiên bị cúp điện đèn tắt phụt cũng rên lên “hết sảy” nốt. Tóm lại là gì cũng “hết sảy”! Những từ mới bắt đầu từ các anh lính trở về, từ những người đi buôn vào Sài Gòn ra. Cùng với hàng hóa tiêu dùng, ngôn ngữ có vẻ cũng như một thứ chiến lợi phẩm.

Ngôn ngữ bình dân đời thường có những thay đổi chóng mặt, bám theo từng bước du nhập và phát triển nhanh chóng của hàng hóa công nghệ cơ khí, điện tử. Những chiếc tủ lạnh Hitachi có in nhãn nổi một cái đầu gấu theo tàu ra Bắc, lập tức được mệnh danh là “Hitachi đầu gấu”. Theo đánh giá của những tín đồ phụng thờ chủ nghĩa tiêu dùng mới đang ngày càng đông lên sau hòa bình, tủ lạnh Hitachi đầu gấu là loại tốt nhất. Dần dần, cặp từ “đầu gấu” được tách khỏi chiếc tủ lạnh, đứng riêng một mình độc lập, dùng để chỉ các loại đối tượng côn đồ bảo kê, xã hội đen, chuyên dùng bạo lực để giải quyết tranh chấp.

Những dòng xe máy Đông Âu, xe Nhật bãi đổ về giai đoạn sau ngày càng nhiều, cho ngôn ngữ những định nghĩa màu sắc tươi mới. Cổ xe hai bánh thần thoại ngày xưa bây giờ chỉ đáng gọi “con xe”. Các con xe có đủ sắc màu sinh ngữ phong phú và chính xác một cách đáng nể. Trong dòng xe Mokich BS.51 của Cộng hòa Dân chủ Đức, màu “đỏ ớt” bao giờ cũng có giá hơn màu “đu đủ”, “nõn chuối” hay “vàng đất”. Dòng xe Honda Cub bãi Nhật Bản có các màu “ốc bươu”, màu “su hào”, màu “bộ đội”... kèm theo đó là các khái niệm “kim vàng, giọt lệ, bồ chày, lỗ đít to”...

Ngôn ngữ biến đổi và phát triển bởi cộng đồng, cộng đồng càng lớn, xã hội càng nhiều biến động, sự biến đổi ngôn ngữ càng diễn ra nhanh hơn, đa hướng và giàu màu sắc hơn. Ngược lại, cộng đồng nhỏ, hình thái xã hội yên tĩnh ổn thỏa, ngôn ngữ chậm thay đổi nhưng chất chứa khai thác ở tầng sâu hơn.

Sau này khi trốn quân y viện về Sài Gòn vào nhà bác gái thành Trung, vốn là dân di cư năm 1954, tôi chợt nhận ra một thứ ngôn ngữ tuổi thơ, nhẹ nhàng chính xác đến ngạc nhiên, kèm theo đó là một phong cách Hà Nội cũ không lẫn đi đâu

được. Mà tôi đã có đi đâu, xa cách gì lắm đâu? Gọi là mới biết nhận thức những năm học trung học, thêm vài năm chiến trận xứ người, giờ về gặp lại tiếng nói nguyên lành ký ức, không pha tạp, như gặp lại nụ cười thơm quét trầu bà ngoại, thương đến mùi lòng.

Mãi sống quen mòn trong một môi trường xã hội, ta không thể nhận ra những điều kiện sống đang dần thay đổi, kèm theo ngôn ngữ hằng ngày cũng đang dần thay đổi. Chỉ khi ta tách biệt khỏi nó một thời gian, lúc trở lại người ta mới nhận ra sự thay đổi ấy.

Khi tách ra khỏi những biến động sôi sục cách mạng Xã hội Chủ nghĩa tại miền Bắc, phong cách và ngôn ngữ gia đình bà già Bắc kỳ di cư được phong tỏa kín ở dạng nguyên khai, kể từ khi họ bước chân buồn thảm xuống tàu. Tôi đã nghĩ, Việt ngữ của các văn nghệ sĩ di cư do ít bị tác động, có độ tự lập và vẫn mang tính địa phương nhất định nên vẫn vững nền và đáng tin, dù mang màu hơi hoài cổ như thứ ngôn ngữ tôi gặp lại trong gia đình bà già Bắc kỳ kia.

Hòa bình thống nhất trở lại cùng với những thông tin của đời thường yên tĩnh. *"Mùa bình thường, mùa vui nay đã về"*. Để gặp lại và gặt hái được mùa bình thường này là cả một quá trình đằng đằng, đau khổ cô đơn đến bất bình thường của người nghệ sĩ. Đã trải qua giai đoạn chiến tranh dữ dội, nhồi sổng thăng trầm, lòng dân tộc trở lại tĩnh tâm lắng lọc trong khát vọng hòa hợp bao dung. Và tôi thật bối hối khi gặp lại, đọc hay hát lên những phong cách ngôn ngữ cũ giản dị dịu dàng nhưng không kém phần trau chuốt sang trọng so với thời tiền chiến trong các bài thơ, các ca khúc miền Nam của Trịnh Công Sơn, Nguyễn Sa, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng hay La Cung Tiến...

Khi không bị xã hội tác động, thậm chí kích động xáo xác bằng những tính từ hùng hồn hoa mỹ nhằm phục vụ mục đích ngoài nghệ thuật, ngôn ngữ nhân văn trở nên chặt chẽ hơn, chất chứa biểu cảm và giàu nội lực hơn. Cùng một từ, một ngữ như nhau nhưng xếp đặt nó khác nhau trong các ngữ cảnh đặc thù, với độ trải nghiệm của người nói hay người nghe, nó sẽ truyền tải nông sâu khác nhau nhiều lắm.

Những sản phẩm văn hóa chất lọc dưới dạng băng đĩa, ấn phẩm này xâm nhập miền Bắc, khiêm tốn len lỏi nép mình giữa các loại đồ tiêu dùng nhôm nhựa, đài đĩa băng từ Akai hay xe máy Honda đang rùng rục lên ngôi. Có thể nói những ngôn ngữ, khái niệm, tư tưởng của các tác phẩm mới tiếp thu này đã giúp tôi, một gã trai chớm bước vào tuổi thanh niên, hiểu và hình thành một góc nhìn rộng, đa chiều, nhân văn hơn về cuộc sống. Hóa ra ngoài lý tưởng và hy sinh cống hiến, mỗi một con người bình thường đều có những đau khổ, những số phận riêng giày vò.

*“Như con chim bói cá
trên cọc nhọt trăm năm
tôi tìm đời đánh mất
trong vụng nước cuộc đời
Mịn màng như nổi chết
hoang đường như tuổi thơ
hãy cho anh được thờ
bằng ngực em rũ buồn.”*

(Du Tử Lê)

Những bài thơ, những ca khúc này thường mang nỗi buồn chia ly xa vắng, nỗi khắc khoải chiến tranh, những tự vấn hay dằn vặt về thân phận tình yêu, số phận con người... “Nỗi lòng người

đi” xa Hà Nội, nhớ về “*Mùa thu tóc ngắn*” trong màu áo lụa Hà Đông thậm chí như viết về một nơi khác, một thành phố khác của một thời gian khác, nhưng sao nghe rất gần, rất quen thuộc. Hẳn mỗi đồng cảm con người đã xóa đi cái khoảng cách không gian, thời gian ấy, và để cho tình yêu còn ở lại. Người Hà Nội như gặp lại Hà Nội cũ thuở yên bình trong một giây dừng đèn đỏ, một mình phố vắng, một mặt trời thông thả dựng ngày dài trên phố thênh thang.

*

Đất nước thống nhất năm 1975, ai cũng mong chờ sự đổi đời phơi phơi hòa bình. Các dạ dày chúng tôi có một mơ ước cụ thể hơn, là được lấp đầy gạo thơm cơm mới từ các vựa lúa miền mộng thẳng cánh cò bay miền đồng bằng châu thổ Cửu Long sau nhiều năm trường chiến tranh ăn đói. Những kênh rạch miền Nam đầy cá mô tả trong các trang sách Tập đọc hấp dẫn làm sao! Tôi còn nhớ như in một đoạn: “*Cá lội ào ào ùng ục gần như đặc nước. Đứng trên bờ lấy rổ chao qua cũng bắt được dăm bảy con cá sặc. Nếu lội xuống kinh, không cần dụng cụ gì, chỉ dùng tay không cũng bắt được cá trê, cá lóc. Mùa khô, người ta phải rẽ cá ra để lấy nước*”.

“Bao giờ cho đến tháng Mười.

Nỗi cơm thì cười nỗi cá thì reo.”

Nhưng than ôi mơ ước chỉ là mơ ước. Tháng Mười đã đến từ lâu và Hà Nội không chỉ ăn đói mì sợi nữa, mà còn phải ăn đói thêm những thứ khác theo tỷ lệ lớn hơn, như ngô xay, khoai lang, thậm chí là những củ khoai tây bé như hòn bi ve... Cờ quạt, khẩu hiệu mừng thống nhất, mừng các đại hội thành công vẫn rừng rực với gió mùa đông bắc trên những con phố xám, nhưng bụng dạ người ta ngày càng lép kẹp.

Phổ sớm trôi dài xe đạp, nhẩn nại chày chậm về các hướng. Người Hà Nội với y phục mùa đông xanh sẫm, xám xám gần như nhau. Con người khác nhau chắc chỉ mỗi trong phần ghi ở sơ yếu lý lịch. Tôi đi học, đứa nào lý lịch có bố mẹ đều là cán bộ, công nhân viên nhà nước là vênh mặt, không có gì phải bàn. Còn đứa nào thấy ghi nghề nghiệp mẹ “nội trợ” thì chắc hẳn đó là dân “phe phẩy”. Khi viết khai đến đó phải lấy tay che lại cho khỏi ai nhìn thấy, xấu hổ chết! Bây giờ tôi vẫn còn nhớ câu chuyện châm biếm trên báo *Hà Nội mới*. Chuyện có cô bé thắc mắc hỏi mẹ rằng: “*Mẹ ơi phe phẩy là gì hở mẹ?*”. Bà mẹ chàm nọc, điên lên mắng: “*Là... là... là cái con mẹ mày!*”.

Nhân dân đau khổ cuối cùng thực ra là một nhà hài hước vĩ đại. Đời càng thiếu thốn càng lắm chuyện cười. Cười cho quên đói. Chuyện rằng có con ma đói một sớm vật vờ qua cửa hàng gạo mậu dịch, gặp một tiền bối khác, bộ dạng khung xương còn ở mức độ nguy hiểm chết người hơn, mới cất lời kính cẩn: “*Chào tiên sinh. Chẳng hay tiên sinh là ma đói thời nào?*”. Nó bị chửi vuốt mặt không kịp: “*Tiên sư thẳng mắt mù! Bố là công nhân nhà máy điện Yên Phụ đi đông mì sớm. Ma đói ma khát gì mày?*”.

Cán bộ cao cấp, tiêu chuẩn tem phiếu bìa A, B được mua hàng ở cửa hàng số 17 phố Tôn Đức. Cán bộ trung cấp, tem phiếu bìa C như cha tôi, được mua hàng ở Cửa hàng Đặng Dung hoặc số 1 phố Nhà Thờ. Nhân dân đồng hạng tùy nghi đi tán trong mạng lưới mậu dịch quốc doanh. Hết định suất nhỏ nhoi của gia đình thì ra via hè kiếm sống. Cái thiếu thốn, cái sự bất bình đẳng ngân nga trong câu lục bát via hè truyền khẩu. Đói nó thúc vào bụng, đói thì phải lục bát via hè, ai lục thơ phú văn chương cao vời, phơi phới tương lai làm gì?

“Tôn Đức là của vua quan

Nhà Thờ là của trung gian nịnh thần

Đồng Xuân là của thương nhân

Vía hè là của nhân dân anh hùng.”

Không có các bà mẹ phe phẩy, bám mặt vỉa hè dành cho nhân dân anh hùng thì mấy đứa con mơ làm cán bộ kia chỉ có mà húp cháo. Một cái nón quai lụa không bao giờ đội, kẹp nách nửa vành. Trong đó đựng một mớ tem phiếu hay tiền lẻ nhàu nhĩ... Cứ thế, họ tung hoành trên phố đông. Người ta “phe” đủ mọi thứ: phe vé xem phim, phe tem phiếu, phe thuốc lá cuốn, dăm cuộn len Tiệp, mấy đôi moay-ơ xe đạp Đức. Các phe nam thì kẹp nách mấy đôi gác-đờ-bu, gác-đờ-xen. Chốc chốc họ lấy phấn đánh nhôm ra chuốt cho bóng loáng. Thỉnh thoảng lại xô nhau chạy rầm rập. Đằng sau lưng là tiếng còi riết róng của anh công an, của bảo vệ chợ hay cán bộ thị trường.

Mẹ một người bạn tôi có lần chạy không kịp, chúi luôn vào nhà. Bà ngoại tôi đẩy cô ấy xuống bếp để trốn. Tình trạng ngăn sông cấm chợ khiến lưu thông hàng hóa tắc nghẽn. Tiểu thương hay “phe phẩy” mới bắt đầu giàu lên theo hàng hoá gửi về từ các nước Đông Âu, nhất là từ miền Nam gửi ra. Đời sống công nhân viên chức nhà nước ba cọc ba đồng tụt hậu thấy rõ. Thời đó không có tham nhũng mà mới chỉ có từ “móc ngoặc”. Ông mất chân giò, bà thờ chai rượu, các cơ quan, công ty hay xí nghiệp nhà nước trao đổi với nhau những mặt hàng mình có mà đối tác bên kia cần.

Các gia đình cán bộ viên chức nhà nước không “phe phẩy” được, để tồn tại qua giai đoạn khó khăn này phải làm đủ thứ nghề phụ để kiếm thêm thu nhập. Có nhà quán thuốc lá sợi, nhà bện thảm bẹ ngô cho ngoại thương xuất khẩu, nhà nuôi lợn trong toilet hay dán hộp bao bì cho mậu dịch. Có một phố sản xuất và kinh doanh ngăm nằm phía sau mặt phố rực rỡ

cờ hoa, phổ ngâm nhẩn nại và vất vả nuôi sống những đứa trẻ con hàng phố.

Nhà tôi nhận vẽ các bưu thiếp xuất khẩu xinh xinh bằng lụa dán trong khung giấy trở từ Công ty Xunhasaba của dì Hợp tôi. Khuôn vẽ màu nước theo các mẫu có sẵn: hoa lan, hoa hồng, cây liễu bên tháp Rùa, rặng tre làng bên mái nhà tranh nho nhỏ... Đây là một công việc đòi hỏi khéo tay, thêm một chút năng khiếu mà ở nhà chỉ có tôi và cô em út mới có thể làm.

*

Khi chờ những lô hàng làm xong đến trụ sở Xunhasaba phố Hai Bà Trưng, tôi được xem những bức tranh của các họa sĩ Việt Nam đương đại, trong phòng tranh do chú Long phụ trách. Chú Long chồng dì Hợp, một người sưu tầm tranh có sở mã, hay dùng từ “tranh pháo” trong các câu chuyện về mỹ thuật với cậu Nhân tôi. Từ “tranh pháo” cũng xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ của các họa sĩ hay người sưu tầm tranh chuyên nghiệp. Một kẻ ngoại đạo thích xem tranh, thích vẽ vớ vẩn không tham gia thị trường mỹ thuật không được phép dùng.

Mới nghĩ qua, sẽ không hiểu sao chữ Tranh lại ghép với chữ Pháo được. Tranh-Pháo nó phi logic, nó không xứng đôi vừa lứa như trong cặp ghép cảm – kỳ – thi – họa. Cậu Nhân tôi, một họa sĩ không chuyên, bảo Tết ngày xưa trên tường phải có tranh, ngoài sân phải đốt pháo mới ra Tết. À ra là thế, tranh pháo nó là thế, là hiện thân của một cái Tết Nguyên đán cổ truyền, có pháo nổ ngoài sân, có tranh treo trên vách.

“Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột

Om sòm trên vách bức tranh gà.”

Cũng nhờ ông họa sĩ là cậu Nhân và chú Long, tôi được biết thêm nhiều họa sĩ tên tuổi, chủ yếu là qua những bức tranh của họ. Tôi dần nhận ra những khối vuông chắc của Nguyễn Tư Nghiêm, những nét đậm dứt khoát mà tình cảm của Nguyễn Sáng, những mái phố trăm đầy uốn khúc của Bùi Xuân Phái hay vút nét lụa là tinh tế của Mai Long...

Tuy nhiên, kính các cụ đáng kính, để xin phép không đề cập đến những bức họa ngàn đô. Ở đây tôi muốn nói về một dòng tranh khác, tồn tại song song với các bức tranh đắt đỏ kia nhưng với số lượng gấp hàng nghìn lần số lượng họa phẩm cũng như lực lượng họa sĩ. Đó chính là dòng tranh “Bờ Hồ”.

Tranh Bờ Hồ là tranh thế nào? Tất nhiên tranh Bờ Hồ là phải vẽ bờ hồ chứ vẽ cái gì vào đấy? Một bờ hồ nước êm dịu mềm mại, soi bóng mấy hàng dừa, thêm cảnh liễu rủ tha soi bóng. Có cả một vài túp nhà tranh với hàng rào thưa, thêm vài con trâu thanh bình gặm cỏ nữa. Nếu không nhà tranh với mấy con trâu gặm cỏ thì nhất định phải là Tháp Rùa với mấy cô thiếu nữ áo dài tà bay phơ phất.

Nền trời trong tranh Bờ Hồ cũng ngắt xanh như màu nước, có những đám mây trôi nhẹ nhàng. Trên nền mây, đàn chim trắng xếp cánh hình chữ V chẳng biết hải âu hay là cò, đang bay về phương trời xa xăm trên đỉnh tàn cây lấm tấm nhũ vàng, như minh họa cho bài ca hy vọng. Đại khái thế, tranh nào cũng như tranh nào, cùng một motif bờ hồ. Xem quen mắt đến độ thuộc lòng bố cục lẫn chuyển sắc, như quen tai nghe diễn văn hay nghị quyết.

Các họa sĩ quần chúng làm tranh bờ hồ theo kiểu sản xuất hàng loạt. Những tấm bìa xanh khổ 0.6x0.8 mét được trải ra, cố định trên mặt sàn theo hàng ngang. Một tấm mica đục thủng

lỗ sẵn theo bố cục đường viền mặt nước, bầu trời. Họa sĩ cầm cây panh-sô nhúng màu bleu hồ nước cháo có pha thêm thuốc chống gián, quét những đường theo quỹ tích cố định hằng ngày lần lượt lên từng bức.

Lớp màu cũ vẫn còn hơi ướt, lại đến lớp màu khác nhẹ hơn, trên cây panh-sô khác để thực hành chuyển sắc. Mây với trời cũng làm hết như thế, nói đúng ra là in quét thủ công ở dạng đơn giản chứ không phải vẽ. Khi màu khô đến độ sẽ đến việc của tay thợ cả, là dùng bút nhỏ vẽ thêm cây dừa, tía tốt bóng liễu, trâu bò béo khỏe hoặc thiếu nữ nên thơ... điểm xuyết các chi tiết cho bức tranh hoàn chỉnh. Khô hẳn một đồng tranh cùng loại thì bỏ vào, mang đổ cho mấy bà buôn họa phẩm văn hóa chợ Đồng Xuân mang đi các tỉnh tiêu thụ.

Tranh cuốn thư còn đơn giản hơn nữa với kiểu bố cục cân đối phương đông cổ điển. Không chế tác bằng đá chạm, gỗ quý cầu kỳ sơn thếp như các bức đại tự, cuốn thư của địa chủ quan lại thời phong kiến, cuốn thư bình dân thời đại công nông được vẽ trên bìa giấy. Một khoảng trống hình ô van lớn nằm chính giữa, là nơi sẽ cắt, dán vào đó chân dung danh nhân. Vờn bao xung quanh các họa tiết triện chiếu hay mây chạm cách điệu kiểu mái đình Tây Đằng, vẽ theo lối “in quét scan” thủ công. Bên trái cuốn thư là thanh kiếm, đại diện cho Võ. Bên phải cuốn thư là cây bút lông to đại, đại diện cho Văn. Chữ: “Không Có Gì Quý Hơn Độc Lập Tự Do” cũng được in can. Cuối cùng, cắt hình danh nhân thật cẩn thận, dán vào cái chỗ trống giữa bức cuốn thư kể trên. Thế là xong một tác phẩm phổ thông ai cũng có thể mua.

Tôi biết cách làm tranh bờ hồ và cuốn thư là bởi bố thằng Thanh Hùng bên nhà số 12 phố Đồng Xuân dạy cho. Ông là công an cấp tá về hưu, hẳn có hoa tay nên làm thêm bằng nghề này.

Ngoài việc học, thằng Hùng còn phải phụ làm tranh cùng bố. Tôi sang chơi thấy thú vị nên cũng xắc sỏ giúp nó. Tất nhiên tranh bò hỏ, cuốn thư không có giá trị nghệ thuật cao nhưng nó cũng thỏa mãn một phần đời sống văn hóa ước lệ của tầng lớp nhân dân lao động.

*

Tôi bắt đầu những năm trung học khi đất nước đang diễn ra những cuộc thay đổi lớn trên phạm vi toàn đất nước thống nhất.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở thành nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nghe tên có cái gì đó gợi sự liên tưởng đến Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô Viết, một đất nước mệnh mông mà tôi rất mê qua các tác phẩm văn học Nga. Tiếng ca sĩ Kiều Hưng hát suốt ngày trên radio:

*“Âm thanh mới ngân vang trong dòng tên Tổ quốc
Đang chuyển rung tiếng vang,
Non sông yêu dấu của ta ngàn đời vinh quang,
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam...”*

Quốc hội mở một cuộc thi sáng tác Quốc ca mới, thay cho bản *Tiến quân ca* vốn gắn bó với đất nước đã 30 năm chiến tranh và xây dựng. Lý do rằng: “Ngày nay, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới. Để cổ vũ mạnh mẽ đồng bào và chiến sĩ ta, thể hiện sâu sắc chí khí hào hùng của toàn dân quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ mới của cách mạng, thì cần có một Quốc ca mới” (trích *Báo cáo của Ban Vận động sáng tác Quốc ca mới*).

Hầu hết các nhạc sĩ tên tuổi ở miền Bắc đều tham gia, mong đóng góp phần công sức nghệ thuật của mình vào lịch

sử dân tộc. Sau một nửa năm sôi động miệt mài sáng tác, kể cả những “nhạc sĩ” quần chúng nốt nhạc bẻ đôi không biết, các nhạc phẩm được đưa lên hội đồng chọn lựa đánh giá. Cuối cùng chẳng có bài nào được chọn. Quốc thiếu bao giờ cũng gắn với lịch sử, được phôi thai từ máu xương dân tộc trong cả một quá trình đau khổ lẫn vinh quang, có lẽ đâu dễ dàng thành hình chỉ qua mỗi một cuộc thi đầy tính duy ý chí.

Đất nước đã thống nhất, các tỉnh cũng được gộp lại, sáp nhập hai, ba tỉnh thành những tỉnh lớn hơn cho phù hợp với kích cỡ cuộc đại cách mạng kinh tế sẽ diễn ra. Tỉnh Hoàng Liên Sơn, tỉnh Hà Sơn Bình, tỉnh Hà Nam Ninh... ở miền Bắc; các tỉnh Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh... miền Trung...; các tỉnh Đồng Nai, Tiền Giang, Hậu Giang, Minh Hải... ở miền Nam.

Đó là cuộc hợp nhất hành chính, làm đòn bẩy cho cuộc cách mạng sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa mang tầm vĩ mô của đất nước. Trong khi góp phần xây dựng và chờ đợi thành quả của nó an tưởi, các gia đình thị dân và cán bộ nhà nước ở Hà Nội đã phải làm những kế hoạch “cách mạng” nhỏ của riêng mình để tăng thêm thu nhập.

Cuộc đại cách mạng công nghiệp của nhà tôi bắt đầu bằng việc đan thảm bẹ ngô cho một xí nghiệp mây tre đan của Ngoại thương. Việc này do bác cả tôi học được từ một bác gái cùng sinh hoạt trong tổ hưu trí phố Hàng Bỏ.

Chẳng có gì là khó, đầu tiên, bác tôi đóng ghép một mặt bàn gỗ tạp làm bàn gia công, trên đó đóng các hàng đinh dày theo tuyến kích thước và khuôn thảm quy định. Các chị đạp xe sang chợ Ô cách huyện Gia Lâm mua các bó dây lá ngô bện dẹt, gọi là dây quại về.

Buổi tối, sau bữa cơm chiều, cả nhà ngồi quăn chặt các dây quai ngô đồng tâm, theo các hàng đinh đã gióng sẵn trên tấm bản gia công, dùng kim to luồn sợi dây, khâu rít các lớp quai từng vòng với nhau theo khuôn. Sản phẩm cuối cùng là các tấm thảm bẹ ngô vuông tròn đủ kiểu, dùng để chùi chân, chùi đế giày ở một khung cửa sáng đèn trong một ngôi nhà nơi trời Âu xa xôi nào đó.

Việc nào cũng phải có thầy hướng dẫn. Bà bạn tổ hưu bác tôi cử chị Lan, cô con gái rượu sang dạy cả nhà. Chị Lan lại là bạn cùng học một lớp cấp III trường Phan Đình Phùng với hai chị áp út sinh đôi con bác. Tưởng công việc vì thế mà thuận lợi, tiến triển sẽ nhanh, ai dè ngày càng chậm. Sự chậm trễ của công cuộc cách mạng này bởi do anh Toàn tôi, mới đi học ở Trung Quốc về nước, phá đám.

Anh Toàn tôi vạm vạp, sức khỏe tốt, đã đi thi tuyển phi công tiêm kích, qua tất cả các vòng và xuất sắc trúng tuyển. Đơn vị không quân cùng khu đội đến nhà thẩm tra lý lịch, biết anh Phát, con trưởng bác tôi đi chiến trường B đã mấy năm vẫn bần bật tin tức. Họ khuyên nhủ chân tình, là vào đơn vị phi công tiêm kích sẽ rất nhiều rủi ro, là phải xác định quyết tử hy sinh. Gia đình bác chỉ còn một người con trai ở nhà, hãy suy nghĩ kỹ vài hôm trước khi quyết định việc này.

Khu đội cùng cán bộ tuyển trạch về rồi, anh tôi vẫn nằng nặc đòi đi phi công lái máy bay phản lực. Sau mấy hôm cân nhắc, hai bác tôi quyết định không đồng ý. Cuối cùng, như để an ủi, khu đội ưu tiên cho anh tôi suất đi học lái các loại máy xây dựng bên Trung Quốc. Và bây giờ thì anh đã trở về phố cũ Hàng Bỏ sau mấy năm học.



Ba chiếc bàn khâu thảm cùng lúc hoạt động dưới sự hướng dẫn của “cô giáo” Lan, biến gian ngoài căn nhà chật thành một hợp tác xã thủ công. Tay phi công hệt đi ra đi vào, mắt la mày lét nhìn cô giáo thân hình nảy nở, trắng bóc xinh tươi đang dạy các học trò. Bác cả tôi rít xong thuốc lều giòn tan, nheo mắt qua làn khói, bảo: “Anh lượn qua lượn lại in ít thôi! Tôi cao huyết áp nhìn thể chóng mặt lắm!”.

Cô giáo thủ công đang cầm cùi trên bàn thảm, có mắt đằng sau gáy nên biết có kẻ ngấm trộm mình. Thấy tay như bị thừa, cô giành luôn một bàn gia công của trò, tự bện tự khâu lấy nhanh như máy. Năng suất lao động bỗng tăng lên vùn vụt. Bình thường mỗi tối cả nhà chỉ đan được chín tấm. Tối hôm đó được hẳn những 15 tấm.

Mới già một tuần, cả cô giáo lẫn phi công đều biến mất dạng. Bác tôi sang nhà bà bạn tổ hưu chơi, đã thấy anh tôi đang ngồi khâu thảm với cô giáo bên ấy. Từ đó, năng suất lao động nhà bác tôi bị giảm hẳn. Bác về kể chuyện với bác gái, chờ anh tôi về rồi hỏi: “*Có phải anh thích nó thì để chúng tôi sắm sửa trâu cau sang thưa với nhà người ta?*”. Anh Toàn gật đầu cái rụp, nhanh hơn cả máy bay tiêm kích.

Chỉ ba tháng sau, hai họ làm đám cưới cho anh chị, minh chứng cho một tình yêu có tốc độ của phi cơ phản lực với xuất phát điểm từ những tấm thảm bẹ ngô, thần thoại hơn cả tấm thảm biết bay của Aladin.

*

Bầu sữa kinh tế nghèo nàn nhưng vẫn nuôi nấng khích lệ dòng chảy âm nhạc sớm bắt đầu hòa nhập một cách tự nhiên, như lẽ đời chẳng cần tuyên bố.

Những nội dung truyền tải văn hóa, âm nhạc cũng đã thống nhất trên các phương tiện nghe nhìn đầu khác nhau xuất xứ. Đài quay đĩa Ri-gon-đa, Re-cord của Liên Xô cũng ai oán giọng Chế Linh “Tình bơ vơ” như đài National quan tài bay của Nhật Bản. Ti vi đen trắng Denon, Sanyo “hai cửa lửa” với ti vi Neptune, Saturne cùng chiếu bộ phim *Trên từng cây số*. Tài tử điển trai, thánh Đê-y-a-nôp giáng trần, bắn súng đùng đùng trên màn hình khiến các bà các cô thốn thức. Tủ lạnh Hitachi “đầu gấu” và tủ lạnh Saratop “3 sao” cùng chất chứa vụn thịt heo tem phiếu nhân dân. Người ta có thể tùy thích chọn nghe hành khúc “nhạc đỏ” thời chiến, nghe “nhạc vàng” boléro suốt mướt, thậm chí mở oang oang nhạc lính Việt Nam Cộng hòa cũng chẳng ai buồn nói.

Nhưng vẫn có một dòng chảy ngầm neo giữ những tinh hoa kiếm lời, không dễ gì mai một đi được. Bởi nó chảy ngầm, là nước ngầm nên đã được lắng lọc qua các tầng trầm tích, không bị pha tạp nhiều bởi các dòng chảy xu thời như nước mặt. Văn hóa nhân văn luôn tìm những tính chất tương đồng, những giá trị bác ái của con người để hòa hợp.

Những chiếc lá sen ủ cốm đã quần tái mép ngoài báo tin mùa thu đã muộn, và trám bùi đã tím đen nằm om trong chõ. Những lớp thổ mộc bao bì vỏ ngoài có vẻ tàn lụi tiêu điều lại ôm giấu nhiều điều tích lũy. Hết cái nồng nhiệt tưng bừng, tương phản chói chang của hoa lá mùa hè, mùa thu nhân gian lặng lẽ lặn vào trong trái, trong hạt. Văn hóa và âm nhạc cũng vậy, không phải là khẩu hiệu băng-rôn cờ hoa rực rỡ, càng không bao giờ tỷ lệ thuận với volume âm lượng loa phường.

Tôi biết âm nhạc Trịnh Công Sơn một chiều đầu hè nằm lớp chín, qua chiếc Akai M10 nhà thằng Bình phố Hàng Giấy, để

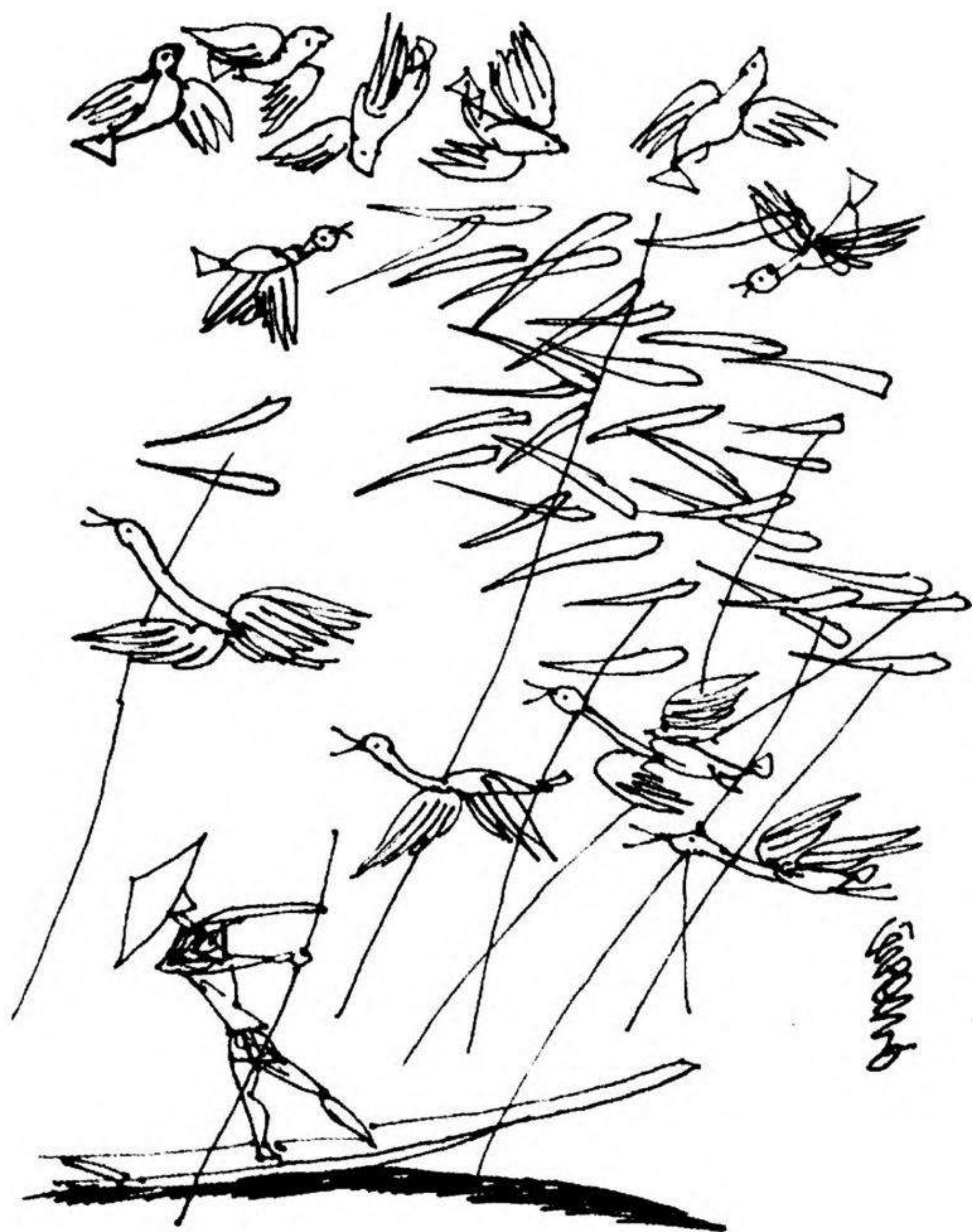
nhận thấy hóa ra trái tim con người vẫn có những khoảng dành cho sự mẫn cảm với những manh nha lãng mạn, thậm chí còn chưa chớm định hình. Băng Sơn Ca số 7 đầu tiên, với nét nhạc giản dị, những ca từ khác lạ đầy liên tưởng đến không ngờ dội thẳng vào cảm nhận.

*“Mưa vẫn hay mưa cho đời biến động
Làm sao em nhớ những vết chim di.
Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng
Để người phiêu lãng quên mình lãng du.”*

Âm nhạc đẩy người ta vào nỗi nhớ. Hôm ấy trời nắng rực và ấm nóng. Trước một trận gió mùa đông bắc, trời bao giờ cũng cuồng lên, dồn nhiệt cho phút lâm chung buổi thu tàn. Rồi mưa đến, cơn mưa cuối cùng của mùa thu, chấm từng vòng sóng nhỏ loang dầy mặt sông.

Đàn sếu giăng giăng chớp cánh, xếp thành một chữ V cao tít trên đỉnh trời, thả xuống mặt sông những tiếng kêu lừ lừ. Không gian thối màu khói xám, như một quả chuông khổng lồ mỏng mảnh, chụp xuống đồng bãi âm vang đầy cộng hưởng. Có thể nghe rõ những trái điện thanh nổ lác rác, bắn tung những hạt bé tí rơi vào cỏ buồn buồn.

Ngồi thu lu trong bụi, thờ ơ ra nhánh nhỏ sông Cà Lồ câu cá ngão. Những hạt mưa nhỏ bắt đầu, liu riu nhưng rất dày hạt và lạnh, làm sồn vảy ốc da tay. Tiết mưa rười rượi tháng chín đôi mươi, tháng mười mừng năm. Gió bắc hiu hiu, sếu kêu trời rét. Tôi biết đàn chim kia sẽ bay xuyên mưa và xuyên đêm cho kịp hành trình thiên di. Bầy chim qua trời nào đâu thấy vết, lưu ảnh vổng mạc chỉ còn những chớp cánh mờ.



Cá ăn tợn nên ham, quên cả mưa lạnh thấm áo. Ruộng điền thanh còn ngấn vàng nước lụt thảng trước trên thân, trên những chùm rẽ phụ đan nhau lùm xùm. Khi giật cần động nhẹ, lá điền thanh rắc xuống lỗ đổ giống như một trận mưa khác.

Mé bãi bùn ngoài sông lớn, một bầy chim dễ giun mỏ dài cũng đang cặm cùi kiếm mồi. Bầy chim nâu đất lấm láp, chống phộc cái đuôi ngắn ngùn, cặm mỏ xuống bùn, chũn chĩn trông hệt như đám học sinh lớp bảy chị Loan đi cấy. Con nào vớ được mồi vội ngắc mỏ lên, lắc đầu thật lực để vấy bùn rồi ngoặc cổ nuốt. Cứ thế, bầy dễ giun con cón lợi xa dần, để lại trên mặt bùn non những vết chân xinh xinh hoa đỏ, lẫn trong lấm tấm vàng lá điền thanh đang mùa trút rụng.

Chiều nay nghe: *"Làm sao em nhớ những vết chim di..."* thì lại nhớ ngay đến buổi chiều ngồi câu, có vết chân xinh của bầy dễ giun năm ấy. Tôi mê vớ tin Trịnh, nhưng lòng vẫn cứ thắc mắc về những vết dấu chim trời.

Lan man một chút về bóng vết chim trời, để rồi cuối cùng cũng cho tôi một liên tưởng, rằng trong một chớp sáng như ánh đèn flash đầy nhạy cảm thiên tài, bầy chim thiên di đã để lại hình ảnh của mình không phải trên nền trời thu âm đậm, mà tận trong đáy mắt góc hồn người nghệ sĩ. Để rồi năm này qua năm khác, thu này qua thu khác, chúng ta vẫn sẽ mãi còn hát: *"Làm sao em nhớ những vết chim di..."* trong một không gian âm nhạc khác với những thứ tôi vẫn thường nghe ngày đó. Thứ âm nhạc riêng tư nhưng nhớ, mong manh của hồn người, chỉ có thể hát đơn ca, và không dành cho những xúc cảm tập thể.

Cậu Bằng, cậu út của ông bà tôi sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm I khoa Hóa, được phân công lên dạy miền núi, trường cấp III Hòa An, Nước Hai tỉnh Cao Bằng.

Một lần vào nhà học sinh chơi trong thị trấn, thấy trên tường treo ảnh bác Lâm, cháu gọi bà ngoại tôi bằng cô ruột. Cậu ngạc nhiên, mới hỏi rõ ngọn ngành. Cô học trò giới thiệu đó là bố em. Một lát, bác Lâm về. Anh em gặp nhau mừng mừng tủi tủi, và chị Loan, cô học trò cấp III bây giờ mới biết phải gọi thầy giáo dạy mình bằng chú.

Qua hàn huyên câu chuyện diễn ra sau đó, mới biết bác Lâm bỏ Hà Nội lên Cao Bằng từ những năm kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc cải tạo tư sản tư doanh, em trai bác Lâm là bác Oanh cũng bỏ Hà Nội lên vùng thượng du vắng vẻ huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ. Trước đó, cả hai anh em đều làm cho hãng thuốc lò Giang Ký của cô ruột, tức là bà ngoại tôi.

Họ bỏ đi, người vì cuộc chiến xô đẩy, người vì tránh tiếng liên quan đến tư sản, sợ phải đấu tố thân nhân ruột rà trong gia đình, giống như cuộc Cải cách ruộng đất đã diễn ra rộng khắp thôn quê mà họ từng chứng kiến. Cả hai bác đều lập gia đình trên mạn ngược, nơi vùng đất núi rừng xa lạ cư mang các bác. Vợ đầu mất vài năm, bác Oanh tôi lấy vợ hai. Các bác gái là người dân tộc Tày và Mường, những người phụ nữ hiền lành đôn hậu, nay đã trở thành người thiên cổ.

Gần hai mươi năm sau, anh em trong nhà mới gặp lại nhau. Cô học trò cấp III, lúc đó đã thành một thiếu nữ xinh xắn của thị trấn miền biên viễn, mới biết mình có gốc gác là dân Hà Nội.

Mùa hè năm ấy, cậu tôi đưa bác Lâm với chị Loan về nhà chơi. Chẳng có gì thay đổi cả, kể từ khi các bác bỏ ra đi. Chỉ mỗi ông bà tôi ngày một già đi, và cái cửa hiệu thuốc lò gây

trung sỹ

hoàng sợ cho các bác kia, nay đã thuộc về sở Thương nghiệp nhà nước.

Bà tôi tỉ mẩn sắp xếp các thức làm thổ sản mọi người mang về làm quà vào chiếc thùng gỗ lớn đóng đai. Chiếc thùng thần thánh chứa đồ dự trữ, chỉ mở ra khi nhà có giỗ chạp hay tết nhất. Mùi măng khô, mùi gạo đỏ, mùi các xâu nấm hương phơi héo gợi liên tưởng đến những bữa ăn ngon lành ngày Tết, mặc dù mới chỉ đang bắt đầu mùa hè.

Riêng tôi khoái trá với những túi vải đựng mạn tím, mạn đỏ cậu tôi mang về. Những trái mạn có núm nhọn như trái đào, tím đen chín lịm ngọt ăn không biết chán. Lại thêm một lồng tắc kè nhốt cả mấy chục con. Những con tắc kè hoa lớn miệng rộng mắt lồi, bầu nan lồng nằm im phăng phắc, khe mắt hẹp mỏng dính trong ánh sáng ban ngày đầy vẻ đe dọa. Hôm ấy mọi người bắt tắc kè, làm món cháo thơm phức ngọt lừ nhưng quên không cài cửa lồng. Phần lớn đàn tắc kè thoát ra, đào tẩu thành công qua khe cửa hẹp.

Từ đó hẳn mưa thừa nắng, đêm đêm tắc kè kêu vang trên những bức tường phố cũ. Công cuộc cải cách công tư hợp doanh cùng sự nghiệp giáo dục đã luân chuyển những người thú đồ lên rừng núi, và vô tình mang theo một giống bò sát trở về, góp phần tăng thêm đa dạng sinh học tự nhiên cho một thành phố vốn chỉ toàn mèo chuột với chim sẻ.

*

Thỉnh thoảng vào những ngày Chủ nhật, các bạn tù năm xưa ở Côn Đảo lại đến chơi với ông ngoại tôi. Trong số này có ông Bùi Lâm, Phó viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao,

ông Trần Bảo trong Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Đôi khi thêm ông Sâm, bí thư chi bộ Nhà máy nước Hà Nội, một du kích hoạt động bí mật trong thành nội, nhà trong ngõ 82 Hàng Khoai đối diện bên kia đường.

Ông Bùi Lâm những năm đó tóc đã bạc trắng trong khi tóc ông tôi mới muối tiêu. Trông phong thái nhàn nhã của ông, không ai nghĩ ông đã phải trải qua nhiều những nhà tù khổ sai đế quốc. Mỗi lúc cao hứng, ông lại lầu lầu một đoạn Pháp văn. Ông Trần Bảo người đậm, da hơi ngăm ngăm và ít nói. Các ông đi xe điện hoặc nhàn tản đi bộ đến chơi với bạn cũ, không thấy đi xe công vụ bao giờ.

Ông Trần Bảo tặng ông tôi một cuốn hồi ký cuộc đời ông, do nhà văn Xuân Cang chấp bút, tên bìa sách là *Hạt máu*. Tôi đọc một mạch hết cuốn sách, cho đến bây giờ vẫn nhớ những chi tiết gây ấn tượng mạnh: Cảnh công nhân nhà máy dệt Nam Định mỗi kỳ lĩnh lương rủ nhau đi ăn tiết canh, với hy vọng tiết canh sẽ hút hết các sợi bông bụi nằm trong phổi; Cảnh anh Vàng bị cua-roa máy cuốn, quật lên trên tường đẫm máu; Cảnh chết đói của nông dân quê nhà ở Thái Bình. Ông dồn hết tiền chỉ đủ mua chồng bánh đa, tắt tả qua phà Tân Đệ chạy về quê cứu đói.

Các câu chuyện trong hồi ký chân thực, gây ấn tượng mạnh. Tôi ngạc nhiên trước bữa tiệc sinh nhật vợ thằng tây chủ nhà máy, có thổi kèn bú-zích, có con cá chép om béo ngậy nằm trên chiếc khay lớn, trên thân nó trồng đủ loại rau thơm. Ông chỉ mong con cá chép quẩy một phát thật mạnh cho đám rau kia văng vào mặt thằng tây cùng con đầm vợ nó. Tôi đọc đoạn này nuốt nước miếng, hình dung rõ ràng thấy con cá hấp ngon lành đó. Cá chép bây giờ cũng là của hiếm, chỉ thấy trên tranh *Lý ngư vọng nguyệt* phố Hàng Trống. Con cá chép thật tôi thấy cũng đã lâu lắm rồi, từ khi nhà u Nhu tát ao.

Nhưng hấp dẫn nhất trong câu chuyện vẫn là cảnh các đội lân anh chị thành Nam Định đấu nhau trong ngày hội Cát-tó (Quốc khánh Pháp, ngày 14/7) để giành giật giải thưởng treo từ các nhà buôn lớn. Nhà lão thành cách mạng, khi đó mới là một thiếu niên cầm đầu con lân râu bạc, đối đầu với một đầu lân râu đen. Hai nhóm lân gặp nhau không bên nào nhường đường, găm ghè chuẩn bị cho một trận thư hùng.

Bằng một thế trong Mai Hoa quyền, cậu bé Trần Bảo đã hạ đo ván địch thủ lân râu đen học máu mồm. Hai nhóm lân lao vào hỗn chiến bụi mù góc phố, tan chạy trong tiếng còi phú-lít, bỏ lại những đầu lân bẹp rúm trong một tối trắng rằm. Kể từ đó ông Trần Bảo là người hùng của tôi. Tôi xoắn hỏi ông mãi về chuyện này, đề nghị ông dạy lại thế võ đó để trị thành cu Nội hay bắt nạt, nhưng ông chỉ cười.

Bà ngoại bảo ông tôi, hay nhờ các bác ấy xin cho cậu Bằng, lúc này đã đủ số năm dạy học theo quy định trên miền núi, được chuyển về Hà Nội. Ở vị trí công tác của các ông, cùng tình cảm như gia đình với người bạn tù sinh tử, hẳn việc này quá dễ. Ông tôi chỉ im lặng. Mỗi lần về Hà Nội nghỉ hè, cậu tự cặm cụi viết những lá đơn gửi lên Bộ Giáo dục bằng một nét chữ đẹp kinh điển: "*Kính gửi bác Hồ Trúc...*". Những lá đơn này không có hồi âm, và cậu tôi trở về Hà Nội theo cách không ai ngờ. Một bức điện do nhà trường gửi, thông báo cậu bị thần kinh, đề nghị gia đình lên đón ngay.

Không khí nặng nề bao trùm cả nhà. Tai họa đến khi tiền đã cạn. Buổi chiều tối, bà tôi mở khóa chiếc ngăn kéo tủ com-mốt, rút ra chiếc đĩa cổ vẽ rồng đời Khang Hy đưa cho một ông khách sư tầm. Con rồng đỏ cuộn lòng quanh chiếc đĩa lớn, quẩy lóe lên trong buổi tà dương khi khách mở bọc vải xem hàng. Khách nhắm mắt ngắm soi chiếc đĩa. Con rồng vênh cặp râu oai vệ, trứng

mắt nhìn tia nắng quái cuối ngày rồi chui tọt vào chiếc áo va-
rơi hơi hám tàu tàu. Ông tôi nhíu mày, nhìn con rồng lẩn ra phố
theo tay buôn đồ cổ, cũng chẳng nói gì.

Năm ông Bùi Lâm mất, ông tôi dán ảnh người bạn tù ở đầu
giường ngủ. Tấm ảnh còn mãi đó cho đến khi chuyển nhà. Hẳn
vì người già hay nhớ những ngày tuổi trẻ, nhớ bạn bè thuở xưa.
Bữa cơm bao cấp nghèo nàn thất lưng buộc bụng với những
con cá mồi, cá chuồn khô mặn chát hoặc gần như hoai mục ra,
ông tôi lại rất thích thú. Bà tôi bảo ông bị nghiện cá mồi, như
nghiện một thức ăn quen trong nhà tù đế quốc, kể từ khi ông ở
Côn Đảo về.

*

Bên ngoài nhà số 9 phố Đồng Xuân có một nhóm vẽ truyền
thần hành nghề kiếm ăn độ nhật. Gọi là lớp vẽ cũng được vì thi
thoảng lại có người mới đến xin học hay bỏ tức nghề. Trưởng
tràng nhóm này là ông Ninh, cha của Trường Thọ, một người bạn
học cùng lớp với tôi.

Ông Ninh quê gốc ở Quế Võ, Hà Bắc, là lính của Đại đoàn
308. Sau khi tham gia Chiến dịch Biên giới, chiến dịch Điện Biên
Phủ, ông trở thành thương binh, giải ngũ về học nghề vẽ truyền
thần ở Hà Nội. Có thể nói đây là cửa hiệu vẽ truyền thần ra đời
sớm nhất, tay nghề vững nhất ở Thủ đô chứ không phải mấy cửa
hiệu ở Hàng Đường, Thụy Khuê... như các nhà báo hậu sinh vẫn
hay nhắc đến trong các bài viết về nghề cũ một thời của họ.

Trong cuốn *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn và Đoàn
Thị Điểm có câu:

“Chinh phu tử sĩ mấy người

Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hôn?”

Mạc mặt là một hình thức vẽ chân dung người đã khuất, mạc phác theo trí nhớ mô tả của người nhà, như bên công an phác dựng chân dung tội phạm qua lời mô tả của nhân chứng. Còn với truyền thần, người nghệ nhân vẽ truyền lại thần thái chân dung theo những tấm ảnh còn lại, thường là bé tí ti khổ 3x4cm, và mờ mốc ố vàng. Bởi vậy nên mỗi người vẽ đều không thể thiếu một chiếc kính lúp đeo kẹp sát vào mắt.

Những năm ròng binh lửa chiến tranh, rất nhiều người bỏ mạng. Hòa bình trở lại yên ả, nhà nào cũng muốn có những tấm hình thân nhân đẹp để trên ban thờ. Cũng có những người muốn những tấm hình tươi sáng tuổi thanh xuân của mình được lưu lại, treo chơi kỷ niệm trên tường với khổ lớn mà kích cỡ giấy ảnh thời đó không thể thỏa mãn. Bởi vậy nghề truyền thần rất phát đạt.

Bức truyền thần bắt đầu từ việc kẻ ô, dựng bố cục chính xác của khuôn hình chân dung định vẽ bằng bút chì mềm 3B, 4B... Những nghệ nhân lâu năm trong nghề thường phải kẻ ít ô để dựng hình hơn những người mới vào nghề. Tóm lại số ô dựng tỷ lệ nghịch với số năm trong nghề.

Khuôn hình đã chính xác, đến việc tô bóng cho lên khối chuẩn của ngũ quan gương mặt: mắt, mũi, khóe miệng, vành tai... Người ta dùng một thứ mực bột đặc biệt của Trung Quốc, dùng những cây bút quăn đầu bông tự tạo các cỡ để làm công việc tỉ mỉ này. Cục tẩy mềm vát mép lia mềm tạo bóng sẽ cho ta những mái tóc mềm mại.

Cuối cùng, việc quan trọng nhất là ánh nhìn, nơi hướng đến của đồng tử. Việc này đôi khi thợ cả phải làm hộ các đàn em học việc khi diễn đạt độ trong suốt của lòng đen trông mắt, điểm đặt của con ngươi, sao cho bức chân dung sinh động

có hồn. Công việc điểm nhân này quyết định bức truyền thần đạt hay không đạt, như bút thần em bé Mã Lương xưa, trót đánh rơi giọt mực chính xác vào mắt con cò khiến nó cất cánh bay đi.

Ông Ninh vốn có chất nghệ trong máu, nét bút cũng bay bổng cương thường nên các bức vẽ của ông thường thoát khỏi giới hạn truyền thần, trở nên như các bức họa chân dung. Ngược lại, trong ngôn ngữ, ông là người kiệm lời nhưng gia trưởng. Hồi anh Khang mới yêu, đưa bạn gái đến nhà không hỏi trước, ông ném toạch cuốn sổ hộ khẩu ra mặt bàn, thùng thẳng bảo: *“Thằng bố cả muốn cưới vợ phỏng? Thì hộ tịch đây!”* rồi bỏ đi. Hai anh chị nhìn nhau, sợ xanh mặt.

Lúc anh em chúng tôi mới thoát chết trở về từ chiến trường, bà mẹ Trường Thọ gọi mấy thằng đến, bảo thích ăn gì tao mua cho mà nhậu. Chúng tôi muốn ăn ếch nên bà chiều, ra chợ Đồng Xuân mua ếch về làm cho mấy thằng con đói. Mùi “gà đồng” xào măng, mùi ếch kẹp lá lốt nướng than hoa thơm điếc mũi hàng xóm.

Chúng tôi hồi hả rót rượu, vào mâm. Ông từ ngoài hiệu về về, nhòm nhòm, rồi phán: *“Ngồi thì chồm chồm, mất thì thao láo!”*. Mấy thằng hoảng quã, giật mình sửa lại thế ngồi cho phải phép, mời ông xơi cơm. Ông lại bảo: *“Chúng bay cứ ăn nhậu đi. Tao không ăn giống ếch... Ngồi thì chồm chồm, mất thì thao láo! Kinh bố mẹ!”*. Cả bọn thở phào. Hóa ra ông mắng cái giống ếch, không phải mắng mình.

Là lính trận Đại đoàn 308, dù hơi gia trưởng, cực đoan nhưng ông vẫn đầy ngang ngạnh thẳng tưng như chất lính. Cũng như cha tôi, ông nói về Trần Dần, Phan Khôi, Hoàng Cầm bằng những lời bí hiểm, không hẳn rõ yêu thích hay cảnh giác, như kể

chuyện ma... Những ngày rét mưa phùn đầu tháng Hai, khi chú Hạnh và anh Minh, những học trò của ông, đang cặm cùi vẽ, thì ông ngó mông ra ngoài phố đang cấm cờ, ngâm nga:

*“Tôi bước đi
Không thấy phố,
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ...”*

Tôi ngồi chờ bạn đi chơi ở cửa hiệu vẽ ngoài, biết tôi cũng học đàn sáo, ông ngẩng lên, buông bút bảo: “Cậu có biết bài này không?” – Rồi ông đọc:

*“Ai vẽ bên kia sông Đuống
Cho ta gửi tấm the đen
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng
Thời trẻ thơ sáng láng mộng bình yên...
Đấy, quê tôi đấy...!”*

Bài thơ tuyệt hay đến cảm động. Không hiểu sao khi ngắm nhìn ông vẽ, tôi lại nhớ đến một chương trình khoa học phát trên ti vi, mô tả về vụ nổ nguyên tử Hiroshima. Một người đàn ông ngồi nghỉ trên bậc thềm nhà mình. Khi quả bom chớp sáng, con người bỗng nhẹ thành tro bụi, nhưng trên bức tường bê tông sót lại, người ta vẫn nhìn thấy cái bóng in dáng ngồi hơi gù của chủ nhân cũ, như bóng đổ của một vật trong kiến trúc. Người ta gọi đó là vết nguyên tử. Ánh sáng chói lóa hạch tâm, bị thân xác con người cản lại, in trên bức tường bê tông những vùng tối mang đường viền của hình hài.

Bây giờ mỗi lần qua phố cũ Đồng Xuân, tôi lại theo thói quen, nhìn vào cái hiệu vẽ, mong thấy các giá vẽ cùng dáng ngồi quen thuộc của cha người bạn tôi. Tất cả đã thay đổi. Người nghệ nhân tài hoa yêu thơ Hoàng Cầm đã mất, và máy ảnh DSLR đã cho ta những tấm hình vô lượng. Chẳng có giọt mực nào rơi xuống mắt con cò của em Mã Lương xưa nữa, chỉ có những giọt nước mắt đã từng ngấm chảy vào trong.

*

Số 4 phố Hàng Giấy, gần ngay đồn công an số 17 Hàng Đậu là nhà thằng Bình, bạn tôi.

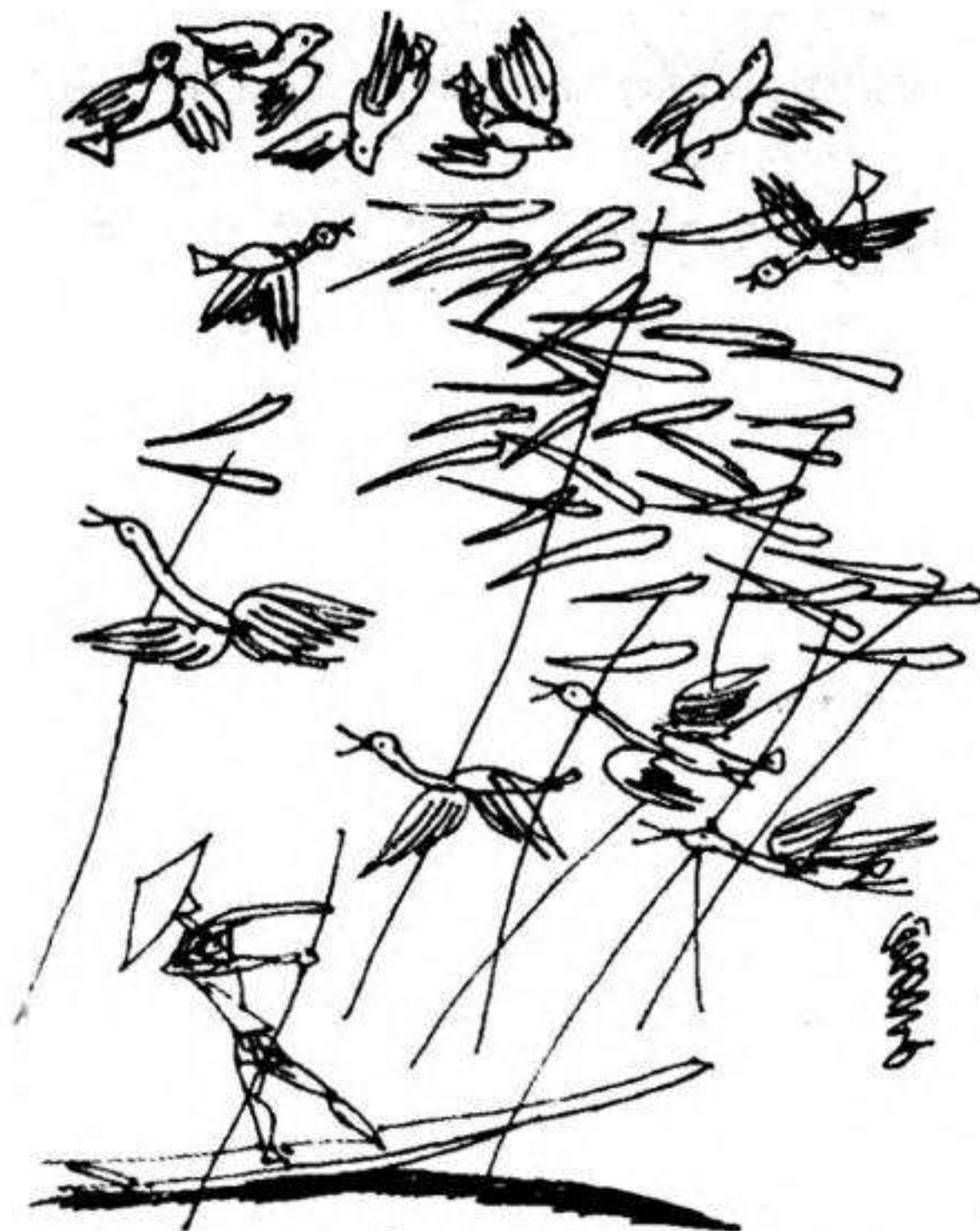
Thân phụ nó là ông chủ hiệu vàng Ngọc Thanh. Sau cải tạo thương nghiệp, ông bỏ nghề kim hoàn. Các đồ nghề chuyên dụng cũ chuyển phần lớn về quê ở làng Kim Giang. Chúng tôi về quê nó chơi, vẫn thấy bình, cối, các đồ dùng để phân kim, cân tiểu ly... xếp trong một xó phòng phủ đầy bụi. Riêng đe, búa, giũa, bễ da, đèn khò... được giữ lại Hàng Giấy, bởi tiệm kim hoàn lúc đó chuyển sang chế tác lưỡi câu cá các loại. Nền mỹ thuật phù phiếm chuyên phục vụ tầng lớp giàu có, bóc lột nay đã chuyển đổi thành công sang nền công nghiệp cơ khí nhỏ phục vụ ngư nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn hằng ngày của nhân dân lao động.

Chế tác ra được những món đồ tinh xảo lấp lánh để mê hoặc, dụ dỗ phụ nữ, kể cả các quý bà sang chảnh mắc câu còn được, hưởng hờ mấy con cá khờ nào bé. Những cần thủ mê câu cá đất kinh thành hẳn ai cũng biết tiếng tăm, chất lượng của đồ câu cá cửa hiệu số 4 Hàng Giấy này. Xin nói thêm là tiệm đồ câu này nay vẫn còn bán hàng và mở rộng thêm, xen giữa các đồ câu thủ công truyền thống tự làm là các đồ câu cá chuyên nghiệp, nhập của các nước tiên tiến.

Nguyên liệu làm lưỡi câu cũng dễ kiếm. Chì, thiếc lấy từ các ống nước, cục ắc-quy cũ, vỏ kem đánh răng... mua của các bà đồng nát ve chai. Thép uốn lưỡi câu xuống chợ Sắt dưới Hải Phòng, mua các đoạn cáp neo trục tàu biển phế thải, về tở ra thành từng sợi đơn. Các đoạn thép được cắt theo cỡ, giữa nhọn, chặt ngạnh, uốn theo khuôn từng loại. Chiếc bể da xếp ngày xưa, như chiếc hộp đàn phong cầm, thổi khô cho vàng cháy, giờ thổi dây đồng để hàn trục thân lưỡi câu ba tiêu, thổi nhiệt nung vừa đến độ để tời thép trong tô dầu luyên thái.

Như “nhồi bàn” một câu chuyện trong sách *Cổ học tinh hoa*: “Con chó trước không bắt chuột, là vì nó có tài bắt những hươu, nai, không thèm bắt chuột. Sau nó bắt chuột là vì người ta đã cùm chân, hãm cái tài nó lại không cho chạy nhanh quá”. Ví von sang cái chuyện chuyển đổi phương thức sản xuất tại nhà số 4 Hàng Giấy này nó hơi khập khiễng, nhưng mấy anh em nhà thàng Bình toàn thợ kim hoàn lành nghề, nay chuyển sang làm lưỡi câu là một việc trở nên quá đơn giản.

Những nghệ nhân và nghệ sĩ thường có máu liên tài giao du. Anh Hùng, anh trưởng trong nhà, chơi thân với nhóm chú Hạnh,



anh Minh về truyền thần bên nhà số 9 phố Đồng Xuân của ông Ninh, mà tôi đã kể trong một đoạn trước. Họ chơi với nhau vì cả nhóm đều mê các ca khúc tiền chiến. Chơi guitar giỏi nhất trong nhóm này là chú Hạnh, và cả nhóm cũng thường xuyên đến giao du với nhóm Toán xỏm, Lộc vàng để thỏa mãn đam mê ca hát. Thật may cho anh Hùng và chú Hạnh, hôm các anh Toán xỏm, Lộc vàng bị công an bắt thì họ không có mặt. Từ đó ông già kim hoàn cấm tiệt các loại đàn sáo trong nhà. Nghiệp guitar còn mỗi chú Hạnh theo đuổi, và như để báo hiếu cho đam mê chưa thành của cha, em Lê Thu, con gái chú sau này đã trở thành tay trình tấu guitar cổ điển xuất sắc nhất châu Á năm 2010 ở New Delhi.

Nguồn khách nguồn hàng đều đặn kéo theo thu nhập ổn định. Ông già kim hoàn yên tâm giao quyền toàn bộ cho các con nên sản xuất lưỡi câu, chuyên chú vào những thú vui thanh cảnh. Như những kiến trúc phổ biến dạng “nhà ống” của phố Hà Nội cũ, nhà ông cũng để một khoảng sân giữa rộng làm giếng trời thông gió. Ở đây, ông để một hòn non bộ, trồng phong lan và nuôi chim cảnh. Một giò lan đai châu của ông từng đoạt giải nhất hội Hoa xuân Hà Nội. Cùng năm đó con họa mi chiến của ông đoạt giải nhì chim chọi, có giấy chứng nhận và chiếc huy chương nhôm mạ của sở Văn hóa Thông tin làm bằng.

Đến nhà nó chơi, tôi mới biết các loại chim phải nuôi trong các loại lồng có hình dáng khác nhau, thức ăn khác nhau, với kỹ thuật chăm sóc rất kỳ công. Ngoài những loại hạt hỗn hợp trộn lòng đỏ trứng ông già tự tay chế biến, đôi khi chúng tôi đi bộ qua phố Hàng Đậu ra ngoài đê sông Hồng, vồ bắt cào cào châu chấu làm mồi tươi cho chim ăn thêm.

Nhìn ông già cẩn thận tần mẩn thay nước, rửa cống, đổi lót đáy lồng phục vụ lũ chim, xuýt xoa từng cái lồng trót rưng... mới thấy nghề chơi nó công phu khổ ải đến như thế nào.



Bây giờ thấy cũng nhiều ông sinh ra máu chơi, mê chim cảnh quá, bỏ bê các bà. Tôi còn biết có bà tức tối khó chịu, bắt chước con Cám bóp chết chim của chồng khi ông này đi công tác. Thằng cha về không dám nói gì, lủi ra quán bia hơi than thở với bạn bè: *"Ngan già vợ tao bây giờ cũng làm bộ hỏi xuân, đêm ngủ nhí nha nhí nhéo: Vàng ánh vàng anh, chui vào tay áo nhé! Tao không phải hoàng tử, tao đếch sợ! Nhưng nó chui vào quần là tao chạy mất dép, tao ra phòng khách, tao ngủ"*.

Trong lũ chim nhà ông, bé nhỏ nhất nhưng lại ở trong chiếc lồng quả chuông cao lớn rộng rãi nhất là con sơn ca. Con sơn ca giản dị hiền lành. Ngắm nó, tôi luôn nhớ đến những con sẻ đồng vụ gặt mùa, hay trốn lủi trong những bờ lúa chín, nhớ đến con Lành, người bạn áo nâu xứ đạo ngày còn sơ tán trên Bá Hiến năm nào.

Con sơn ca dường như hiểu ý nghĩ người hâm mộ, nghiêng đầu nhìn tôi, hai chấm mắt lóng lánh như hai giọt sương đọng. Nó nhún đôi chân mảnh trên đáy lồng trái cát, dậm dậm đôi cánh dạn ướm giọng. Rồi thân hình nó nhẹ nhàng từ từ bốc lên thẳng đứng, nhòe trong đôi cánh chớp nhanh như một tạo vật duyên dáng siêu hình của Chúa. Từ cái cổ họng xinh xinh đang khê phập phồng kia, một dòng suối âm thanh trong trẻo đủ các âm vực líu ríu tuôn ra khi nhặt khi khoan, như thần tiên trót tuột tay đánh xổ chuỗi hạt cườm ngọc rơi xuống trần gian.

Con khướu bạc má to mồm bỗng yên lặng. Con họa mi chiến lim dim đôi mắt. Con yểng hạm hực bắt lức, lắc lảo cái đầu, muốn bắt chước giọng sơn ca mà không thể được. Con chim này khéo mồm cơ hội, chỉ giới nhái giọng rao hàng mấy mụ đồng nát ve chai, hoặc chửi tục như ranh theo lời mớm tré con hàng phố, để mong được bổ thí cho con cào cào, châu chấu.

Tôi không biết con chim họa mi máy được phong tước, vẫn hát theo bài thuộc lòng cho hoàng đế Trung Hoa nghe trong truyện cổ ngày xưa có hay hay không, song mỗi khi lòng tĩnh tâm nghe sơn ca hát, như vẫn nghe thanh thanh giọng con Lành an ủi trên cánh đồng năm ấy: *"Đừng lo gì, Chúa lòng lành sẽ phù hộ cho ta!"*.

*

Bà ngoại tôi bán cái nhà ở Hàng Khoai, gia đình chuyển về nhà số 34 phố Nguyễn Khắc Hiếu mua của bà Thìn. Bà Thìn là một Phật tử thành tâm khi tắt mặt trời, và là một người giáo hoạt khi nắng lên. Chúng tôi dọn đến theo hợp đồng mua bán nhưng bà khát lần chưa chịu dọn đi, thành thử mỗi sáng sớm hay tối muộn, tôi phải nghe những đoạn tụng kinh, lễ thê dài như đường Trường Chinh của bà. Cuối cùng, bà tôi phải dúi thêm một ít tiền ngoài thỏa thuận, nhà bà mới chịu đi cho.

Nguyễn Khắc Hiếu là một con phố yên tĩnh nằm giữa khu đảo Ngũ Xã. Hồ Trúc Bạch ôm gọn khu đảo, nối với phố Pháo Đài Chính bằng một cái cầu qua kênh thái của nhà máy nhiệt điện Yên Phụ. Ngũ Xã bây giờ là khu phố ăn nhậu đêm ngày, nổi tiếng với các loại phở cuốn và miến cháo ngan vịt, còn ngày xưa nó được gọi là làng, tuy các phố trong nội đảo vẫn có tên. Phố vẫn tên phố, làng vẫn lệ làng.

Chúng tôi chuyển nhà đến đây vào đầu mùa đông. Phố trong làng như rộng hơn, trắng mốc sau những trận gió mùa. Ngoài đền Cầu Nhi xao xác tiếng vạc sành trong lùm cây sanh rậm. Gió bắc thổi vuốt đuôi con gà trống kiếm ăn ngoài bãi than bùn. Con mèo co ro trên mái ngói, cổ tim hơi nắng sót ban chiều. Tàu chuối tiêu già rách tước phẩy trên nền xám tường

hoa mấy vệt màu ẩm. Cây bàng lá đỏ cạnh đình đứng một mình ngóng chờ tiết đại hàn.

Ngôi nhà nhỏ nhưng kiến trúc khá đẹp nằm dưới bóng hai cây sưa trắng. Hàng xóm của nhà tôi có cụ Văn Đa, họa sĩ quân đội. Nhà cụ bên hông mé phố Trần Kế Xương. Cậu tôi và tôi cũng thích vẽ vời, đôi khi sang xem cụ phác những đường chì khá rối. Sau này tôi có cơ hội là học trò của cụ khi học lớp vẽ tại Câu lạc bộ Văn hóa Hàng Buồm.

Đối diện nhà tôi bên kia đường là nhà chị em cô ca sĩ Thúy Hà, Hương Giang. Cả hai chị đều xinh giống mẹ. Ai hẳn cũng nhớ giọng nữ cao Thúy Hà một thời nổi tiếng, với các bài tú: *Bến cảng quê hương tôi, Cánh chim báo tin vui...* Cũng như người ta nhớ đến Diệu Thúy qua bài *Lên ngàn*, đến Mỹ Bình qua bài *Người Hà Nội*.

Ca sĩ Diệu Thúy, Mỹ Bình trên sân khấu chấp tay trước ngực, nghiêm cẩn dồn tâm lực vào giọng hát. Chị Thúy Hà có phong cách biểu diễn trẻ trung tươi mới hơn. Mỗi khi lên sân khấu ngoài trời vườn hoa Chí Linh, chị lắc người bước nhẹ lăm-vông, mắt chị cũng lúng liếng theo tiết tấu ca khúc dân ca Lào: *Ơi chàng trai đó ơi em không hát được Lăm tơi...* là toàn bộ đám đông đội thanh niên Hà Nội bên dưới đồ dẫn như bị thôi miên. Còn tôi nhớ Hương Giang không qua bài hát nào, mà nhớ sáng sáng chị ngồi bên giếng trong sân nhà, nhún nhún cái cổ chân trắng muốt giậm canh nhịp, tập bài hát *Đường tàu mùa xuân*.

“Năm xưa anh phá núi, em mở đường trên đỉnh Trường Sơn đổi núi trập trùng. Năm nay cũng những bàn tay, lấp hố bom xây cuộc sống... Tự hào... nào bao cô gái...”

Cứ thế, Hương Giang chân nhịp, miệng hát tự hào thật lực, nhìn khá buồn cười. Hồi đó chắc máy đánh nhịp là của hiem nên chị ấy đành nhịp chạy cổ chân cho nó dẻo.

Đều như vắt chanh mỗi sáng, khi bài hát chị tập lại lần thứ ba, đúng đến đoạn "*Tự hào nào những chàng trai, tuổi thanh niên sức như Phù Đổng, cháu con của Bác Hồ...*" là một chàng trai trông không giống Phù Đổng thiên vương lắm, thậm chí khá còm, phi cái Suzuki 50 đen bóng đến đón chị đi học. Trên xe ngắt ngưỡng treo chiếc hộp đàn violin, và "*tàu Việt Nam ôm chặt đất anh hùng*" trên chiếc "bình bịch" động cơ hai thì lao đến Nhạc viện.

Cứ nghe tiếng máy nổ phanh phanh giòn giã của anh Phù Đổng đến, là tôi biết cũng đã đến giờ chuẩn bị đi học.

*

Những đêm tháng Bảy, trời oi nồng kéo dài đến mấy ngày, hôm nào bỗng chuẩn bị chuyển mưa là cả làng Ngũ Xã xôn xao chờ cá úi. Cá hồ Trúc Bạch gặp dạng thời tiết đó là nổi hết lên trên mặt nước, hí hóp ngáp thở. Chắc hẳn các giống cá bị thiếu dưỡng khí khi thời tiết luân chuyển. Những đêm đó, tôi vác cái chõng tre ra nằm trước cửa nhà, dưới bóng hai cây sưa ngủ ngoài đường.

Nửa đêm thấy tiếng người gọi nhau í ới, tiếng chân chạy huỳnh huých trên phố là biết cá hồ đã úi rồi. Tôi xách cây lao hai chĩa, mũi bằng thép gió do cậu tôi thừa trong nhà máy Cơ khí Hà Nội, cõi trần lao ra hồ. Cán lao là một đoạn trúc thẳng dài ba mét, thêm một đoạn dây điện dài hơn sáu mét có buộc ngang thanh sắt phi sáu ở đầu, một cái can nhựa 20 lít nữa là đủ đồ nghề cho một đêm đăm cá.

Đêm oi ả, nước hồ mặt trên vẫn còn nóng ẩm nhiệt mặt trời của ban ngày. Tháo nước vào can cho giảm độ nổi để tỳ ngực lên thoải mái. Tôi quẩy nhẹ chân, đẩy phao bơi từ từ về phía ánh sáng đèn cao áp đường Thanh Niên. Tay phải cầm lao, tay trái quần đoạn dây điện để xâu cá, mắt căng ra nhìn mặt sóng dưới ánh đèn nhấp nhóa.

Một hàng sóng lưng nổi bằng, gồ lên khỏi mặt nước. Trông thì có vẻ cá to, nhưng thực ra đó chỉ là một đàn rô phi. Tôi nhắm kỹ, tay phải thọc mạnh ngọn lao kép, một con cá dính cả hai mũi đủ dừ. Cá rô phi thật, đồng loại to hơn bàn tay là chủ yếu. Xâu mang cá vào đoạn dây điện đang kéo chìm, rút cá khỏi ngọn chĩa rồi tiếp tục tựa phao bơi đứng sẵn mỗi. Cá mè, cá chép không nổi sóng lưng, chỉ nổi mỗi cái vòng miệng lớn ngáp ngáp. Phóng tiếp một mũi lao ngằm. Con cá chép to dính chĩa đôi, giẫy dưng dưng mấy cái rồi cũng chịu chui vào đoạn dây xâu.

Trong đêm tối, nước hồ tanh nồng ngọt ngạt. Ụp oạp tiếng sóng, tiếng chân khỏa nước. Thỉnh thoảng nghe sát tai tiếng lao phóng rền rẹt, tiếng cá dính lao giẫy úc oắc. Chỗ này gần trận địa pháo, bóng những khóm chuối đổ tối quá nên phải hắng giọng đánh tiếng, không những kẻ săn đêm ham mỗi phóng nhằm chĩa vào nhau. Tai nạn kiểu này là phổ biến trong những mùa cá úi. Người làng ra đêm cá đông hỗn loạn, phải hết sức cẩn thận. Đôi lúc, có những con cá to lao thúc qua bụng, qua vai cồn sóng.

Khi tay chĩa đã mỏi như cũng là lúc cái dây cá trĩu nặng. Dây cá chìm, kéo theo cả cái can. Bây giờ phải bơi đứng, điều chỉnh độ nổi bằng cách đổ dần nước trong can nhựa ra để cho vừa tầm nổi và bơi trở về bờ đường Nam Tràng. Vừa bơi vào vừa cố săn vớt những con cá to lạc vào tầm chĩa. Suốt mấy tiếng ngằm nước, người bọt bọt hết nhưng ai nấy vẫn ham lắm!



Về đến bờ, cậu tôi đã chờ sẵn. Cậu ném cho tôi nắm xôi lạc, tháo ngồng dây trút cá vào bao rồi xách về. Tôi nhúp xong gói xôi, lại tháo nước vào can phao, tách bến bơi ra làm tiếp chuyến nữa. Trời đã sáng hẳn nên nắng suốt cao vọt. Cả làng Ngũ Xã đông vui như hội. Người trên bờ kẻ dưới nước la hò gọi nhau. Các thợ thủ khiêng xách cá lẩn vào các ngõ nhỏ trốn công an. Công an và bảo vệ hồ đã phóng xuống máy, gọi loa kêu gọi, lừa mọi người lên bờ. Nhưng được chỗ nọ thì người ta lại ào xuống chỗ kia.

Xuồng máy xé nước ngang dọc mặt hồ làm cá càng nổi tợn. Xuồng công an cũng không dám phóng sát dân quá, sợ chân vịt chém phải thì mang họa vào thân. Có đứa còn táo tợn chọn ném những con cá to tướng lên lòng xuồng của nhân viên công lực trong tiếng hò reo của đám dân làng. Sự vất vả vì nhiệm vụ chung cũng được chia phần sòng phẳng. Đến tám giờ sáng tôi mới lên bờ sau khi phân tán, chia nhỏ số cá đầm được cho cậu tôi và các em giấu mang về nhà.

Cá nhiều quá ăn không hết, bà ngoại tôi cùng con em hì hụi mổ xát muối mặn rồi mang phơi trắng mái ngói bếp đằng sau. Cả làng Ngũ Xã tanh nồng mùi cá khô một nắng, hăm hấp như trong nồi chượp những ngày cuối hè. Đến mào trong làng bấy giờ nhìn thấy cá cũng bỏ chạy thục mạng. Cá khô kỹ xếp thùng, là thực phẩm ngon cơm trong những ngày đông mưa dầm không đi chợ được.

*

* *

Chùa làng Ngũ Xã có một tượng Phật đồng đen lớn. Nơi sân chùa bây giờ là chốn nghiêm cẩn thiêng kính, song những năm cuối thế kỷ trước là chỗ rất vui của thanh thiếu niên. Hợp đoàn, hợp quản lý thiếu niên nhi đồng dịp hè đều tổ chức ở ngoài sân chùa đầu chập tối, khi mọi nhà ăn xong. Tượng Phật A Di Đà do các nghệ nhân đúc đồng trong làng tự đúc từ lâu. Nhìn bức tượng đen bóng, cao lớn, tụi trẻ con đang đùa ngoài sân tự nhiên cũng phải gào bé đi một tý.

Làng có nghề đúc đồng truyền thống, song hỏi đó tôi không biết người làng đúc đồng ở chỗ nào. Chỉ thấy cuối phố Nguyễn Khắc Hiếu có một xưởng đúc thạch cao. Chắc không có đồng để mà đúc, hoặc do giá thành kim loại này cao nên các nghệ nhân chuyển nghề, hay đành chọn sang chất liệu khác.

Tại ngã tư Nguyễn Khắc Hiếu – Ngũ Xã có quán cắt tóc của một ông già hom hem. Quán này của tư nhân phục vụ, không phải hợp tác xã Cắt tóc số 2 Đồng Xuân vẫn kinh hoàng trong ký ức. Tôi luôn là khách hàng ruột loại ba hào.

Chui vào sau cái màn tre, né qua cái đồng tóc thiên hạ cao lù lù, ngồi chính chệch trên ghế có cái vai tựa chữ T lót đầu kéo lên kéo xuống được là tôi bắt đầu lên cơn buồn ngủ rũ người. Buồn ngủ nhất trên đời là trong quán cắt tóc, nhất là trong những buổi trưa nắng hè trời nhẹ lên cao. Mắt tôi bắt đầu díp lại. Hình như lão này có thuật thôi miên. Tiếng tông đơ nháy tanh tách, tiếng kéo bấm theo nhịp xoanh xoách. Tóc rơi trên má trên cổ, thấy buồn buồn mà chẳng hiểu tại sao.

Đến tiết mục cạo, tôi tỉnh hẳn người trong sự hồi hộp pha lẫn thích thú. Nước xà phòng bánh pha loãng trong chiếc bát sứ quét mát trên cằm, trên má, và con dao cạo lưỡi đã mòn vẹt bắt đầu liếc quền quét từng nhát quyết liệt trên tấm da căng. Như một võ sư thượng đẳng, ông già hoa tay cầm con dao, vẽ trên không trung những đường quyền kỳ ảo. Sau tiếng quát khẽ “ngồi im”, đường dao bập xuống, hạ nhẹ nhàng đúng vị trí tóc mai bằng một lực hoãn xung cực kỳ chính xác. Lưỡi dao đi một đường êm ru trên má, xén trớn những sợi tóc thừa, những sợi râu lông tơ mới nhú cuộn theo cục bọt xà phòng.

Cổ tay ông lắc dẹo một chiều, cục bọt rời khỏi lưỡi dao, văng bay như ám khí đúng chỗ nó cần đến là cái khăn mặt bẩn màu cháo lòng. Cứ thế, độ chục đường quyền, cái sọ và khuôn mặt của tôi trông sáng sủa hẳn ra vì đã được cạo nhẵn. Ông già này nếu mạo dịch tuyển đi cạo lợn chắc phải ăn lương ba toa giết mổ bậc 7 trên 7.

Dọc sườn làng, song song với phố Trúc Bạch, Lạc Chính có con kênh do nước làm mát máy từ nhà máy Nhiệt điện Yên Phụ thải ra, chảy vào hồ Trúc Bạch. Nước thải ra nóng, có lẫn với cả than cám. Dân làng nhiều nhà làm những cái mùng tôn cán dài, cào than lắng đọng trong đáy kênh. Họ vớt than lên, trộn với một ít bùn mót ngoài hồ Trúc Bạch rồi nặn thành các bánh than dẹt. Dọc dài phố Lạc Chính, phố Nam Tràng, các bức tường được đắp kín những bánh than này.

Hồi Mỹ đánh bom nhà máy Nhiệt điện Yên Phụ, tất cả các khu phố xung quanh đều phải quét vôi màu đen, cho lẫn với mục tiêu ném bom. Bây giờ thời bình, màu đen trên các bức tường ấy nhạt bay đi dần, thành màu ghi sáng, điểm dày đặc những hình tròn đen của các bánh than trông rất ấn tượng. Cậu tôi thỉnh thoảng vác giá vẽ ra bờ kênh thải trong những ngày khô lạnh.

Cậu cũng từng đã có đôi bức tranh bày trong triển lãm vẽ về bờ kênh này.

Tôi nhớ những bức vẽ cảnh mùa đông xám xịt của cậu, có những cây bàng trơ trụi mờ trong khói ẩm bốc lên trên mặt kênh. Bên kia là bức tường xám, loang lổ những vòng tròn đen các bánh than đắp tường. Vượt lên cao những mái ngói lô xô, tháp chuông nhà thờ Cửa Bắc nghiêm lạnh in trên nền trời xô bồ mây cuộn. Bức *Mùa đông* đó cậu tôi rất tâm đắc, nhưng lại bị thầy chê. Cụ Văn Đa sau nhà cười, bảo đẹp thì có đẹp, nhưng trông cứ như mùa đông ở một cái ngõ nhỏ bờ kênh Paris, chứ chẳng giống mùa đông Hà Nội chút nào.

Cái kênh nước nóng là nơi mùa đông tôi thường ra đây tắm. Cá rô phi chịu rét yếu nên mùa đông thường từ ngoài hồ hay rúc vào kênh này. Chúng tôi vừa tắm vừa mò bắt cá. Nước chỉ đến bụng, nóng ấm. Mặt kênh bốc hơi nghi ngút. Những hôm trời buốt giá, nước xà phòng lẫn ghét tắm dân làng trôi ra chưa đến đầu hồ đã kết thành đám như vảy nến trên mặt nước vì gặp vùng nước lạnh. Tắm xong, đoạn đường gian lao nhất là từ kênh, ôm quần áo ướt, cởi trần chạy thật nhanh về nhà. Hai hàm răng rung lên cầm cập trong gió rít dài kéo hoang dọc phố. Bảy giờ mặc xong áo lót, thêm cái áo đông xuân màu nâu, trùm tạm qua ngoài cái áo bông xanh vải chéo đã sờn là thấy người ấm sức.

Trong bếp, tiếng mẹ tôi cầu nhàu hôm nay lại phải nấu cơm trắng, không độn vì chưa mua được mì sợi. Dưới ánh đèn ấm áp, được ăn cơm không độn mì sợi gia công mới sung sướng làm sao!

*

Trung thu của những năm xưa. Bố mẹ cho anh em tôi về nhà bác ở phố Hàng Bồ chơi. Mọi người có mang theo đồ chơi của tôi góp cỗ trông trăng. Đó là một con chó xù làm bằng

những mũi buồm bóc ra. Lông con chó làm từ các búp mọng nước của những tép buồm. Nó là một con chó rất đẹp.

Đó là do bác dậu tôi tả lại như thế chứ những năm đó tôi còn bé lắm, bé đến mức không thể nhớ con chó đó nó như thế nào. Và tôi cũng không biết là mình đã từng sở hữu nó, chỉ biết nó qua lời kể của bác dậu tôi. Mỗi khi nhà có giỗ chạp, cả nhà tôi kéo về Hàng Bỏ ăn cỗ, tôi lại nghe bác tôi kể câu chuyện này. Câu chuyện thường niên trong ngày giỗ ông nội rằng một tháng mùa đông cuối năm cứ được nhắc đi nhắc lại mãi. Kết thúc bao giờ cũng là một câu rằng “*thằng Tùng nó chơi chán thì nó mới cho thằng Phát*”.

Phát là anh họ tôi, trưởng nam của bác Cả trong gia đình. Anh tôi cao lớn, trắng trẻo đẹp trai. Những năm chiến tranh, anh Phát tôi đi bộ đội, là lính trinh sát của Sư đoàn 320. Buổi trưa ngày 29/4/1975, anh tôi bị thương trong một trận đánh sát Sài Gòn. Quả M.79 nổ gần, mảnh xuyên qua một cây chuối, bóc của anh tôi đi con mắt bên phải. Anh Phát ôm mặt lóa máu, quờ tay tìm anh chính trị viên vừa nãy còn nằm bên cạnh. Tiếng thiết giáp địch rồ ga lộng lên ngày càng gần. Không nghe tiếng thét xung phong nữa, cũng chẳng còn thấy ai xung quanh. Anh tôi hốt hoảng quờ quạng la lớn: “*Đ... mẹ thằng chính trị viên bỏ tao chạy đi đâu mất rồi?*”. Không thấy ai thừa, anh tôi cũng liều bỏ chạy về phía sau trong làn đạn đại liên bắn đuổi. Do không thấy đường, anh ngã dúi dúi xuống một bờ rạch nên thoát chết.

Trở về nhà, anh tôi điều dưỡng ở trại thương binh xong, đi học rồi công tác tại Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội. Bạn bè đồng đội và những người thân thiết ở cơ quan gọi anh là Phát chốt. Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 hằng năm, ở cơ quan công tác, khu đội và khu phố tổ chức gặp mặt ủy lạo những anh

em thương binh. Những người lính trận sống sót mừng tủi gặp nhau. Do mất một mắt rồi nên anh tôi không khóc được như mọi người, lúc nào cũng đeo cặp kính râm to lù lù.

Anh tôi ở trại thương binh về được một năm thì đến lượt tôi nhập ngũ. Đất nước mình sao lắm kẻ thù thế? Ngày lên đường cũng là những ngày gần tết Trung thu. Anh tôi lục bổng, cho tôi cái đĩa bàn Mỹ và một cái áo quân phục vải ni-lông. Cái áo màu xanh biển khá đặc biệt, vải ni-lông mỏng, dai và giặt mau khô. Lần này thì tấm áo anh tôi mặc chán đến lượt tôi mặc. Tấm áo trận chứ không phải một thứ đồ chơi con trẻ.

Tôi mặc tấm áo này, đi chụp hình với hai cô em gái ở hiệu ảnh Quốc Tế phố Hàng Khay, năm tôi 18 tuổi trước khi vào chiến trường. Nhiều người nói kiêng chụp ba, vì người ở giữa tấm hình chụp ba sẽ chết. Nhưng tôi không sợ, và tôi cũng không chết. Có lẽ tôi sống được bởi tôi không phải người ở giữa tấm hình, mà là cô em út.

Rồi tôi cũng trở về. Trên loa phường, đất nước đang chuyển mình tiến lên, nhưng tôi thấy đại gia đình vất vả khó khăn hơn so với những năm chúng tôi còn bé. Người ta bảo đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết, song ngày giỗ ông nội chúng tôi bao giờ cũng đầm ấm. Mùi xôi đậu xanh quện mỡ gà, mùi hương trầm trong buổi chiều lạnh lòng phố cổ. Anh em chúng tôi, những người lính trận lại quây quần bên nhau.

Tất nhiên anh em chúng tôi uống rượu, uống khá nhiều mà chẳng ai say. Cha tôi ngồi bên mâm các cụ, quay sang cầu nhau nhưng bác tôi thì không cảm. “*Chúng nó lớn rồi, lại đi bộ đội chiến trường về nữa. Cho tụi nó uống!*”. Lắm khi nóng bừng khuôn mặt, nhìn cái lườn gà vàng óng, cầu thủ vào cái chân mình thấy biết đau, là biết đã sống trở về nhà, là đây không phải giấc mơ.

Tiếng pháo nổ loác đoác ngoài sân, mùi khói pháo thơm nhẹ. *“Mình đang ở nhà mình, đang ở Hà Nội. Không phải súng địch đâu mà giết mình. Uống đi cậu!”*. Bác gái tôi tươi cười hiền hậu, bung từ bếp lên, tiếp thêm cho đám thanh niên đĩa cổ cánh: *“Cậu Tùng có biết không? Ngày xưa cậu có con chó bông bằng mũi bưởi. Thành Phát thích lắm!...”*. Anh tôi nhăn hết cả mặt, bảo: *“Bà cứ nói mãi, đến con còn chẳng biết thích hay không thích. Ai biết mặt con chó đó nó ra như thế nào mà thích. Uống đi chú!”*.

Bây giờ anh tôi mất rồi, mất sau bác Cả tôi 16 năm. Bác dâu tôi cũng đã ra đi. Cách đây vài năm mỗi lần Tết đến, tôi đến vẫn an chúc thọ, chào mãi cụ mới nhận được ra thành cháu: *“À à!... Tôi biết rồi... Cậu Tùng phải không? Nghe giọng là tao nhận ra ngay. Xuống nhà bảo anh rót rượu cho mà uống”*.

Cụ vẫn nghĩ anh tôi còn sống như thuở nào. Cũng ơn trời, chắc hẳn cụ đã quên đi chuyện con chó bông, chứ cụ vẫn còn nhớ mọi chuyện xưa xưa thì khổ con, khổ cháu, khổ nết cho cả cụ. Với bác tôi, có lẽ con chó bông Trung thu năm ấy đã chết hẳn. Ngay đến mặt trăng rằm cũng nằm chết la liệt trong các hộp bánh biếu. Nhưng với tôi, con chó bông năm nào vẫn còn sống, mặc dù tôi chưa hề biết mặt nó.

*

Trường cấp III Phan Đình Phùng buổi chiều, đổi tên thành trường Hoàng Diệu. Đã lên lớp chín, to lộc ngọc nhưng mấy thằng con trai cùng lớp vẫn ham đá bóng nhựa vĩa hè. Những trái bóng nhựa nhỏ, vằn xanh hoặc đỏ trắng, lăn trong những trận đấu gôn tôm ngắn ngủi trước hay sau giờ học.

Chúng tôi hay đá bóng với bọn con trai lớp 8D. Tuy là lớp đàn em nhưng tụi nó đá khá hay nên thắng thua qua lại. Hai đứa đá hay nhất lớp này có thằng Hùng với thằng Toàn. Thằng Hùng

người cao nhưng mỏng cơ. Thằng Toàn thấp đậm, tóc quần tự nhiên trên khuôn mặt khôi ngô. Ngày các lớp tám học dưới tầng 1 làm lễ Trưởng thành đội, chúng nó hẹn lớp tôi cùng đeo khăn quàng đỏ, đến sớm đá trận cuối cùng trên sân trường.

Lứa chúng tôi đã bỏ khăn từ lâu, một số đã là Đoàn viên nhưng hôm đó y hẹn đeo lại. Cảm giác được trở lại tuổi thiếu niên khá hứng khởi trong một trận đấu từ biệt khiến cả hai đội đá hay hẳn lên. Chưa có hiệu trống xếp hàng tập trung, học sinh các lớp khác quây thành một hình chữ nhật đứng cổ vũ. Một trận đấu kỳ lạ không chính thức, có thể bị giải tán bất cứ lúc nào nhưng đầy cảm động. Khăn quàng đỏ phới phới trên cổ thanh niên trong những bước chạy nhường nhịn. Ngay cả thầy Sinh cận Bí thư Đoàn trường, người hay đuổi và tịch thu bóng của chúng tôi cũng khoanh tay kiên nhẫn đứng chờ. Đến khi trống điểm mới xông vào tịch thu trái bóng.

Sau này, và cũng có thể từ sau trận đấu đó, Nguyễn Tuấn Hùng với Trương Thế Toàn, các cầu thủ nhí lớp 8D năm ấy gần luôn nghiệp đời mình với bóng đá, trở thành trọng tài cấp FIFA đầu tiên của quốc gia. Nghề trọng tài bóng đá nhiều vinh quang song cũng lắm bạc bẽo.

“Ở mùa giải 1996, trên sân Cao Lãnh, sau khi kết thúc trận chung kết giữa đương kim vô địch Công an TP. Hồ Chí Minh và Đồng Tháp, rất đông các cầu thủ của đội khách đã vây lấy cổ trọng tài Nguyễn Tuấn Hùng (Hà Nội) để phản đối những quyết định của ông.

Đội trưởng đồng thời cũng là tuyển thủ đội tuyển quốc gia Chu Văn Mùi lao thẳng và tung nắm đấm vào trọng tài Hùng cùng sự giúp sức của tuyển thủ Lê Huỳnh Đức.

Mặc dù tung đòn không trúng trọng tài Tuấn Hùng, thế nhưng Chu Văn Mùi phải nhận án treo giò suốt đời. Người

đồng phạm khi đó là Lê Huỳnh Đức cũng không thoát án với sáu tháng treo giò. Đây là thời điểm Lê Huỳnh Đức đang là tiền đạo chủ lực của đội tuyển Việt Nam.

Năm 1998, tại giải vô địch quốc gia, trong một tình huống gây tranh cãi dẫn đến quả phạt đền cho Đồng Tháp, trọng tài Trương Thế Toàn (Hà Nội) đã bị các cầu thủ và cổ động viên của Vĩnh Long đuổi đánh trên sân.

Ban kỷ luật của VFF đã họp khẩn và quyết định loại Long An khỏi giải, cùng với án treo giò hai năm đối với những người cùng lao theo vị vua sân cỏ này nhằm hành hung trọng tài là thủ môn Ngô Hoàng Kiệt cùng cầu thủ Phạm Văn Đại, Trương Thảo Sơn.” (trích báo Lao động, ngày 19/9/2018).

Nay trưởng đội bóng khối lớp dưới, trọng tài FIFA Nguyễn Tuấn Hùng đã mất vì ung thư gan. Trọng tài Trương Thế Toàn làm vòng lao lý, trả giá với tai nạn nghề nghiệp bằng 24 tháng án treo cá độ. Khối lớp trên chúng tôi lính thú viễn chinh xứ người có tội thành Đức Hàng Buồm, thành Loan Hàng Khoai tử trận không về. Tội thành Hiệp, thành Gia Thắng bị thương. Anh em đồng môn Phan Đình Phùng – Hoàng Diệu cùng sân bóng vĩa hè Hà Nội ngày xưa, giờ nếu gom lại đá một trận giao hữu chào vĩnh biệt tuổi trung niên chắc sẽ vắng đi nhiều cầu thủ. Cuộc đời quả thực trôi đi quá nhanh với bao biến cố vui buồn giữa hai trận bóng.

*

Lên bậc trung học, râu tơ đã xanh mờ bám mép tội con trai, và lũ con gái đã biết ý tứ điệu dàng một cách nguy hiểm. Các trai thanh gái lịch đang kỳ trở mã, song không hiểu sao nhà trường vẫn duy trì một chế tài kiểm soát, khổng chế các biểu hiện dậy thì một cách ngặt nghèo.

Đội trực tuần luân phiên mỗi lớp một kỳ, dưới sự chỉ huy của thầy Dũng, dạy môn Văn kiêm Bí thư Đoàn trường, chèn cổng ghi tên từng trò đi học muộn, theo dõi kiểm tra các lớp nào không xếp hàng truy bài. Các thanh niên được khuyến cáo cấm mặc quần ống loe, cấm mặc áo chim cò, nam không được để tóc dài, nữ cấm buộc tóc đuôi ngựa...

Hôm ấy thầy Dũng đi kiểm tra “nếp sống văn minh”. Đến vị trí xếp hàng lớp tôi, thầy lòi thàng Dũng ra khỏi hàng, hỏi:

“Cậu tên gì?”.

“Em cũng tên Dũng, thưa thầy!”.

Thầy nghi ngờ nhìn nó, tuyên bố với tổ trực tuần tháp tùng:

“Cậu này tóc để kiểu cách!”.

Thằng Dũng nhà đầu phố, con ông Thiếu tá Nông Văn Cờ. Chúng tôi vẫn gọi là Dũng “nùng” vì ông Cờ là người dân tộc. Hắn nó chẳng biết *The Beatles* gồm những anh nào, nhưng tóc mai nó vẫn để xòe kiểu lưỡi búa theo phong trào “bít zít”, nom như John Lennon.

Vốn bản chất thật thà, tính tình lại hơi bị chập cheng, nó lạnh đạm nhìn thầy, thản nhiên nhận xét:

“Tóc thầy còn để kiểu cách hơn!”.

Quả thực tóc thầy Dũng để dài, uốn quần như Pushkin, thần tượng văn chương của thầy. “Thi hào” mất kiểm chế, nháy dựng lên như phải bóng, và chúng tôi được chứng kiến sự giao lưu hiếm có giữa thi ca với âm nhạc của các thời đại khác nhau. “Pushkin” sênh sếch lời “J. Lennon” lên bục sánh trước toàn trường. Dũng nùng hoàn toàn không cô độc. Trên đó đã có cả hơn một ban nhạc, nếu chỉ căn cứ vào độ dài của mái tóc.

Không chỉ trong nhà trường, một số cơ quan nhà nước cũng treo biển đỏ chữ vàng cảnh báo nghiêm ngặt: “Ở đây không tiếp khách quần loe tóc dài”. Ngoài đường phố, khu đoàn cũng thành lập các đội thanh niên cờ đỏ để bảo vệ “nếp sống văn minh”. Thường thường trong những ngày lễ, đội cờ đỏ lập trạm tại những nơi công cộng, tập trung đông người như công viên, rạp chiếu phim, khu du lịch... Phát hiện thanh niên nào quần loe tóc dài, họ chặn lại, cường bức rạch ống quần te tua. Thêm một nhát tông-đơ cua sát da đầu từ gáy lên đến đỉnh như một đường cày nham nhở. Lưỡi tông-đơ hất đám tóc điệu nghệ xuống đất, kèm theo một lời dặn ân cần: “Chịu khó về nhà cắt chỉnh lại nhé! Xong rồi! Mời anh đi!”.

Những thanh niên “chậm tiến” hậm hực ê chề rời trạm, cúi bước trong tiếng reo đắc thắng từ những cái đầu và ống quần có độ rộng dài tiêu chuẩn. Mái tóc xanh bị ủi một vệt trắng như lợn cạo, phát phơ trong gió Hồ Gươm ngày cách mạng mùa thu.

*

Năm lớp chín trong hệ 10 năm, chúng tôi bắt đầu vật lộn với môn Cổ sinh vật học. Môn hình học không gian tôi học tốt, nhưng hoàn toàn không thích thú gì với các sơ đồ nhằng nhịt liên hệ giữa các Đại và các Kỳ địa chất của bộ môn này. Tôi thích các bức hình minh họa sinh vật hóa thạch trong sách: bộ biển kỷ Devon, tôm ba lá kỷ Cambri, cá vây tay kỷ Silur hay khủng long kỷ Jura... Ít nhất chúng là những con vật đã từng sống, ngoạ hay bơi lội, sống động gấp ngàn lần những thứ tự sắp xếp lớp lang cứng nhắc cần phải vẽ biểu đồ trong cổ lịch địa chất.

Dạy chúng tôi môn này là cô Chi, nhà ở phố Hàng Giày. Trái với các kỳ đại già nua mà cô dạy, cô trẻ trung hơn rất nhiều so với độ tuổi. Cô Chi không nặng lời với tụi học trò nghịch như

quý sứ bao giờ mà luôn dành những câu khuyên bảo ẩn tượng, đủ để mấy đứa phá như giặc phải lặng ngòì mà suy ngẫm. Một thói quen nữa của cô mà chúng tôi phát hiện ra, là gọi kiểm tra miệng thường hay lần lượt theo sĩ số, xếp kiểu Alphabet trong sổ điểm. Thành thử sắp khi mình đến lượt, ai cũng cố gắng thuộc và chuẩn bị kỹ bài.

Tuần này chắc hẳn đến lượt nhóm văn T, gồm tôi, thằng Hoàng Tuấn và Anh Tuấn. Tôi lên bảng đầu tiên, trả lời tự tin các câu hỏi do chuẩn bị khá kỹ. Biết khả năng học trò, cô đề nghị tôi vẽ con tôm ba thùy kỳ Cambri lên bảng để minh họa bài giảng nối tiếp. Vừa cầm viên phấn chạm bảng, chợt nghe phía dưới thấy thằng Anh Tuấn xin phép cô ra ngoài.

Cô Chi cau mặt, phàn nàn: “vừa mới ra chơi xong mới vào tiết, cậu đã lại xin ra là sao?” Có lẽ cô không biết trong sổ điểm sau tôi là chính tên nó, và thằng này chắc hẳn không học bài nên muốn đánh tháo mục kiểm tra. Tôi vừa đi những nét đầu tiên lên bảng vừa đoán vậy.

Bằng một vẻ mặt đau khổ, Anh Tuấn lom khom đứng dậy xin phép một lần nữa. Cô Chi dường như không nghe tiếng, cầm cuốn sách giáo khoa đưa cho tôi để đối chiếu với hình đang vẽ. Không chịu thua, lần này thằng học trò tinh quái dưới kia đứng hẳn dậy, vồ tờ báo loạt soạt thật to cho cả lớp cùng nghe tiếng, thông thiết xin ra lần thứ ba.

Tiếng vồ giấy vệ sinh giục giã, vờ nhàu luôn cả cảm giác thẩm mỹ chung không gian học đường. Mấy đứa con gái bụm miệng cười. Hơn ai hết, cô giáo dạy sinh vật hiểu rõ cơ chế sinh lý hệ tiêu hóa con người. Phản xạ sinh lý tự nhiên nó tự nhiên đến không báo trước, hẳn chẳng phải tội tình gì. Cô giáo đành nhăn mặt thất vọng, phẩy tay ra hiệu đồng ý. Anh học trò láu cá

vội đi nhanh ra khỏi lớp trong tiếng cười khẽ của những đứa bạn biết mánh.

Cô Chi cúi đầu nhìn sổ điểm, gọi kiểm tra tiếp kẻ thứ hai. Hơi nhíu mày khi thấy tên Anh Tuấn, kẻ vừa xin ra. Cô thản nhiên chấm một chấm, gọi tiếp Hoàng Tuấn lên bảng. Thành Anh Tuấn thoát hiểm ngoạn mục, bởi khi xin vào, tiết học đã sang thời gian giảng dạy bài mới.

Tiết sinh vật sau, ai cũng nghĩ cô giáo sẽ gọi thành Anh Tuấn lên kiểm tra bù. Lần này nó rắp tâm thuộc bài như cháo cháy, khắp khởi chờ lên bảng. Nhưng không, hoàn toàn không phải thế! Cô Chi nhìn nó thật lâu như để đánh giá, rồi lạnh băng bỏ qua tên nó, gọi tiếp bọn cái Thư, cái Yên... lần lượt cho đến gần hết sổ mà không dả động gì đến thành lấu cá.

Bây giờ thì bài nào Anh Tuấn cũng phải học thuộc, vừa học vừa thấp thỏm cho đến hết học kỳ, với tâm thế có thể bị kiểm tra bất cứ lúc nào. Không biết sau này nó có trở thành Mendel hay Darwin không, nhưng trông nó cày môn Sinh vật tội nghiệp như trâu cày ruộng đá.

Cô Chi từ đó cũng bỏ kiểu gọi kiểm tra theo vắn trong sổ điểm, mà bắt đầu gọi theo kiểu chấm tọa độ trên bảng sơ đồ lớp. Và cũng từ đó cả lớp chúng tôi, kể cả tụi con gái giả vờ chăm học, hể sắp vào tiết sinh vật thì vừa xem lại bài vừa mắng vồn thành Anh Tuấn. Đồ ngu ba năm đại một giờ, không biết hy sinh, làm chúng ông khổ lây.

*

“Dưa La, húng Láng, nem Báng, tương Bần. Nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét”. Từ nhà tôi đi xéo sang phố Cao Thắng bên kia lưng chợ Đồng Xuân – Bắc Qua, cách mấy nhà nữa là đến cửa

hàng bán nước mắm Vạn Văn nổi tiếng của gia đình ông nhạc sĩ Đoàn Chuẩn. Cửa hàng này thông luôn với trụ sở hãng Vạn Văn ở số nhà 24 phố Trần Nhật Duật.

Các ca khúc lãng mạn của ông nhạc sĩ rất hay, rất tình, thơm tho như tà áo dài thướt tha các thiếu nữ Hà thành ngày xưa, hoàn toàn không có dính tí nào hương vị nước mắm. Tuy nhiên, trên mặt sau bản in các ca khúc của mình, ông vẫn để những dòng quảng cáo cho thương hiệu nước mắm Vạn Văn. Nhạc sĩ tài hoa *“gửi gió cho mây ngàn bay, gửi bướm đa tình về hoa”*, nhân tiện gửi thêm hương nước mắm Vạn Văn đến với những người yêu nhạc.

Ngoài nước mắm Vạn Văn, bà tôi kể Hà Nội xưa có góp mặt cả dòng nước mắm Nam Ô, nước mắm Phú Quốc, cạnh tranh cùng nhiều hãng nước mắm khác tại thành phố như Thuận Hưng, Cá Vàng... Sau cải tạo hợp doanh, cả Vạn Văn, Cá Vàng, Thuận Hưng lẫn các hiệu khác tất nhiên thuộc sở hữu nhà nước.

Tôi học cùng lớp với Thúy Nga, cháu gái cụ Khánh Nguyên, chủ hãng nước mắm Cá Vàng số 30 phố Đồng Xuân. Học trò đứa nào chẳng có kèm tên phụ, và tôi gọi nó là Nga “cá vàng”. Giá như đổi tên Hán Nôm một tí, sang thành “Kim Ngư” thì có lẽ kêu hơn. Song dân phố cũ thường ưa giản dị, kín đáo và mang chất Việt thuần. Ông Quang, trưởng nam cụ Khánh Nguyên, thân phụ cái Nga “cá vàng” được vinh dự trở thành tổ trưởng công nhân xưởng nước mắm trong làng Thái Hà, chỗ gò Đống Đa đi vào. Xưởng chế biến này nguyên của hãng nước mắm Thuận Hưng ở phố Mã Mây.

Hằng ngày ông chủ hãng Cá Vàng xỏ đôi bốt cao su cao đến đầu gối, ì oạp đập chợp trong bể ướp của hãng Thuận Hưng, hướng dẫn công nhân thực phẩm các công đoạn để cho

ra những sản phẩm không tên. Các hãng hiệu nước mắm trữ danh mang dấu ấn, hương vị riêng của các nhà sản xuất ngày trước đã được bỏ đi, quy chuẩn hóa đại chúng cả về chất lượng lẫn tên gọi, bằng cái tên mậu dịch quốc doanh chung chung: Nước mắm loại ba, loại hai, loại một.

Nước mắm mậu dịch bán theo phiếu ở gian thứ hai chợ Đồng Xuân, quầy bên phải. Nước mắm loại ba giá chín hào một lít, loại hai giá đồng một một lít và loại 1 giá đồng rưỡi một lít. Nước mắm đồng rưỡi loại một, chưng bằng chiếc niêu đất bé tí, đun nhỏ lửa một loáng đã đông cặn lại thành kem muối dưới đáy, rắc thêm tí hạt tiêu là món ăn khoái khẩu của tôi với ông ngoại trong những ngày đông rét mướt. Chấm tí đầu dưa mứt đã thấy dội lên toàn vị mặn chát muối biển khơi. Hình như có thêm mùi dầm con cá chuồn vừa lướt phóng qua trên đỉnh sóng, để lại thoáng vị tanh nhạt mơ hồ.

Lại nhớ lần câu cá ở cầu rửa thực phẩm nhà bếp tập thể bệnh viện chỗ cha tôi. Đang như lũ cá mương hay tụ bầy kiếm ăn ở đây, con cá măng chúa tể đoạn sông, lớn chắc cỡ cả chục cân, lao đến loáng lượn như ảnh chớp, đớp quấy cái đùng. Đàn cá mương hoảng loạn, tung mình vọt lên khỏi mặt nước rào rào.

Cô Lan cấp dưỡng đang rửa nồi, vội chao vục ngay vòng sóng chỗ con cá lớn vừa tấp một nồi nước đầy. Nhìn nồi nước sông trong leo lẻo vẫn còn đang sóng sánh, cô quay lên đắc thắng tuyên bố với đám bệnh nhân đang đứng xem câu cá: “Chiều nay em thêm muối nước mắm, tí mì chính với đôi quả dộc vào đây, các anh sẽ có một nồi canh cá ngọt lừ!”.

Càng túng thiếu, khả năng hài hước dân gian dường như càng được phát huy. Người ta cười như một liệu pháp để quên đi những khốn khó thường nhật. Nhưng sự cười cợt chao qua

hương vị nước mắm mậu dịch này tắt ngấm sau khi nước mắm Phan Thiết, với sự tổ chức lại sở hữu các cơ sở sản xuất và phân phối lưu thông sau năm 1976, xuất hiện tại Hà Nội. Có thể nói nó như một cuộc cách mạng mang đậm mùi đặc sản. Chỗ nào cũng xuyết xoa nước mắm Phan Thiết ngon, nước mắm Phan Thiết tuyệt. Đến mức cô Hằng, cô giáo dạy văn chương của lớp tôi, đã lấy nước mắm Phan Thiết rót vào tai tụi học trò trong một đoạn diễn ngôn, giải thích thế nào là sự ví von khắp khiêng: *“Bởi nước mắm Phan Thiết dạo này ngon lắm nên những sá cày con trâu nhà lão Am ngày càng thẳng và sâu hơn. Có thể ví von như thế được không, hả các anh các chị? Không! Hoàn toàn không thể được! Nước mắm Phan Thiết và những sá cày trong phương pháp hiện thực Xã hội chủ nghĩa là hai khái niệm hoàn toàn khác hẳn nhau”*.

Có thể nói nước mắm, đặc biệt là nước mắm Phan Thiết, là nguồn bổ sung chất đạm chủ yếu cho các loại thực phẩm nghèo dinh dưỡng khác. Nước mắm để chấm rau, để kho cá, kho đậu phụ mặn, để chưng ăn dần. Chú Hồng, chú ruột tôi vừa về nước sau sáu năm học ngành Lâm nghiệp ở Cộng hòa Dân chủ Đức, quên tất cả những pa-tê xúc xích lẫn bơ sữa trong vòng một nốt nhạc, lập tức bắt nhịp tự nhiên với đời sống bao cấp thủ đo bằng món ăn sáng thường nhật: món nước mắm loại hai chấm bánh mì.

Tiêu chuẩn tháng cả nhà tôi gộp lại được hai lít rưỡi nước mắm các loại, thế nên phải dùng cân đo đong đếm thế nào đó để cuối tháng vẫn còn đủ loại thực phẩm cao quý tồn tại dưới dạng chất lỏng này. Ngoài nước mắm, mậu dịch còn phân phối thêm những chai xì-dầu chua loét. Đôi khi cung cấp thêm cả ma-gi trong những dịp may mắn. Riêng tôi không thích thú gì với những thứ nước chấm được thủy phân chưng cất từ đậu

tương, móng sừng động vật lên men có màu tiền đỏ của chị Dậu này. Tôi với ông ngoại luôn chung thủy như nhất với những chai nước mắm.

Nguồn nước mắm cung cấp có hạn, người ta phải cho thêm thật nhiều muối trong các món kho mặn để có thể ăn dần. Bọn trẻ con chạy lông nhông bát nháo, hát nhái ngoài đường: *“Giải phóng miền Nam, chúng ta làm bữa đánh chén. Một khúc cá trắm, phá tan một lít nước mắm. Ôi con ngan béo quay thịt bò xào với hành...”*. Hoang đường! Mới nghe sơ đã thấy phí phạm đến độ hoang đường. Không ai dùng nước mắm kiểu đó, và khúc cá trắm kho không chỉ đối với nhà tôi, là của hiếm trong mơ. Độ mặn hài hước từ khúc cá trắm kho trong bài hát trẻ con hẳn chỉ thua chút xíu cái công thức: “Một thịt, một muối, một ớt” của món ruốc thịt hồi kháng chiến.

*

Bây giờ tạm quên chuyện nước mắm, quay trở lại với môn Văn trong câu chuyện này. Dạy môn Văn, và là chủ nhiệm lớp chúng tôi suốt ba năm học cấp ba khóa 1975-1978 trường Phan Đình Phùng - Hoàng Diệu, như đã nói, là cô giáo Hằng.

Lúc chúng tôi khai sơ yếu lý lịch, cô bảo: *“Các anh các chị họ tên gốc có lót chữ Văn hay chữ Thị thì phải khai đầy đủ. Đừng vì muốn cái tên đẹp mà bỏ bớt Văn với Thị trong tên nguyên bản. Khi đi thi sẽ tự gây khó cho bản thân mình”*. Cô đọc cho lớp viết giấy mời họp phụ huynh học sinh, đến mục cuối, ghi tên giáo viên để cô ký: Nguyễn Minh Hằng. Thăng Thành đứng lên hỏi: *“Có Thị không ạ, thưa cô?”*. Cả lớp được trận cười thoải mái.

Hồi mới ra trường, cô được phân công về dạy trường cấp III Yên Viên đúng dịp xảy ra trận lụt lịch sử năm 1971. Đê Cổng

Thôn sông Đuống vỡ, làng xóm trường sở ngập băng trong làn nước mênh mông. Nước nhấn chìm khu nghĩa địa cạnh trường, đẩy bật các quan tài mới chôn lẫn các ván thối cũ nổi lên, trôi lênh bênh cả vào trong sân trường. Cát sa bồi ngập ngang bậc cửa sổ, phải cúi khom người mới vào lớp được. Đến tháng 12 năm 1972, ga Yên Viên và khu vực phụ cận trở thành túi bom của không quân Hoa Kỳ. Cô giáo trẻ chuyên môn vững, yêu nghề và yêu học trò vẫn trụ lại được qua các kỳ thiên tai địch họa, cho đến khi được sở Giáo dục chuyển thẳng về nội thành dạy trường chúng tôi.

Trong các bài giảng văn học dân gian có câu thành ngữ *“Thương người như thể thương thân”*. Trong cuộc sống mới xã hội Xã hội Chủ nghĩa có tiêu chí tinh thần *“Mình vì mọi người, mọi người vì mình”*. Nhưng trong mỗi tiết Sinh hoạt cuối tuần, cô mắng mỏ, rên rĩ khi đám học trò mới lớn chúng tôi, mà cô coi như đàn em khi trót phạm sai lầm hay lười học những lời hoàn toàn chẳng mang tính xã hội chủ nghĩa tí nào: *“Cố gắng lên các em ạ. Học nó ắm vào thân các em. Chẳng ai thương mình bằng chính bản thân mình đâu các em ơi!”*.

Những tiết học vẫn nối nhau trôi qua. Chùm sấu ngoài cửa sổ lớp đã hanh vàng, nhún nhảy theo từng cơn heo may lao xao chợt đến chợt đi. Gió ruổi dài trên không gian cao lộng. Những đám mây mỏng vùn vụt trôi qua bầu trời, kéo theo vết bóng di động trên mặt hồ, trên từng con phố, khiến không gian lúc tối như bạc xín, lúc vụt sáng lên như được phát giấy vàng. Ngày ngắn dần đi, và tiếng chuông tàu điện về bến Thụy Khuê thanh giòn, vang động hơn đầu những đêm chớm lạnh. Mùa vẫn đi theo nhịp hải hà nhưng đáy đĩa chiều nay hẳn vẫn món đậu phụ kho búng, mặn chát vì chưa đến kỳ mưa mỡ.

Có những ngày thu rộng dài và vắng vẻ như thế. Tôi nhìn chùm sấu chín đu đưa ngoài cửa, nghĩ thầm sao chẳng có một tác phẩm đương đại nào viết về những ngày thu như thế này nhỉ? Trong sách giáo khoa thấy toàn những mùa thu rất cũ. Chúng tôi đang học *Trận Phố Ràng* của Trần Đăng, *Ở Rừng* của Nam Cao, *Xung Kích* của Nguyễn Đình Thi...

Trong lớp, cô Hằng đang say sưa phân tích, so sánh người chiến sĩ cách mạng xuất thân từ giai cấp công nông đi kháng chiến, khác hẳn với anh chiến sĩ tiểu tư sản thành thị trong thơ của Chính Hữu hay Quang Dũng. Theo cô, áo lính tiêu chuẩn phải vá chằng vá đụp, như tấm va-rơi của Pavel Corsaghin trong *Thép đã tôi*... Rận trú ngụ, ẩn núp dày dưới các viên áo vô sản, sắp hàng vàng chóa như băng đạn đồng. Lấy vỏ chai lăn qua nếp vá, cả trứng lẫn rận nổ đom đóp, giòn như tiếng súng máy đại liên Maxim lắp trên xe tam mã. Bằng một giọng ngân nga, cô bình giảng thao thao:

*“Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng
Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm
Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa.”*

Chàng trai này là chiến sĩ loại gì? Sống trong thời đại nào? Có phải trắng sĩ Kinh Kha thích khách thời Đông Chu đầu mà chưa trắng nợ anh hùng? Không lẽ đòi Thái tử Đan thêm đôi tay ngọc ngà mỹ nữ mới chịu ra đi chiến đấu? Cả Quang Dũng nữa. Đã tô phồng hình ảnh chân dung người chiến sĩ, lại vẫn còn để cho thơ mình rơi rớt cơn mộng hưởng thụ đô thành:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

trung sỹ

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.”

Các em ạ! Người chiến sỹ chân chính chỉ có một giấc mộng duy nhất, lý tưởng duy nhất, là tiêu diệt quân xâm lăng, giải phóng đất nước. Dáng kiều thơm, giày vạn dặm, bụi trường chinh lẫn áo hào hoa hoàn toàn không phù hợp với người chiến sỹ vô sản có tinh thần cách mạng triệt để. Để rồi sau này khi chính huấn, chính nhà thơ Chính Hữu đã phải nhận định lại, ít nhất là về mặt quân trang quân phục:

“Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày...”
Có em nào thuộc đọc tiếp bài thơ cho cả lớp nghe.

Tất nhiên tôi, cán sự văn của lớp, được chỉ định đứng lên. Bằng một giọng đều đều, tôi đọc:

“Anh với tôi
đôi người xa lạ
Tự phương trời
chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng
đầu sát bên đầu
Đêm rét kéo chăn
thành thằng ích kỷ
Ta gọi nhau:
Đồng chí!”

Cả lớp cười ồ. Cô giáo cũng bật cười bao dung, chẳng muốn phạt đứa học trò láu lỉnh.

Tôi có cảm giác chính cô tuy phê phán theo giáo trình, nhưng cũng rất mến mộ những bài thơ mang màu “tiểu tư sản” ấy, kể cả dòng văn chương lãng mạn mà chúng tôi chỉ được dạy ví dụ phớt qua. Cô đọc dẫn chứng những câu thơ cũ của Thế Lữ, Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Lưu Trọng Lư... không có trong giáo trình đầy hứng khởi nhưng rất chậm, rất truyền cảm, như muốn để học trò kịp ghi lại hay in vào trong trí nhớ. Chỉ với bảy nốt nhạc cùng các cách sắp xếp tiết tấu lẫn điệu thức, người ta đã mê hoặc xúc cảm, nâng bổng tâm hồn toàn thế giới con người, hưởng hỏ có tới 24 chữ cái cùng hàng triệu tổ hợp từ ngữ trong tiếng Việt yêu thương. Những cái gì thuộc về giá trị nhân văn mãi sẽ vẫn tồn tại trong tâm thức, dù có thể những quan điểm lý luận văn học nhất thời không công nhận nó.

Văn chương vốn chỉ là những ký tự đơn thuần, trải qua bao năm tháng, đã tích lũy dày thêm năng lượng biểu cảm, dày thêm yêu thương cùng biên độ rộng dài văn hóa. Đến mức khi hình dung trên tờ giấy viết tay hay cuốn sách, xuất hiện những dòng chữ thân quen, quen đến độ trong tôi không nghĩ đó là chữ Việt nữa, mà là một bức tranh. Bức tranh giàu màu sắc, giàu cảm xúc, gắn liền cùng với những trải nghiệm đời người, từ tuổi thơ, qua lứa hoa niên, cho đến khi mái đầu tóc bạc. Có được điều đó, ngoài năng lực cảm thụ cá nhân, còn một phần lớn do được truyền tải đầy cảm hứng từ những bậc thầy sư phạm nhiệt tình.

Tôi thấy, và thấu hiểu bức tranh đó trực tuyến, như một cung phản xạ không điều kiện. Cung phản xạ tuyệt vời tự nhiên giản dị mà Chúa đã ban tặng con người, chỉ cần thông qua tùy sống, như em bé đòi bú mẹ khi em đói, như kẻ lữ hành cần đi bộ

về nhà lúc chiều buông. Hiểu trực tuyến chẳng lụy trung gian, như tình yêu với cha mẹ ông bà, nỗi mến thương bạn bè hay tình yêu đôi lứa. Hiểu và yêu mặc định, như yêu liền tiếng nói quê hương đất nước một cách bản năng, không cần phải nghĩ ngợi đắn đo.

Cô trò tôi có ngờ đâu chỉ sau có chục năm, dòng văn chương và các bài thơ mà chúng tôi buộc phải phê phán kia lại được in trong giáo trình và được giảng dạy công khai, chẳng cần xét đến tính giai cấp, tính đảng, tính nhân dân trong văn học. Nhận thức là một quá trình, song tôi vẫn tiếc tuổi học trò của chúng tôi, không được học, được cảm các tuyệt tác văn chương nước Việt của một thời đã từng xa vắng. Nào ai biết đâu khi nghệ thuật vị nghệ thuật, như thế cũng đã là vị cả nhân sinh.

*

Lớp trống hai tiết toán cuối, nhà trường cho về sớm. Bốn gã trai mười bảy không về nhà ngay, ôm cặp sách lững thững đi bộ ngược lên đường Thanh Niên.

Hồ Tây mù sương. Màn sương đặc quánh phủ kín mặt hồ phẳng lặng, trắng đục như một biển sữa đông. Nhìn sang mé bên kia đường, hồ Trúc Bạch cũng chìm lấp trong bức tường sương trắng. Trời âm và im phắc gió, im luôn cả tiếng sóng vỗ. Chỉ có tiếng bầy sâm cầm lác nhác gọi nhau giữa mặt hồ vọng lại. Như thế sương còn lâu mới tan. Kiểu thời tiết này rất hiếm lúc đầu đông, chỉ xảy ra khi sắp có một đợt gió mùa. Ẩn hiện hàng cây móng bò thưa lá mới trồng. Đến thật gần mới thấy vài nhánh hoa tím nhạt, dập dềnh đàu cuối cành mềm.

Chúng tôi đi bên nhau, im lặng trong bầu sương tịch mịch thẳng Chạp. Một cảm giác yên tĩnh và thanh thản đến lạ kỳ tràn ngập từ tâm trí cho đến các giác quan. Khi nhập định, các bậc tu

hành có trạng thái đó hay không tôi chưa từng biết, nhưng tôi thấy hồn trống trải, nhẹ và rộng tựa thình không. Có thể thông cảm và chất chứa mọi điều mến yêu xung quanh. Hàng phượng vĩ cổ thụ, bức tường rêu phong chùa Trấn Quốc, hay ngọn bảo tháp cùng những ngọn cau mờ ảo dần hiện ra như từ cổ tích kia... Cả những người bạn đang đi bên cạnh nữa, hết thấy đều dịu dàng, thân thuộc đến tận đáy lòng.

Xúc cảm thanh tân này, cùng với sự cởi mở của tri giác luôn khát khao cải mới, hẳn là món quà tặng của Chúa Trời ban riêng cho tuổi trẻ. Có lẽ vì thế nên những tình bạn khi học phổ thông, lúc tuổi thiếu thời luôn gắn bó và mãi mãi chặt bền dù đôi khi cãi cọ. Đến khi trưởng thành dần trong cuộc sống vốn nhiều cạm bẫy cùng gian khó, qua những trải nghiệm phần lớn là thất bại lẫn đau khổ, trái tim dần cảm dần khép lại như một phản xạ tự vệ để chống sự tổn thương. Con người sống cảnh giác hơn, trong một khuôn thức ngoại giao phải phép “trên đường đời tập nập”, để trái tim cứ “vô tình đi lướt qua nhau”.

Mùi bơ, mùi men bia nóng dậy tỏa hương từ chiếc xe bán bánh sừng bò lưu động, dập tắt không thương tiếc những xúc cảm tiểu tư sản thành thị. Cả bọn vét túi được tất cả tám chiếc tem lương thực 250 gram, đổi được tám chiếc bánh sừng bò. Mỗi đĩa hai chiếc, chần chẹn đều nhau như trời đã định liệu. Chao ôi những chiếc bánh sừng bò nóng khi đói, cong như một vành trăng ngọt, thoảng mùi sữa ngậy. Lướt dầu béo lãng ngoài vỏ vàng óng, bao quanh lớp bột mịn cuộn vào nhau trong một tổng thể dai xốp, gọi nước miếng tứa ra đầy miệng.

Vừa nhai bánh, Tuấn Anh vừa đề nghị bốn đứa nên kết giao thành một nhóm bạn thân thiết, và được hưởng ứng ngay. Đến cả đế mèn lẫn đế trũi cũng muốn thành lập một bang hội hùng mạnh, kết liên với các loài côn trùng khác trong câu chuyện

phiêu lưu của Tô Hoài ngày trước. Đường Yên Phụ chiều hôm ấy không có đào viên, nhưng có cả một hàng cây cơm nguội chìm khuất trong sương mù chứng kiến. Sự kết giao tự nguyện đến một cách ngẫu nhiên từ ước vọng muốn chia sẻ, muốn kết nối bạn bè luôn tràn đầy trong tâm tưởng những chàng thanh niên mới lớn, bất kể ở thời đại nào.

Một tổ chức hội đoàn dù là nhỏ cũng phải có tên gọi. Cả bọn thống nhất với cái tên nhóm “VAT”, chữ cái đầu tên của bốn đứa. Nghe giống tên một thứ thuế, hay một loại rượu whisky in nhãn trên cái vỏ chai lăn lóc trong gầm giường ông ngoại, nhưng chẳng hề gì. Như mọi đứa con trai mới lớn, chúng tôi bắt đầu quan tâm đến tụi con gái. Những đứa bạn gái học giỏi, ngoan ngoãn thường cận lòi và “bồn sệt”. Chơi với chúng nó chán chết, và coi chừng thường xuyên bị lên lớp, bị thuyết phục vào một nhóm “đôi bạn cùng tiến” tẻ nhạt nào đấy. mấy thằng chúng tôi hiếu động, lảng mạn kiểu học trò và đôi chút nghịch ngợm. Các tín đồ của Phạm Duy, Trịnh Công Sơn thích các bạn gái xinh hơn.

Lũng thững đi bộ về khi trời sâm sẩm tối. Có cảm giác chiều hôm ấy mỗi đứa đều lớn hơn một chút. Chúng tôi sẽ quan tâm, sẽ biết vì nhau hơn. Paris có ba chàng ngự lâm thì Hà Nội có bốn chàng “tứ bất tử”, như tên sau này cô giáo đặt ra, để chế giễu mỗi khi chúng tôi phá phách nghịch ngợm. Một lời hẹn kết giao tưởng như vô tình trong lúc bốc đồng, nhưng ngờ đâu lại gắn bó và in dấu lên những số phận cuộc đời.

Quả nhiên là tứ bất tử thật. Chỉ sau đó hai năm, tứ bất tử cùng hai đứa bạn thân trong lớp đi lính, tham gia cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam đất nước. Sáu thằng con trai lớp tôi đánh nhau ròng rã mấy năm khốc liệt xứ người nhưng không một ai tử trận.

Chúng tôi lại trở về, dạo trên con đường cây cơm nguội cũ với rất nhiều nếm trái gian truân nơi mặt trận. Mùi bánh sừng bò thơm phức trong tuổi mười bảy, đến bây giờ chẳng còn gì hấp dẫn nữa. Thay vào đó là men nồng cháy họng những ly rượu vodka.

*

Cậu Nhân, “ông cậu đô la” của tôi có thêm một phương tiện sáng tác tối tân mới ngoài đồng toan và màu vẽ. Chiếc tăng-phô nhỏ đầu hai cực với một sợi dây may-so căng như kẻ chì, cắm vuông góc xuống tấm bàn gỗ dán. Khi bật công tắc điện, sợi dây may-so nóng bỏng lên. Bây giờ chỉ việc đẩy các tấm xốp cách nhiệt khéo léo qua sợi dây theo các hình đã vẽ sẵn, nó sẽ cắt ngon lành. Các tấm xốp bao bì bỏ đi nay trở thành các sản phẩm văn hóa trang trí theo ý muốn.

Mỹ thuật bình dân không truyền tải những nội dung nghệ thuật cao quý, không mang đến danh tiếng để đời, nó chỉ cho người ta mỗi tiền bạc tuy không nhiều nhưng đều đặn. Từ khi đầu tư phương tiện mới, cậu cháu tôi mê mải sản xuất ra hàng loạt các loại chữ xốp nổi bay bướm, quét màu hay nhũ để dán phong nền đám cưới, bỏ mối cho dân Hàng Mã. Tôi không biết các cô dâu ngày vu quy được dán chữ Song Hỷ bằng xốp màu trên phong cưới, liệu có hạnh phúc trăm năm hơn các cô dán chữ giấy cắt hay không, nhưng căn cứ số lượng hàng xuất đi, khả năng này là khá cao.

Tính chuyên môn hóa cũng được đẩy lên, cậu vẽ còn tôi cắt theo hình. Đôi bỏ câu ngậm mỏ bây giờ là rất mồn, rất xưa rồi. Tiên phong theo motip vui vẻ hiện đại, cậu phóng tác chữ lỏng, vẽ cách điệu các con giáp theo tuổi tân lang, tân giai nhân. Những chó lợn lẫn rồng hổ kia, khi được bôi màu đưa lên phong

hóa ra trông cũng rất vui nhộn bắt mắt, mặc dù được sản xuất từ một loại phế liệu rẻ tiền vô dụng.

Các mệnh phụ đàn len và nữ tự vệ sao vương không đến chơi với cậu nữa. Bây giờ đã hòa bình, các hầm tăng-sê trên vỉa hè đường phố đã được lấp đi, và họ cũng cất súng trường từ lâu rồi. Và lại họ cũng còn phải đi lấy chồng hay tái giá như mọi người. Đó là một công việc cần thiết. Chẳng ai thừa thì giờ đến chơi chỉ để mỗi xem vẽ và nghe huýt sáo bao la, còn các chuyện khác thì không đa động gì.

Điều này không ảnh hưởng đến năng lực sáng tác của cậu. Công việc của cậu cháu tôi vẫn chạy đều, mặc dù kẻ chuyên làm phong cưới cho người khác vẫn chưa có cơ hội làm cho riêng mình. Tôi vừa cất xộp, vừa hỏi thăm các cô. Cậu nheo mắt ngắm chân dung một phụ nữ quen trên bức tranh mới vẽ, đọc một đoạn thơ không rõ của cậu hay thưởng của ai, bằng một giọng trầm trầm.

“Em buồn trong phác thảo

Ta huýt sáo em vui

Trót mực dương Tô Vũ

Tam hợp hóa tam tai

Lô nhô đàn ghé mướt

Như sóng nhẹ ban mai

Đôi bên cỏ còn ướt

Nằm phơi như vú dài.”

Chịu! Không thể nào hiểu nổi những đoạn thơ chấp vá nhu thế này. Đang từ nhân vật trong bức họa lại đá sang tử vi đấu số, rồi trâu dê cỏ ướt đến đôi núi vú dài. Tôi cãi, bảo đoạn thơ dưới là

bài thơ ca ngợi chăn nuôi, bài *Thi Nghệ* của Huy Cận mà tôi học từ hồi cấp I. Cậu chế giễu, bảo:

“Như mày tập làm văn cũng thế, khi diễn đạt hết ý tứ phân tích cá nhân rồi thì phần kết luận bao giờ cũng phải viết thêm một đoạn theo mẫu, rằng chúng em được lớn lên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa ấy. Đúng không? Thế nó mới được điểm cao và an toàn. Nghe chưa!”

Quả thực, lên cấp III rồi mà trong lớp tôi vẫn có đứa ở phần kết luận một bài văn bao giờ cũng lấp cái câu cũ mòn đó vào. Nó giống như thói quen được bao cấp lương thực thực phẩm, nay bao cấp thêm cả ý kiến cá nhân trong văn học. Tôi thầm nghĩ mơ màng đến dãy đồi cỏ non, phơi như cặp vú dài trong bài thơ. Để may su-chiêng cho cặp vú đồi này chắc phải huy động toàn bộ phiếu vải của toàn miền Bắc. Tôi nhớ những dãy đồi mùa xuân ở Bá Hiến chân rặng Tam Đảo, như những bộ ngực thanh tân vĩ đại màu xanh thắm, phơi mình dưới nắng phập phồng.

Sự liên tưởng thi nhân thật tài tình, nhưng chắc chỉ Huy Cận mới dám viết như thế. Còn tôi nếu viết vậy trong bài, không biết cô giáo cho tôi mấy điểm? Ngày đó tôi chưa bao giờ được chiêm ngưỡng khuôn ngực tuyệt vời một phụ nữ giữa thanh thiên bạch nhật. Chỉ có một lần, một lần duy nhất trong cái tuổi dậy thì thao thức những tò mò tính dục, và lại xảy ra dưới nhịp nhoạng đèn đường ngày Quốc khánh.

Đêm ấy pháo hoa vừa tàn, khối người khổng lồ quanh Hồ Gươm rã đám trở về nhà. Dưới bóng tối gốc đa đèn Bà Kiệu, một đám đồng thanh niên chuyển động vòng quanh, khép chặt lại vây lấy hai cô gái nở nang. Một hiệu lệnh ngắn phát ra: “Sốt!”, không rõ từ miệng quần chúng nào. Ngay lập tức, các bàn tay tập thể tham lam vươn ra từ bóng tối, bóp ngực, móc háng ngấu

nghiền trong tiếng la hét chửi rủa bất lực của hai người phụ nữ. Tính dục bị dồn nén, các “kênh giới tính” bị cả xã hội lẫn gia phong kiểm tỏa bởi giáo dục trước kia, nay như con quỷ được sổ lồng, thoát thân bùng nổ trong “lễ hội” bóng tối của văn hóa bình dân.

Sơ-mi lẫn cooc-sê tuốt sạch khuy cúc, quần lụa lằng rách toang trong vòng bụi nồng quẩn, trong tiếng thở hồng hộc của đám đông giống đực đang sờ soạng khám phá. Vòng tròn “sốt” như một cơn bão nhỏ, di chuyển dần đến khu vực sáng đèn gần rạp Hòa Bình. Ánh sáng không đồng lửa với thú tính bản năng tăm tối. Những bàn tay ham hồ buột trôi khỏi thân thể đàn bà, thân nhiên đút vào túi trong sự tỉnh bơ từ các bộ mặt ra vẻ vô can. Hai cô gái nhể nhại thịt da, tả tơi xống áo thoát ra được, tức tưởi chạy vào rạp chiếu phim trú tạm, nhờ gọi hộ về nhà.

Có điều gì đó trong đêm pháo hoa năm đó làm tôi khó ngủ. Có thể do hình ảnh những cặp tuyết lê bị vầy vò nhá nhem dưới ánh đèn đường tôi vừa chứng kiến. Đôi bầu vú phụ nữ tôi thấy không phồng phao xanh mượt như trong bài thơ đôi núi, càng không trắng trong đầy đặn như các bức tranh khỏa thân thời Phục Hưng, nhưng mãi luôn ghi một dấu ấn thật sâu bởi nó hằn đỏ những vết ngón tay bạo liệt. G. Marquez đã từng an ủi: *“Trí nhớ của trái tim luôn xóa đi những điều xấu và phóng đại những điều tốt đẹp”*, nhưng chuyện này vẫn làm tôi ám ảnh.

Tôi kể lại cho cậu nghe. Cậu tỉnh bơ phán:

“Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu. Làm thân con gái chớ có ham hồ tham gia vào đám đông xã hội. Chắc vừa đi chùa Hà dâng lễ hậu cầu duyên, nên trời phạt độ trì có hơi quá tay. Đời là như thế!”.

Tôi phì cười với cái kết luận hài hước của cậu. Hất mớ tóc dài nghệ sĩ, cậu vung tay hùng hồn biện giải:

“Cả cậu lẫn mày, có khi nhiều người nữa, đều thấy cái cốt cách văn hóa Hà Nội dần dần mai một đi trong xã hội, trong cả gia đình lẫn bản thân mình. Mỗi ngày mất một ít, không ai thấy được đâu. Như cái vòng quay bánh xe ấy, văn hóa thời đại nó cũng có vòng lẩn quán tính của nó, chậm dần trước khi hoán chuyển. Thế đấy!”.

Cậu nói với tôi như với một người bạn, hoặc như cậu đang tự nói với chính bản thân mình. Có thể lúc đó còn chưa hiểu lắm, nhưng tôi thấy tin ở sự chân thành trong những lời cậu nói, hoàn toàn không phải “thâm như Tàu”, như bà tôi vẫn hay mắng cậu.

Cậu nhìn ra ngoài cửa, nơi có tiếng guốc mộc của ông tôi lẹp kẹp đang đi xuống bếp, hạ giọng:

“Nguyên nhân chính, đó là do thời thế thay đổi, tôn vinh các giá trị văn hóa bình dân. Các giá trị văn hóa lấy số đông làm căn bản đang làm một cuộc đổ bộ. Rồi mày xem! Sở dĩ cậu cháu mình còn được thấy một phần Hà Nội cũ yên ả xưa, bởi cái quán tính văn hóa xã hội thời trước nó vẫn đang còn thoi thóp chậm dần trong những người tự trọng”.

Tôi cảm cúi trên bàn cất, thỏa mãn với sự sẻ chia của cậu. Như thế, cậu đã coi tôi như một người lớn thực sự. Mùi xốp cháy khen khét. Chữ “LO – VE” với hai trái tim chồng lên nhau dần dần thành hình. Các đám cưới bây giờ họ chuộng chữ “LO – VE” hơn chữ Hạnh Phúc, chỉ có khung Song Hỷ đỏ choét chữ tàu là vẫn còn nguyên không thay đổi trên phong.

*

Gió bắc bao giờ cũng đến đột ngột, vào lúc người ta không ngờ. Chiều hôm trước, mặt trời vẫn dọi xuống thành phố những cơn nắng đuổi. Lòng đường được hun nóng, ẩm từng bước chạy chân trần trong trận bóng vừa hè. Hôm sau thời tiết trở mặt, phố xá xám ngắt từng trận gió giật, xiêu xiêu giữa làn mưa lạnh.

Vào những lúc như thế rất chóng đời. Mới đầu tiết năm, tiết sinh hoạt thứ Bảy cuối tuần, trời đã u ám tối. Dạ dày đoàn viên lẫn thanh niên cảm tình đoàn đều réo sôi lên sùng sục. So vai viết vội bản tự đánh giá kiểm điểm bản thân, lòng chỉ nghĩ đến liền dưa cải sen bà muối ở nhà. Liền dưa cải cuống mướp vàng óng, vẫn hanh hanh xanh nơi những khẩu dưa chưa chín. Nhai miếng dưa muối đó sẽ vẫn còn hăng cay vị cải sống, nhưng nếu chấm nước mắm có vài lát ớt tươi thiết tưởng chẳng còn gì để bàn.

Món dưa cải sen làm tôi nuốt nước dãi. Tự kiểm điểm cái chết tiệt! Tôi nhớ cuốn sổ *Bình công báo công* của cha tôi lập, giao cho hai anh em tôi nhận xét nhau hỏi còn nhỏ. Trong đó hai đứa phải khai rõ mỗi tuần một kỳ được bao nhiêu điểm 8, 9, 10? Bao nhiêu điểm dưới trung bình? Theo dõi nhau xem mắc những tội gì?... Một cái tội được ghi trong đó mà tôi nhớ rất rõ là: “*Đầu têu ăn vụng dưa*” do con Diệp mách, mặc dù nó cũng ăn vụng theo. Tưởng đó chỉ là một cách giáo dục trẻ con, không ngờ lớn ngọc lên vẫn phải viết bản tự đánh giá này.

Viết cái gì bây giờ? Viết rằng trong buổi tập trung đầu tuần, tôi đã gấp mấy chục cái máy bay giấy phi từ hành lang tầng ba xuống, tụi học sinh xếp hàng dưới sân reo à lên, hát lạc cả nhịp Quốc ca. Bí thư đoàn trưởng cùng đội trực tuần chạy lên thì tôi đã ngồi ung dung tỉnh bơ trong lớp, bởi hôm đó tôi làm trực nhật. Hay viết kể chuyện sáu đứa con trai chúng tôi góp tiền tự mua vòi ve, chủ nhật vừa rồi đến bí mật quét vòi lại lớp

học cho sáng sủa. Cô giáo chủ nhiệm cảm động muốn biết tên để cảm ơn nhưng không ai mở miệng vì cả bọn đã thống nhất sẽ im lặng.

Trong tuổi mới lớn, ai cũng giàu tính vị nghĩa bạn bè, ít khi chịu mang tiếng là “đổ mách lẻo”. Có lần, cái Thư tổ trưởng có ghi tội nói leo của thằng Anh Tuấn trong sổ theo dõi tổ. Phải viết bản kiểm điểm, nó nhận lỗi, hứa sửa chữa rồi ghi thêm câu cuối nguyên văn: *“Và em cũng xin nhờ cô chuyển lời cảm ơn đến các bạn đã ngầm giúp đỡ em cùng tiến bộ”*. Văn phạm lẫn ý tứ bản kiểm điểm này chẳng có gì sai, nhưng nó truyền tải một thông điệp ngôn ngữ hai mang. Cô Hằng đọc công khai đoạn này trước lớp, đề nghị nó viết lại. Nó kiên quyết không sửa và cả lớp được traten rúc rích cười. Cái Thư từ đó bỗng mang cái tên “Thư phải gió”, dù nó rất xinh. Nó bị dị ứng với gió mùa đông bắc, da mặt sẩn ngứa, mẩn hết lên khi gió lạnh thổi.

Tôi không thích thú gì với những cuốn sổ “bình công báo công”, sổ theo dõi tổ lẫn sổ ghi đầu bài ấy, bởi trong đó thỉnh thoảng lại có tên tôi. Khi trót được lưu danh, con đường tiến lên đoàn viên em ước ao bao ngày lại dài ra thêm một đoạn. Chẳng biết bao giờ thoát được những cuốn sổ của nợ này vì tính tôi khá hiếu động. Nhưng vào đoàn thanh niên là một việc quan trọng. Không rõ từ đâu có một thông tin gần như chính thức, rằng nếu không phải là đoàn viên thì không được thi đại học.

Tổ chức đoàn thanh niên đối với tụi tôi, mấy đứa con trai ham nghịch ngợm, có điều gì rất trang nghiêm. Trang nghiêm đến mức hơi xa xôi với tuổi mười bảy như đọc thấy trong điều lệ. Những đứa đã vào Đoàn rồi thấy vẻ mặt bỗng trở nên như cứng đơ, ít biểu cảm tự nhiên hơn thì phải. Như cái Cúc cận chẳng hạn, nó đeo huy hiệu đoàn viên trên ngực, căng thẳng như vừa khoác một cái áo mới. Chắc nó nghĩ dường như ai

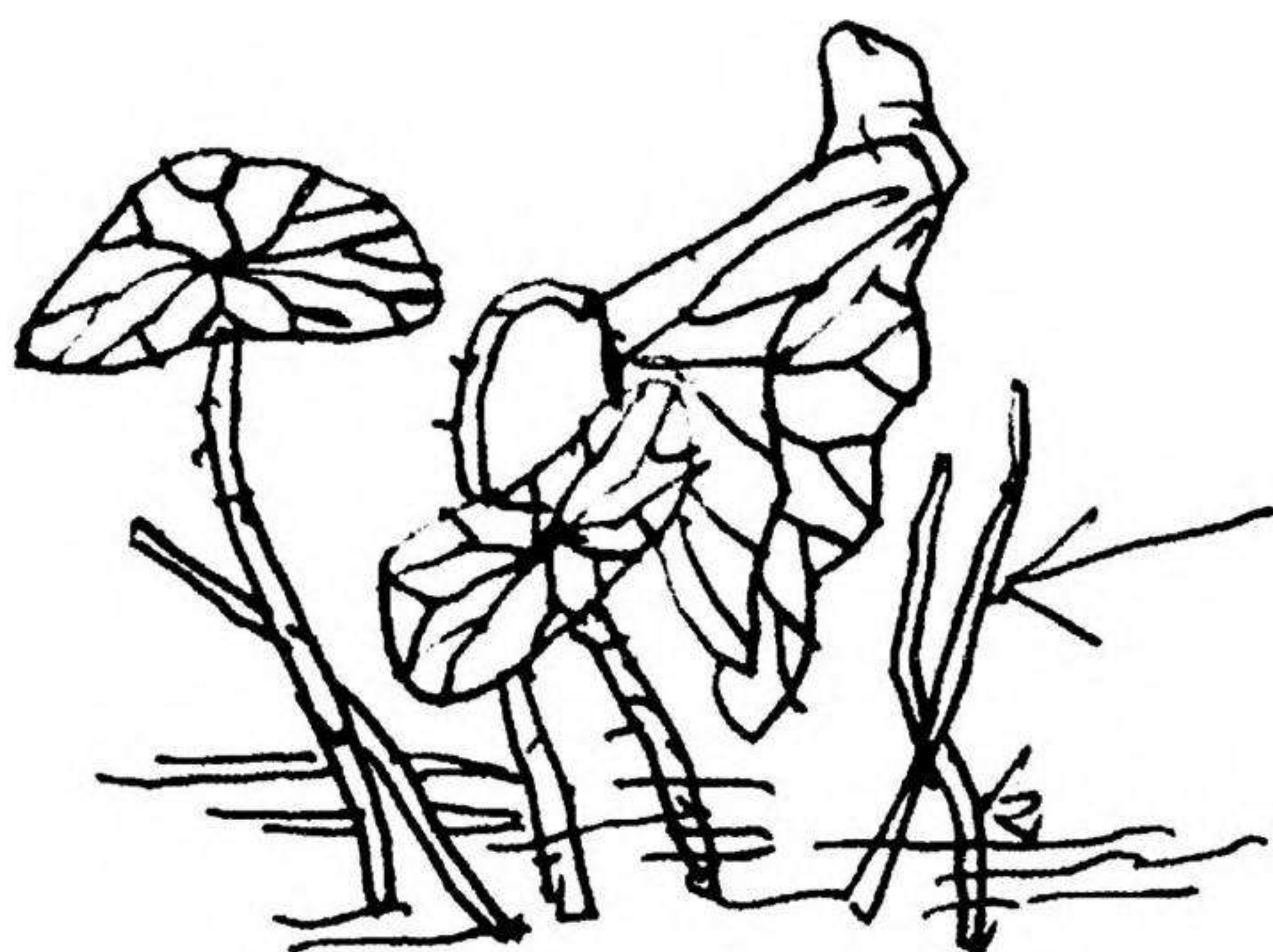
cũng nhìn vào đây. Tủ lạnh Hitachi đầu gấu có khi cũng chẳng lạnh bằng bộ dạng mặt mũi nó. Hay đó chỉ là cảm giác của riêng tôi thôi?

Chúng tôi thích ca hát, đàn sáo, thích đạp xe vơ vẩn trên phố gió mỗi chiều, thích sống không gò bó. Lạnh lạnh trong đầu tiếng huýt gió một bài hát phóng khoáng của Lê Huy Hà trong băng cỏi Phượng Hoàng: *"Tôi muốn mình tìm đến thiên nhiên. Tôi muốn sống như loài hoa hiên. Tôi muốn làm một thứ cỏ cây. Vui trong gió và không ưu phiền..."*. Nhưng nếu không vào đoàn, không được thi đại học thì công cha nghĩa mẹ cũng thành công cốc. Tôi cúi xuống, viết cho xong bản tự kiểm điểm cá nhân, tất nhiên với rất nhiều hứa hẹn.

Púp! Một viên giấy nhỏ ném trúng mớ tóc rẽ tre, rơi xuống tờ giấy. Mở ra, đó là một tờ bạc năm hào. Ngẩng lên nhìn quanh, thấy con Nga "cá vàng" với con Thu đang nhăn nhó xoa bụng. Chúng nó đói, nhất là tụi con gái, bao giờ mồm miệng cũng phải nhai một thứ gì đó. Tôi ngồi ngay cửa sau lớp, và việc thật người xuống, chờ lúc giáo viên không để ý bò ra hành lang, chạy xuống nhà ông Điệp lao công góc cầu thang phụ, mua mấy thanh chè lam là quá đơn giản. Tổ bốn cuối lớp vừa nhóc nhách nhai chè lam, vừa viết kiểm điểm. Vị bông nếp quện mạch nha điểm một chút cay gừng thơm chi thơm lạ trong chiều gió bắc.

Trống báo hết giờ cùng lúc thầy Dũng Bí thư Đoàn trường vào thông báo tuần sau nghỉ học. Cả trường sẽ đi lao động Cộng sản trên công trường nạo vét sông Tô Lịch. Chúng tôi xo ro đạp xe vội về nhà dưới mưa phùn.

*



Công trường nạo vét, mở rộng sông Tô Lịch đang thi công. Có rất nhiều các đơn vị thanh niên thủ đô luân phiên tham gia, chủ yếu bằng sức người. Ban chỉ huy công trường dẫn chúng tôi đến khu vực lao động mãi gần Cổng Vị, chỗ dốc Tập Lái phố Đội Cấn đi lên.

Những căn lán tạm quây cót ép dựng dọc bờ sông, nép dưới hàng cây xà cừ là chỉ huy sở kiêm kho lán của từng đội. Chúng tôi được giới thiệu về tương lai của dự án cải tạo này. Con sông bé nhỏ đầy bèo tây với những bè rau muống cần kia không chỉ thành một dòng sông Tô “vừa trong vừa mát” như câu ca dao cũ, mà sẽ mở ra kích thước dài rộng. Thuyền kayak, thuyền pê-rit-soa trai gái chèo đôi trên sóng nước long lanh, chui qua những cây cầu cong mềm mại và hiện đại. Đôi bờ sông sẽ là nơi những ngôi nhà cao tầng lộng lẫy soi bóng. Và để thành tựu này mau đến, cả lớp vào lán lĩnh dụng cụ lao động ra công trường.

Trời mưa bụi mịn mờ. Chẳng thấy đôi bồ câu nào đang bay, cũng chẳng thấy gió lộng trời xanh, chim hót hoa đua hương... như bài hát đang vang vang trên loa, nhưng sự thay đổi không khí gây một cảm giác hưng phấn mới mẻ, nhất là với những kẻ chán học. Bây giờ tạm chẳng cần lo lắng đến những bài kiểm tra bất ngờ 15 phút hay một tiết. Trên công trường Cộn sản, đứa học giỏi cũng như đứa học kém. Khi cầm cào xe cải tiến hay thủ mai xấn đất, mọi giá trị cơ bắp đều bình đẳng ngang nhau. Thậm chí những đứa tưởng chậm chạp lại có đất thể hiện sự tự tin tháo vát trong lao động của mình.

Trai gái phổ phường nhìn nhau, lạ lẫm hẳn đi trong những bộ trang phục cũ kỹ, rộng thùng thình bết đất. Có nam có nữ, công cuộc xây dựng trở nên đỡ nhàm chán và nhọc nhằn. Môi trường lao động tập thể giúp cho con người tương tác, gần gũi nhau hơn. Chúng tôi hỗ trợ nhau, vừa làm vừa trêu đùa vui vẻ.

Suốt dọc bờ sông cạn xuôi mé Cầu Giấy hay ngược lên Nghĩa Đô, tấp nập những dây người chuyển đất lên xuống, trông xa bé như đàn kiến đang nhả nặn tha mồi.

Sau những bờ ngõ ban đầu, dây chuyển chuyên môn hóa dần được thiết lập tự nguyện. Bọn con trai lãnh việc thủ mai xấn đất, cầm cào xe cải tiến. Bọn con gái gánh đất bằng những đôi sào bện bằng dây thép thừa, hoặc phụ đẩy xe. Lòng sông cạn lở loét, lộ nhô các tay mai đứng trên những mô ụ đang vạc dỡ. Quang sào gánh vai, xe đẩy cải tiến nghìn nghịt xúm lại nhận đất từ đó, tỏa ra trên những con đường vận chuyển. Tầng đất thịt dưới sâu quật lên tanh nhạt vị sắt non, bóng loáng như bôi mỡ trong vết cắt một thép mai xấn ngọt.

Người ta xẻ bờ sông thành những con đường dốc để đưa đất đào lên, trơn nhẫy trong mưa bụi. Cái Cúc cựa chân lò dò bám đất, ngơ ngác đôi trống kính dày cộp trông rất tội nghiệp. Đôi sào toen hoèn đúng hai cục đất nhỏ, nó đã há miệng ra thở dốc. Tình yêu đang rẽ sóng đi tô thắm non sông kiểu làm theo năng lực này đến bao giờ cho xong. Chúng tôi đuổi nó lên phụ đun nước, không ngã lộn cổ thì khổ cả đám. Đường đất mềm hần sâu dẫn vết bánh xe cải tiến, phải lấy cốp pha lót những chỗ thụt cho xe qua dễ hơn. Đôi tay giữ lái đôi cào thép, cổ cần cho đúng tâm những tấm ván lót dẫn rất bóng. Tôi ra hiệu cho tụi đẩy sau dừng xe, chống cào ngồi thở.

Lưỡi mai thẳng Dững đang xĩa bờ cao, xấn trúng một cái mà ếch lẩn trong đám cỏ rậm. Con ếch đồng béo múp đang trú đông hoảng sợ lao vọt qua ngang mặt. Nó phụt vào tôi một tia nước đá dài lạnh toát, lẩn mất tích dưới đám rau muống thấp. Tiên sư cái giống lưỡng cư mắt dạy! Giá không mệt, tôi sẽ đuổi theo vô bằng được.

Nhớ hồi học cấp II, thầy Trí bắt mỗi tổ mua hai con ếch lớn tổ chàng để giải phẫu sinh trắc trên lớp trong bài sinh vật. Các ca mổ thành công tốt đẹp mặc dù tất cả “bệnh nhân” đều tử vong ngay sau đó, hết như câu thành ngữ “Vào Việt – Ba, ra Văn Điển”. Thầy khoái trá tuyên bố thu hồi tiêu bản, kể cả da lẫn tù và, về làm món dân dã với măng. Học đến lớp Chim, thầy bảo mỗi tổ chỉ phải mua một con thôi, vì giá bỏ câu rất đắt. Tất nhiên mọi kết quả nghiên cứu các giống biết bơi, biết nhảy hay biết bay đều phải được thu hồi.

Thầy Trí cũng cặn nặng như con Cúc, nhà ở phố Hàng Bông và trang phục lúc nào cũng tề chỉnh. Dạy môn Sinh vật, nhưng thầy hay kể các món ăn đặc sắc của Hà Nội ngày chưa tiếp quản. Các từ pa-tê, xúc xích, Lạp-sường... thầy nâng niu nhấn nhá từng trọng âm rất điệu đà, tôi nghe muốn trào nước miếng, nhất là vào những tiết học cuối ngày. Những món ngon dĩ vãng ấy đã qua lâu lắm rồi tôi không còn gặp lại. Trong các ngăn cặp lồng nhiều đĩa chúng tôi mang đi ăn trưa đang chất quanh bếp đun công trường kia chỉ có cà muối với cá khô. Hẳn thầy Trí không đi lao động cộng sản được, vì thầy cặn, lại gầy nhom và không chịu được gian khổ.

Nghỉ lâu lâu, gió bắc thổi bay mở hơi thấm áo, thấy lạnh sờn da người. Những tảng đất ướt lại ỉnh ịch chất vào xe. Tôi vươn vai đứng dậy, uể oải cầm càng “làm bò” như tụi nó gọi. Suốt sáng đến giờ, thành quả công sức cả lớp mới chỉ là một đồng đất lùn tịt. Sức vóc học trò cùng kỹ năng lao động yếu nên năng suất thấp dưới mức mong đợi. Thay cho không khí vui vẻ ban đầu, giờ chân cẳng đĩa nào cũng nặng như đeo đá. Tiếng cười đùa ít dần, giờ chỉ thấy hơi thở nặng nhọc của mình tan trong từng hơi gió lạnh lùa qua.

Gần trưa, chiếc xe thùng chở bánh mì nóng từ xí nghiệp mì Nghĩa Đô chạy tới, lần lượt giao bánh theo khẩu phần đăng ký tới từng lần đội. Từ nay chúng tôi không phải mang cặp lồng cơm trưa đi nữa. Tiếng loa công trường gọi các đội lên lĩnh bánh, nghe vang vọng du dương hơn hẳn bài hát gió lộng trời xanh chim hót hoa đua hương ban sáng. Đói run người, tôi chùi tay vào vạt áo, gặm vội miếng bánh nóng. Miếng bánh mì giòn tan thơm phức trong miệng. Miếng bánh không phải của cha mẹ sinh thành nuôi nấng cho tôi, miếng bánh đầu đời tự kiếm được bằng công sức lao động của mình.

Bác cán bộ theo dõi công trường xuống kiểm tra, hội ý với thầy Dũng Bí thư đoàn, phân nân về năng suất khiêm tốn của đám học trò nội thành. Bác cất cuốn sổ vào xà-cột, giương mục kính, nghiêm khắc nhắc nhở chúng tôi, rằng đây là nơi thử thách ý chí, nơi cống hiến của tuổi trẻ, hoàn toàn không phải chỗ trai gái các cậu tán tỉnh nhau, vừa làm vừa giỡn. Toàn công trường sẽ phát lệnh thi đua tăng năng suất lao động. Từ ngày mai, các đội bắt đầu áp dụng cơ chế khoán, mỗi học sinh 0,8 mét khối đất một ngày, xong sớm nghỉ sớm. Bác hằng hái tuyên bố giờ chúng ta mới đang thời kỳ quá độ, vậy nên chưa thể áp dụng tiêu chí tự giác, làm theo năng lực, nghỉ theo nhu cầu được.

Tụi con gái thuôn mặt, lo cho tụi con trai phải gánh thêm phần chúng nó. Tưởng gì, thi đua thì thi đua, việc này quá dễ với những thằng trai phổ lấu lỉnh. Tôi với thằng Bình không cầm cào xe nữa, lên nhận lãnh trách nhiệm xếp khối chỗ tập kết đất đào. Cứ tảng đất nào to, chúng tôi xếp ra thành ngoài như tường bao, rất vuông vắn chặt chẽ. Mé trong lòng khối, xếp rỗng ra, xếp sang cầu tạo nhiều khoảng trống. Đến bề mặt cao trình quy định, chúng tôi đổ đất xốp, đất vụn vào, san cho phẳng phiu.

Kể từ đó, năng suất lao động của lớp tăng lên vùn vụt. Chúng tôi hề nhau đi sớm làm sớm, để đôi thời gian chiều nghỉ đi chơi. Có hôm chưa kịp lĩnh khẩu phần bánh mì ăn trưa đã gần xong mức khoán. Cán bộ nghiệm thu công trường đi đo đạc sản lượng không phát hiện ra, còn khen ngợi chúng tôi hết sức nhiệt tình. May đang đầu mùa đông, chỉ vài cơn lác rắc mưa phùn nên thành quả thi đua của lớp vẫn đứng vững vàng suốt tuần lao động, không bị sụt xuống.

Cũng nhờ tuần lao động cộng sản này, nhóm “tứ bất tử” chúng tôi kết thân với bốn cô bạn gái rất xinh nữa. Khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại” như Lê-nin từng kêu gọi, được thực thi ngay trên công trường đào sông Tô Lịch, mặc dù con sông ta đào chưa có nước chảy qua.

*

Bầu không khí khô và thanh sạch ngày chủ nhật đầu đông, rũ bỏ những ám ảnh kỳ thi học kỳ vừa kết thúc. Nhóm chúng tôi mấy đứa rủ nhau đạp xe ra ngoại thành, về quê thành Anh Tuấn chơi.

Bến xe Kim Mã đìu hiu trong buổi sớm. Dãy phố ngồi một tầng mốc thếch còn ngái ngủ, hấp háy mấy ô cửa sáng đèn lẩn sau những cành bàng trụi. Lạnh canh chuông chuyển tàu điện mốc đầy quang thúng hàng rau, thơm phức mùi húng Láng ngược đường. Qua khỏi bến xe một chút đã thấy khung cảnh ngoại ô. Con đường từ Kim Mã ra Cầu Giấy, bên trái là đường tàu điện nhỏ hơi cao, bên phải là hàng xà cừ cổ thụ. Hai bên chỉ thấy xanh thẫm bóng cây vườn, lác đác thêm vài ngôi nhà mái lá. Gió bắc reo từng chập trên những cành cao, nơi những mắt lá đầu tiên đón nắng.

Gió mùa đẩy sau lưng, và mặt trời mùa đông trải dài trên đồng khô đã gặt. Mới vào tuổi thanh niên, sự hấp dẫn giới tính con

trai con gái chớm nở, như một chất men phảng phất trong tình bạn thanh khiết, lúc dội lên đầy hy vọng giữa cuộc đời vui vẻ, lúc thoáng nhẹ chút hồi hộp mơ màng. Khi giăng hàng đạp xe đi bên nhau và sau lưng đeo một cô bạn gái xinh đẹp, thế giới sẽ luôn ngập tràn trong bầu ánh sáng hạnh phúc, bất kể bữa cơm đơn mì hay khẩu phần cá mỗi kho mặn sít chiều qua ăn vội. Tiếng cót két những vòng pê-đan khô dầu trên đường sỏi, nghe như tiếng cặp sanh sữa, vui tươi kéo giòn trong khúc nhạc đồng quê. Nhô lên trên nền những chân ruộng rạ xám, khu văn công Mai Dịch nổi bật với khối nhà vàng chói. Đến đây là đã sắp tới bờ sông Nhuệ, chỗ rẽ vào làng Xuân Phương, đất Canh Diễn quê nó.

Mở cánh cổng tre đón chúng tôi là một cụ già da dẻ đỏ au, râu tóc để dài bạc phơ như tiên ông. Ông cụ chúng tôi đã biết từ lâu, hỏi ông còn ở ngoài phố. Có điều bây giờ ông về quê, lại để râu nuôi tóc nên trông hơi lạ. Thời thế đổi thay, ông bỏ ngôi nhà 24 phố Hàng Rươi, nơi ông làm nghề thợ rèn cho bà và con cái, về quê ở ẩn một mình. Bà ngoại Anh Tuấn to béo, phúc hậu, luôn phục tùng vô điều kiện ông cụ thợ rèn mỗi khi ông đạp xe ra Hà Nội. Mẹ nó làm trong Công ty Kim khí – Hóa chất. Vị trí công tác này đủ để nuôi cả nhà, bởi chỉ cần đảm món đồ phụ tùng xe đạp, mô-tô hay chiếc quạt máy con cóc 35w mua với giá cung cấp, khi tuần ra phố Thuốc Bắc đã ăn chênh gấp mấy lần lương của bà.

Ngôi nhà phố Hàng Rươi này với chúng tôi dần như một cái câu lạc bộ đầy kỷ niệm. Ở đây, chúng tôi tụ tập học nhóm, viết những lá thư nhăng cuội nhét học bản gửi bọn con gái học ca sáng trên chiếc bàn gỗ lim lớn đen nhánh. Vào tối sinh nhật nó hay mấy đứa em Thủy, Tú, Ngân kể dưới, mặt bàn lại bày đủ thứ hoa, bưởi, nến, kẹo... theo một Sài Gòn mới du nhập ra Hà Nội. Đôi khi chúng tôi trải chiếu đệm ngoài vỉa hè, tập đàn sáo, hát hồng bằng chiếc guitar cũ thùng đáy tự đời nào lòi xuống từ trên nóc tủ.



Những “hoạt động ngoại khóa” tuổi mới lớn hấp dẫn này làm mất tập trung, ảnh hưởng đến sức học thấy rõ. Cha tôi không thích thú gì với thói “du đảng”, phản nản với cô giáo chủ nhiệm trong một cuộc họp phụ huynh. Những nhận xét cực đoan của cha tôi khiến mẹ thằng Anh Tuấn giận. Nhưng chẳng hề hấn gì với các thanh niên đường phố. Chúng tôi vẫn cản nhau, cản chia sẻ bạn bè, và kênh giao tiếp xã hội này sinh động, thú vị gấp mấy lần các hoạt động cứng nhắc mà đoàn trường hay các bậc phụ huynh muốn khép vào quy ước.

Hắn lâu không có người về, không có ai nói chuyện nên ông hết sức vui vẻ. Nói chuyện với người già hiểu biết thật dễ chịu, vì mấy đứa nghịch ngợm như bọn tôi không bị tra hỏi kết quả học tập hay đã được vào đoàn chưa. Những câu hỏi mới nghe đã thấy chán ngắt. Mấy đứa con gái cũng không bị hỏi con cái nhà ai, chơi với nhau thế nào. Ông ngắm chúng tôi như ngắm lại tuổi trẻ của mình.

“Học thì cũng phải có lúc đi chơi, có nam có nữ mới nên xuân, các cháu ạ!”. Ông hài lòng khuyên nhủ một câu độ lượng bằng chất giọng vẫn sang sảng như quát anh phó nhỏ ngày nào.

Trước mặt ngôi nhà, qua khoảng sân nhỏ là ruộng lúa nếp đang chín muộ. Ông thợ rèn cây lúa nếp ngay trên đất vườn trống, để dành gói bánh chưng cho Tết Nguyên đán năm nay. Lúa nếp vốn dài thân, hay rạp đổ vì gió đồng những khi sấm hột nặng bông. Khoảnh lúa nếp ở đây được bao kín bởi những lũy tre dày và đất vườn cao đã rút nước nên thân vẫn cứng cáp. Tụi con gái rút bông nếp, dúi vào bếp tro nóng quay tít cho khỏi cháy. Bông lúa bông nở lụp bụ, hương tỏa trong gian bếp ấm cúng.

Mấy đứa chúng tôi đang tuổi vô tư bạn bè, còn một năm nữa mới đến kỳ thi tốt nghiệp nên chẳng vương bận điều gì.

Ngoài kia gió thổi bờ tre, tuốt đi những chiếc lá khô xoắn bay, rắc phủ đầy vườn. Cây bưởi chín cây, trái đu trĩu trĩt sát đất, thắm sắc vàng tươi. Tụi con gái mấy đứa Tuyết, Thu sương rơn, hái mấy trái vào gọt vỏ. Hương bưởi chín quện mùi hương bài lưu cữu quanh gian giữa nơi để ban thờ nhỏ, trầm mặc thơm riêng hương sắc mùa đông. Ông thợ rèn nói như quát, oang oang dạy con Nga cách gọt bưởi:

“Gọt mỏng thôi cháu! Giống bưởi Diễn này cùi mỏng, gọt dày bập múi ngay, là nghe mẹ chồng chửi sớm! Đừng có tham trái to. Trái bưởi nhỏ nhưng tròn, cuống nhỏ, cầm nặng tay mới ngon. Bưởi kén tay bỏ. Đứa nào bỏ khéo, múi mọng nước là đứa đó mau nước mắt, sống giàu tình cảm. Sau này chồng con được nhờ”.

Không biết sau này chồng con Nga có được nhờ không, nhưng nó gọt bưởi khéo lắm. Những múi bưởi Diễn róc vỏ, tinh thơm mọng nước, mát ngọt vị đường phèn. Ông cười khoái trá, ngấm chúng tôi ăn bưởi. Người trồng cây, nấu ăn hay viết sách cũng vậy, có khi thích người khác thưởng thức các món của mình làm ra hơn chính bản thân mình. Ông cụ lò rèn rít một hơi thuốc to, phà ra:

“Cây vườn nó cũng có tình đó các cháu. Có lần tao ở ngoài đó lâu không về, cây cối nó giận, nó rụng lá hàng loạt dù trời vẫn mưa đủ cơn. Về quê ra vườn, xới gốc tía cành chuyện trò với chúng, mấy hôm lại tươi tỉnh mướt xanh ngay. Cái anh bưởi Diễn này lại càng khó tính. Cứ phải có hơi người ở gần, nghiện thuốc lá càng tốt, hoặc trồng ở nơi ẩm hơi khói bếp hàng ngày nó mới ưng. Thế nên phân chuồng bón cho nó cứ phải có đất vách bếp ẩm bỏ hóng cũ, đập nhỏ thêm thật nhiều vào, cây mới ngọt trái”.



Tôi ngạc nhiên với câu chuyện những cây bưởi biết hồn dổi, biết hút thuốc lá của ông, nhưng quả thật hương bưởi Diễn chín rất quyến luyến mùi khói hương trầm. Cứ nghe thoảng mùi hương cổ kính này phảng phất trên phố là người ta đã biết một năm sắp qua, và cái Tết Nguyên đán đang vội đến. Chỉ mỗi cây bưởi thôi mà đời đã lắm chuyện. Đời cây đời người cứ lẫn lộn vào nhau, nhất là trong chuyện của những người già.

Tôi nhớ một vườn bưởi khác, qua câu chuyện kể của ông ngoại. Bà Mười, chị dâu ông tôi, bị quy địa chủ hỏi cái cách ruộng đất dưới quê Thái Bình, mặc dù các con trai bà đã cầm súng tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Xong cuộc đấu tố, bà Mười ốm nặng, nằm bẹp ở nhà. Dân quân du kích toàn người làng cả, đi tuần rầm rập, gác đêm xung quanh ngăn không cho ai tiếp tế.

Bác Phúc lúc này đã đi lấy chồng, phải nấu cơm vất, bọc lá chuối khô từ chiều, đến khuya mới áp sát vườn bưởi sau nhà ném vào cho chị mình. Những người gác đêm nghĩ đó là bưởi rụng đêm tháng chạp nên họ bỏ qua. Bà Mười vờ dậy đi giải, ra vườn nhặt vất cơm mang vào, lên trệu trạo nhai trong bóng tối. Năm đó sâu vẽ bùa nở nhiều nên bưởi rụng trái sớm. Những phiến lá bưởi bị sâu vẽ lên, ngoằn ngoèo nét bùa ma quái màu trắng đục, nom như dạng chữ bình dân học vụ của một anh tá điền mồm môi viết vụng.

Cả ba người con của bà Mười đều hy sinh trong hai cuộc chiến tranh giữ nước. Bác Minh tham gia du kích, bị Pháp khai hỏa trong một trận chống càn. Lĩnh thẳng tây Ba Phay bắn bác đúng dịp giỗ trận làng An Định huyện Thụy Anh, nhằm ngày 18 tháng Giêng năm 1952. Bác Miên ngã xuống sau đó hơn một năm, cũng trên mảnh đất quê hương Thái Bình. Tiếp đến khi nhận tin bác Liễn, người con trai út dính phải trận bom Mỹ, hy

sinh nốt tại binh trạm Hai mãi tận bên Lào, bà Mười gục hẳn không trụ nổi. Bà ra đi trong một ngày trở trời, như trái bưởi đêm âm thầm rụng về vườn cũ. Sau ngày chính phủ sửa sai, nhà nước đã truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng, nhưng bà đã về nơi chín suối.

Tôi không biết con sâu vẽ bùa hình dạng ra sao, vẽ lên lá bưởi tấm bùa phù thủy bằng cách nào, nhưng tôi biết cây bưởi không chỉ giấu hương thơm chia ly thời chiến trận mà còn giấu nhiều những trái oan trong đấy. Có những trái bưởi vàng, da căng bắt mắt vỏ ngoài, nhưng múi bưởi bên trong xác khô, tép đắng ngán ngắt. Những trái bưởi đẹp vỏ như thế bà ngoại tôi thường để bày lên ban thờ.

Tôi ra vườn, tìm ngắt những lá bưởi dính sâu vẽ bùa, bắt ngờ gặp lại những “người bạn” ngày thơ ấu. Trên cành rong tre bờ rào, cái trứng bọ ngựa đang nở. Những nếp vằn ổ trứng tách mở rộng dần, từ đó lũ bọ ngựa non bé xíu như cái đầu tăm lách ra, thả mình xuống khỏi chiếc ổ sơ sinh màu nâu vàng. Chúng treo mình giữa không gian bằng những sợi tơ mảnh. Gió bắc đu đưa đùa cợt, thổi khô đám kiếm sĩ non vẫn đang còn bầy bốt. Những con bám được vào cành tre khô, loay hoay dùng đôi kiếm tự cắt sợi dây treo “bảo hiểm” để thoát ra.

Lấy cọng cỏ dứ dứ, con bọ ngựa vừa nứt mắt đã biết thu kiếm co chân, nhún mình thế thủ. Sự liều mạng hiếu chiến đã có tự bản năng gốc của giống côn trùng ăn thịt, dù đôi cánh mới nhú ra cùn cùn. Hình như chỉ động vật cấp cao, càng tiến hóa mới càng biết sợ hãi. Cũng như con người vậy, càng trải đời càng thấy mình hữu hạn để biết thu mình lại.

*

Sau khi đất nước đã thống nhất, Thủ tướng Phạm Văn Đồng mời rủ các bạn tù cùng khám về thăm lại địa ngục trần gian Côn Đảo, kiểu như các cựu chiến binh bây giờ về thăm chiến trường xưa.

Ông tôi đi chơi Côn Đảo về, hơn hờ khoe chiếc can gỗ gõ đỏ tạc hình đầu rồng. Thủ tướng được chính quyền địa phương tặng, nhưng thấy các bạn tù không có nên bảo họ làm thêm, cho mỗi người một cái. Cái gậy đầu rồng này em Nguyễn Công Nghĩa vẫn còn để cạnh ban thờ. Từ đó tất niên hàng năm, ông Đồng vẫn mời các bạn tù đến họp mặt cho đến khi mất mờ dần.

Ông tôi hơn hờ đi ăn cỗ bạn khao, vẫn đánh cái áo bông xanh vải chéo bạc màu. Bà Trinh vợ ông Cả (ông Nguyễn Lương Bằng) thấy ông tôi từng tiệm quá, mới nhật cho ông tôi những cái áo đại cán ông Cả không dùng đến. Ông Cả người cao nên áo ông tôi mặc hơi dài. Mọi người đòi mang đi sửa nhưng ông tôi nhất quyết không cho, bảo đồ bạn cho có sao mặc vậy.

Ông và bà tôi leo lét ốm lâu, sức già xuống dần dần. Khi bà tôi đi, mọi người bảo nhau giấu không cho ông biết. Mùa đông năm đó rét lắm. Bình cúc vàng mẹ tôi cắm trong lọ đến gần tháng mà vẫn còn tươi không bị hỏng. Đưa bà tôi ra đồng về, ông tôi tỉnh lại, ngồi dậy đòi ăn một quả chuối. Ông tôi ăn xong, liền đi theo bà.

Cậu tôi vốn khắc ông, nhưng khi đó bỗng học lên “*Ồi Ba ơi Mẹ ơi...!*”. Tiếng học đau đớn lắm! Khi liệm, mọi người đuổi cậu tôi ra vì hợp tuổi. Họ mặc cho ông cái áo của ông Cả. Cuối cùng, nhà tư sản sang thế giới bên kia trong tấm áo của một nhà vô sản.

Chiếc áo đại cán ấy bền lắm, khi bốc mộ vẫn còn nguyên, bọc gọn nắm xương bé nhỏ của ông tôi.

•

Dĩ tôi công tác tại cửa hàng sách báo ngoại văn, nay là Công ty Xunhasaba, nên hay có các tập họa báo Liên Xô, Trung Quốc. Trong các tập họa báo đó thế nào cũng có những trang dành cho các bạn đọc nhỏ tuổi. Tôi biết chuyện cuộc đời Lưu Hồ Lan, chuyện em bé dũng cảm câu được cá tầm lớn hơn 200kg trên hồ Động Đình cũng nhờ những trang họa báo này. Tất cả đều được vẽ minh họa bằng những bức tranh tuyệt đẹp.

Lớn lên một chút, đến tuổi thiếu niên, tôi biết đọc *Tam Quốc diễn nghĩa*, *Thủy Hử*... Yêu mến cảm phục uy dũng của Quan Vũ, Triệu Tử Long, Lâm Xung, Võ Tòng... Mê mẩn với những bức tranh quốc họa tinh tế mềm mại đến từng nét dải áo bay, từng ngọn thu phong thổi lạnh giạt bờ lau dài sông Trường Giang trong truyện.

Mọi thứ đều yên ả cho đến khi radio đột ngột đưa tin xung đột biên giới Tây Nam với chính phủ Kh'mer Đỏ, và có tin Trung Quốc quyết định ngừng viện trợ, ủng hộ chính phủ này.

Cả Hà Nội xôn xao thất vọng. Vừa mới hòa bình thống nhất chưa hưởng trọn niềm vui lại đã xảy ra xung đột với láng giềng. Thực ra, sự nghi ngại với Trung Quốc vẫn tồn tại đâu đó trong dân gian, trong các câu chuyện thì thào của người lớn trước đây, bây giờ rộ lên công khai bàn tán ngoài quán nước vỉa hè. Lại thêm chuyện thời sự Liên Xô – Trung Quốc mâu thuẫn to, dẫn đến đánh nhau dọc biên giới hai nước.

Hỏi đi sơ tán, tôi đã biết có những đơn vị công binh Trung Quốc sang đào giúp những đường hầm thật dài, thật kiên cố ở Xuân Hòa, Tam Đảo... và nhiều nơi khác trên miền Bắc nước ta. Tôi đã thực sự được dẫn vào xem các đường hầm rất lớn đang bỏ không này. Cha tôi nói công binh Trung Quốc đào hầm xuyên

đổi núi, không phải để giúp mà là để lấy vàng do cha ông họ xâm lược các đời trước vơ vét của nước Việt. Trong các lần bị đánh đuổi, quan quân thiên triều chạy thót ông đồng, chuyển không kịp nên phải chôn giấu lại.

Cảm thức nghi ngờ của nhân dân không rõ xuất phát từ đâu? Hay nó bắt nguồn từ tiềm thức dân tộc, vốn tích lũy dày sau những thế kỷ đêm trường Bắc thuộc?

Và bây giờ, cảm thức ấy đã trở thành hiện thực với những cuộc chia ly chẳng ai mong đợi. Đã mấy tháng qua, khi quan hệ Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng, xuất hiện những tin đồn ngấm ngấm không rõ từ đâu, thúc giục Hoa kiều trở về cố quốc. Trên phố Hàng Buồm, Mã Mây, Lương Ngọc Quyến... nhiều gia đình người Việt gốc Hoa đã lục tục ra đi bằng đủ mọi con đường. Chẳng ai có thể dùng sức mạnh để phủ máu lên nền độc lập ngàn đời của một dân tộc khác dù rằng bé nhỏ. Không khí ngày càng trở nên bức bối đến sôi sục.

Bác Minh gọi bà ngoại tôi bằng cô ruột, lấy chồng người Hoa ở ngõ Phất Lộc, đột ngột đến nhà buổi giữa trưa. Bác ngồi xuống bên bà tôi, lặng lẽ trên tấm phản.

“Con phải đi bà ạ!”. Bác nói nhỏ, nghẹn ngào đưa tay áo chấm nước mắt. – “Không đi không yên với người ta”.

“Bao giờ cô đi?”. Tiếng bà tôi thảng thốt.

“Mai sớm con đi rồi. Đi trước với cháu Hà cháu Cẩm. Thành Trống thu xếp công việc sẽ đi sau. Con đi lần này xa lắm, đến tận Hồng Kông. Chẳng biết đến khi nào gặp lại nên đến từ biệt bà”.

Dáng xương xương vắt vả, bác ngồi thu lu bên bà tôi bé nhỏ, như con vạc sành lớn đậu cạnh con mèo. Cả hai người trong gian nhà tối, nhìn dỗi ra nắng thu ngoài phố, dăm dút

khóc. Tôi không chịu được nước mắt, định bỏ đi. Bác gọi tôi lại, vừa dặn vừa sụt sịt:

“Chiều mẹ tan trường bảo qua nhà bác. Nhật nhận được cái gì dùng được thì chở về”.

Bác rể tôi người Hoa đã mất, nhưng bác gái cùng các anh chị tôi vẫn phải ra đi. Không thể tưởng tượng được, bây giờ bác và anh chị em tôi lại ở hai đất nước, hai phía đối địch với nhau. Thật may trước khi mất, bác trai có thể đã biết sẽ xảy ra điều này, nên dặn anh Trống không được di cư về Trung Hoa đại lục.

Anh Trống là con trai trưởng, người nhỏ thó nhưng rắn đĩnh và cực kỳ nhanh nhẹn. Từ khi cha mất, anh xoay xở mọi nghề để nuôi sống gia đình. Khi xí nghiệp nhựa Hàm Rồng mới ra sản phẩm bàn chải đánh răng nhựa đầu tiên thì anh đã có cả một cơ sở gia công sản xuất, dầm dúi cung cấp bàn chải răng cho các tiểu thương khắp chợ Đồng Xuân. Đã có lần một mình anh quản thảo trong vòng vây, hạ gục một lúc bốn anh quản lý thị trường to vật giữa chợ khi họ hè nhau xông vào đánh anh không có lý do. Tiểu thương dây hàng nhu yếu phẩm hò reo cổ vũ anh Trống như trên vũ đài. Quyền cước thân pháp uyển chuyển, anh luồn lách tiến lùi giữa bốn ông hộ pháp say đòn. Chỉ nghe những tiếng cước dính thân ức hức, đám chơi đòn hội đồng lát sau lăn đùng ra cả. Anh công an đang há mồm mãi xem trận đấu hấp dẫn, lúc này mới sực nhớ đến việc tuyết còi, chấm dứt trận đấu đả.

Anh tôi bị giam ba ngày trên bốt Hàng Đậu. Ông tôi lên bảo lãnh cho anh về, tuyên bố cấm luôn chuyện anh muốn mượn gác hai nhà tôi để tổ chức mở rộng sản xuất. Làm gì có chuyện một nhà cách mạng vô sản bao che tiếp tay cho đường lối sản xuất tư hữu, mặc dù lương hưu của nhà cách mạng khi ấy chỉ đủ ăn rau suốt tháng, thêm vài lạng thịt cá theo phiếu tem.

Mẹ tôi đi dạy về muộn. Tôi đưa mẹ tôi đến ngõ Phất Lộc chào bác. Chiều mùa thu tối nhanh. Con nắng hanh chói chang ban trưa giờ chỉ còn đọng vàng mật trên ngọn cao cây phổ, vẩy lấp lánh từng mắt lá chia tay một ngày. Cây sữa già cổ thụ trong sân chung ngày xưa, dội vào đêm thu làn hương nồng ngạt qua những khe cửa chớp. Những thứ đậm đặc nồng nàn quá đều gây khó chịu, kể cả đó là một mùi hương hay một tư tưởng cực đoan. Vật đổi sao dời chỉ ngoảnh đi ngoảnh lại trong chớp mắt. Ba năm trước thôi, chẳng ai hình dung nổi sự thật cay đắng này.

Bác đứng trên tấm phản lớn, thận trọng gỡ ảnh chồng trên ban thờ xuống, lau bụi rồi gói ghém kỹ vào trong bọc hành lý. Có những cuộc di cư của người đang sống, lại cũng có những cuộc di cư của người đã khuất. Thuyền theo lái, gái theo chồng. Nay chồng mất, bác phải đi theo con. Bác không còn khóc nữa. Chắc không nên khóc trước các em út hay con cháu, hoặc lúc đó bác đã khóc hết nước mắt rồi. Những ngày Tết, khi bác đến chúc thọ bà, phong bao lì xì của bác cho tôi bao giờ cũng là đậm nhất.

Cây đàn tranh của chị Hà vẫn treo trên góc tường. Mấy năm trước tôi học vẽ, còn chị học đàn tranh ở câu lạc bộ văn hóa Hàng Buồm. Cây đàn có thể chẳng mang đi được, nhưng những nốt liu xang xê cồng... hẳn vẫn còn đó, đang vang trong hồn khúc hát chia ly. Chị em chúng tôi từng cùng học dự thính dưới mái trường Phúc Xá, nơi mẹ tôi dạy. Nay thời thế đổi thay, những người ruột thịt bỗng dưng trở thành người của hai nước bất hòa.

Tôi nhớ mới đây, hồi tháng ba, lũ học trò chúng tôi rủ nhau đi tàu hỏa lên biên giới Lạng Sơn chơi sau khi học bài ca dao:

“Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

*Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bỏ công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò”*

Thị xã miền biên viễn đầy sương. Phố ngói âm dương thâm thấp bên những rặng đào đỏ thắm giữa mùa xuân, mơ màng như cổ tích. Chúng tôi vào động Tam Thanh, trèo lên hang thông thiên trong lòng động, ngó sang ngấm nòng Tô Thị bỗng con, ngấm xuống con phố thưa người, có những mái nhà bé nhỏ như bao diêm xếp quanh chân núi xanh mượt.

Cả một ngày lang thang ngấm phố lợi sông. Vẫn còn thừa thời gian, cả bọn lên tàu đi đến tận cùng ga cuối Đồng Đăng. Các tên phố lạ lòng mới nghe lần đầu: phố Tây Cai, phố Dây Thép... Chợ biên cương mái tranh xám xịt, nép mình dưới rặng núi đá vôi loang lổ rêu xanh cổ kính, như miền xa lắc xa lơ trong Thủy Hử.

Một vài đứa vào chợ, mua những lọ nước hoa xanh thơm phức, những chiếc khăn mu-soa in hoa lạ lẫm. Bên kia rặng núi hang Dơi là đất nước Trung Quốc, vừa gần gũi vừa bí hiểm. Hương bưởi nồng nàn ướp bầu không khí ẩm ướt. Dường như chỉ thiếu mỗi chiếc khăn tay, một anh hàng xóm lên đường và một cuộc chiến tranh là không gian trở nên giống như một bài thơ từng in trong thi tuyển.

Có dự cảm cuộc chiến tranh nào đã len lỏi, khi bác cháu chị em tôi ngậm ngùi chia tay.

*

Tôi sẽ không dùng chữ người Hà Nội gốc, cũng như phố Hà Nội cổ trong câu chuyện này, bởi “gốc” và “cổ” nó mờ mịt

xa xôi quá. Mỗi khoảng gần 150 năm đã gọi rằng gốc người cổ phố e chững chưa đủ. Chữ cũ là đủ cho một lớp người rồi. Ở đây tôi muốn nói đến Người Hà Nội Kẻ Chợ, người của Ba mươi sáu phố Hàng.

Đã có chợ thì phải có hàng. Có hàng họ, kẻ mua người bán mới thành chợ được. Người lên phố Hàng cũng có quê quán như những người nhà quê khác, có điều do đặc thù giao thương buôn bán, họ có nhiều mối quan hệ hơn. Mối quan hệ ruột rà với họ hàng quê gốc, mối làm ăn với vùng nguồn hàng nguyên liệu, mối liên kết giao du với các bạn buôn phở, nguồn mậu dịch tin cậy với các bạn hàng phương xa.

Để có thể sống tốt, trụ được và phát triển trên vùng đất nhộn nhịp trăm người bán vạn người mua, dân phố Hàng phải cùng lúc xử lý êm đẹp tất cả các mối giao lưu trên. Từ đó lâu dần rèn nên một tính cách nhũn nhặn, tinh tế và thường khi nhường nhịn bởi buôn có bạn bán có phường. Những phố Hàng chật chội liền kề cận một sự nhện là chín sự lành. Có lẽ bởi thế Thăng Long muôn đời phi chiến địa. Lũ trẻ con hàng phố dường như cũng thiếu tính cạnh tranh quyết liệt bằng mọi giá như các vùng quê khác.

Bây giờ Hà Nội đã mở rộng, thành thủ đô có diện tích to nhất thế giới. Nhưng đối với dân phố Hàng, Hà Nội ngày càng trở nên bé nhỏ. Chiều trên phố vắng chợt nghe tiếng vĩ cầm, trót ngẩn ngơ ngoái đầu nhìn lại một ô cửa cũ, lỗ vịn tay vào một gốc cây vô tình là đã chạm ngay vào một kỷ niệm xưa, khiến người ta đôi khi mỉm cười một mình xao xuyến.

Kỷ niệm ken dày cô đọng xếp chặt ký ức, tằm tấp dần trải đều trên bước thời gian, như những viên gạch lát vỉa hè hàng phố. Càng chặt hơn nữa khi những lớp người cũ dường như

không chôn nường thân trong không gian văn hóa đô thị mới. Họ co mình lại, chỉ thấy mặt nhau trên Facebook rồi bấm like hay than thở toét cả ngón tay.

Những tâm hồn hoài cổ như bơ vơ tụt hậu trong cái thành phố quê hương tuổi thơ một thời, chẳng biết có bị gì ngoèn ra như cây cầu Long Biên hơn trăm năm tuổi? Nhưng vẫn còn đó hình hài dạng biểu đồ cộng momen cổ điển, biến cây cầu thành một con rồng uyển chuyển khuất lấp mờ ảo. Long kiều trăm năm vẫn nằm vắt mình thiêm thiếp ngủ giữa hai bờ sương sớm. Một kết hợp hài hoà nhuần nhuyễn giữa vững chắc của kết cấu thép với sự bay bổng của lãng mạn, nổi quá khứ với hiện tại. Ở đó, mỗi thanh giằng thép, mỗi nhịp lan can gang đúc đều giống như những sợi đàn căng, đều ngân lên khúc hát Thăng Long Hà Nội trong gió ngàn xưa.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội
Điện thoại: (024) 3851 5380 | Fax: (04) 3851 5381
Email: info@nxblaodong.com.vn
Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam
Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp HCM
Điện thoại: (028) 38390970 | Fax: (028) 39257205

HÀ NỘI, MŨ RƠM VÀ TEM PHIẾU

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỊ THANH HẰNG

Biên tập: BÙI THỊ PHƯƠNG THÚY
Sửa bản in: NGÔ TUYẾT NGÀ
Dựng bìa: AN AN
Trình bày: VŨ LÊ THƯ

In 3.000 cuốn, khổ 15 x 23 cm tại Công ty Cổ phần In và Truyền thông Hợp Phát
Địa chỉ: Xưởng in Cụm Công nghiệp Quốc Oai, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội.
Giấy chấp nhận đăng kí kế hoạch xuất bản số: 2054-2019/CXBIPH/16-95/LĐ
QĐXB số: 1144/QĐ-NXBLĐ do Nhà xuất bản Lao Động cấp ngày 24/07/2019.
ISBN: 978-604-932-434-5
In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

